

Kubota

www.kubota.co.jp

Copyright © 2011–2013 by Kubota Corporation. All rights reserved

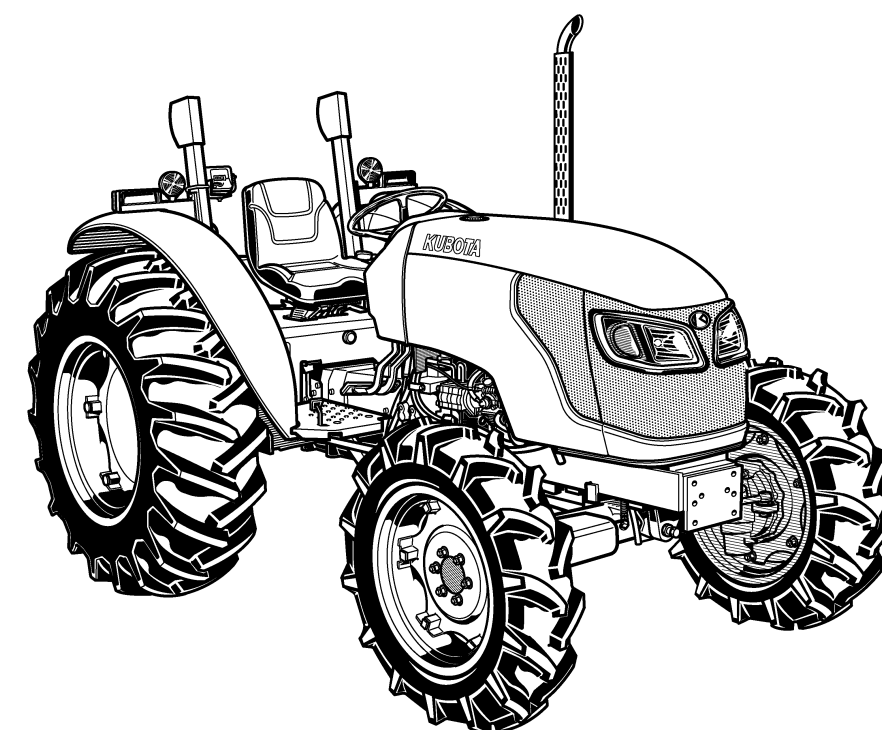
M6040SU

DANH SÁCH MINH HỌA PHỤ TÙNG ILLUSTRATED PARTS LIST

KUBOTA

Kiểu
MODEL M6040SU

BỘ PHẬN TRACTOR



Kubota

97898-25900
"JUL.31,2018"
có thể
MAY 2013
"Update 2018"

CHÚ Ý

- Danh sách các mục phụ tùng này nhằm những mục đích sau.
- 1. Khi phân loại phụ tùng, kiểm tra theo danh sách để xác nhận mã phụ tùng và tên phụ tùng.
 - 2. Khi tiến hành sửa chữa, tham khảo hình minh họa trong danh sách phụ tùng này.
 - 3. Danh sách phụ tùng này có thể thay đổi mà không báo trước.

NOTICE

- This Parts List is for the following purposes.
- 1. When ordering parts, check with this Parts List to confirm the part number and the name of parts.
 - 2. When making repairs, refer to the illustrations in this Parts List.
 - 3. This Parts List is subject to change without notice.

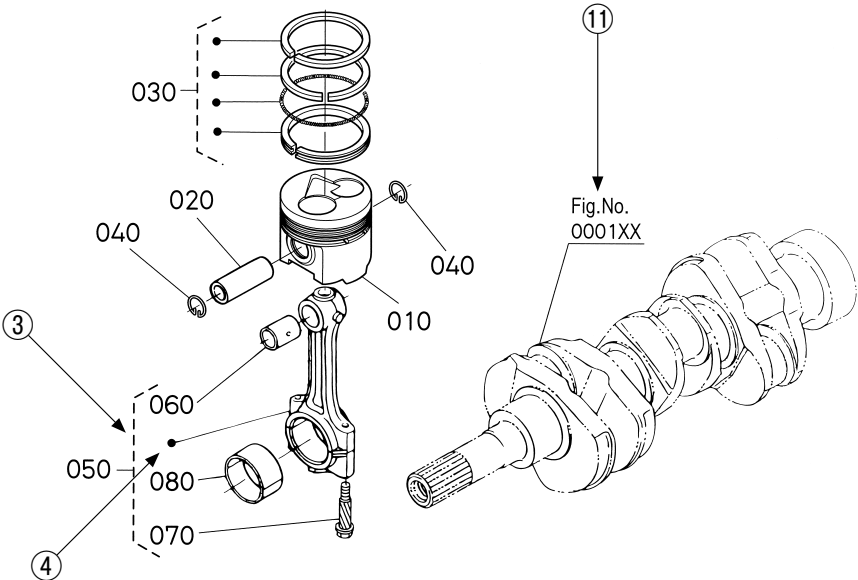
KALPIS.No.		TLK1000151
BLOCK No.	LINE No.	A(1)
01	01 (ENG.)	1G814-10000 V2403-M-DI-TE2-SU1
	02	3C315-02000 M6040DT-SU-VN

CÁC HƯỚNG DẪN
INSTRUCTIONS

①
010200 PÍT-TÔNG VÀ TRỤC KHUỖY
PISTON AND CRANKSHAFT

②
{B}
{B}

⑩ → Số sê-ri ; A: ≤15000, B: 14000 đến 15000
S.No. ; A: ≤15000, B: 14000 to 15000



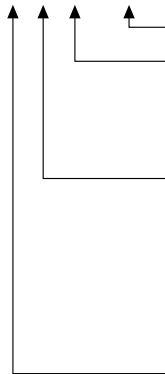
⑤ SỐ THAM KHAO REF. No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	⑥ SỐ LƯỢNG/Số sê-ri Q'TY / S.No.		⑦ I.C. I.C.	⑧ A : x x x x B : x x x x	⑨ LƯU Ý REMARKS
				A	B			
010	15800-0000-0	PÍT-TÔNG	PISTON	≤15000	≤15000			← {Ví dụ – 1} {Example – 1}
010	15800-0000-2	PÍT-TÔNG	PISTON	≥15001	≥15001			
020	15800-1000-0	CHỐT PÍT-TÔNG	PIN, PISTON	≤15000	≤15000			← {Ví dụ – 2} {Example – 2}
020	15800-1000-2	CHỐT PÍT-TÔNG	PIN, PISTON	≥15001	≥15001			
030	15800-2000-0	BỘ BẠC PÍT-TÔNG	ASSY PISTON RING	≤15000	≤15000			← {Ví dụ – 3} {Example – 3}
030	15830-2000-0	BỘ BẠC PÍT-TÔNG	ASSY PISTON RING	≥15001	≥15001			

- ① Số hình Số miêu tả tương ứng với tên của mỗi nhóm
- ② Đặc tính kỹ thuật Loại và đặc điểm riêng của các mẫu cùng kiểu. Chỉ dẫn này cho thấy những trang có (cho các mẫu cùng kiểu) liên quan.
- ③ Thành phần Các thành phần của một bộ phận được nhận biết bởi một dấu ngoặc của các đường chấm gạch.
- ④ Điểm Cho biết các phụ tùng không được bán rời.
Bộ phận này (tham khảo số 050) gồm phụ tùng cần thiết được lắp đặt
- ⑤ SỐ THAM KHẢO - Số tham khảo của các mục phụ tùng trong hình minh họa. Mã số trong hình được nhận ra bằng số tham khảo tương ứng trong danh mục.
- ⑥ Tên mẫu Tên của cột hiển thị tên mẫu phụ tùng đặc trưng. Các thiết bị (phụ tùng) tương ứng khác được trình bày trong phần “CHÚ Ý” ở cột số ⑨.
- ⑦ Số sê-ri Nhóm số sê-ri của phụ tùng ứng dụng riêng.

Số động cơ

8 7 J 0001

8 7 K A001



4 chữ số hoặc chữ cái (từ A đến Z) và chữ số (bắt đầu từ 0001 đến lớn nhất là Z999)

Con số thứ 5 Bảng chữ cái (tháng sản xuất)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	A,B	C,D	E,F	G,H	J,K	L,M	N,P	Q,R	S,T	U,V	W,X	Y,Z

Con số thứ 6 Chữ cái hoặc số (năm sản xuất).

Năm	1998	1999	2000	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11
	W	X	Y	1	2	3	4	5	6	7	8	9	A	B
Năm	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	C	D	E	F	G	H	J	K	L	M	N	P	R	S

Con số thứ 7 Chữ cái hoặc số (Xác định dòng factory).

Xác định	1	2	3	4	5	6	7	8	A	B
----------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

- ⑧ I. C. Chỉ ra đặc tính có thể hoán đổi của loại phụ tùng.
(đặc tính có thể hoán đổi)
Ví dụ-1 ← chỉ mục phụ tùng mới có thể thay thế, nhưng không được sử dụng ngược lại.
15800-0000-0 có thể áp dụng được từ số sê-ri đầu tiên đến số 15000.
15800-0000-2 có thể áp dụng được từ số sê-ri đầu tiên và cao hơn.
Ví dụ-2 ≠ cho thấy các phụ tùng mới và cũ không thể hoán đổi được.
15800-1000-0 có thể áp dụng được từ số sê-ri đầu tiên đến số 15000.
15800-1000-2 có thể áp dụng được đến số sê-ri 15001 và cao hơn.
Ví dụ-3 ↔ cho thấy phụ tùng mới và cũ có thể hoán đổi được. Cả số 15800-2000-0 và 15830-2000-0 có thể áp dụng được từ số sê-ri đầu tiên và cao hơn.
- ⑨ CHÚ Ý 1 Cột này ghi các tên kiểu phụ tùng khác có thể áp dụng được và các hạng mục đặc biệt khác. Các biểu tượng và các chữ viết tắt sau được dùng trong tài liệu này.
29* 12.00-15 ... Kích cỡ lốp xe m² ... Mét vuông mm² ... Milimét vuông
m³ ... Mét khối mm³ ... Milimét khối D ... Đường kính L ... Chiều dài
W/G No. ... Tổng cộng số hàng hóa.
OLD ... CU NEW ... MỚI Standard(STD) ... Tiêu chuẩn SET ... NHÓM
T ... Số gear răng
SUITABILITY ... Chọn ACCESSORIES ... CÁC PHỤ TÙNG PHỤ KIỆN
OPTION ... TÙY CHỌN

- ⑩ CHÚ Ý 2 Diễn đạt sau đây được dùng trong mục LƯU Ý cho mỗi nhóm.
Số sê-ri của máy được trình bày như sau.
≤15000 Số sê-ri thấp hơn 15000.
≥15001 Số sê-ri lớn hơn 15001.
14000 đến 15000 Số sê-ri từ 14000 đến 15000.
Ở một vài kiểu, các diễn đạt bên trên cũng có thể được dùng ở cột CHÚ Ý 1 ⑨.
- ⑪ Số hình Chỉ ra số hình của phụ tùng được trình bày trong những hiển thị tương ứng.
(các hình thực) Hình có số XX nghĩa là có hai hoặc nhiều hình hơn phụ thuộc vào các mẫu cùng kiểu hoặc lô sản xuất.

- ① Fig. No. Represents No. corresponding to each group name.
- ② Specifications The types and destinations of sister models are indicated. These indications are given to (for sister models) tell their relevant pages in this book.
- ③ Components The components of an assembly are identified by a bracket of dotted lines.
- ④ Point Indicates that the parts is not sold independently.
The assembly (Ref.No.050) containing the part needs to be ordered.
- ⑤ REF. No. Reference numbers are assigned to parts in the illustration. The code number of a part in the illustration can be identified by referring to the same reference number in the parts list.
- ⑥ Model name The name of the basic model is indicated in this column. Other applicable models are indicated on the "REMARKS" column ⑨.
- ⑦ S. No. Indicates a group of serial numbers to which a design change is applied.
(serial No.)

Engine Serial No.

8 7 J 0001

8 7 K A001

↑ ↑ ↑ ↑ Lower 4 digits in Numerals or Alphabetical letter (A to Z) and Numerals (start 0001 to max Z999).

5th digit Alphabetical letter (Month of manufacture).

Month	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	A,B	C,D	E,F	G,H	J,K	L,M	N,P	Q,R	S,T	U,V	W,X	Y,Z

6th digit Numerals or Alphabetical letter (Year of manufacture).

Year	1998	1999	2000	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11
	W	X	Y	1	2	3	4	5	6	7	8	9	A	B
Year	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	C	D	E	F	G	H	J	K	L	M	N	P	R	S

7th digit Numerals or Alphabetical letter (The factory line identifying).

Identifying	1	2	3	4	5	6	7	8	A	B
-------------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

- ⑧ I. C. Indicates the interchangeability of parts due to design change.
(interchangeability)
- Example-1 ← indicates that a new part can replace an old part, but not vice versa.
15800-0000-0 is applicable to the first serial number to S. No. 15000.
15800-0000-2 is applicable to the first serial number and above.
- Example-2 ≠ indicates that the new and old parts are not interchangeable.
15800-1000-0 is applicable to the first serial number to S. No. 15000.
15800-1000-2 is applicable to S. No. 15001 and above.
- Example-3 ↔ indicates that the new and old parts are interchangeable. Both 15800-2000-0 and 15830-2000-0 are applicable to the first serial number and above.
- ⑨ REMARKS 1 In this column, enter other applicable model names, dimensions and other special items.
The following symbols and abbreviations are used throughout this book.
29*12.00-15 ... Tire size sq.m ... m² sq.mm ... mm²
cu.m ... m³ cu.mm ... mm³ D ... Diameter L ... Length
W/G No. ... Whole goods number.
STD ... Standard SET ... Set sale T ... Teeth
OLD ... Old parts, old shapes or old models
NEW ... New parts, new shapes or new models

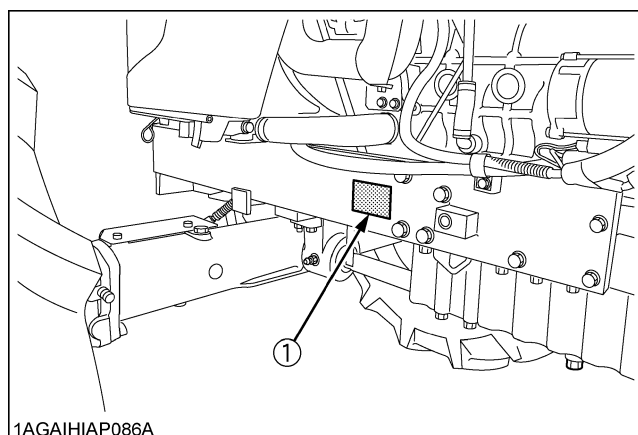
- ⑩ REMARKS 2 The following expressions are used in NOTE for each group.
Machines' serial numbers are indicated as follows.
<=15000 Serial number below 15000.
>=15001 Serial number above 15001.
14000 to 15000 Serial number 14000 to 15000.
For some models, the above expressions may also be used REMARKS 1 ⑨.
- ⑪ Fig. No. Indicates the numbers of figures for the parts that are shown in virtual images.
(virtual images) A figure numbers with XX means that there are two or more figures depending on the sister models or the production lots.

SỐ XÊ-RI

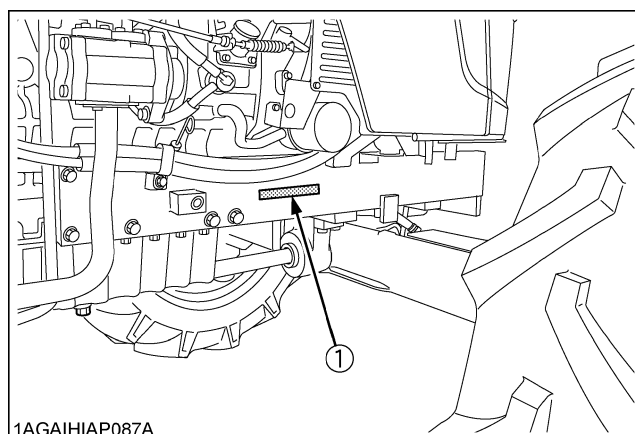
Tên mẫu, số máy và số động cơ của sản phẩm này được miêu tả trong các vị trí tương ứng như trình bày ở dưới đây. Chú ý rằng các vị trí của chúng có thể khác nhau tùy vào đặc tính kỹ thuật.

Kiểm tra các đặc tính kỹ thuật của sản phẩm.

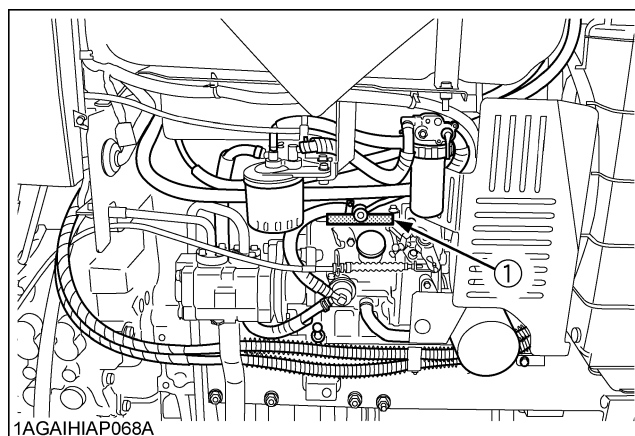
	Loại	Số Seri
Máy Kéo		
Động cơ		
Ngày Mua		
Tên Đại Lý		
(Do người mua điền vào)		



(1) Biển nhận dạng máy kéo



(1) Số seri máy kéo



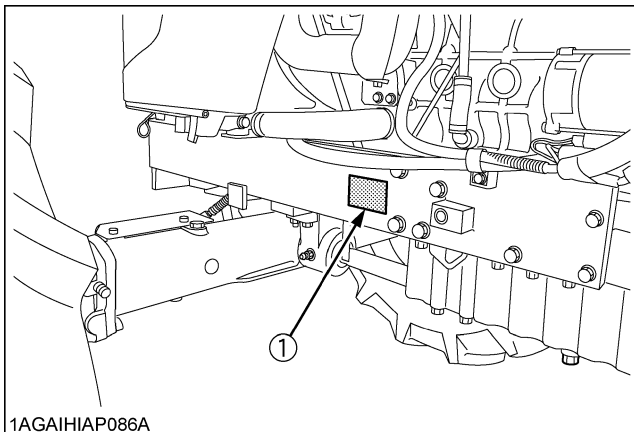
(1) Số seri động cơ

SERIAL NUMBER

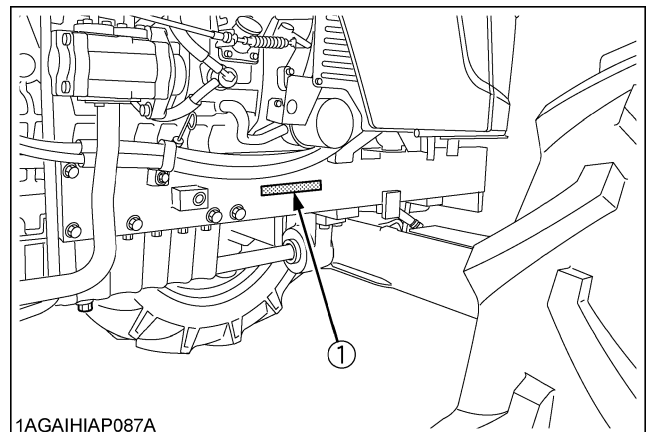
The model name, machine number and engine number of this product are described in their respective positions, as shown below. Note that their positions may be different depending on the specifications.

Check the specifications of the product.

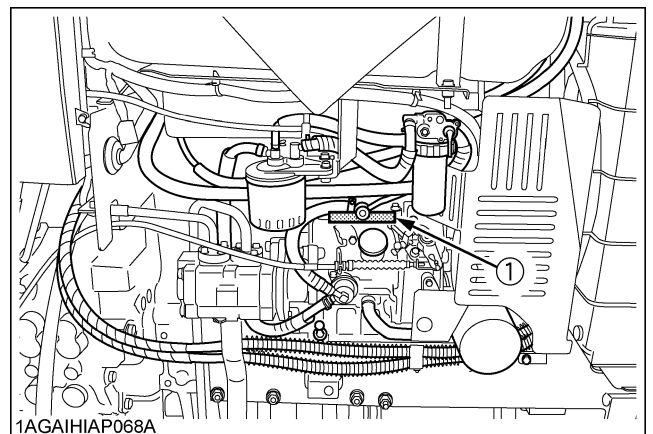
	Type	Serial No.
Tractor		
Engine		
Date of Purchase		
Name of Dealer		
(To be filled in by purchaser)		



(1) Tractor identification plate



(1) Tractor serial number



(1) Engine serial number

NỘI DUNG

[V2403-M-DI-TE2-SU1]

300000	CÁCTE	1
301000	BỂ DẦU	2
302000	NẮP XILANH	3
303000	ỐNG, NÁP VÀ ỚNG, XẢ	4
304000	TRỤC, CẦN ĐẨY	5
305000	NẮP ĐẦU	6
308000	HỘP SỐ	7
311000	PÍT-TÔNG VÀ TAY QUAY	9
311500	THÂN Ớ TRỤC CHÍNH	11
312000	TRỤC CAM VÀ TRỤC BÁNH RĂNG KHÔNG TẢI	12
313000	BỘ ĐIỀU CHỈNH CÂN BẰNG	13
315000	BÁNH ĐÀ	14
316000	CẦN TẮT ĐỘNG CƠ	15
317000	ĐĨA ĐIỀU KHIỂN TỐC ĐỘ	16
321000	BƠM PHUN	17
322000	NHIÊN LIỆU TRỤC CAM	18
323000	BỘ ĐIỀU CHỈNH	19
340000	GIÁ ĐỠ VỎI PHUN VÀ BUGI SẤY NÓNG	20
360000	MẶT BÍCH NƯỚC VÀ BỘ ĐIỀU NHIỆT	21
361000	MÁY BƠM NƯỚC	22
371000	ỚNG NÁP	23
372000	ỚNG XẢ	24
372600	BỘ PHẬN NÉN TURBO	25
373000	BỘ LỌC KHÍ	26
373500	KHÍ MÁY GIẶT[NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH]	27
374500	ỚNG,CỬA HÚT VÀO	28
375000	ỚNG BƠ	29
380000	ỚNG DẪN DẦU (BỘ PHẬN NÉN TURBO)	30
391000	BỘ GIOĂNG PHÍA TRÊN	31
392000	BỘ GIOĂNG PHÍA DƯỚI	32

[M6040SU]

A01000	CẦN GẠT TAY GA	33
A03000	BẢN ĐẠP	34
A09000	ỚNG THÔNG HƠI	35
A11000	BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU	36
A11500	BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU	37
A14000	BỘ LỌC NHIÊN LIỆU	38
A15100	TẮM CÁCH ĐIỆN VÀ ỚNG DẪN NHIÊN LIỆU	39
A16100	CỬA BỘ TÁCH [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH]	40
A18000	CỬA BỘ LỌC NHIÊN LIỆU	
	[NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH]	41
A41000	QUẠT	42
A42000	ỚNG NƯỚC	43
A43000	BỘ TẢN NHIỆT	44
A45000	BÌNH XĂNG PHỤ	45
A54000	MÁY GIAO ĐIỆN	46
A55000	CỬA MÁY GIAO ĐIỆN	
	[NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH]	47
A56000	BỘ PHẬN KHỞI ĐỘNG	48

A57000	CỬA BỘ PHẬN KHỞI ĐỘNG	
	[NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH]	49
A58000	ẮC QUY	50
B01000	CÔNG TẮC/BỘ CẢM ỨNG,	51
B01500	CÔNG TẮC/ BIẾN,ĐO NHIÊN LIỆU	52
B10500	CÔNG TẮC	53
B13000	RO-LE,BỘ KHỞI ĐỘNG	54
B14000	BẢNG ĐIỆN	55
B32000	ĐÈN TRƯỚC[LINH KIỆN]	56
B32100	ĐÈN PHA	57
B33500	RỜI,NGUY HIỂM/BỘ ĐÈN	58
B51000	ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN (TRƯỚC)	59
B51500	ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN (SAU)	60
C11000	HỘP LI HỘP	61
C11500	GIÁ ĐỠ,VÒNG BỊ	62
C14000	HỘP TRUYỀN ĐỘNG	63
C15000	HỘP TRUYỀN ĐỘNG/NẮP, SAU	64
C17000	TRỤC XE	65
C18000	HỘP	66
C21000	KHỚP LY HỘP	67
C23000	CẦN LI HỘP	68
C24000	BẢN ĐẠP LI HỘP (CHÂN CÔN)	69
D21500	BÁNH RĂNG,CHÍNH	70
D22500	TRỤC	71
D22700	TRỤC	72
D23500	TRỤC	73
D26000	RĂNG NÓN, DÂY	74
D26200	BỘ VI SAI SAU	75
D26500	TRỤC	76
D26600	LY HỘP PTO	77
D26700	LY HỘP PTO [LINH KIỆN]	78
D26800	LY HỘP PTO VAN	79
D27500	TRỤC PTO	80
D35500	TRỤC	81
D41000	CHẠC GẠT SỐ CHÍNH	82
D44500	CẦN SANG SỐ	83
D47000	CHẠC GẠT KHÓA BỘ VI SAI	84
F11000	CẦN SANG SỐ CHÍNH	85
F13600	CẦN GẠT,CẦN GẠT SỐ	86
F14500	CẦN GẠT,TAY GA PTO	88
F15300	CẦN LÁI BÁNH XE TRƯỚC	89
F18000	ĐẠP KHÓA VI SAI	90
F20100	TRỤC SAU PHẢI	91
F20200	TRỤC SAU TRÁI	92
F20600	PHANH PHẢI	93
F20700	PHANH TRÁI	94
F21100	PHANH TAY (BẢN ĐẠP PHANH)	95
F21200	PHANH TAY (PHANH CAM)	96
F23500	BẢN ĐẠP PHANH	97
G10500	KHUNG CẦU TRƯỚC	98

NỘI DUNG

G11000	ĐỖ RỜI,TRƯỚC	99	R11000	BÁNH XE TRƯỚC(9.5-22)	148
G14000	TRỤC TRUYỀN ĐỘNG	100	R12001	BÁNH SAU (16.9-28)	150
G15000	HỘP,VI SAI	101	R12002	BÁNH SAU (12.4-32)	152
G16000	BÁNH RĂNG TRUYỀN ĐỘNG NÓN (TRƯỚC)	102	S12000	NHÂN (TRƯỚC)	154
G17000	HỘP,VI SAI	103	S13000	NHÂN (SAU)	155
G22500	HỘP BỘ VI SAI TRƯỚC	104	T11000	THIẾT BỊ PHỤ TÙNG	156
G23000	TRỤC BÁNH RĂNG VI SAI	105	■	SỐ THỨ TỰ DANH MỤC	157
G24000	TRỤC BÁNH XE TRƯỚC	106			
H11000	TAY NẮM HỆ THỐNG LÁI	107			
H14000	ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG LÁI	108			
H15000	ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG LÁI [LINH KIỆN]	109			
H16000	THANH NÓI/XI LANH HỆ THỐNG LÁI	110			
H16500	XI LANH HỆ THỐNG LÁI [LINH KIỆN]	111			
J13000	BƠM THỦY LỰC	112			
J13500	CỦA BƠM THỦY LỰC				
	[NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH]	113			
J21000	ỐNG THỦY LỰC (HÚT)	114			
J22000	ỐNG CẤP NƯỚC	115			
J27500	ỐNG DẪN DẦU	116			
J28000	ỐNG DẪN DẦU	117			
J31000	XI LANH THỦY LỰC	118			
J31500	XI LANH THỦY LỰC	119			
J32000	XI LANH THỦY LỰC	120			
J35500	VAN ĐIỀU KHIỂN	121			
J37800	CẦN ĐIỀU CHỈNH VỊ TRÍ	122			
J39000	VAN ĐIỀU KHIỂN	123			
J39200	CẦN LIÊN HỆ NGƯỢC	124			
J44500	VAN ĐIỀU KHIỂN	125			
J45500	CẦN ĐIỀU CHỈNH VỊ TRÍ	126			
K10500	GIÁ ĐỖ LIÊN KẾT ĐỈNH	127			
K11000	LIÊN KẾT ĐỈNH	128			
K12500	KẾT NỐI PHÍA DƯỚI	129			
K14000	THANH TRUYỀN NÂNG	130			
K14300	THANH TRUYỀN,NÂNG TRÁI	131			
L11000	ĐÒN KÉO	132			
L17000	TẮM BẢO VỆ	133			
M11000	LƯỚI TÀN NHIỆT TRƯỚC	134			
M12000	NẮP PHÍA TRÊN	135			
M12100	NẮP PHÍA TRÊN / CAO SU NẮP CAPÔ TRÊN	136			
M12300	NẮP PHÍA TRÊN / BỘ GIẢM CHẤN, KHÍ	137			
M12400	GIÁ ĐỖ	138			
M12700	BAO CẠNH	139			
M14000	GIÁ ĐỖ,NẮP CA-PÔ SAU	140			
M15500	NẮP ĐẠY SAU (MUI)	141			
M22000	BỘ GIẢM CHẤN	142			
M22300	TẮM BỌC SÀN	143			
M23300	BƯỚC	144			
M23400	BƯỚC	145			
M23500	ĐỀ	146			
M31000	KHUNG,BỘ GIẢM CHẤN	147			

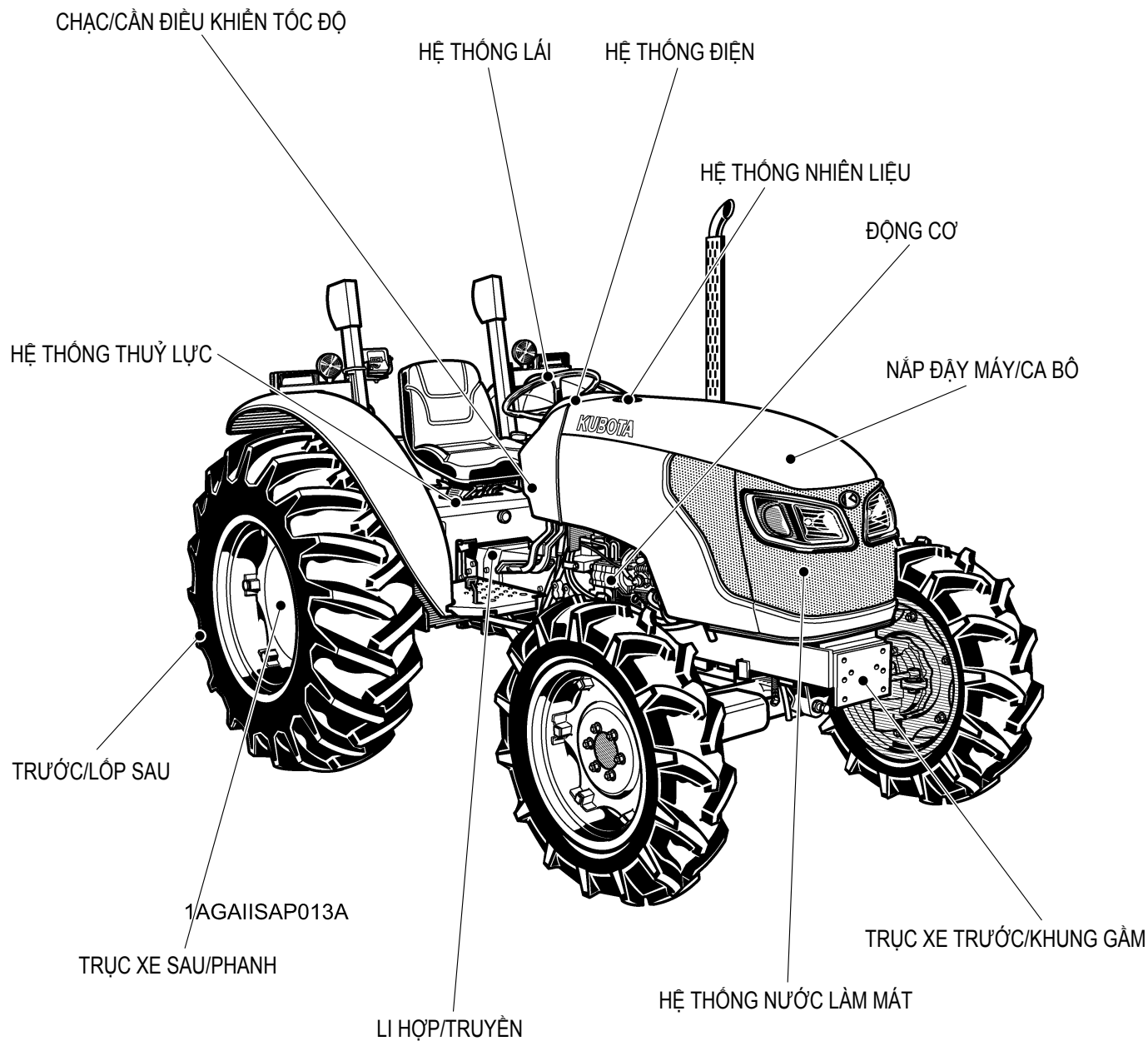
CONTENTS

[V2403-M-DI-TE2-SU1]		B01000	SWITCH/SENSOR(ENGINE).....	51
300000	CRANK CASE	B01500	SWITCH/FUEL UNIT	52
301000	OIL PAN	B10500	SWITCH (PANEL BOARD)	53
302000	CYLINDER HEAD	B13000	RELAY	54
303000	INLET VALVE AND EXHAUST VALVE	B14000	PANEL BOARD	55
304000	ROCKER ARM SHAFT	B32000	HEAD LIGHT	56
305000	HEAD COVER	B32100	HEAD LIGHT [COMPONENT PARTS].....	57
308000	GEAR CASE	B33500	HAZARD LIGHT/TAIL LIGHT	58
311000	PISTON AND CRANKSHAFT	B51000	ELECTRICAL WIRING (FRONT)	59
311500	MAIN BEARING CASE	B51500	ELECTRICAL WIRING (REAR)	60
312000	CAMSHAFT AND IDLE GEAR SHAFT	C11000	CLUTCH HOUSING	61
313000	BALANCER	C11500	BEARING HOLDER	62
315000	FLYWHEEL	C14000	TRANSMISSION CASE	63
316000	ENGINE STOP LEVER	C15000	TRANSMISSION CASE REAR COVER	64
317000	SPEED CONTROL PLATE	C17000	REAR AXLE CASE	65
321000	INJECTION PUMP	C18000	FRONT DRIVE CASE	66
322000	FUEL CAMSHAFT.....	C21000	CLUTCH	67
323000	GOVERNOR	C23000	CLUTCH RELEASE FORK	68
340000	NOZZLE HOLDER AND GLOW PLUG	C24000	CLUTCH PEDAL	69
360000	WATER FLANGE AND THERMOSTAT	D21500	INPUT SHAFT	70
361000	WATER PUMP	D22500	FIRST SHAFT	71
371000	INLET MANIFOLD.....	D22700	SECOND SHAFT	72
372000	EXHAUST MANIFOLD	D23500	THIRD SHAFT	73
372600	TURBO CHARGER	D26000	BEVEL GEAR	74
373000	AIR CLEANER	D26200	DIFFERENTIAL REAR	75
373500	AIR CLEANER [COMPONENT PARTS]	D26500	PTO PROPELLER SHAFT	76
374500	INLET PIPE	D26600	PTO CLUTCH	77
375000	MUFFLER	D26700	PTO CLUTCH [COMPONENT PARTS]	78
380000	OIL PIPE (TURBO CHARGER)	D26800	PTO CLUTCH VALVE	79
391000	UPPER GASKET KIT	D27500	PTO SHAFT	80
392000	LOWER GASKET KIT	D35500	FRONT PROPELLER SHAFT (REAR)	81
[M6040SU]		D41000	MAIN GEAR SHIFT FORK	82
A01000	HAND ACCELERATOR LEVER	D44500	RANGE AND CREEP GEAR SHIFT FORK	83
A03000	ACCELERATOR PEDAL	D47000	REAR DIFFERENTIAL LOCK SHIFT FORK	84
A09000	SOLENOID BREATHER TUBE	F11000	MAIN GEAR SHIFT LEVER	85
A11000	FUEL TANK	F13600	RANGE AND CREEP GEAR SHIFT LEVER	86
A11500	FUEL TANK BRACKET	F14500	PTO CLUTCH LEVER	88
A14000	FUEL FILTER AND PIPE	F15300	FRONT WHEEL DRIVE LEVER	89
A15100	SEPARATOR AND FUEL PIPE	F18000	REAR DIFFERENTIAL LOCK PEDAL	90
A16100	SEPARATOR [COMPONENT PARTS]	F20100	REAR AXLE RH	91
A18000	FUEL FILTER [COMPONENT PARTS]	F20200	REAR AXLE LH	92
A41000	FAN	F20600	BRAKE RH	93
A42000	WATER PIPE	F20700	BRAKE LH	94
A43000	RADIATOR	F21100	BRAKE ROD (BRAKE PEDAL)	95
A45000	RESERVE TANK	F21200	BRAKE ROD (BRAKE CAM)	96
A54000	ALTERNATOR	F23500	BRAKE PEDAL	97
A55000	ALTERNATOR [COMPONENT PARTS]	G10500	FRONT AXLE FRAME	98
A56000	STARTER	G11000	FRONT AXLE BRACKET	99
A57000	STARTER [COMPONENT PARTS]			
A58000	BATTERY			

CONTENTS

G14000	FRONT PROPELLER SHAFT.....	100	M23500	SEAT	146
G15000	FRONT DIFFERENTIAL CASE.....	101	M31000	ROPS	147
G16000	BEVEL GEAR (FRONT).....	102	R11000	FRONT WHEEL (9.5-22).....	148
G17000	DIFFERENTIAL FRONT.....	103	R12001	REAR WHEEL (16.9-28).....	150
G22500	FRONT AXLE CASE	104	R12002	REAR WHEEL (12.4-32).....	152
G23000	DIFFERENTIAL GEAR SHAFT	105	S12000	LABEL 1 (FRONT)	154
G24000	FRONT AXLE	106	S13000	LABEL 2 (REAR).....	155
H11000	STEERING HANDLE	107	T11000	ACCESSORIES AND SERVICE PARTS	156
H14000	STEERING CONTROLLER	108	■	NUMERICAL INDEX	157
H15000	STEERING CONTROLLER [COMPONENT PARTS].....	109			
H16000	TIE ROD/STEERING CYLINDER	110			
H16500	STEERING CYLINDER [COMPONENT PARTS].....	111			
J13000	HYDRAULIC PUMP	112			
J13500	HYDRAULIC PUMP [COMPONENT PARTS].....	113			
J21000	HYDRAULIC PIPE (SUCTION).....	114			
J22000	HYDRAULIC PIPE (DELIVERY)	115			
J27500	HYDRAULIC OIL LINE (STEERING/PTO)...	116			
J28000	STEERING HOSE (DELIVERY).....	117			
J31000	HYDRAULIC CYLINDER	118			
J31500	HYDRAULIC LIFT ARM	119			
J32000	HYDRAULIC CYLINDER COVER.....	120			
J35500	CONTROL VALVE	121			
J37800	POSITION CONTROL LEVER.....	122			
J39000	POSITION CONTROL SHAFT.....	123			
J39200	FEED BACK LEVER	124			
J44500	AUXILIARY CONTROL VALVE.....	125			
J45500	AUXILIARY CONTROL VALVE LEVER.....	126			
K10500	TOP LINK BRACKET	127			
K11000	TOP LINK	128			
K12500	LOWER LINK	129			
K14000	LIFT ROD RH.....	130			
K14300	LIFT ROD LH	131			
L11000	SWINGING DRAWBAR.....	132			
L17000	PTO SHAFT PROTECTOR.....	133			
M11000	FRONT GRILLE	134			
M12000	HOOD(BONNET) UPPER.....	135			
M12100	HOOD(BONNET) UPPER(SOUND ABSORBER/INSULATOR).....	136			
M12300	HOOD(BONNET) DAMPER	137			
M12400	BONNET LOCK.....	138			
M12700	HOOD(BONNET) SIDE COVER	139			
M14000	BONNET SUPPORT	140			
M15500	HOOD(BONNET) REAR	141			
M22000	FENDER.....	142			
M22300	FLOOR SHEET	143			
M23300	STEP	144			
M23400	AUXILIARY STEP	145			

MỤC LỤC

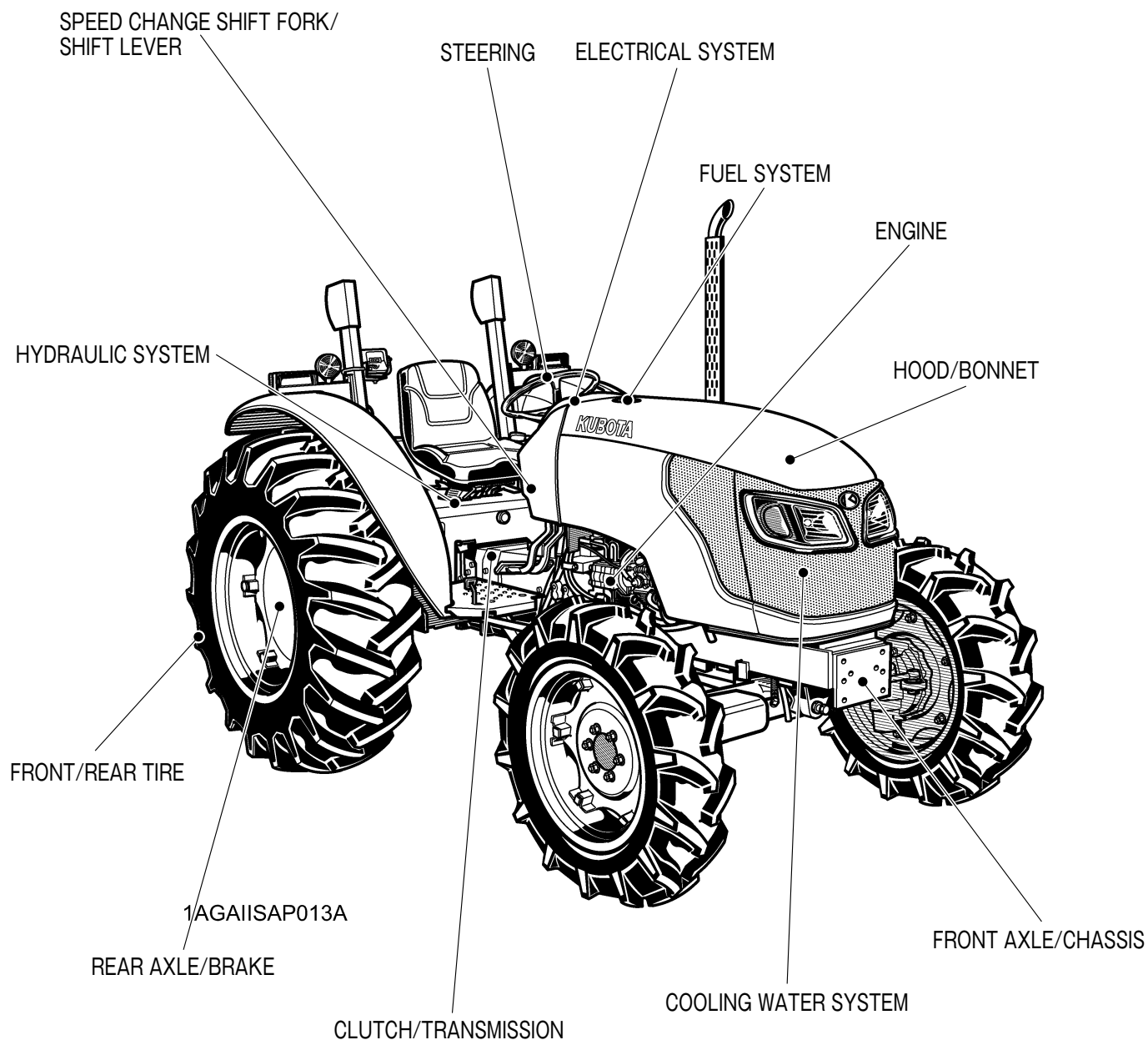


KẾT NỐI 3 ĐIỂM/ĐÒN KÉO/MÓC KÉO

NHẪN

LINH PHỤ KIỆN

SECTION CONTENTS



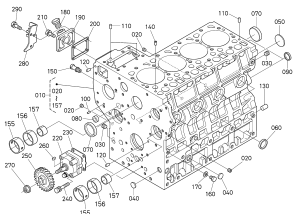
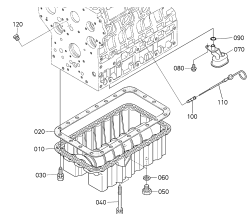
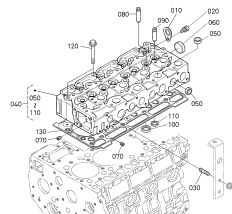
3-POINT LINKAGE/DRAWBAR/HITCH

LABELS

ACCESSORIES AND SERVICE PARTS

[Làm thế nào để đọc được các mục bằng hình minh họa]

Ví dụ minh họa

ĐỘNG CƠ ← BƯỚC1			
Fig.No. 000100 CÁC-TE (NẮP ĐẬY DƯỚI TRỤC KHUYỬ VÀ CHỨA NHỚT) 	Fig.No. 000200 MÁNG DẦU 	Fig.No. 000300 NẮP MÁY ĐẦU XY-LANH 	← BƯỚC2 ← BƯỚC3 ← BƯỚC4
Fig.No. 000500 NẮP ĐẬY TRÊN CÒ MỎ	Fig.No. 010000 RẾ (VỎ) BẠC ĐẠN CHÍNH	Fig.No. 010100 TRỤC KHUYỬ VÀ TRỤC TRUNG GIAN	Fig.No. 010200 PÍT-TÔNG VÀ TRỤC KHUYỬ

BƯỚC1: Cột này cho thấy mục được liệt kê trong phần MỤC LỤC.

BƯỚC2: Cho thấy số hình có trong tài liệu

(Hình số 000300)

BƯỚC3: Tên nhóm trong tài liệu

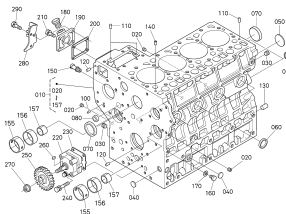
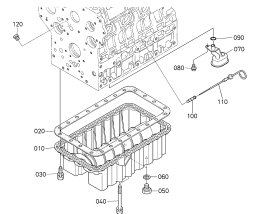
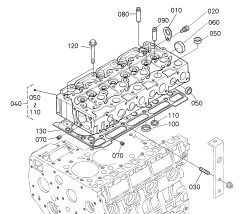
BƯỚC4: Hình minh họa của nhóm trong tài liệu.

Làm thế nào để tìm kiếm:

Xem phần MỤC LỤC để chọn hạng mục mà bạn đang cần tìm. Ở BƯỚC1, tìm hạng mục tương tự. Ở BƯỚC4, tìm mục phụ tùng mà bạn đang cần. Ở BƯỚC2 và BƯỚC3, tham khảo trong trang của nhóm và chọn tìm mã số phụ tùng.

[How to read contents with illustrations]

Illustration example

ENGINE ← STEP1			
Fig.No. 000100 CRANKCASE 	Fig.No. 000200 OIL PAN 	Fig.No. 000300 CYLINDER HEAD 	← STEP2 ← STEP3 ← STEP4
Fig.No. 000500 HEAD COVER	Fig.No. 010000 MAIN BEARING CASE	Fig.No. 010100 CAMSHAFT AND IDLE GEAR SHAFT	Fig.No. 010200 PISTON AND CRANKSHAFT

STEP1: This indicates the items listed in SECTION CONTENTS.

STEP2: These indicate the figure number given in the text.

(Fig. No...000300)

STEP3: This indicates the group name in the text.

STEP4: This indicates the illustrations of the group in the text.

How to retrieve:

Look at SECTION CONTENTS to select an item you are looking for. In STEP1, find the same item. In STEP4, find the part you are searching. In STEP2 and STEP3, refer to the page of the group and retrieve the part number.

ĐỘNG CƠ ENGINE

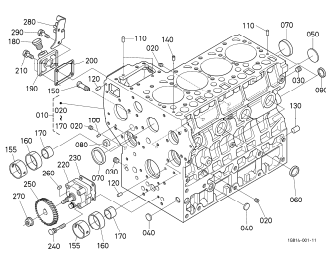
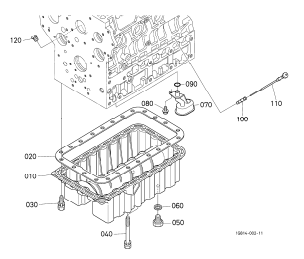
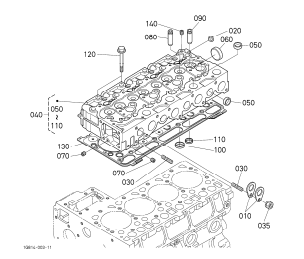
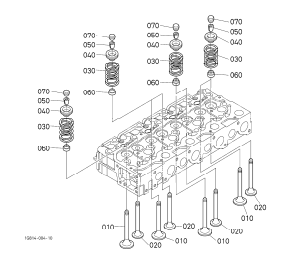
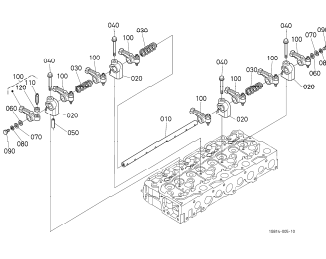
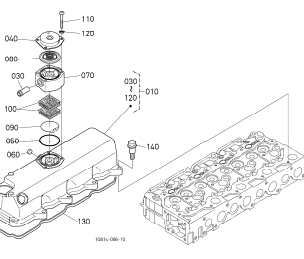
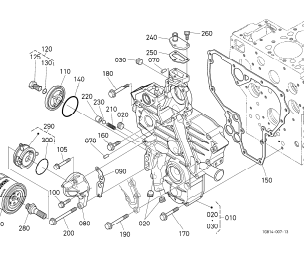
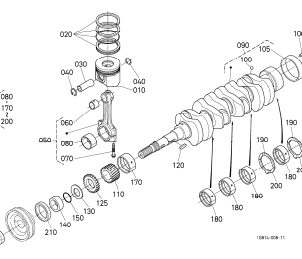
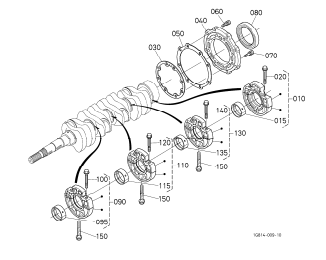
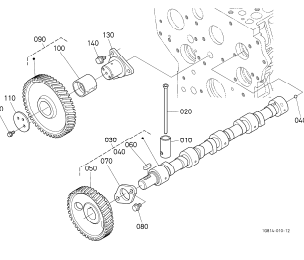
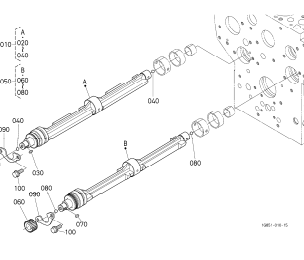
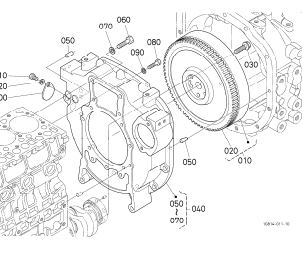
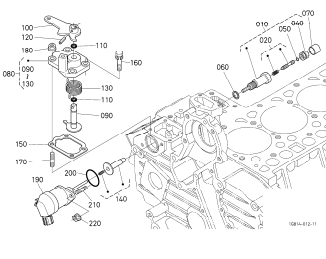
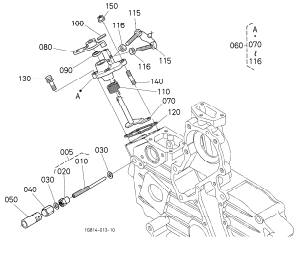
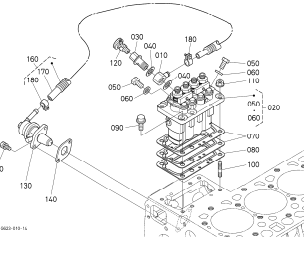
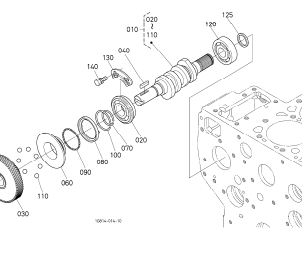
Fig.No. 300000 CÁCTE CRANK CASE 	Fig.No. 301000 BỂ DẦU OIL PAN 	Fig.No. 302000 NẮP XILANH CYLINDER HEAD 	Fig.No. 303000 ỐNG, NẠP VÀ ỐNG, XẢ INLET VALVE AND EXHAUST VALVE 
Fig.No. 304000 TRỤC, CẦN ĐẨY ROCKER ARM SHAFT 	Fig.No. 305000 NẮP ĐẦU HEAD COVER 	Fig.No. 308000 HỘP SỐ GEAR CASE 	Fig.No. 311000 PÍT-TÔNG VÀ TAY QUAY PISTON AND CRANKSHAFT 
Fig.No. 311500 THÂN Ồ TRỤC CHÍNH MAIN BEARING CASE 	Fig.No. 312000 TRỤC CAM VÀ TRỤC BÁNH RĂNG KHÔNG TẢI CAMSHAFT AND IDLE GEAR SHAFT 	Fig.No. 313000 BỘ ĐIỀU CHỈNH CÂN BẰNG BALANCER 	Fig.No. 315000 BÁNH ĐÀ FLYWHEEL 
Fig.No. 316000 CẦN TẮT ĐỘNG CƠ ENGINE STOP LEVER 	Fig.No. 317000 Đĩa ĐIỀU KHIỂN TỐC ĐỘ SPEED CONTROL PLATE 	Fig.No. 321000 BƠM PHUN INJECTION PUMP 	Fig.No. 322000 NHIÊN LIỆU TRỤC CAM FUEL CAMSHAFT 

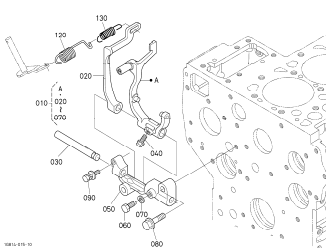
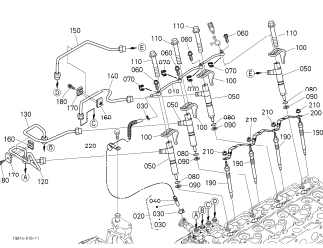
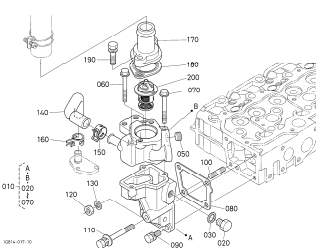
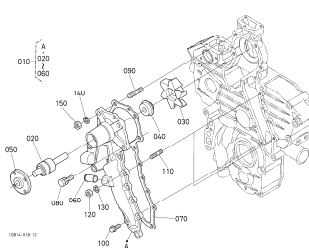
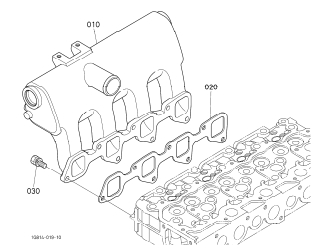
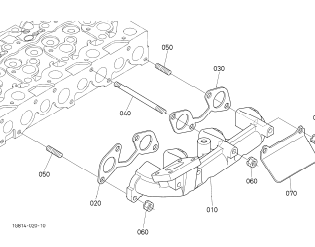
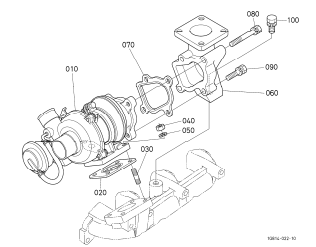
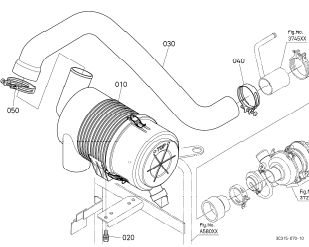
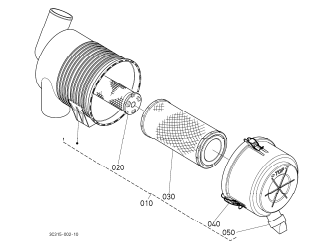
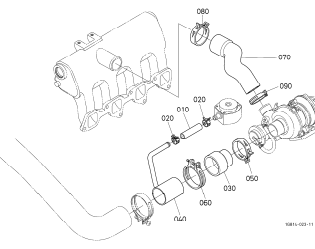
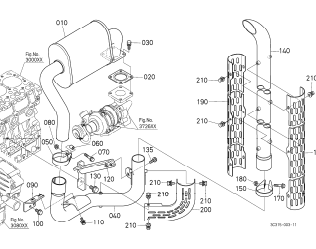
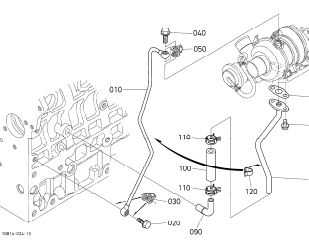
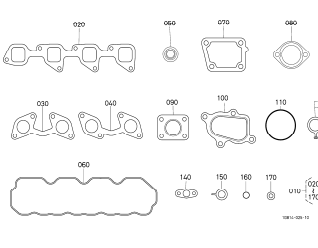
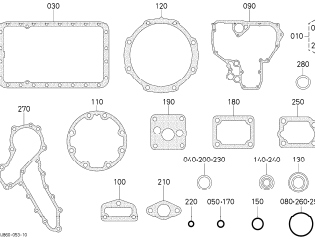
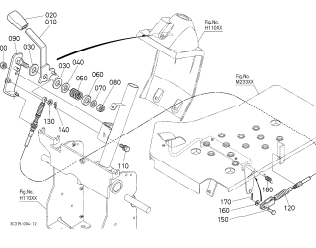
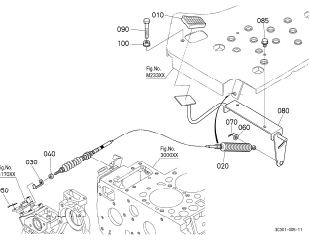
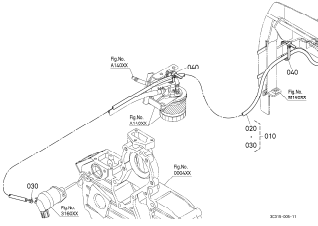
Fig.No. 323000 BỘ ĐIỀU CHỈNH GOVERNOR 	Fig.No. 340000 GIÁ ĐỖ VÒI PHUN VÀ BUGI SẤY NÓNG NOZZLE HOLDER AND GLOW PLUG 	Fig.No. 360000 MẶT BÍCH NƯỚC VÀ BỘ ĐIỀU NHIỆT WATER FLANGE AND THERMOSTAT 	Fig.No. 361000 MÁY BƠM NƯỚC WATER PUMP 
Fig.No. 371000 ỐNG NẠP INLET MANIFOLD 	Fig.No. 372000 ỐNG XẢ EXHAUST MANIFOLD 	Fig.No. 372600 BỘ PHẬN NÉN TURBO TURBO CHARGER 	Fig.No. 373000 BỘ LỌC KHÍ AIR CLEANER 
Fig.No. 373500 KHÍ MÁY GIẶT[NHỮNG BỘ PHẦN CẤU THÀNH] AIR CLEANER [COMPONENT PARTS] 	Fig.No. 374500 ỐNG,CỬA HÚT VÀO INLET PIPE 	Fig.No. 375000 ỐNG BÔ MUFFLER 	Fig.No. 380000 ỐNG DẪN DẦU (BỘ PHẬN NÉN TURBO) OIL PIPE (TURBO CHARGER) 
Fig.No. 391000 BỘ GIOĂNG PHÍA TRÊN UPPER GASKET KIT 	Fig.No. 392000 BỘ GIOĂNG PHÍA DƯỚI LOWER GASKET KIT 	Fig.No. A01000 CẦN GẠT TAY GA HAND ACCELERATOR LEVER 	Fig.No. A03000 BÀN ĐẠP ACCELERATOR PEDAL 

Fig.No. A09000 ỐNG THÔNG HƠI SOLENOID BREATHER TUBE 			
---	--	--	--

HỆ THỐNG NHIÊN LIỆU FUEL SYSTEM

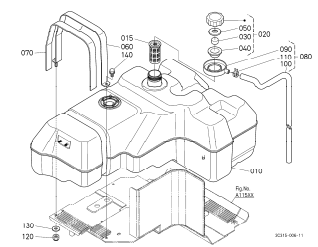
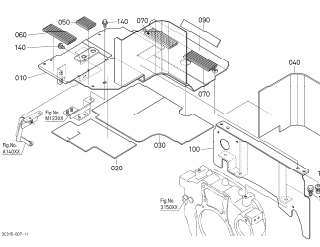
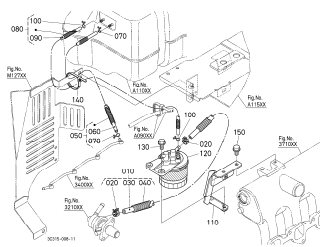
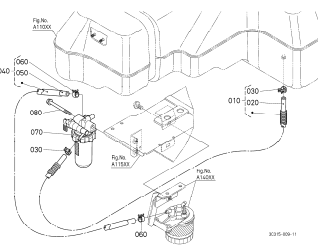
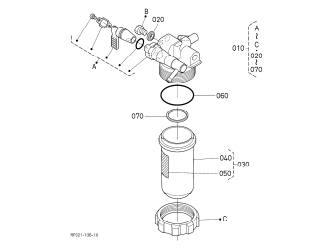
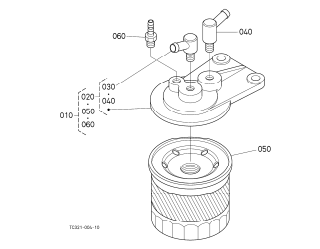
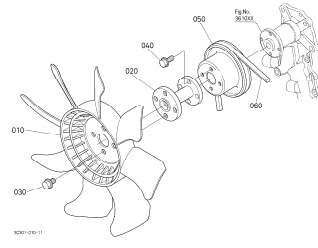
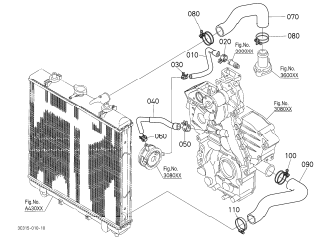
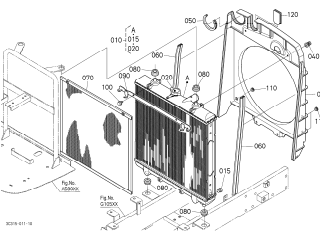
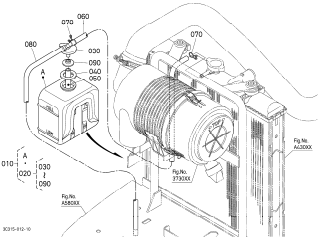
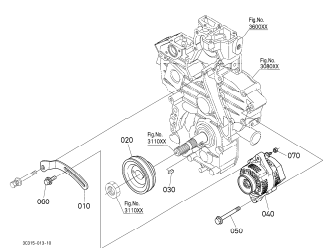
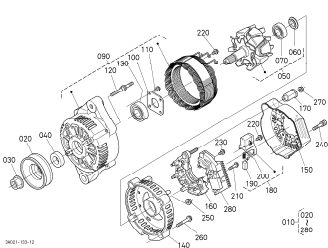
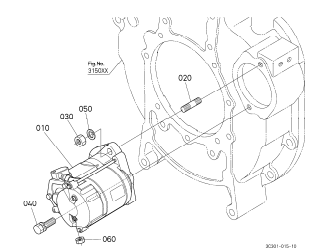
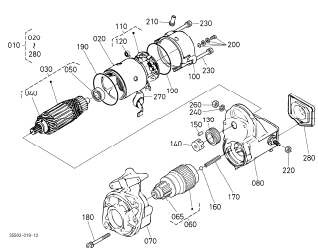
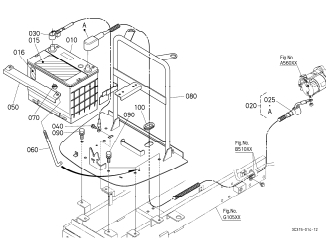
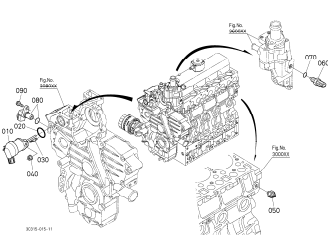
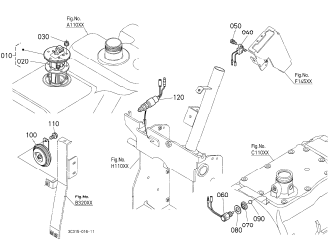
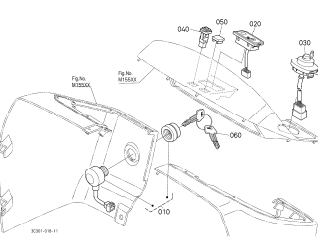
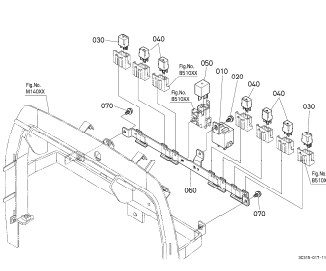
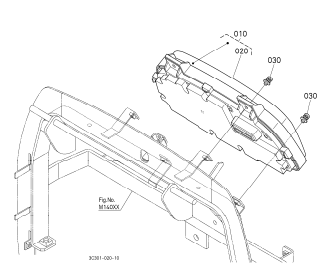
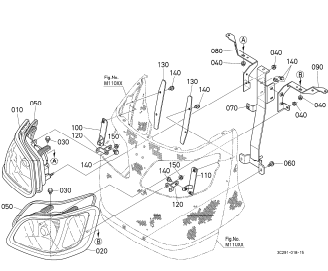
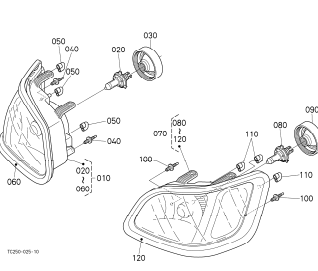
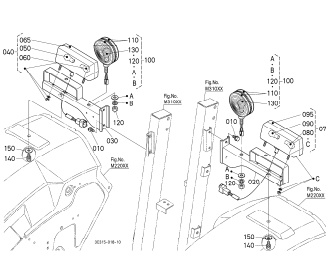
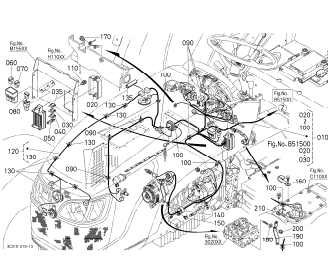
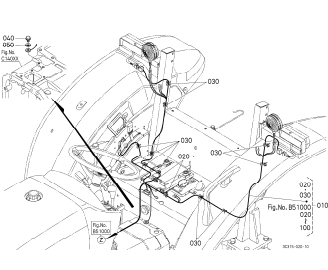
Fig.No. A11000 BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU FUEL TANK 	Fig.No. A11500 BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU FUEL TANK BRACKET 	Fig.No. A14000 BỘ LỌC NHIÊN LIỆU FUEL FILTER AND PIPE 	Fig.No. A15100 TẮM CÁCH ĐIỆN VÀ ỐNG DẪN NHIÊN LIỆU SEPARATOR AND FUEL PIPE 
--	--	---	---

Fig.No. A16100 CỦA BỘ TÁCH [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH] SEPARATOR [COMPONENT PARTS] 	Fig.No. A18000 CỦA BỘ LỌC NHIÊN LIỆU [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH] FUEL FILTER [COMPONENT PARTS] 		
--	--	--	--

HỆ THỐNG NƯỚC LÀM MÁT COOLING WATER SYSTEM

Fig.No. A41000 QUẠT FAN 	Fig.No. A42000 ỐNG NƯỚC WATER PIPE 	Fig.No. A43000 BỘ TẢN NHIỆT RADIATOR 	Fig.No. A45000 BÌNH XĂNG PHỤ RESERVE TANK 
---	--	---	---

HỆ THỐNG ĐIỆN ELECTRICAL SYSTEM

Fig.No. A54000 MÁY GIAO ĐIỆN ALTERNATOR 	Fig.No. A55000 CỦA MÁY GIAO ĐIỆN [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH] ALTERNATOR [COMPONENT PARTS] 	Fig.No. A56000 BỘ PHẬN KHỞI ĐỘNG STARTER 	Fig.No. A57000 CỦA BỘ PHẬN KHỞI ĐỘNG [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH] STARTER [COMPONENT PARTS] 
Fig.No. A58000 ẮC QUY BATTERY 	Fig.No. B01000 CÔNG TẮC/BỘ CẢM ỨNG, SWITCH/SENSOR(ENGINE) 	Fig.No. B01500 CÔNG TẮC/ BIẾN,ĐO NHIÊN LIỆU SWITCH/FUEL UNIT 	Fig.No. B10500 CÔNG TẮC SWITCH (PANEL BOARD) 
Fig.No. B13000 RƠ-LE,BỘ KHỞI ĐỘNG RELAY 	Fig.No. B14000 BẢNG ĐIỆN PANEL BOARD 	Fig.No. B32000 ĐÈN TRƯỚC[LINH KIỆN] HEAD LIGHT 	Fig.No. B32100 ĐÈN PHA HEAD LIGHT [COMPONENT PARTS] 
Fig.No. B33500 RỜI,NGUY HIỂM/BỘ ĐÈN HAZARD LIGHT/TAI LIGHT 	Fig.No. B51000 ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN (TRƯỚC) ELECTRICAL WIRING (FRONT) 	Fig.No. B51500 ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN (SAU) ELECTRICAL WIRING (REAR) 	

LI HỢP/TRUYỀN CLUTCH/TRANSMISSION

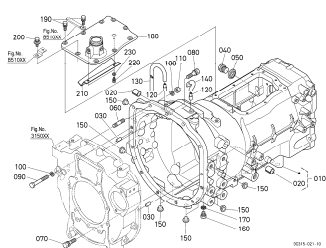
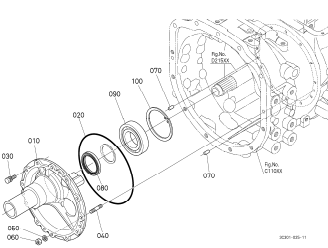
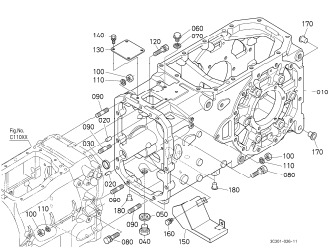
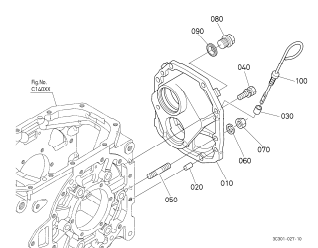
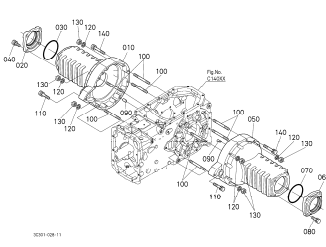
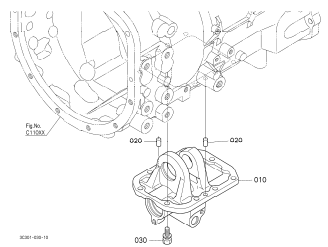
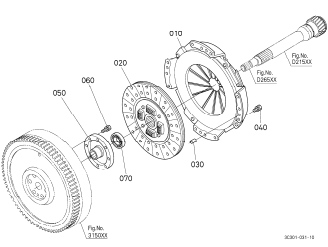
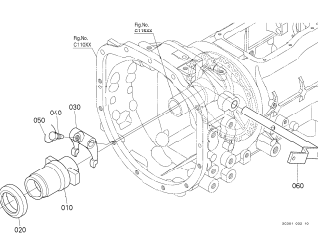
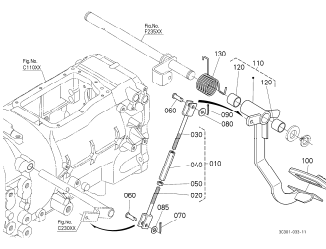
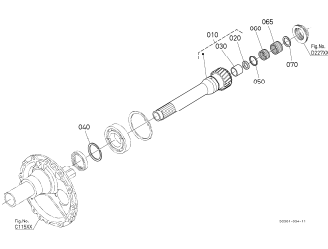
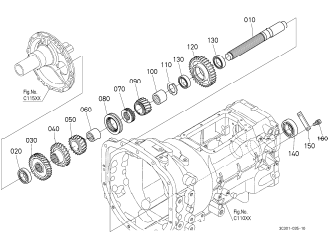
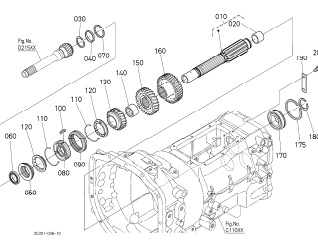
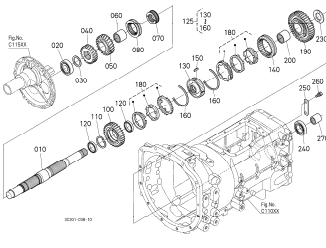
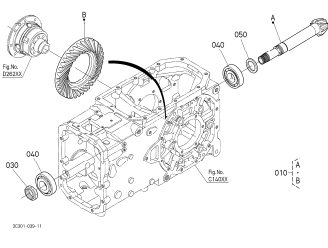
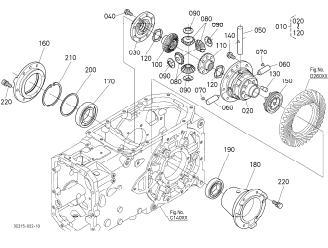
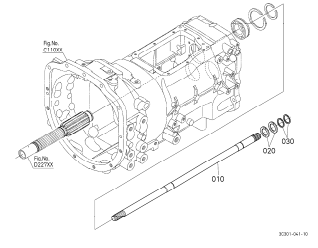
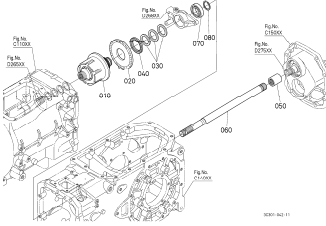
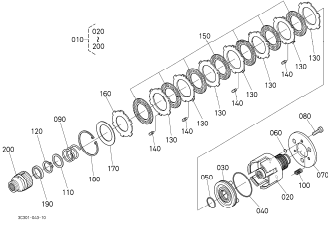
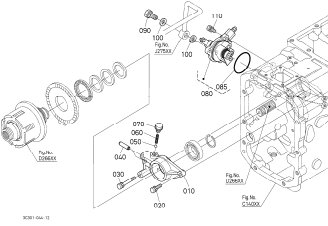
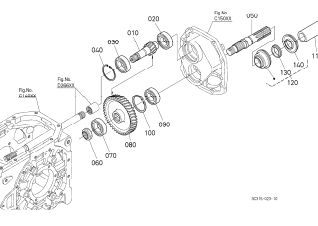
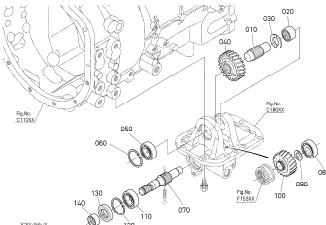
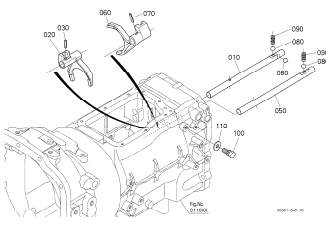
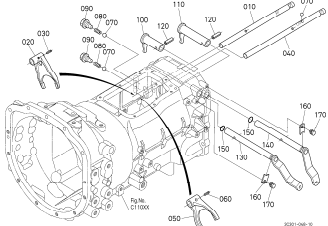
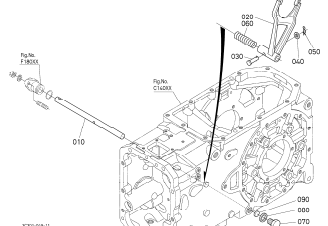
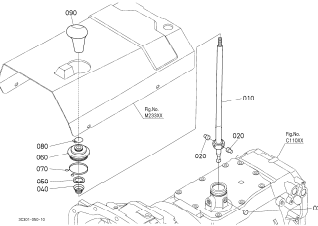
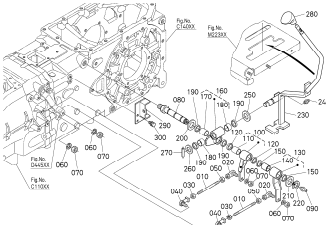
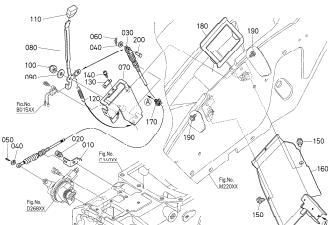
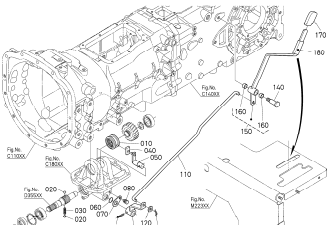
Fig.No. C11000 HỘP LI HỢP CLUTCH HOUSING 	Fig.No. C11500 GIÁ ĐỖ, VÒNG BỊ BEARING HOLDER 	Fig.No. C14000 HỘP TRUYỀN ĐỘNG TRANSMISSION CASE 	Fig.No. C15000 HỘP TRUYỀN ĐỘNG/NẮP, SAU TRANSMISSION CASE REAR COVER 
Fig.No. C17000 TRỤC XE REAR AXLE CASE 	Fig.No. C18000 HỘP FRONT DRIVE CASE 	Fig.No. C21000 KHỚP LY HỢP CLUTCH 	Fig.No. C23000 CẦN LI HỢP CLUTCH RELEASE FORK 
Fig.No. C24000 BÀN ĐẠP LI HỢP (CHÂN CÔN) CLUTCH PEDAL 	Fig.No. D21500 BÁNH RĂNG, CHÍNH INPUT SHAFT 	Fig.No. D22500 TRỤC FIRST SHAFT 	Fig.No. D22700 TRỤC SECOND SHAFT 
Fig.No. D23500 TRỤC THIRD SHAFT 	Fig.No. D26000 RĂNG NÓN, DÀY BEVEL GEAR 	Fig.No. D26200 BỘ VI SAI SAU DIFFERENTIAL REAR 	Fig.No. D26500 TRỤC PTO PROPELLER SHAFT 

Fig.No. D26600 LY HỢP PTO PTO CLUTCH 	Fig.No. D26700 LY HỢP PTO [LINH KIỆN] PTO CLUTCH [COMPONENT PARTS] 	Fig.No. D26800 LY HỢP PTO VAN PTO CLUTCH VALVE 	Fig.No. D27500 TRỤC PTO PTO SHAFT 
Fig.No. D35500 TRỤC FRONT PROPELLER SHAFT (REAR) 			
CHẠC/CÀN ĐIỀU KHIỂN TỐC ĐỘ SPEED CHANGE SHIFT FORK /SHIFT LEVER			
Fig.No. D41000 CHẠC GẠT SỐ CHÍNH MAIN GEAR SHIFT FORK 	Fig.No. D44500 CẦN SANG SỐ RANGE AND CREEP GEAR SHIFT FORK 	Fig.No. D47000 CHẠC GẠT KHÓA BỘ VÍ SAI REAR DIFFERENTIAL LOCK SHIFT FORK 	Fig.No. F11000 CẦN SANG SỐ CHÍNH MAIN GEAR SHIFT LEVER 
Fig.No. F13600 CẦN GẠT,CẦN GẠT SỐ RANGE AND CREEP GEAR SHIFT LEVER 	Fig.No. F14500 CẦN GẠT,TAY GA PTO PTO CLUTCH LEVER 	Fig.No. F15300 CẦN LÁI BÁNH XE TRƯỚC FRONT WHEEL DRIVE LEVER 	

TRỤC XE SAU/PHANH REAR AXLE/BRAKE

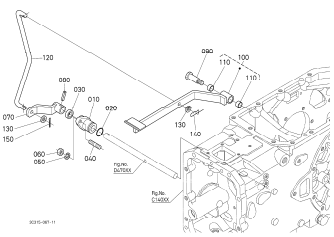
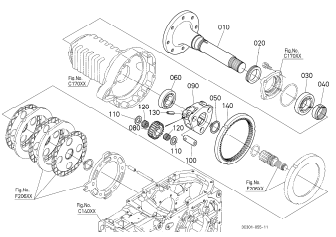
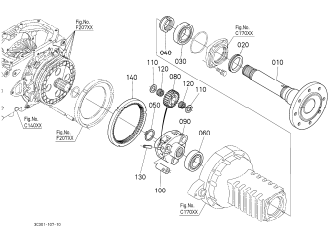
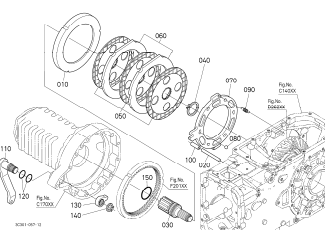
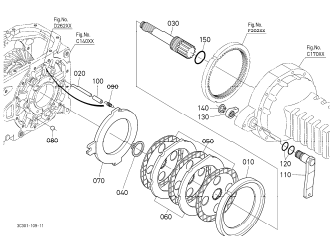
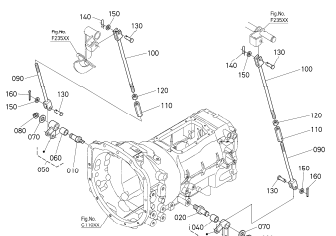
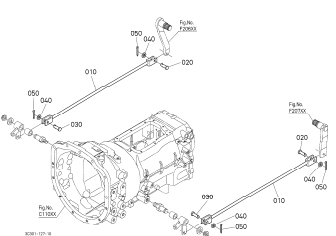
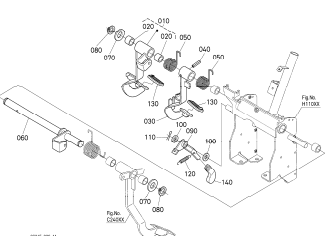
Fig.No. F18000 ĐẠP KHÓA VI SAI REAR DIFFERENTIAL LOCK PEDAL 	Fig.No. F20100 TRỤC SAU PHẢI REAR AXLE RH 	Fig.No. F20200 TRỤC SAU TRÁI REAR AXLE LH 	Fig.No. F20600 PHANH PHẢI BRAKE RH 
--	--	---	---

Fig.No. F20700 PHANH TRÁI BRAKE LH 	Fig.No. F21100 PHANH TAY (BÀN ĐẠP PHANH) BRAKE ROD (BRAKE PEDAL) 	Fig.No. F21200 PHANH TAY (PHANH CAM) BRAKE ROD (BRAKE CAM) 	Fig.No. F23500 BÀN ĐẠP PHANH BRAKE PEDAL 
--	--	---	--

TRỤC XE TRƯỚC/KHUNG GÀM FRONT AXLE/CHASSIS

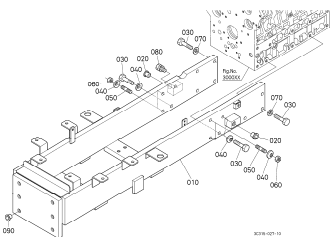
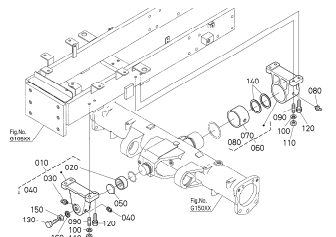
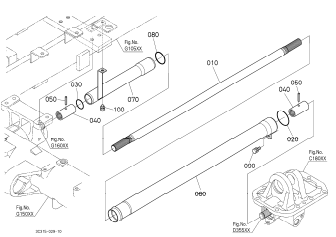
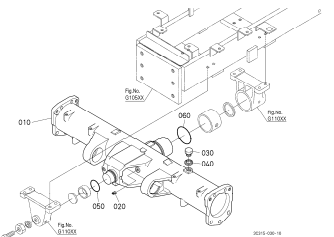
Fig.No. G10500 KHUNG CẦU TRƯỚC FRONT AXLE FRAME 	Fig.No. G11000 ĐỠ RỜI,TRƯỚC FRONT AXLE BRACKET 	Fig.No. G14000 TRỤC TRUYỀN ĐỘNG FRONT PROPELLER SHAFT 	Fig.No. G15000 HỘP,VI SAI FRONT DIFFERENTIAL CASE 
--	---	---	--

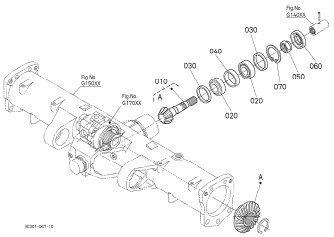
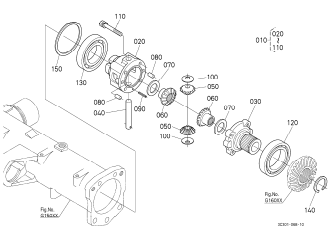
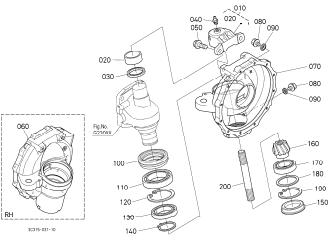
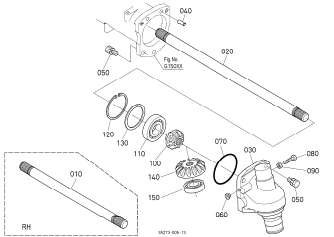
Fig.No. G16000 BÁNH RĂNG TRUYỀN ĐỘNG NÓN (TRƯỚC) BEVEL GEAR (FRONT) 	Fig.No. G17000 HỘP,VI SAI DIFFERENTIAL FRONT 	Fig.No. G22500 HỘP BỘ VI SAI TRƯỚC FRONT AXLE CASE 	Fig.No. G23000 TRỤC BÁNH RĂNG VI SAI DIFFERENTIAL GEAR SHAFT 
--	---	--	---

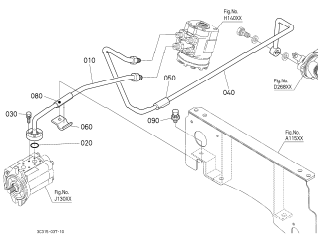
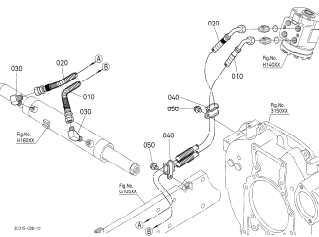
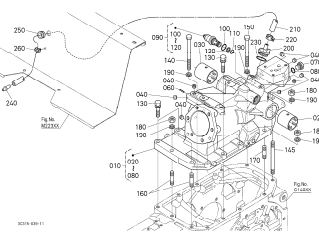
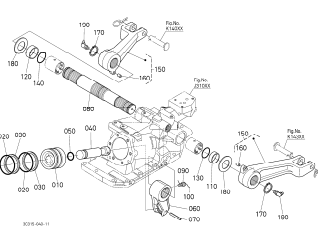
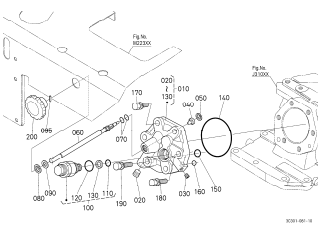
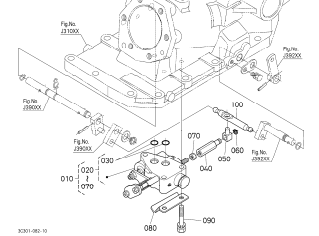
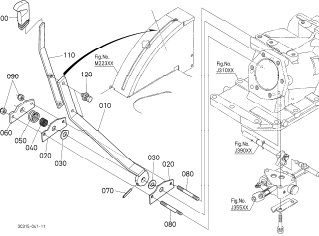
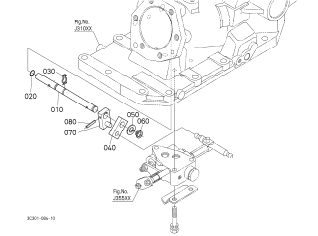
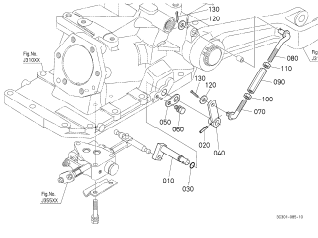
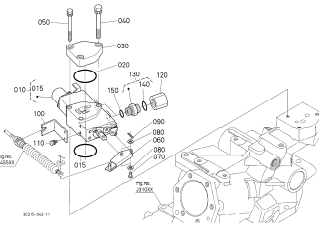
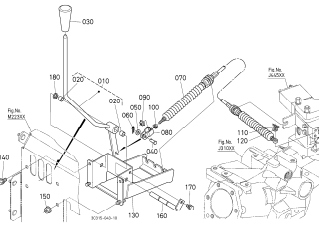
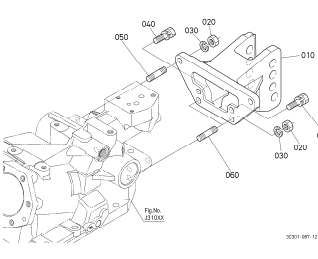
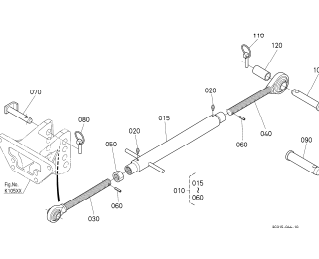
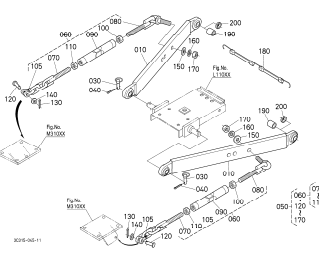
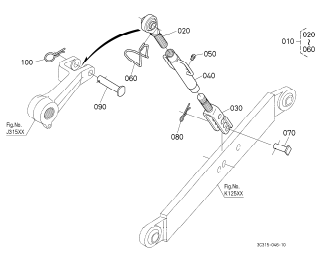
Fig.No. J27500 ỐNG DẪN DẦU HYDRAULIC OIL LINE (STEERING/PTO) 	Fig.No. J28000 ỐNG DẪN DẦU STEERING HOSE (DELIVERY) 	Fig.No. J31000 XI LẠNH THỦY LỰC HYDRAULIC CYLINDER 	Fig.No. J31500 XI LẠNH THỦY LỰC HYDRAULIC LIFT ARM 
Fig.No. J32000 XI LẠNH THỦY LỰC HYDRAULIC CYLINDER COVER 	Fig.No. J35500 VAN ĐIỀU KHIỂN CONTROL VALVE 	Fig.No. J37800 CẦN ĐIỀU CHỈNH VỊ TRÍ POSITION CONTROL LEVER 	Fig.No. J39000 VAN ĐIỀU KHIỂN POSITION CONTROL SHAFT 
Fig.No. J39200 CẦN LIÊN HỆ NGƯỢC FEED BACK LEVER 	Fig.No. J44500 VAN ĐIỀU KHIỂN AUXILIARY CONTROL VALVE 	Fig.No. J45500 CẦN ĐIỀU CHỈNH VỊ TRÍ AUXILIARY CONTROL VALVE LEVER 	
KẾT NỐI 3 ĐIỂM/ĐÒN KÉO/MỐC KÉO 3-POINT LINKAGE/DRAWBAR/HITCH			
Fig.No. K10500 GIÁ ĐỖ LIÊN KẾT ĐỈNH TOP LINK BRACKET 	Fig.No. K11000 LIÊN KẾT ĐỈNH TOP LINK 	Fig.No. K12500 KẾT NỐI PHÍA DƯỚI LOWER LINK 	Fig.No. K14000 THANH TRUYỀN NÂNG LIFT ROD RH 

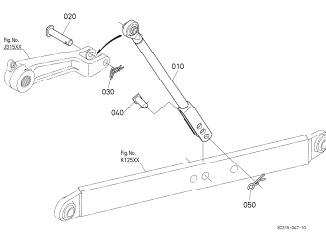
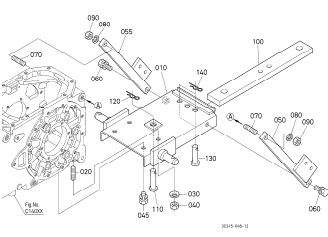
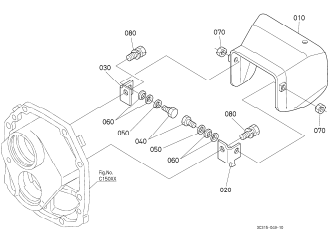
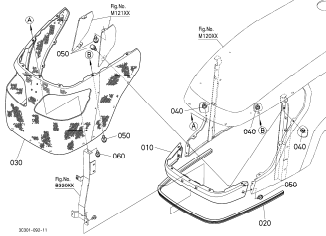
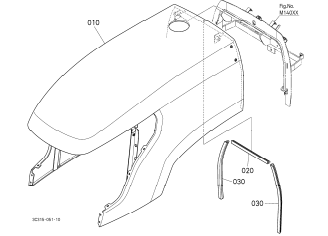
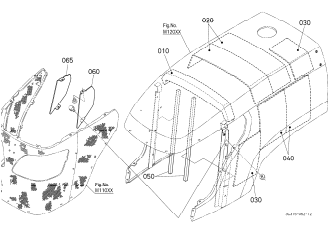
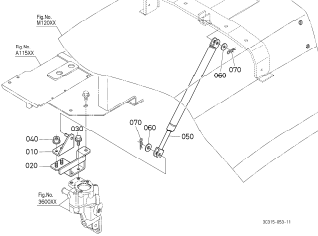
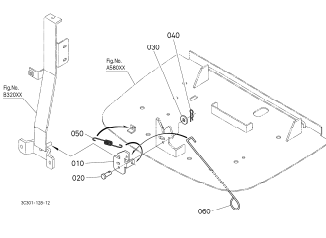
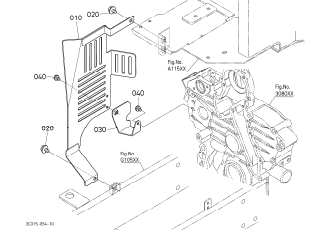
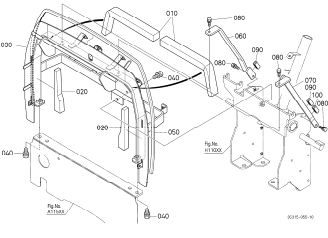
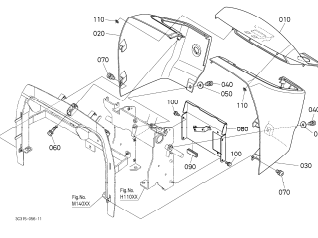
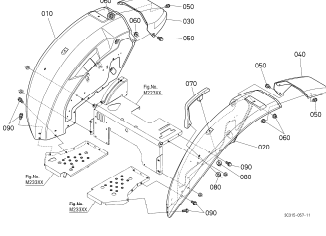
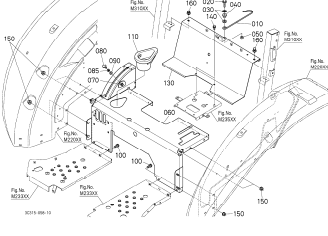
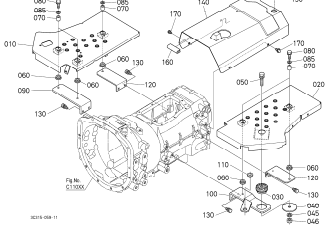
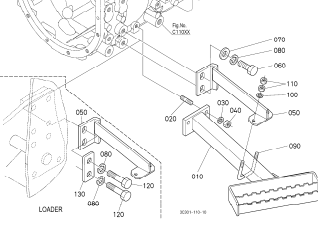
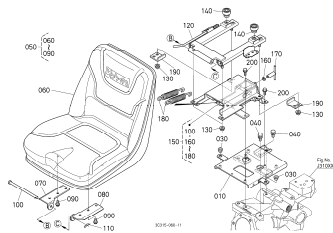
Fig.No. K14300 THANH TRUYỀN, NẮNG TRÁI LIFT ROD LH 	Fig.No. L11000 ĐÒN KÉO SWINGING DRAWBAR 	Fig.No. L17000 TẮM BẢO VỆ PTO SHAFT PROTECTOR 	
NẮP ĐẠY MÁY/CA BÔ HOOD/BONNET			
Fig.No. M11000 LƯỚI TẢN NHIỆT TRƯỚC FRONT GRILLE 	Fig.No. M12000 NẮP PHÍA TRÊN HOOD(BONNET) UPPER 	Fig.No. M12100 NẮP PHÍA TRÊN / CAO SU NẮP CAPO TRÊN HOOD(BONNET) UPPER(SOUND ABSORBER/INSULATOR) 	Fig.No. M12300 NẮP PHÍA TRÊN / BỘ GIẢM CHẤN, KHÍ HOOD(BONNET) DAMPER 
Fig.No. M12400 GIÁ ĐỖ BONNET LOCK 	Fig.No. M12700 BAO CẠNH HOOD(BONNET) SIDE COVER 	Fig.No. M14000 GIÁ ĐỖ, NẮP CA-PÔ SAU BONNET SUPPORT 	Fig.No. M15500 NẮP ĐẠY SAU (MUI) HOOD(BONNET) REAR 
Fig.No. M22000 BỘ GIẢM CHẤN FENDER 	Fig.No. M22300 TẦM BỌC SÀN FLOOR SHEET 	Fig.No. M23300 BUỐC STEP 	Fig.No. M23400 BUỐC AUXILIARY STEP 

Fig.No. **M23500**

ĐỂ
SEAT



TRƯỚC/LỚP SAU
ROPS

Fig.No. **M31000**
KHUNG,BỘ GIẢM CHẤN
ROPS

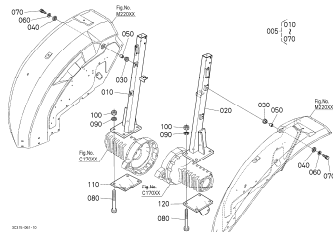


Fig.No. **R11000**
BÁNH XE TRƯỚC(9.5-22)
FRONT WHEEL (9.5-22)

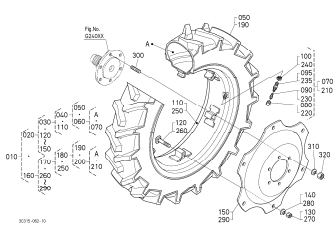


Fig.No. **R12001**
BÁNH SAU (16.9-28)
REAR WHEEL (16.9-28)

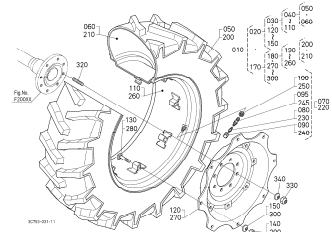
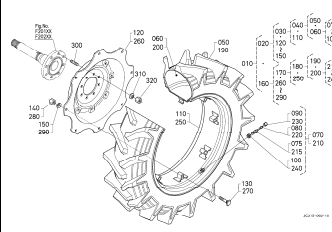


Fig.No. **R12002**
BÁNH SAU (12.4-32)
REAR WHEEL (12.4-32)



NHÃN HIỆU
LABELS

Fig.No. **S12000**
NHÃN (TRƯỚC)
LABEL 1 (FRONT)

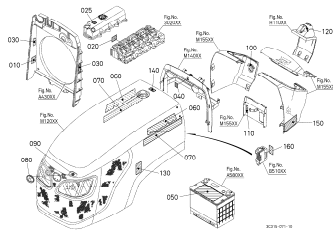
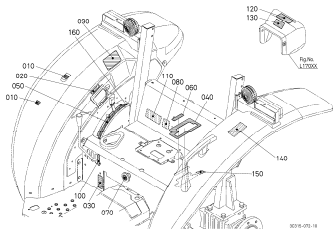


Fig.No. **S13000**
NHÃN (SAU)
LABEL 2 (REAR)



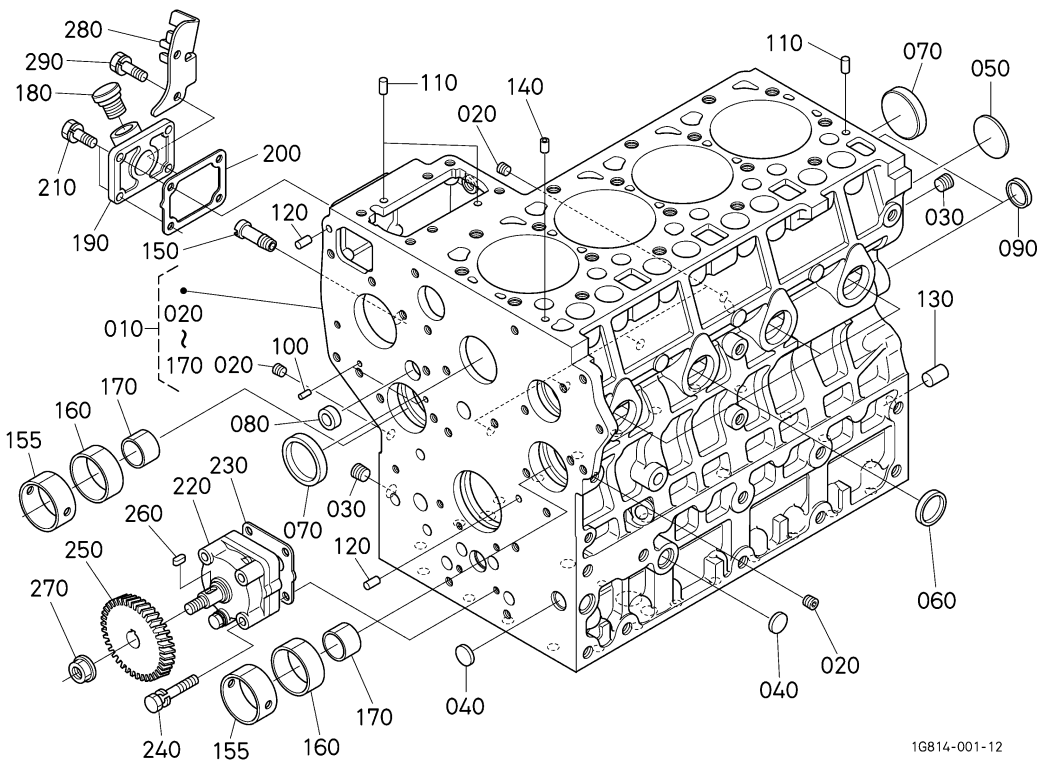
THIẾT BỊ PHỤ TÙNG
ACCESSORIES

Fig.No. **T11000**
THIẾT BỊ PHỤ TÙNG
ACCESSORIES AND
SERVICE PARTS

ACCESSORIES AND SERVICE PARTS
ACCESSOIRES ET PIECES DE SERVICE
SONTIGES ZUBEHOER UND SERVICE-TEILE
ACCESORIOS Y SERVICIO PIEZAS
ACCESSORI E SERVIZIO PARTI

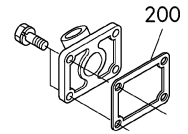
TITLE-001-11

300000 CÁCTE CRANK CASE



1G814-001-12

OLD



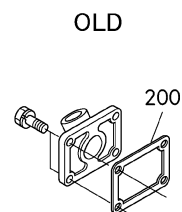
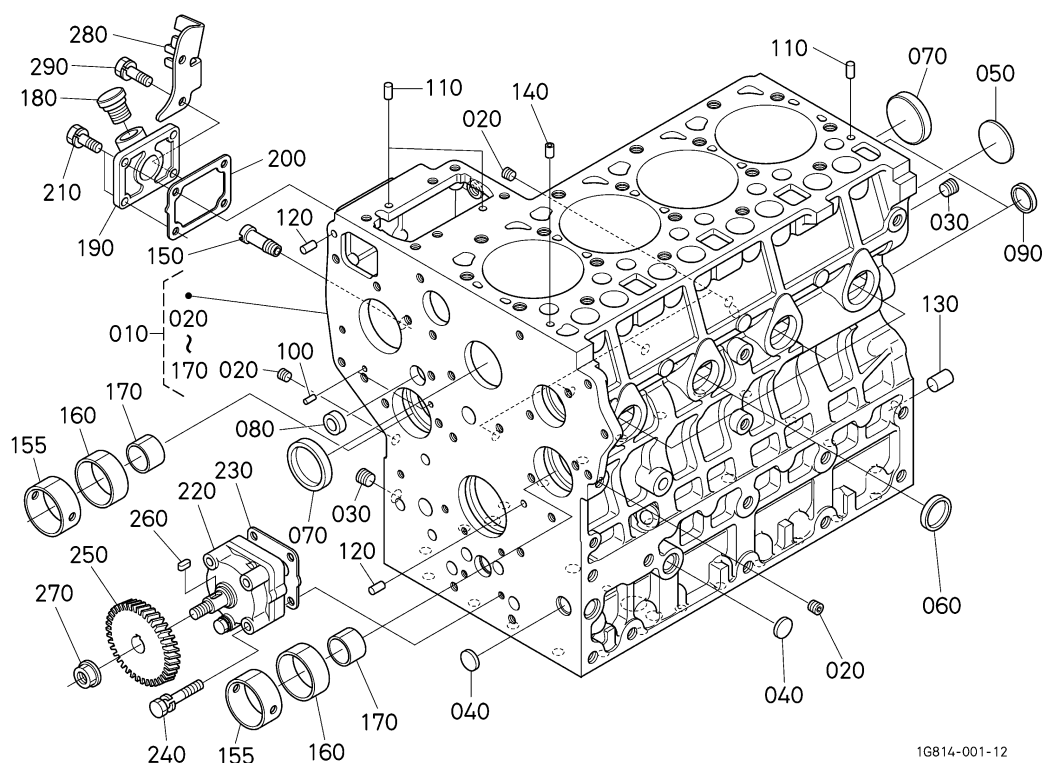
1G814-820-10

A:V2403-M-DI-TE2-SU1

SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/SỐ SẴN Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	1A294-0101-0	HỘ TRỤC KHUYU HOÀN CHỈNH	CRANKCASE,COMP	1 <=7EX2999	#	
010	1A294-0101-2	Vỏ động cơ	CRANKCASE,COMP	1 >=7EY0001	←	#
020	15521-9602-0	BUGI	PLUG	6		
030	15521-9603-0	BUGI	PLUG	2		
040	17391-9616-0	BUGI, GIẢN NỖ	PLUG,EXPANSION	3		
050	16271-9616-0	BUGI, GIẢN NỖ	PLUG,EXPANSION	1		
060	15221-0338-0	NẮP, HÀN KÍN	CAP,SEALING	6		
070	15221-0339-0	NẮP, HÀN KÍN	CAP,SEALING	2		
080	15261-0337-0	NẮP, HÀN KÍN	CAP,SEALING	1		
090	1A091-0338-0	PHÍCH CẮM,TRỤC CÂN	PLUG,WEIGHT SHAFT	2		
100	05012-00408	CHÓT, THẰNG	PIN,STRAIGHT	2		
110	05012-00609	CHÓT, THẰNG	PIN,STRAIGHT	3		
120	05012-00612	CHÓT, THẰNG	PIN, STRAIGHT	2		
130	05012-01018	CHÓT, THẰNG	PIN,STRAIGHT	1		
140	15221-3365-0	CHÓT, ỐNG	PIN,PIPE	1		
150	15321-7334-0	ỐNG, THU HỒI NƯỚC	PIPE(WATER RETURN)	1		
155	1A091-2699-0	KIM LOẠI,TRỤC NẶNG	METAL(SHAFT,WEIGHT)	2		
160	1G425-2698-0	KIM LOẠI,TRỤC NẶNG	METAL(SHAFT,WEIGHT,2)	2		
170	1A091-2697-0	KIM LOẠI,TRỤC NẶNG	METAL(SHAFT,WEIGHT)	2		
180	1J860-3314-0	BUGI, BỘ LỌC DẦU	PLUG,OIL FILLER	1		
190	1A021-3311-0	MẶT BÍCH, BỘ LỌC DẦU	FLANGE,OIL FILLER	1		
200	1A021-5166-0	ĐỆM LÓT, NẮP BƠM	GASKET, PUMP COVER	1 <=7HX2999	#	
200	1A021-5166-3	ĐỆM LÓT, NẮP BƠM	GASKET, PUMP COVER	1 >=7HY0001	←	#
210	01023-50618	BU LÔNG	BOLT,SEMS	2		
220	15471-3501-3	CỤM BƠM DẦU	ASSY PUMP,OIL	1		
230	1A021-3515-0	ĐỆM LÓT, BƠM DẦU	GASKET,OIL PUMP	1		
240	01023-50650	BU LÔNG	BOLT,SEMS	4		
250	17301-3566-3	BÁNH RĂNG, BỘ TRUYỀN ĐỘNG BƠM DẦU	GEAR(OIL PUMP DRIVE)	1		
260	05712-00410	THEN, PULI ĐỘNG CƠ	KEY,FEATHER	1		
270	15221-3568-2	ĐAI ỐC, MẶT BÍCH	NUT	1		

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

300000 CÁCTE CRANK CASE



1G814-001-12

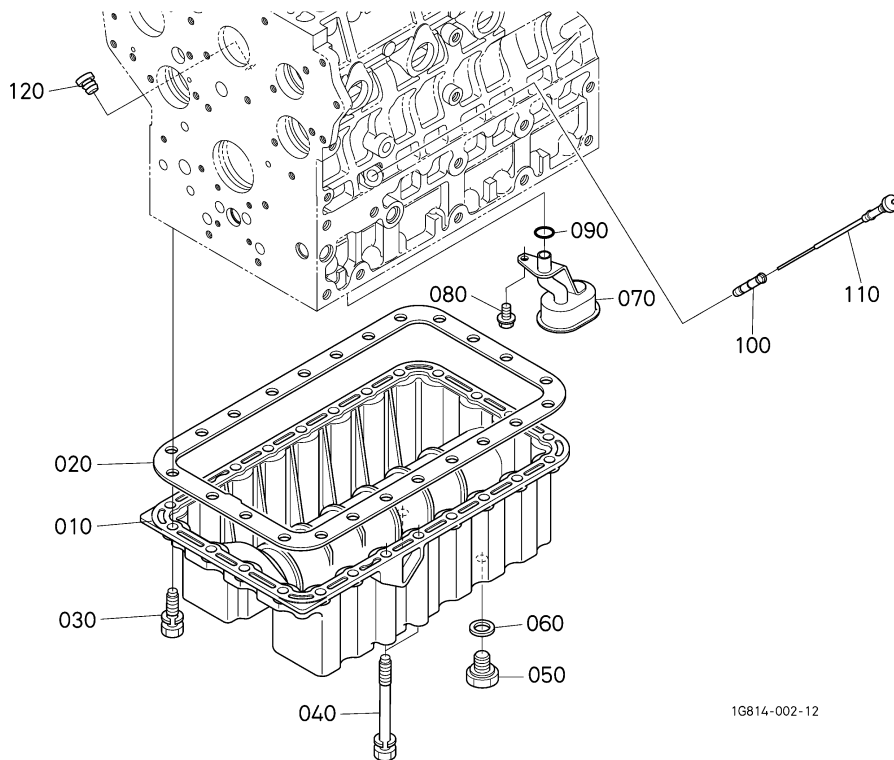
1G814-820-10

A:V2403-M-DI-TE2-SU1

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

301000 BỂ DẦU
OIL PAN



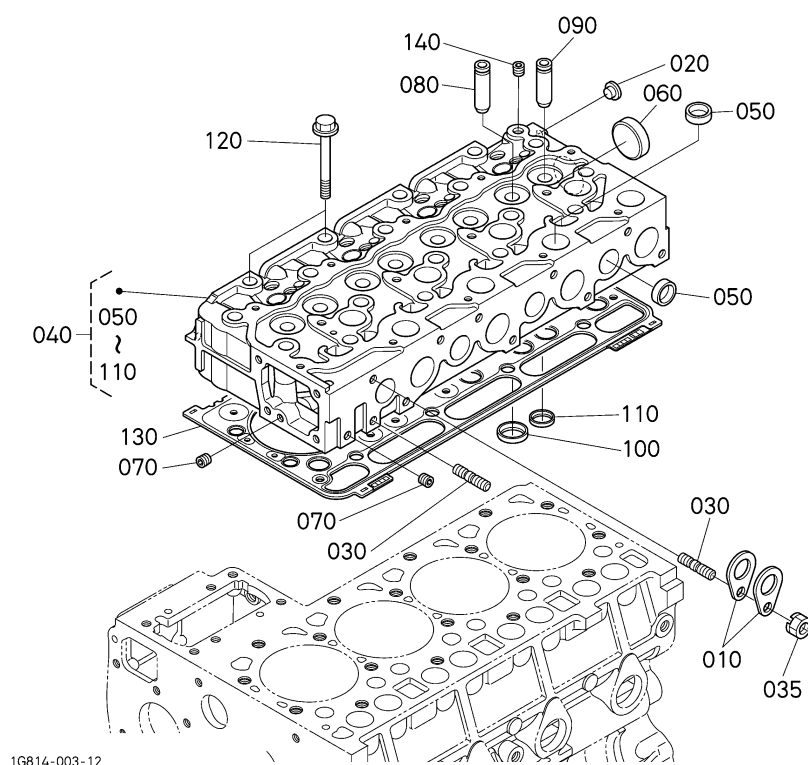
1G814-002-12

A:V2403-M-DI-TE2-SU1

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**302000 NẮP XILANH
CYLINDER HEAD**



1G814-003-12

A:V2403-M-DI-TE2-SU1

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

304000

TRỤC, CẦN ĐẨY ROCKER ARM SHAFT

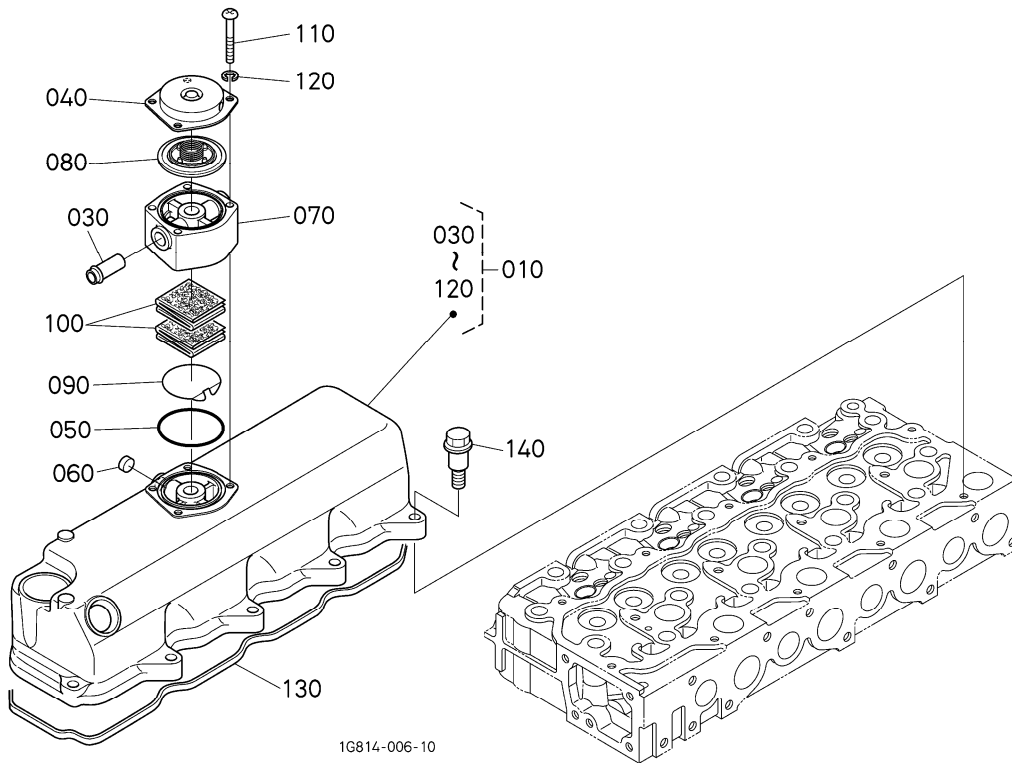


A:V2403-M-DI-TE2-SU1

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

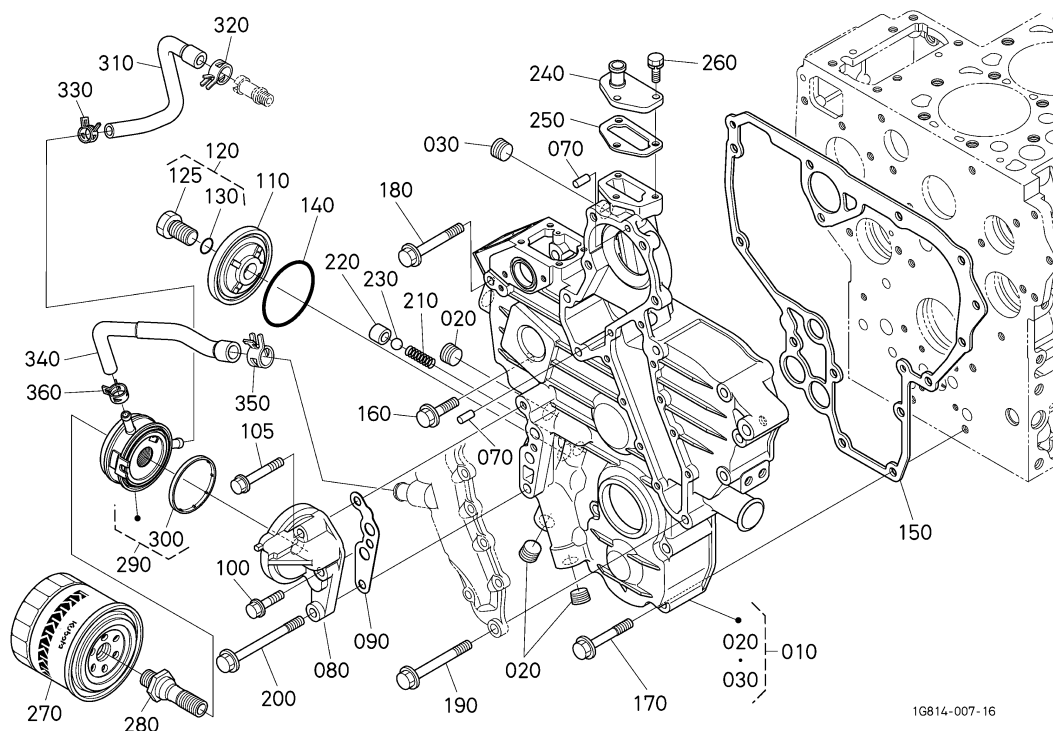
**305000 NẮP ĐẦU
HEAD COVER**



A:V2403-M-DI-TE2-SU1

[illegible]

**308000 HỘP SỐ
GEAR CASE**



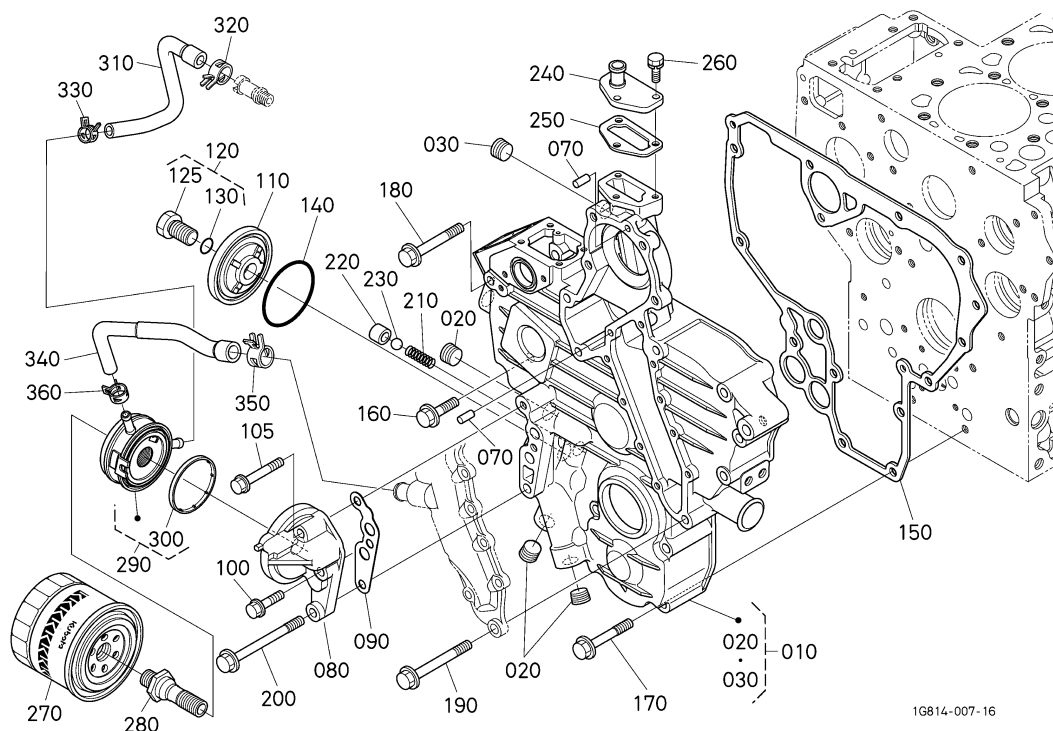
1G814-007-16

A:V2403-M-DI-TE2-SU1

SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/Số sê-ri	I.C.	LƯU Ý REMARKS
				Q'TY/S.No.		
				A	I.C.	
010	1J860-0402-3	HỘP HOÀN CHỈNH, SỐ	COMP,CASE,GEAR	1		
020	16241-9602-0	CHÓT,TUA VÍT	PLUG	3		
030	1A021-9602-0	CHÓT,TUA VÍT	PLUG	1		
040	----	TRỐNG	BLANK	-		
050	----	TRỐNG	BLANK	-		
060	----	TRỐNG	BLANK	-		
070	05012-00612	CHÓT, THẲNG	PIN, STRAIGHT	2		
080	1J860-3261-2	BỀ,BỘ LỌC DẦU	BASE,OIL FILTER	1		
090	1J860-3262-0	ĐỆM LÓT	GASKET(OIL FILTER BASE)	1		
100	01754-50830	BU LÔNG,MÉP	BOLT,FLANGE	1		
105	01754-50850	BU LÔNG,MÉP	BOLT,FLANGE	1		
110	17331-3288-0	VỎ	COVER	1		
120	17331-3291-0	BỘ BU LÔNG HOÀN CHỈNH	BOLT,COMP	1		
125	17331-3290-0	BU LÔNG	BOLT	1		
130	04817-00150	VÒNG CHỮ O	O RING	1		
140	19202-9683-0	VÒNG CHỮ O	O RING	1		
150	1G896-0413-0	ĐỆM LÓT, HỘP SỐ	GASKET,GEAR CASE	1		
160	01754-50830	BU LÔNG,MÉP	BOLT,FLANGE	1		
170	1A021-9103-0	BU LÔNG, MẶT BÍCH	BOLT,SEMS	7		
180	01754-50875	BU LÔNG,MÉP	BOLT,FLANGE	2		
190	01754-50885	BU LÔNG,MÉP	BOLT,FLANGE	3		
200	1A021-9104-0	BU LÔNG, MẶT BÍCH	BOLT	1		
210	15241-3695-0	LÒ XO 1	SPRING	1		
220	15521-3693-0	ĐỀ, VAN	SEAT,VALVE	1		
230	07715-03213	BI	BALL	1		
240	15521-7332-0	MẶT BÍCH, THU HỒI NƯỚC	FLANGE,WATER RETURN	1		
250	1A021-7333-2	ĐỆM LÓT, MẶT BÍCH THU HỒI	GASKET(RETURN FLANGE)	1		
260	01023-50620	BU LÔNG	BOLT,SEMS	3		
270	HH164-3243-0	BỘ LỌC DẦU ĐỘNG CƠ	FILTER(CARTRIDGE,OIL)	1		
280	1G622-3708-4	ĐẦU DÂY NỐI	CONNECTOR	1		

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**308000 HỘP SỐ
GEAR CASE**



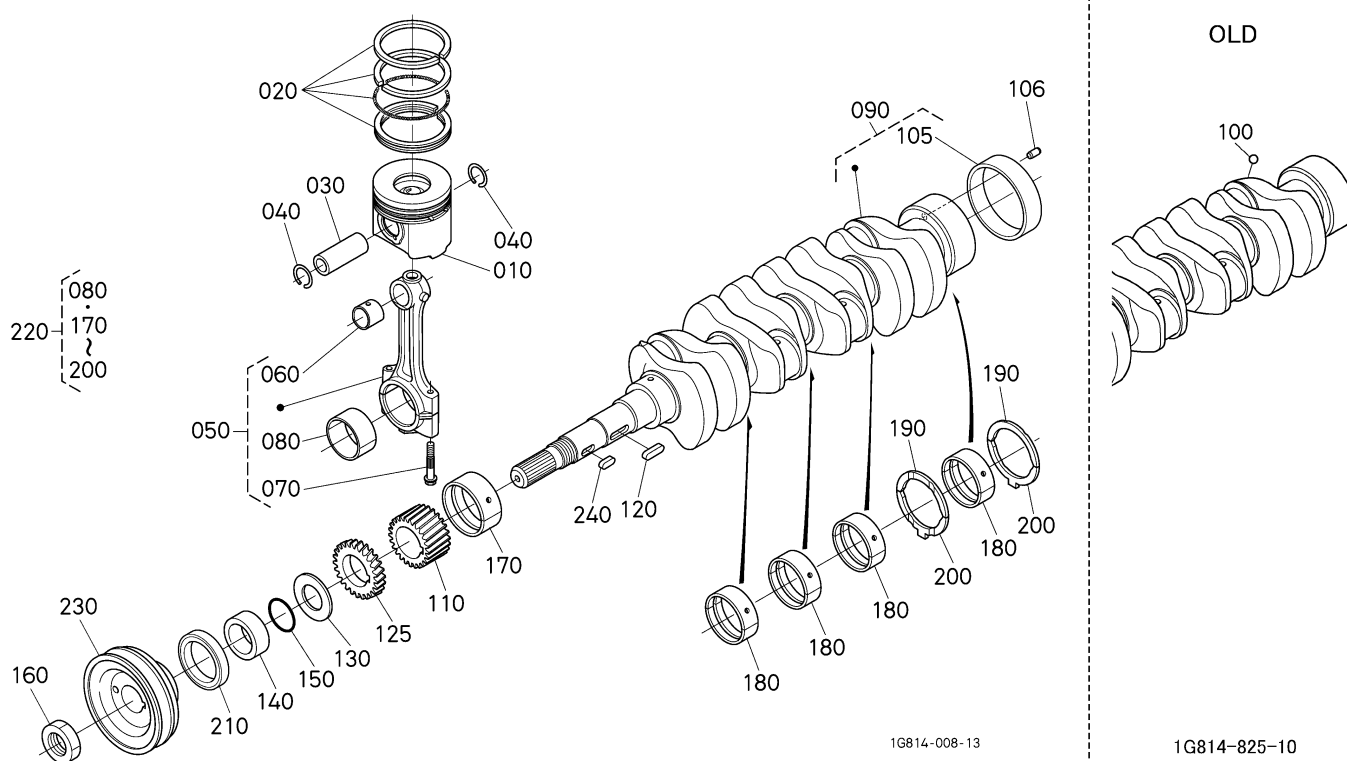
1G814-007-16

A:V2403-M-DI-TE2-SU1

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

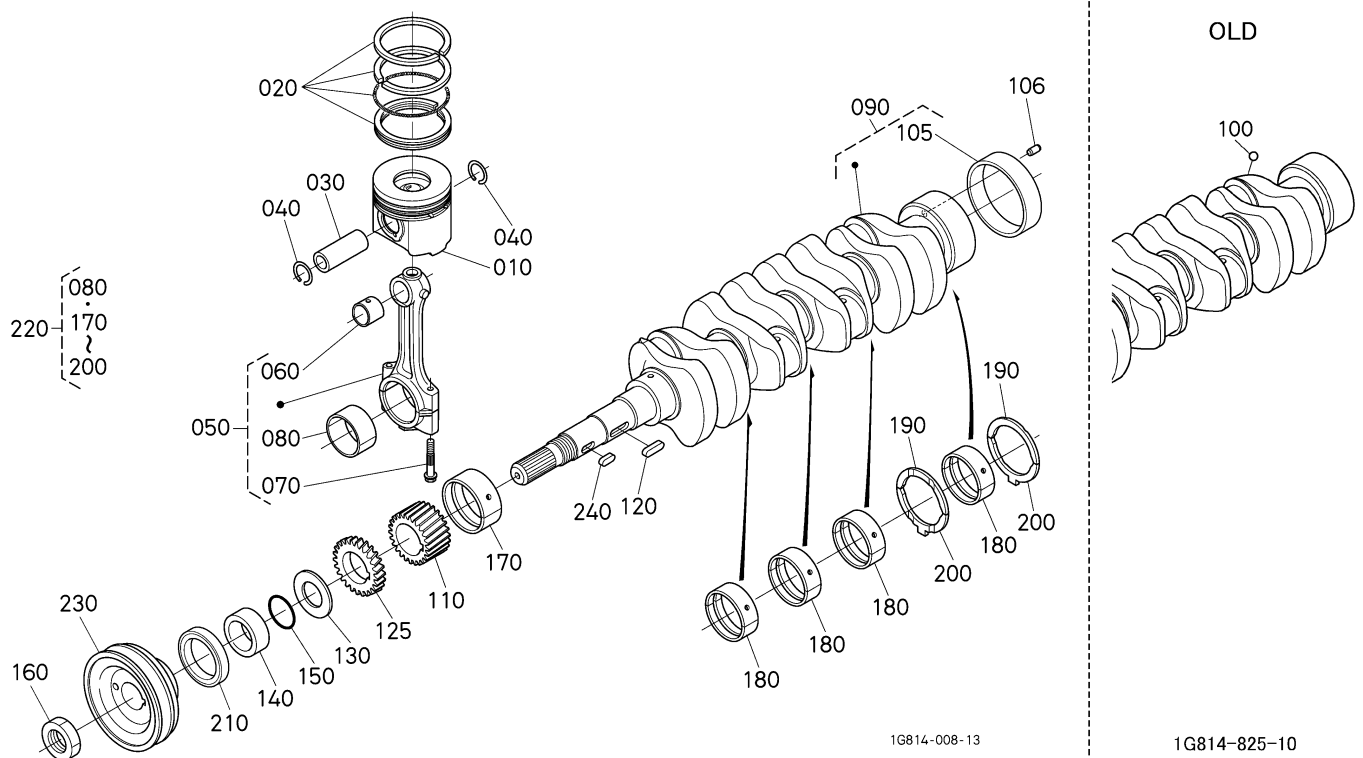
**311000 PÍT-TÔNG VÀ TAY QUAY
PISTON AND CRANKSHAFT**



A:V2403-M-DI-TE2-SU1

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

311000 PÍT-TÔNG VÀ TAY QUAY PISTON AND CRANKSHAFT

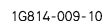


A:V2403-M-DI-TE2-SU1

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

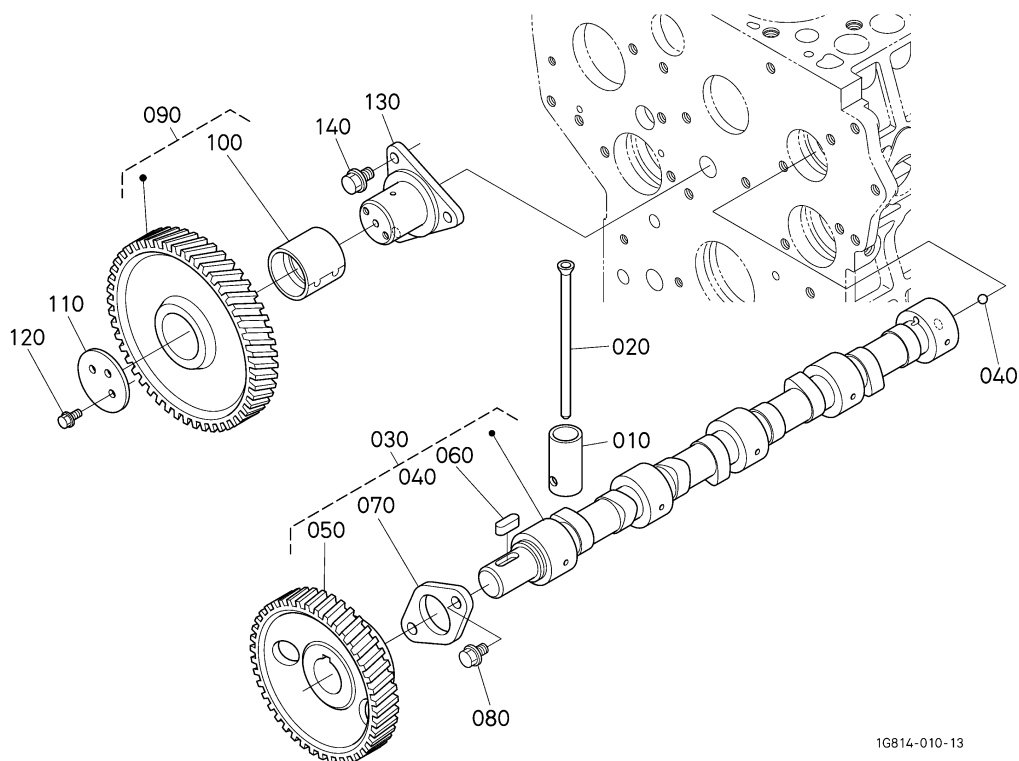
311500



A:V2403-M-DI-TF2-SU1

$\Leftrightarrow$ Thay thế được: $\neq$ Không thay thế được: $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được: $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

312000 TRỤC CAM VÀ TRỤC BÁNH RĂNG KHÔNG TẢI CAMSHAFT AND IDLE GEAR SHAFT



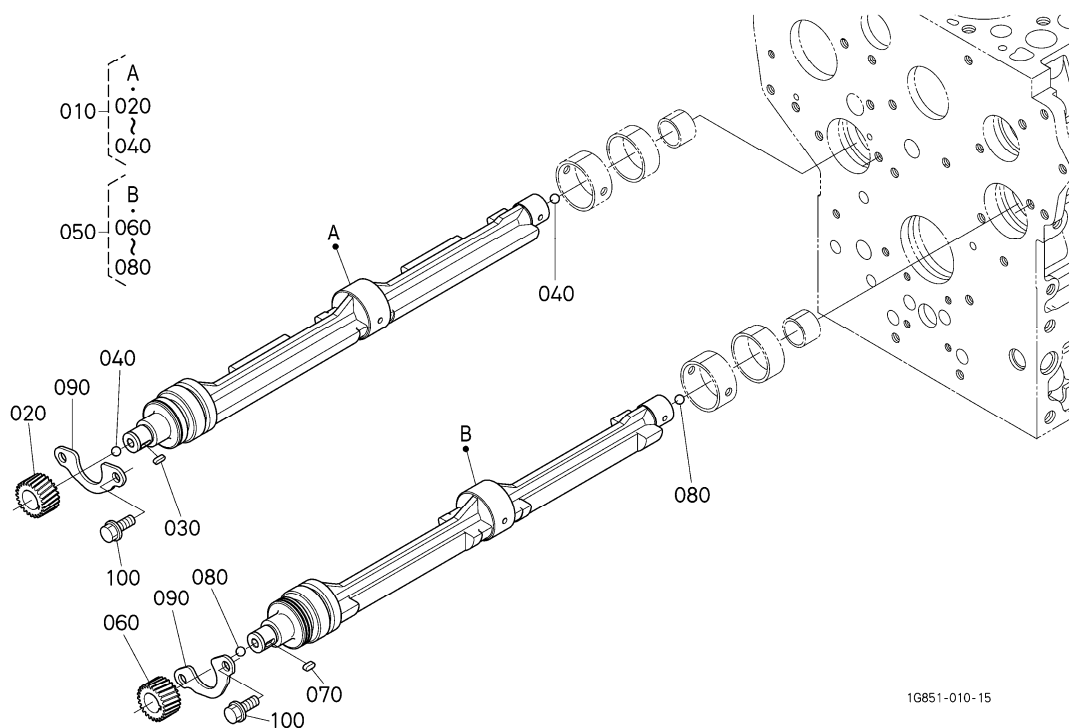
1G814-010-13

A:V2403-M-DI-TE2-SU1

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

313000

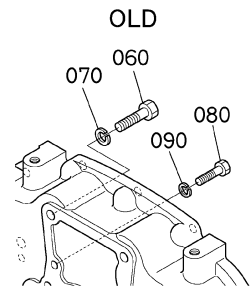
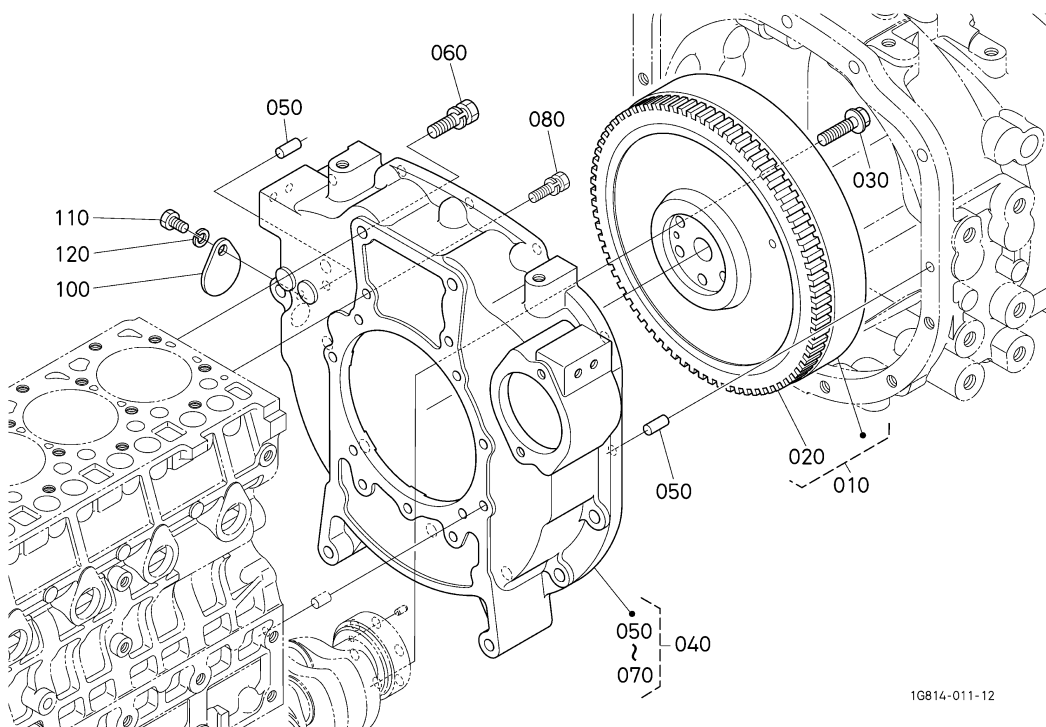


1G851-010-15

A:V2403-M-DI-TE2-SU1

[illegible]

**315000 BÁNH ĐÀ
FLYWHEEL**



1G814-011-12

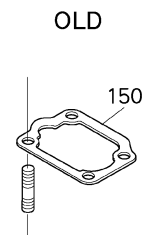
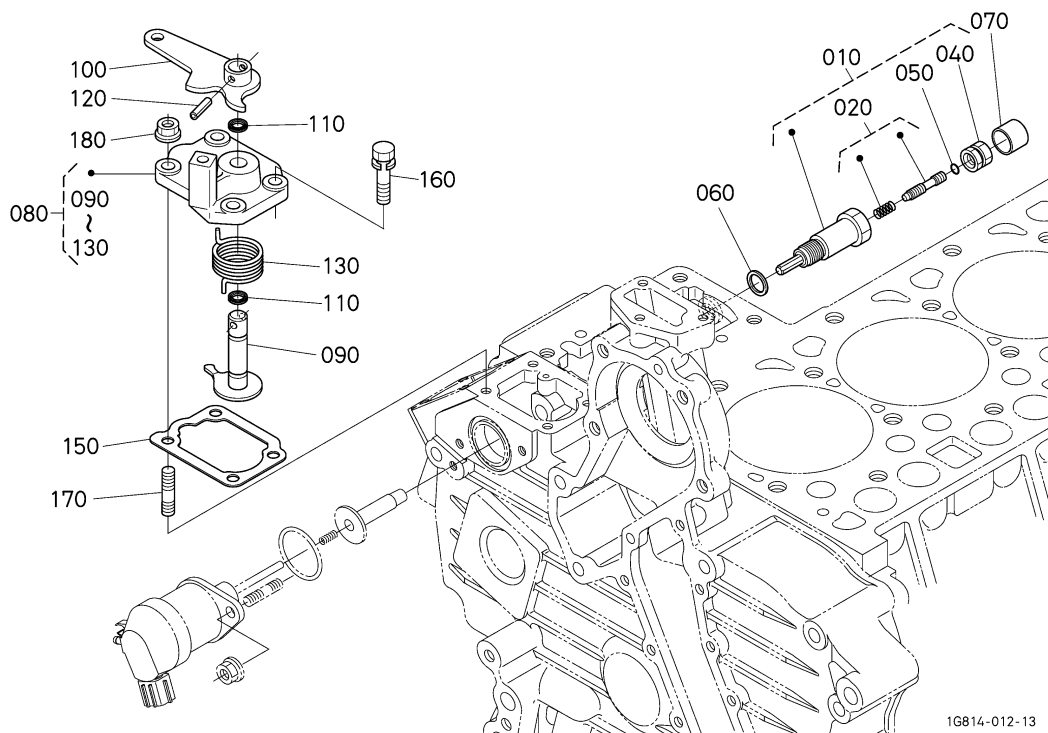
1G814-817-10

A:V2403-M-DI-TE2-SU1

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**316000 CẦN TẮT ĐỘNG CƠ
ENGINE STOP LEVER**



1G814-012-13

1J830-806-10

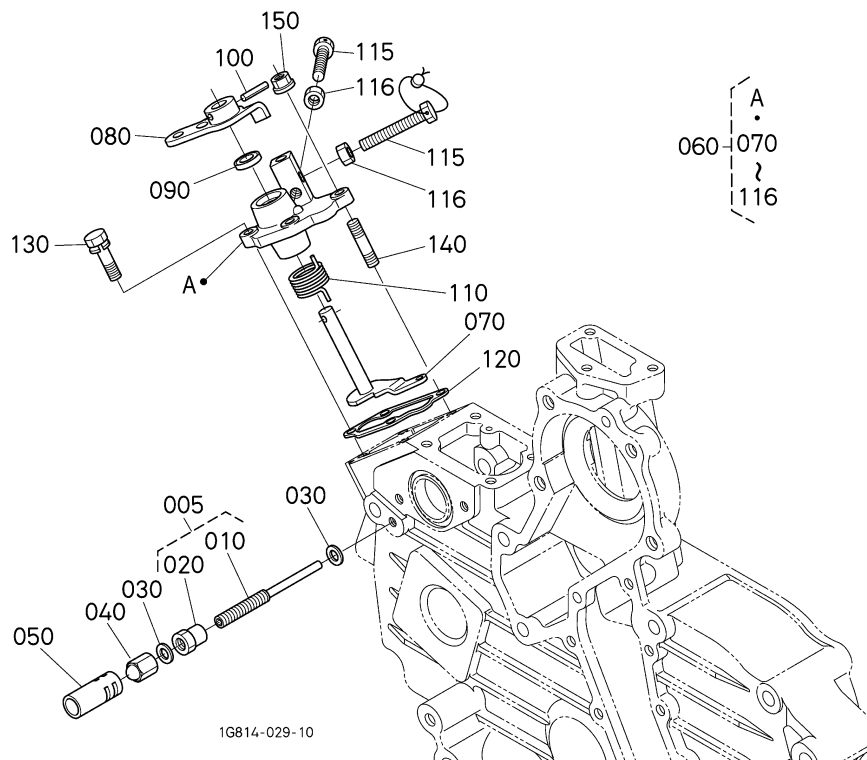
A:V2403-M-DI-TE2-SU1

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

**317000 ĐĨA ĐIỀU KHIỂN TỐC ĐỘ [CŨ]
SPEED CONTROL PLATE [OLD]**

Số sê-ri ;A:<=7FZZ999



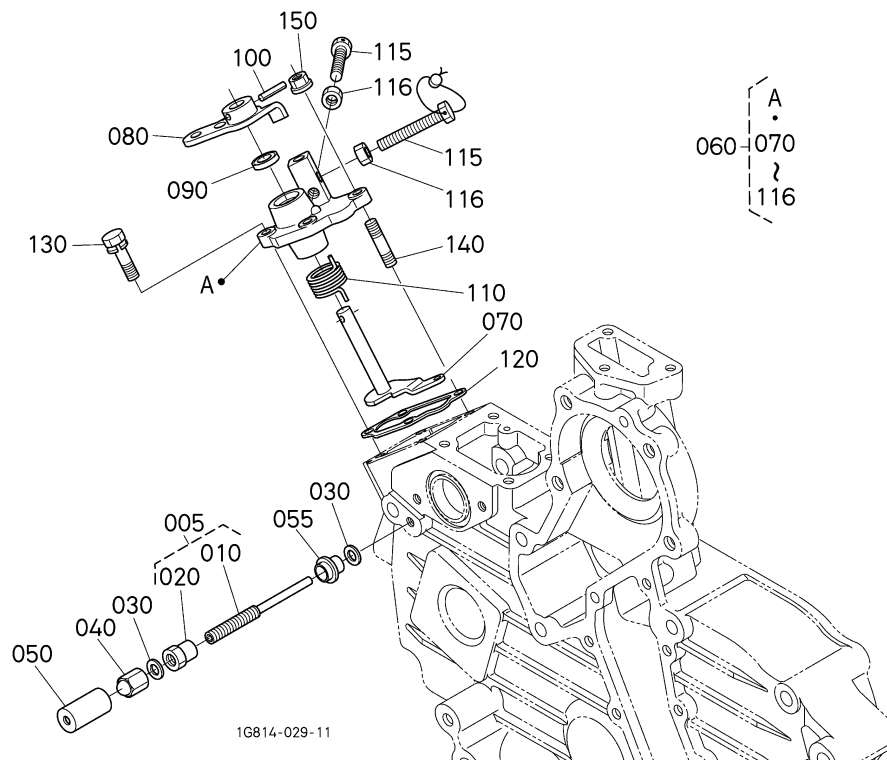
A:V2403-M-DI-TE2-SU1

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

**317001 ĐĨA ĐIỀU KHIỂN TỐC ĐỘ [CŨ]
SPEED CONTROL PLATE [OLD]**

Số sê-ri: A: 7GA0001 to 7GPZ999



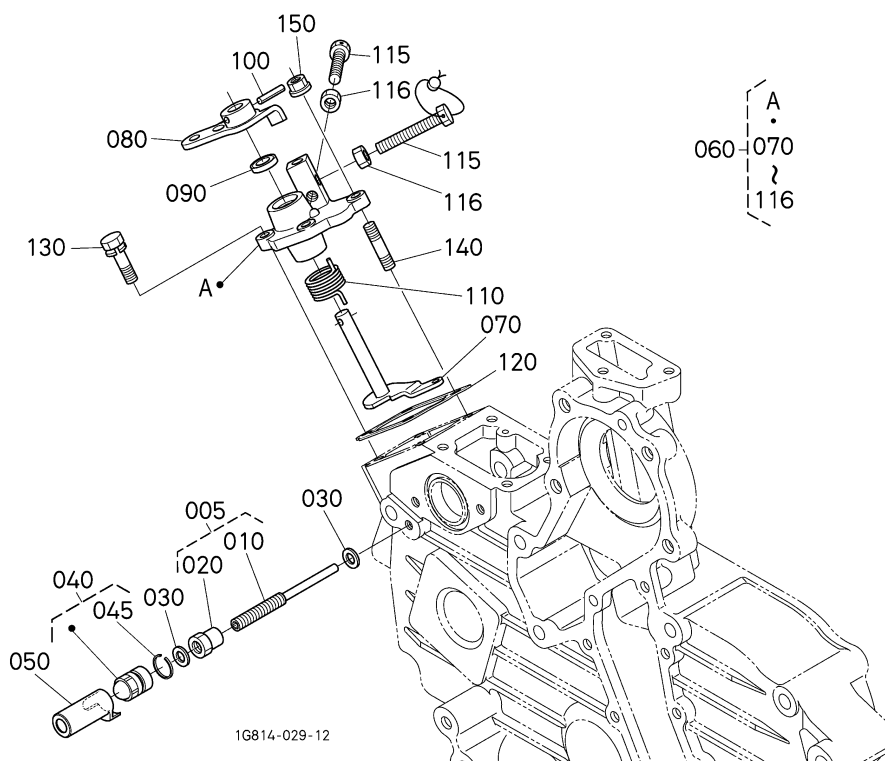
A:V2403-M-DI-TE2-SU1

[illegible]

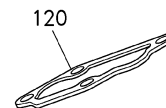
$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

**317002 ĐĨA ĐIỀU KHIỂN TỐC ĐỘ [MỚI]
SPEED CONTROL PLATE [NEW]**

Số sê-ri;A:>=7GQ0001



OLD



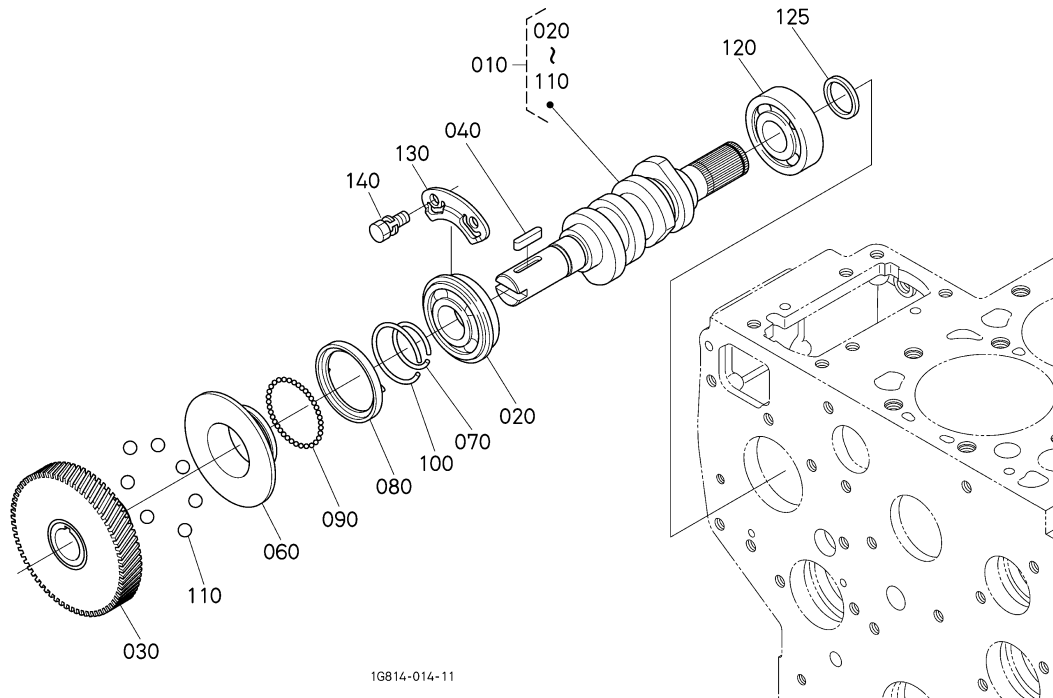
1J818-806-10

A:V2403-M-DI-TE2-SU1

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**322000 NHIÊN LIỆU TRỤC CAM
FUEL CAMSHAFT**

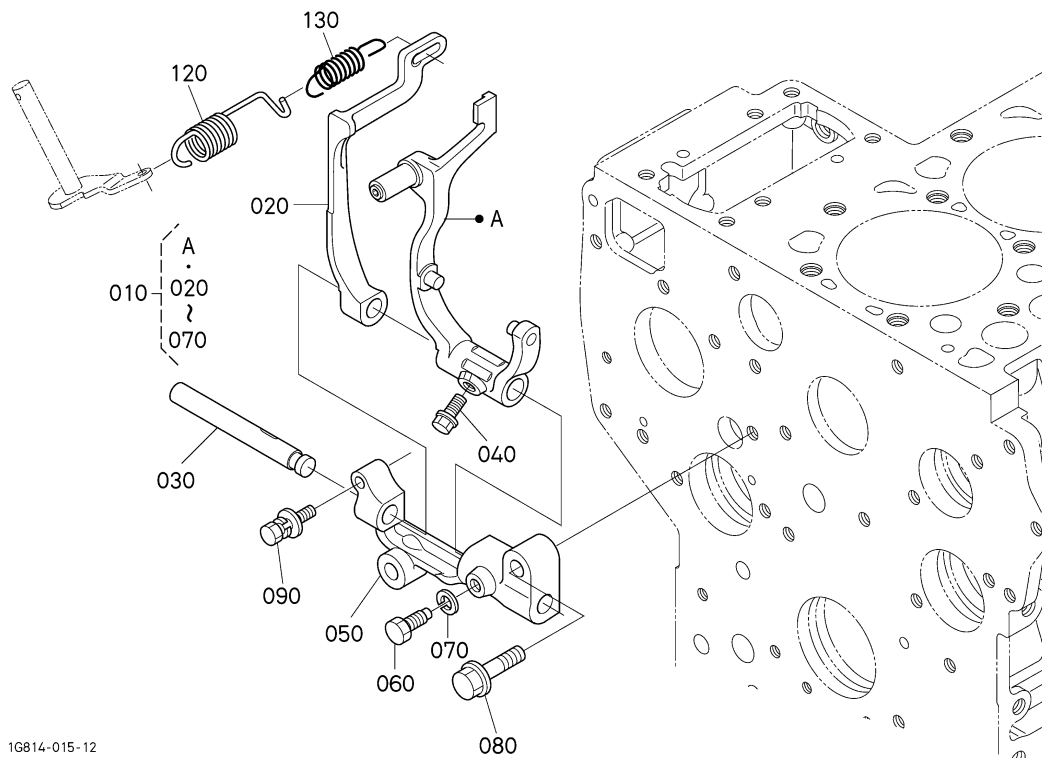


A:V2403-M-DI-TE2-SU1

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

**323000 BỘ ĐIỀU CHỈNH
GOVERNOR**



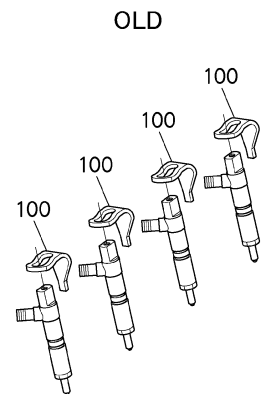
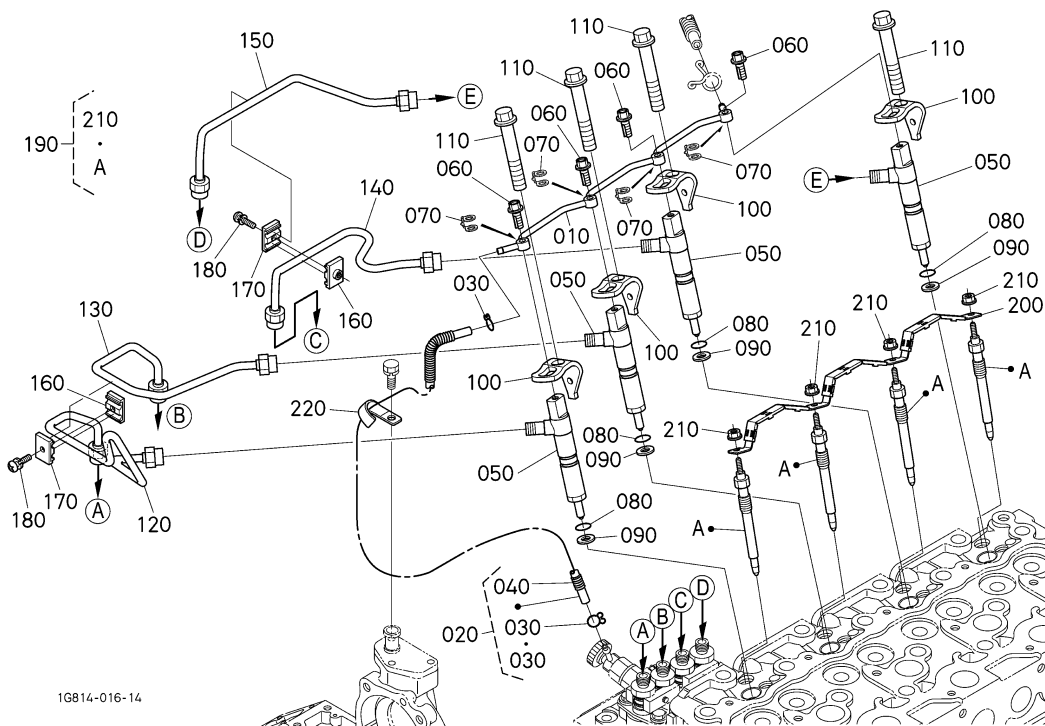
A:V2403-M-DI-TE2-SU1

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

340000 GIÁ ĐỖ VỎI PHUN VÀ BUGI SẤY NÓNG

NOZZLE HOLDER AND GLOW PLUG

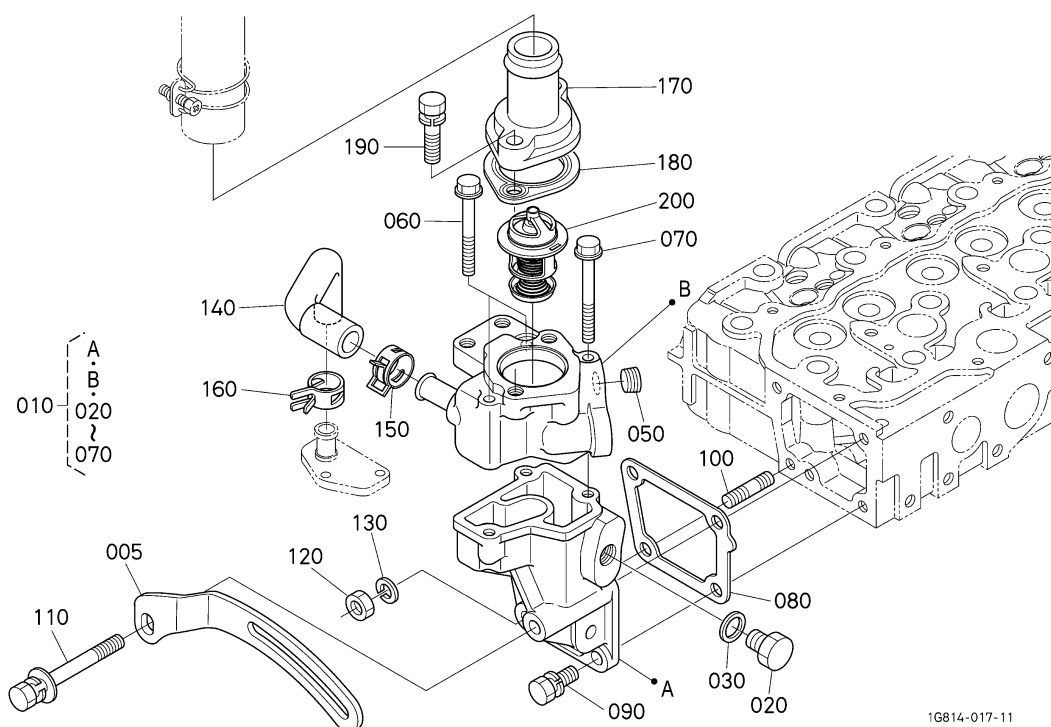


A:V2403-M-DI-TE2-SU1

SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/SỐ SẴN Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	1G911-4250-0	KẾT CẤU ỒNG, CHẢY TRÀN	ASSY PIPE, OVER FLOW	1		
020	1G461-4250-0	KẾT CẤU ỒNG, NHIÊN LIỆU	TUBE ASSY, FUEL	1		
030	15271-4271-0	KẸP ỒNG	CLIP, PIPE	2		
040	34070-9925-0	XĂM	TUBE	1		
050	1G924-5300-4	KẾT CẤU GIÁ ĐỖ, VỎI PHUN	ASSY HOLDER, NOZZLE	4		
060	1C020-9581-0	BU LÔNG, KHỚP BÀN LỀ	BOLT (JOINT, SWV PIPE)	4		
070	1C020-9673-0	ĐỆM LÓT	GASKET	4		#
070	1J550-9673-0	ĐỆM LÓT	GASKET	4		#
080	04814-00150	VÒNG CHỮ O	O RING	4		#
090	1G796-5362-0	ĐỆM LÓT	PACKING	4		
100	1G852-5345-0	VÒNG SIẾT, VỎI PHUN	CLAMP, NOZZLE	4		#
100	1G491-5345-0	VÒNG SIẾT, VỎI PHUN	CLAMP (NOZZLE)	4		#
110	1G911-5344-0	BU LÔNG, SIẾT	BOLT, FLANGE	4		
120	1G730-5371-2	ỒNG, PHUN	PIPE, INJECTION	1		
130	1G730-5372-0	ỒNG, PHUN	PIPE, INJECTION	1		
140	1G790-5373-0	ỒNG, PHUN	PIPE, INJECTION	1		
150	1G790-5374-0	ỒNG, PHUN	PIPE, INJECTION	1		
160	15841-5385-0	VÒNG SIẾT, ỒNG	CLAMP, PIPE	2		
170	15841-5386-0	VÒNG SIẾT, ỒNG	CLAMP, PIPE	2		
180	03024-50520	ĐINH VÍT, VỚI VÒNG ĐỆM	SCREW, SEMS (PAN HEAD)	2		
190	1G852-6551-2	BUGI SẤY NÓNG	GLOW PLUG	4		
200	1G796-6556-0	DÂY, BUGI SẤY NÓNG	CORD (GLOW PLUG)	1		
210	02761-50040	ĐAI ỐC, MẶT BÍCH	NUT, FLANGE	4		
220	15241-6758-0	VÒNG SIẾT, DÂY	CLAMP, CORD	1		

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

360000 MẶT BÍCH NƯỚC VÀ BỘ ĐIỀU NHIỆT WATER FLANGE AND THERMOSTAT



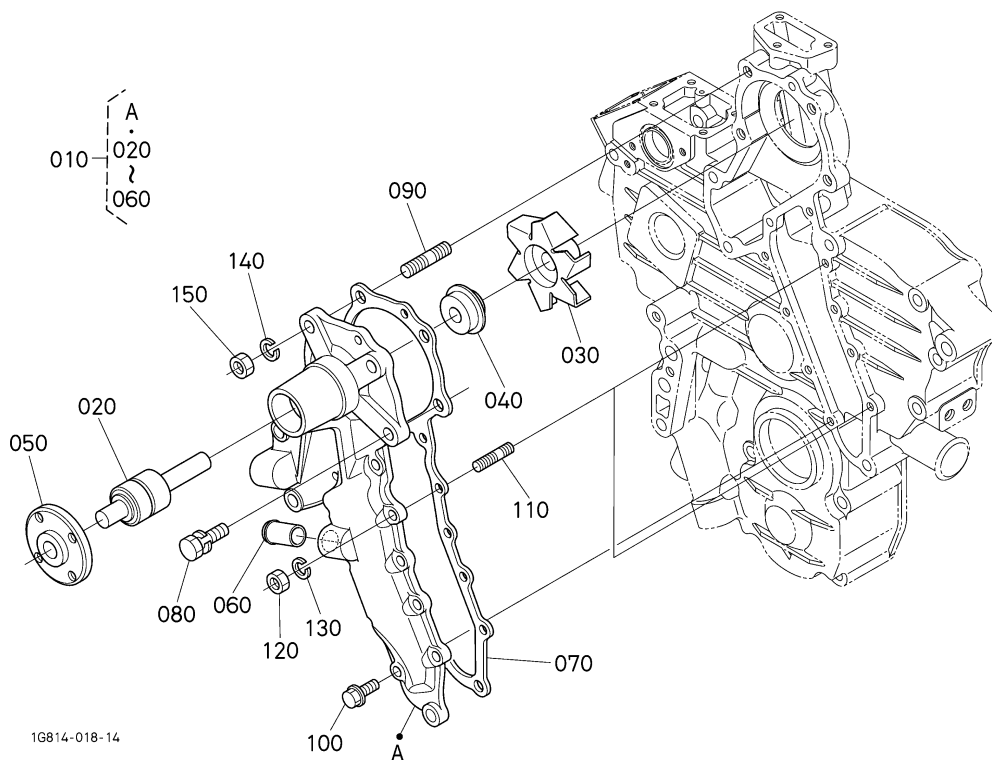
1G814-017-11

A:V2403-M-DI-TE2-SU1

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

361000 MÁY BƠM NƯỚC
WATER PUMP

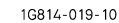


A:V2403-M-DI-TE2-SU1

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

371000

ỐNG NẠP INLET MANIFOLD

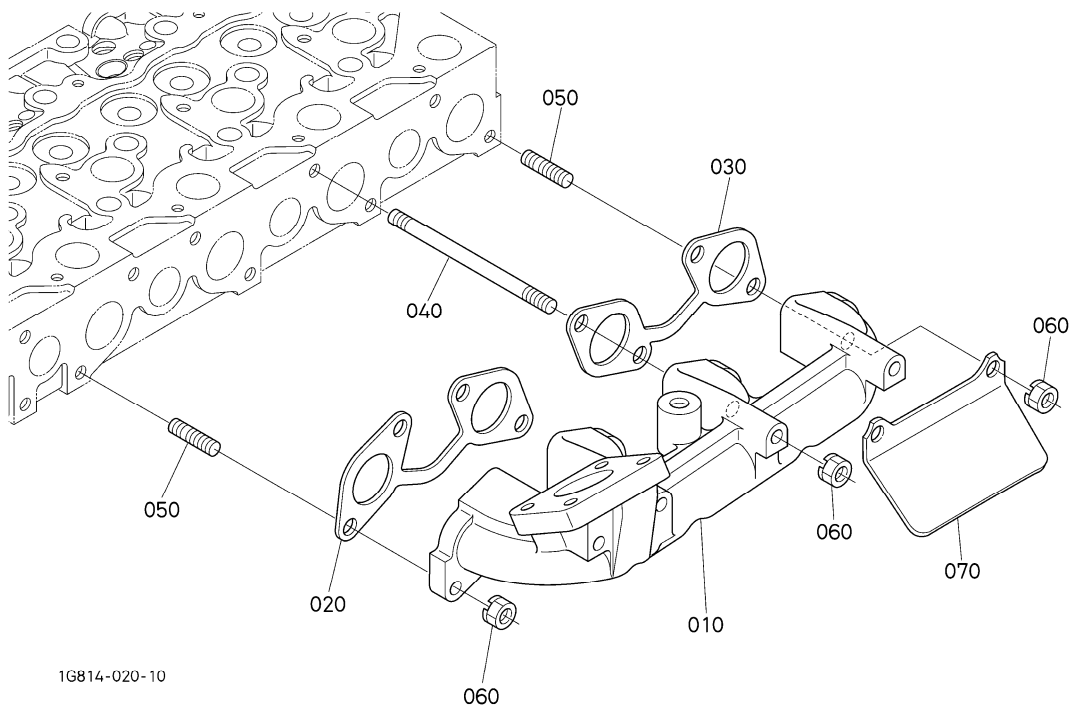


A:V2403-M-DI-TE2-SU1

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

372000

ÔNG XÃ EXHAUST MANIFOLD



A:V2403-M-DI-TE2-SU1

[illegible]

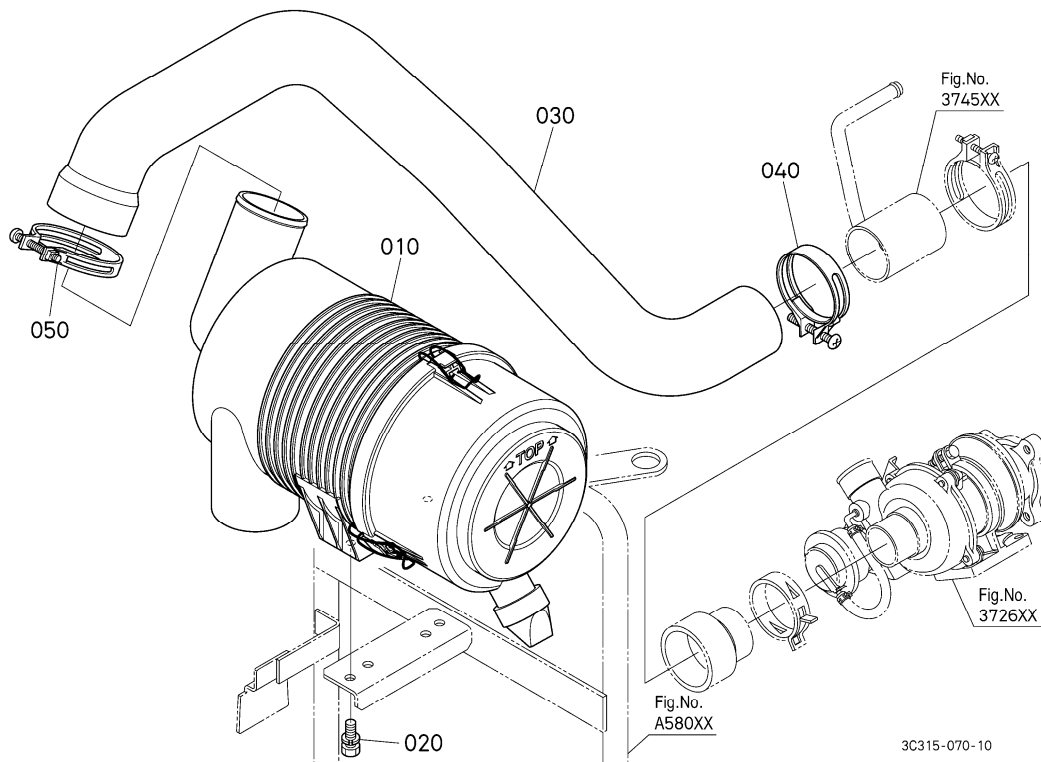
372600



A:V2403-M-DI-TE2-SU1

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

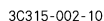
**373000 BỘ LỌC KHÍ
AIR CLEANER**



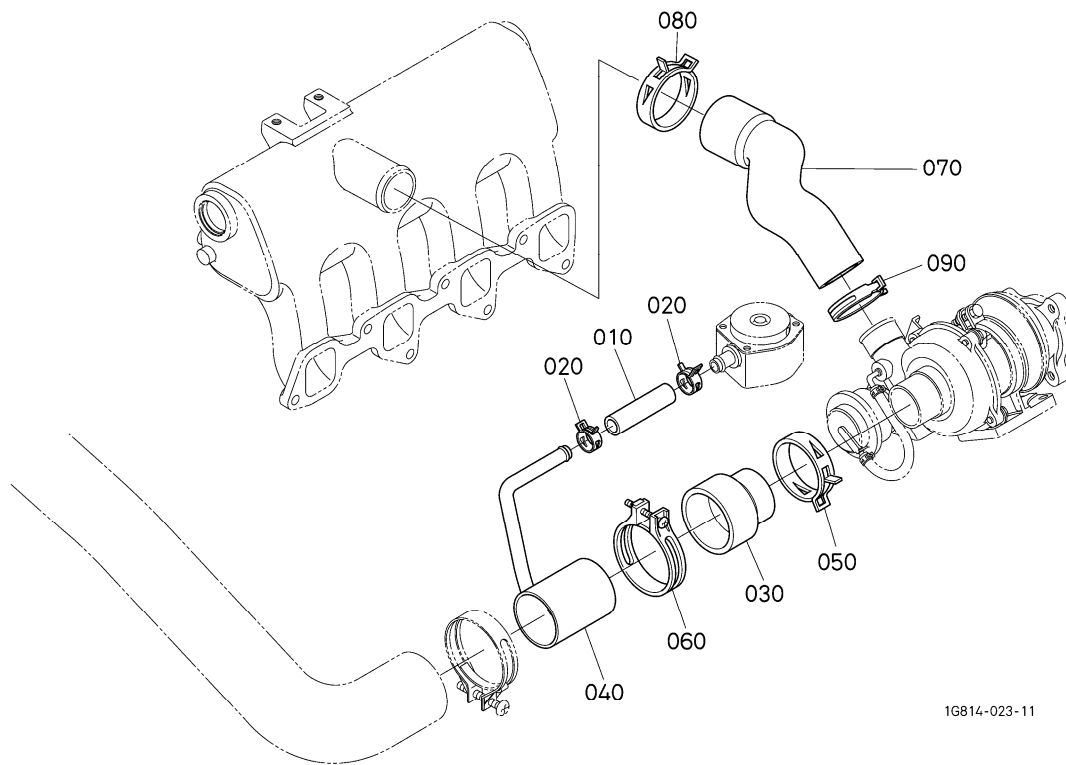
A:M6040SU

[illegible]

373500

[illegible]

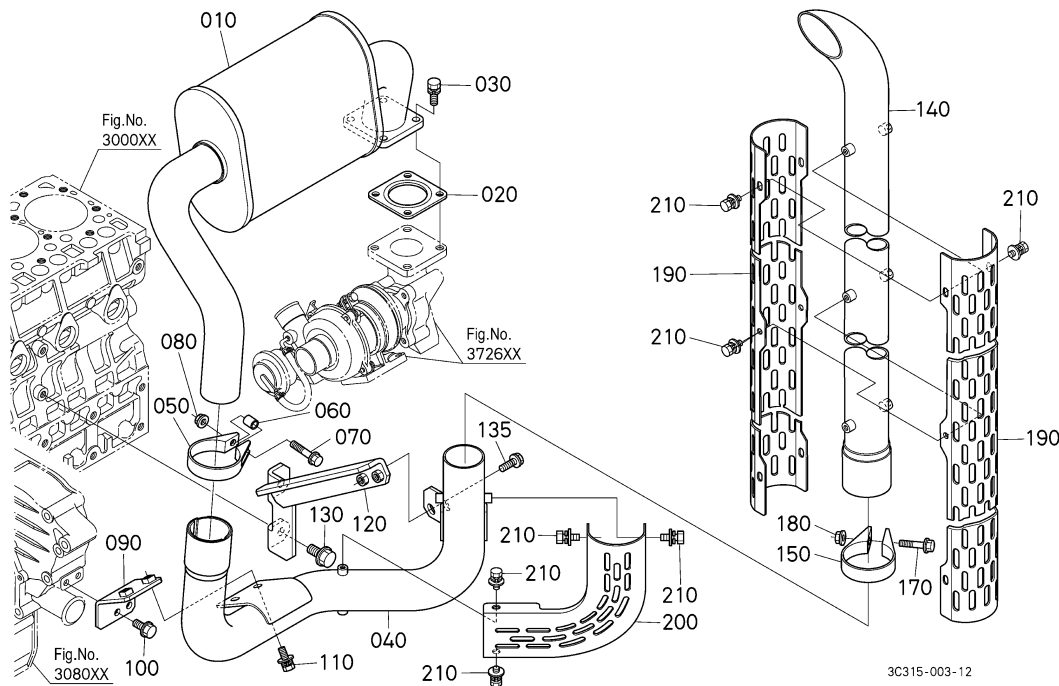
374500



1G814-023-11

A:V2403-M-DI-TE2-SU1

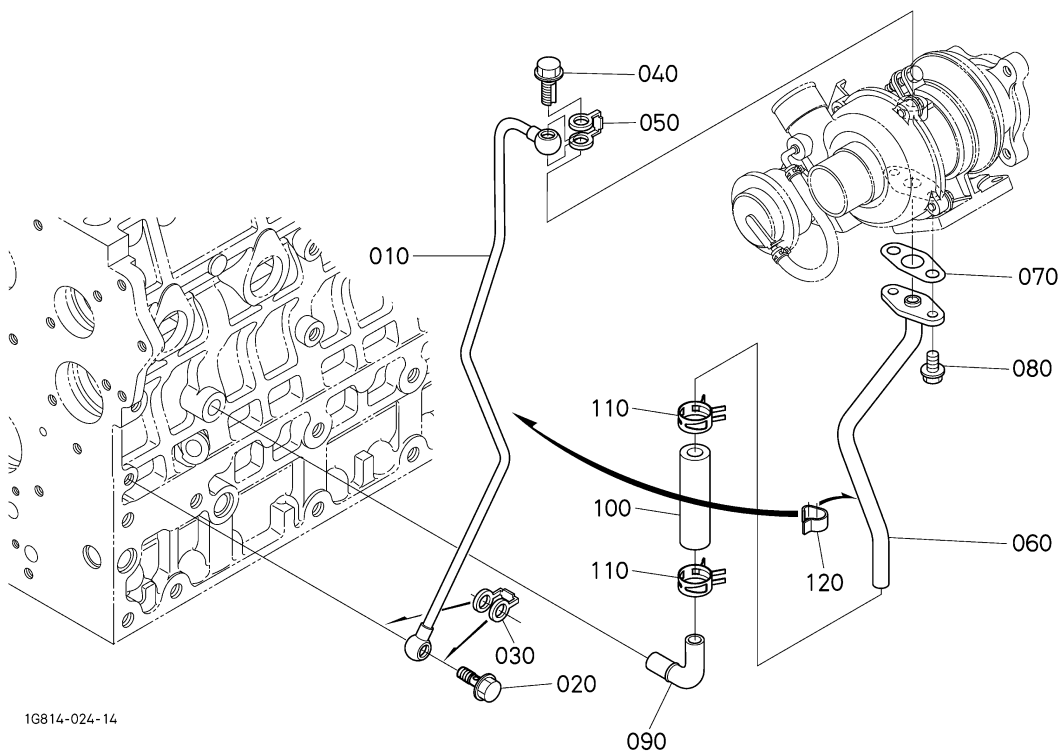
**375000 ÔNG BÔ
MUFFLER**



A:M6040SU

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

380000 **ỐNG DẪN DẦU (BỘ PHẬN NÉN TURBO)**
OIL PIPE (TURBO CHARGER)

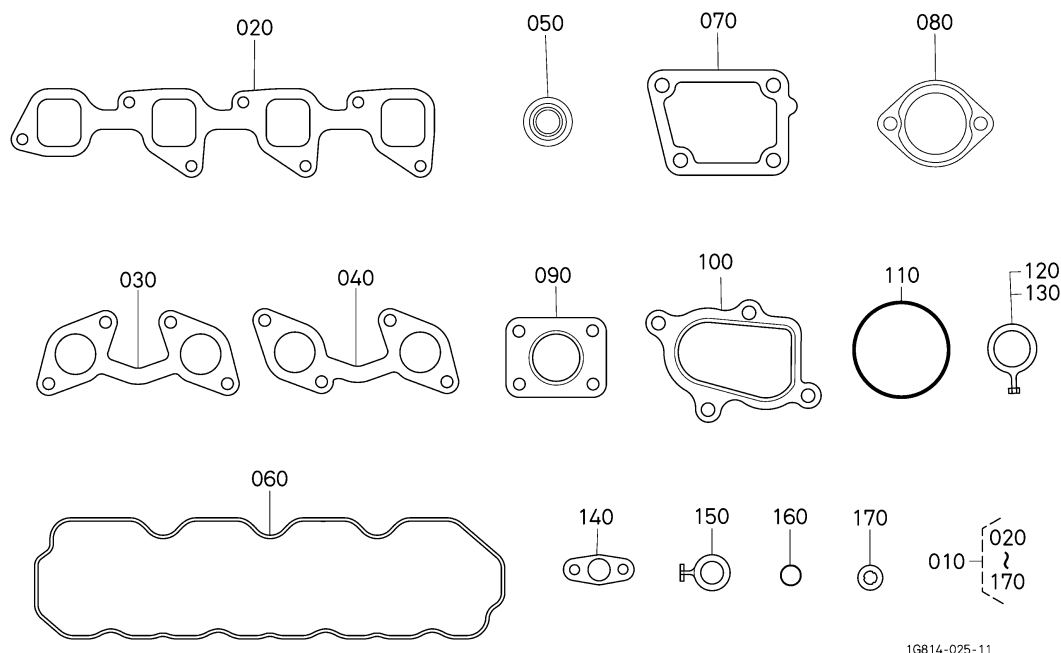


A:V2403-M-DI-TE2-SU1

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

**391000 BỘ GIOĂNG PHÍA TRÊN
UPPER GASKET KIT**



1G814-025-11

OLD



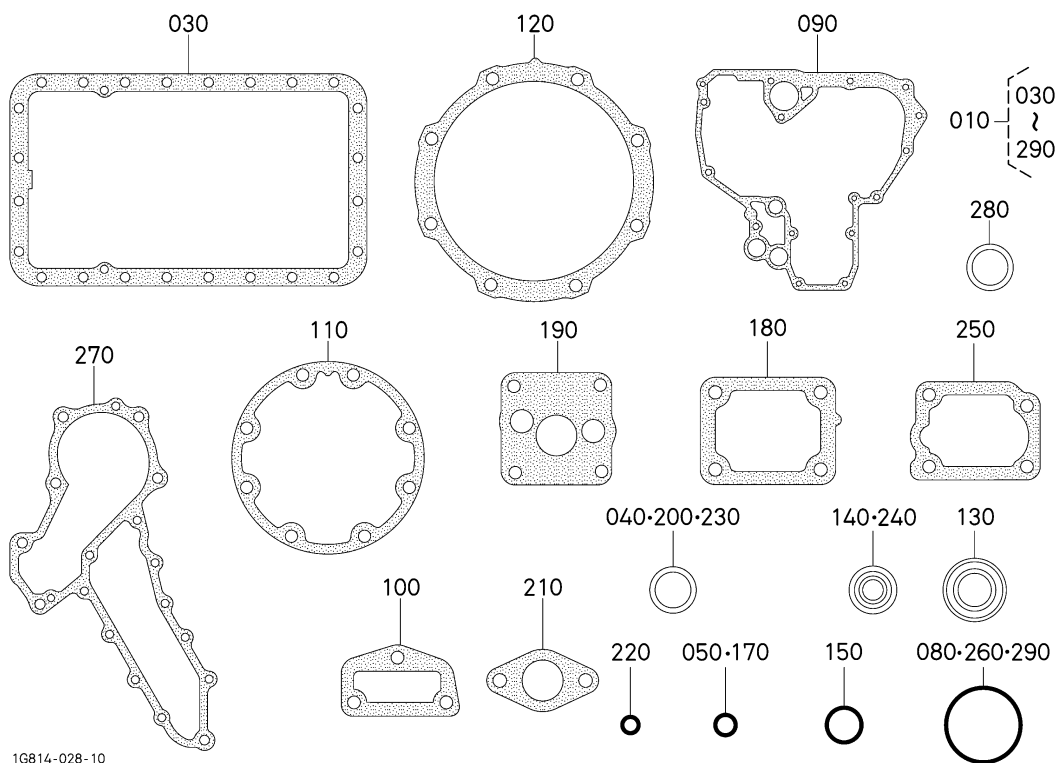
1G814-824-10

A:V2403-M-DI-TE2-SU1

↔ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

392000 BỘ GIOĂNG PHÍA DƯỚI

LOWER GASKET KIT



1G814-028-10

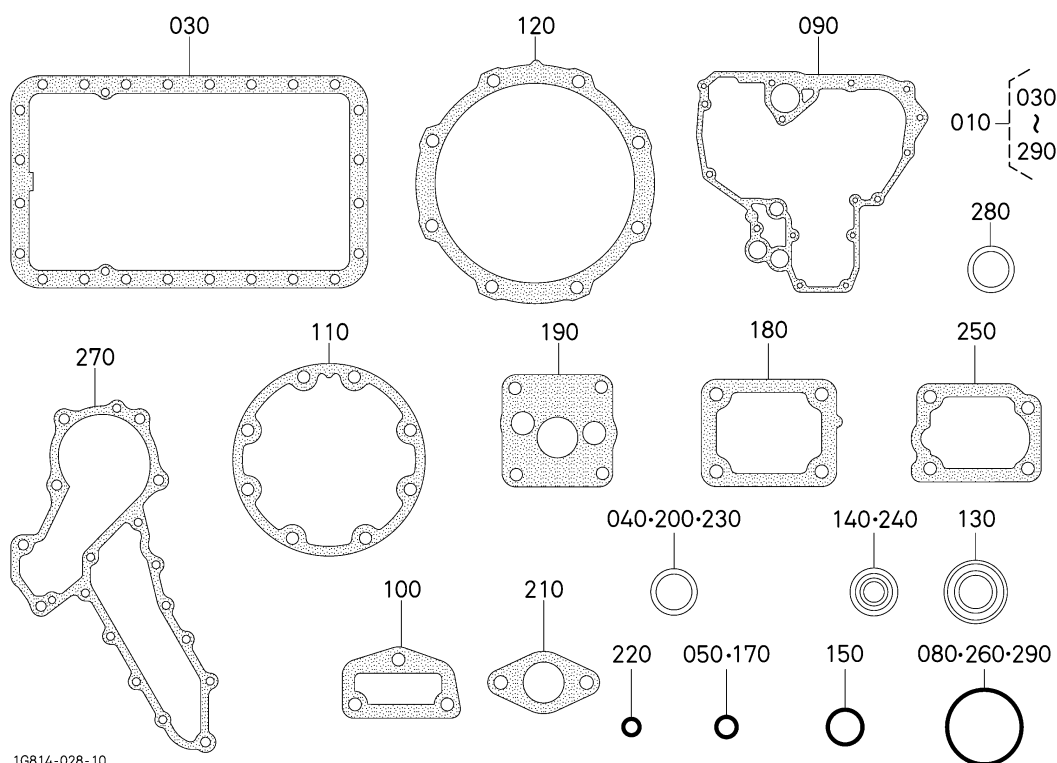
1G814-821-10

A:V2403-M-DI-TE2-SU1

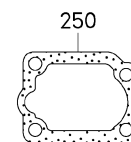
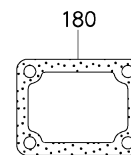
SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/Số sê-ri Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	1G814-9936-3	BỘ GIOĂNG PHÍA DƯỚI	KIT GASKET, LOWER	1		
020	----	TRỐNG	BLANK	-		
030	1A091-0162-0	ĐỆM LÓT, BỂ DẦU	GASKET, OIL PAN	1		
040	6C090-5896-0	GIOĂNG	GASKET	2		
050	04817-00150	VÒNG CHỮ O	O RING	3		
060	----	TRỐNG	BLANK	-		
070	----	TRỐNG	BLANK	-		
080	19202-9683-0	VÒNG CHỮ O	O RING	1		
090	1G896-0413-0	ĐỆM LÓT, HỘP SỐ	GASKET, GEAR CASE	1		
100	1A021-7333-2	ĐỆM LÓT, MẶT BÍCH THU HỒI	GASKET (RETURN FLANGE)	1		
110	1A091-0436-2	ĐỆM LÓT, THÂN Ổ TRỤC	GASKET, BEARING CASE	1		
120	1A091-0482-0	ĐỆM LÓT, NẮP HỘP	GASKET, CASE COVER	1		
130	16433-0446-0	HÀN KÍN, DẦU	SEAL, OIL	1		
140	1J826-0414-0	NHÂN, DẦU	SEAL, OIL	1		
150	04811-10300	VÒNG CHỮ O	O RING	1		
160	----	TRỐNG	BLANK	-		
170	04817-00160	VÒNG CHỮ O	O RING	1		
180	1A021-5166-0	ĐỆM LÓT, NẮP BƠM	GASKET, PUMP COVER	1 <=7HXZ999		#
180	1A021-5166-3	ĐỆM LÓT, NẮP BƠM	GASKET, PUMP COVER	1 >=7HY0001	←	#
190	1A021-3515-0	ĐỆM LÓT, BƠM DẦU	GASKET, OIL PUMP	1		
200	1G896-9665-0	ĐỆM LÓT	GASKET	2		
210	1G751-5214-0	ĐỆM LÓT, BƠM NHIÊN LIỆU	GASKET (FUEL PUMP)	1		
220	04814-00060	VÒNG CHỮ O	RING	1		
230	04724-00140	ĐỆM LÓT	GASKET	1		
240	16691-5798-0	NHÂN, DẦU	SEAL, OIL	1		
250	1A021-5721-2	ĐỆM LÓT, ĐĨA	GASKET, PLATE	1 <=7HXZ999		#
250	1J866-5721-0	ĐỆM LÓT, ĐĨA	GASKET	1 >=7HY0001	←	#
260	04814-06310	VÒNG CHỮ O	O RING	1		
270	1A021-7343-0	ĐỆM LÓT, BƠM NƯỚC	GASKET, WATER PUMP	1		
280	15601-9665-0	ĐỆM LÓT	PACKING	2		

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

392000 BỘ GIOĂNG PHÍA DƯỚI LOWER GASKET KIT



OLD



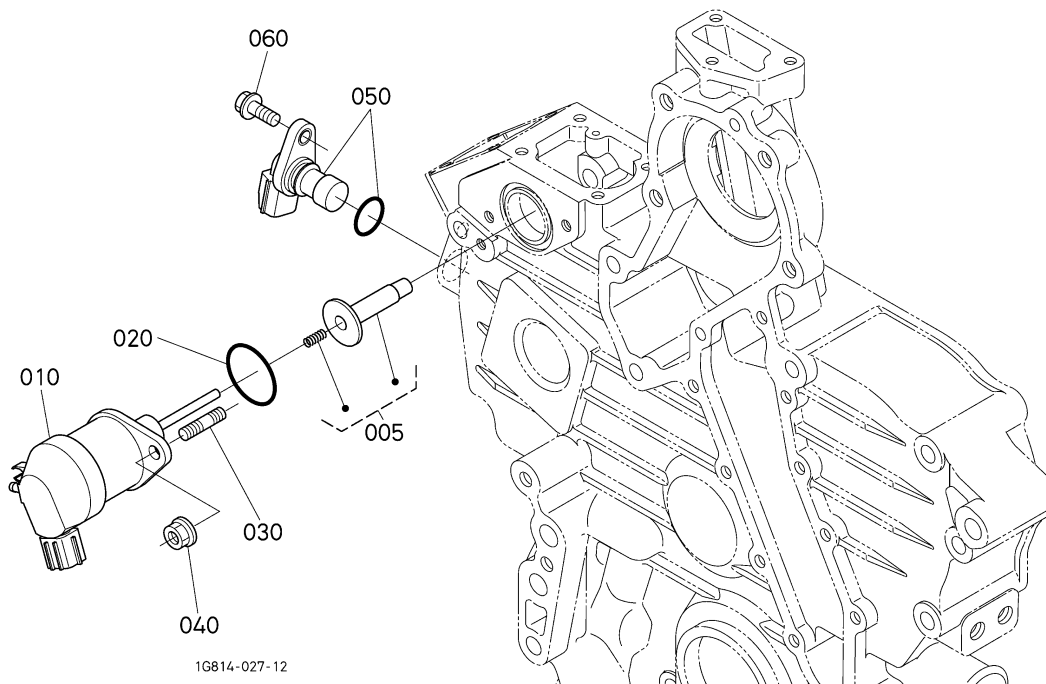
1G814-821-10

A:V2403-M-DI-TE2-SU1

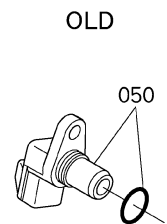
[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

395000 CÁC BỘ PHẬN ĐIỆN ĐỘNG CƠ
ENGINE ELECTRICAL PARTS



1G814-027-12



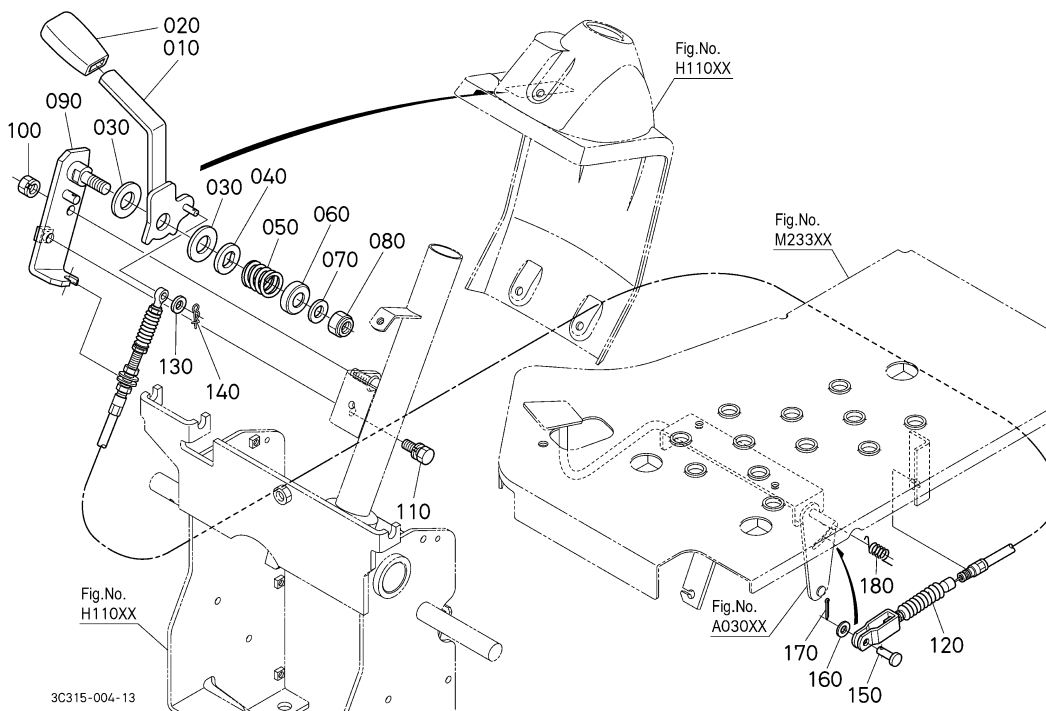
1G814-822-10

A:V2403-M-DI-TE2-SU1

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

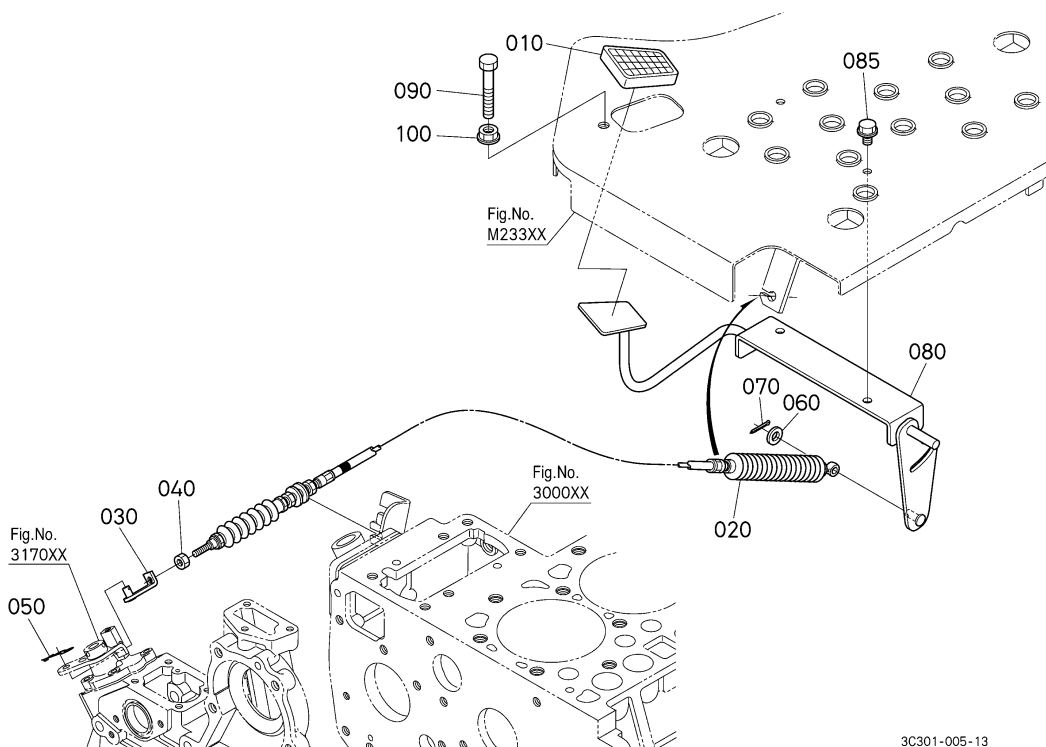
**A01000 CẦN GẠT TAY GA
HAND ACCELERATOR LEVER**



A:M6040SU

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

A03000 BÀN ĐẠP ACCELERATOR PEDAL

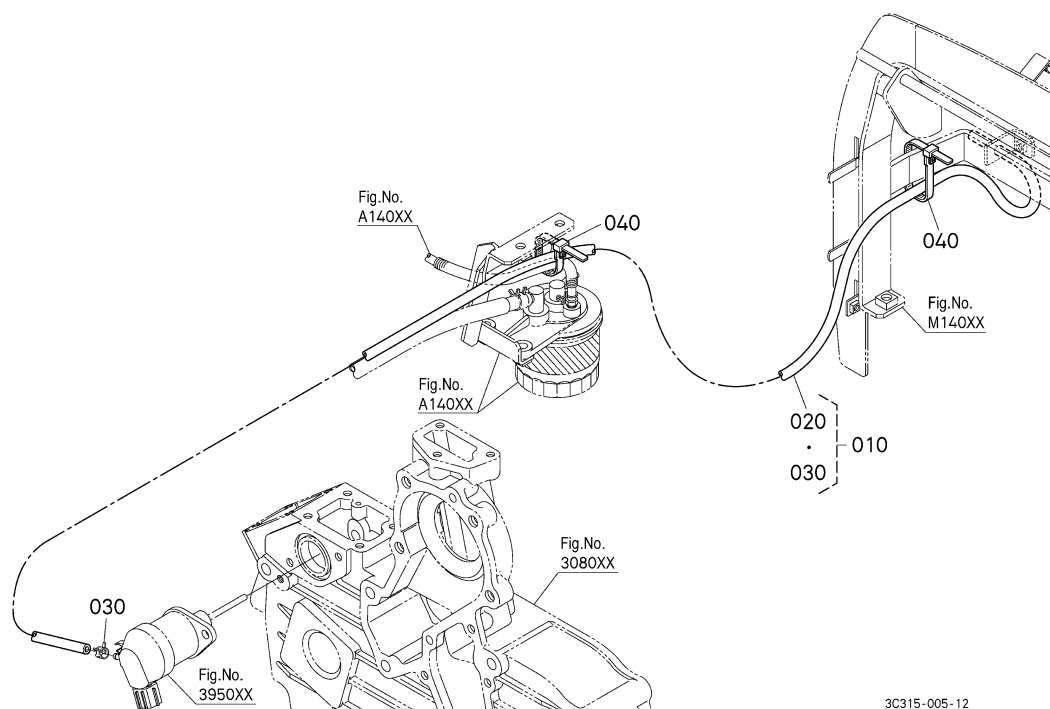


3C301-005-13

A:M6040SU

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**A09000 ỐNG THÔNG HƠI
SOLENOID BREATHER TUBE**



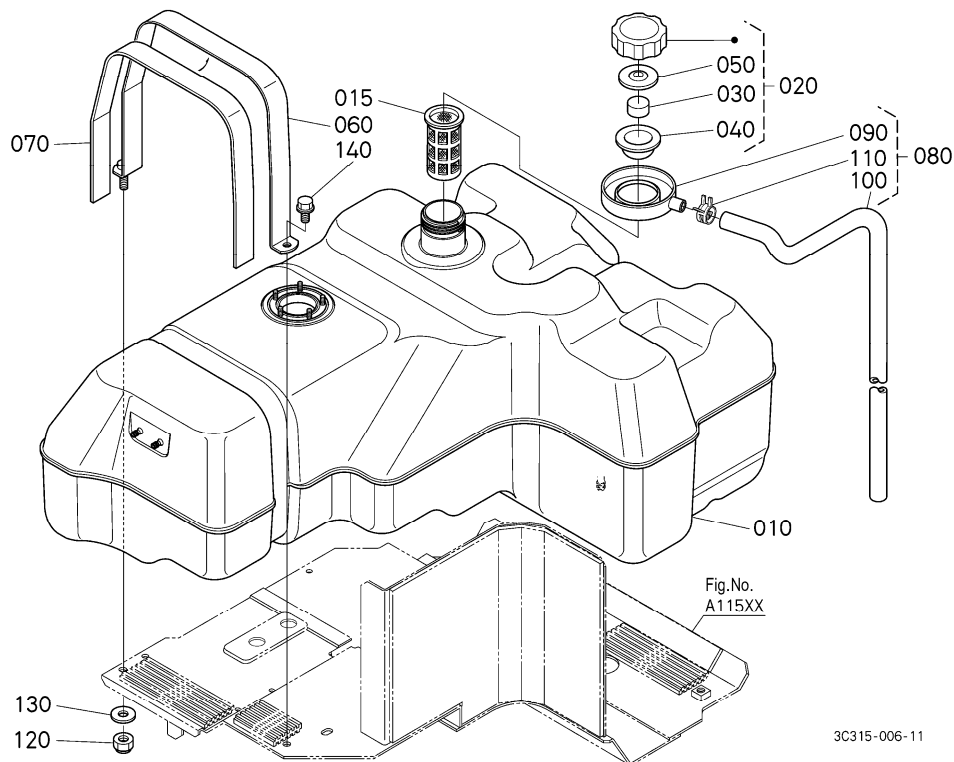
3C315-005-12

A:M6040SU

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

A11000



A:M6040SU

[illegible]

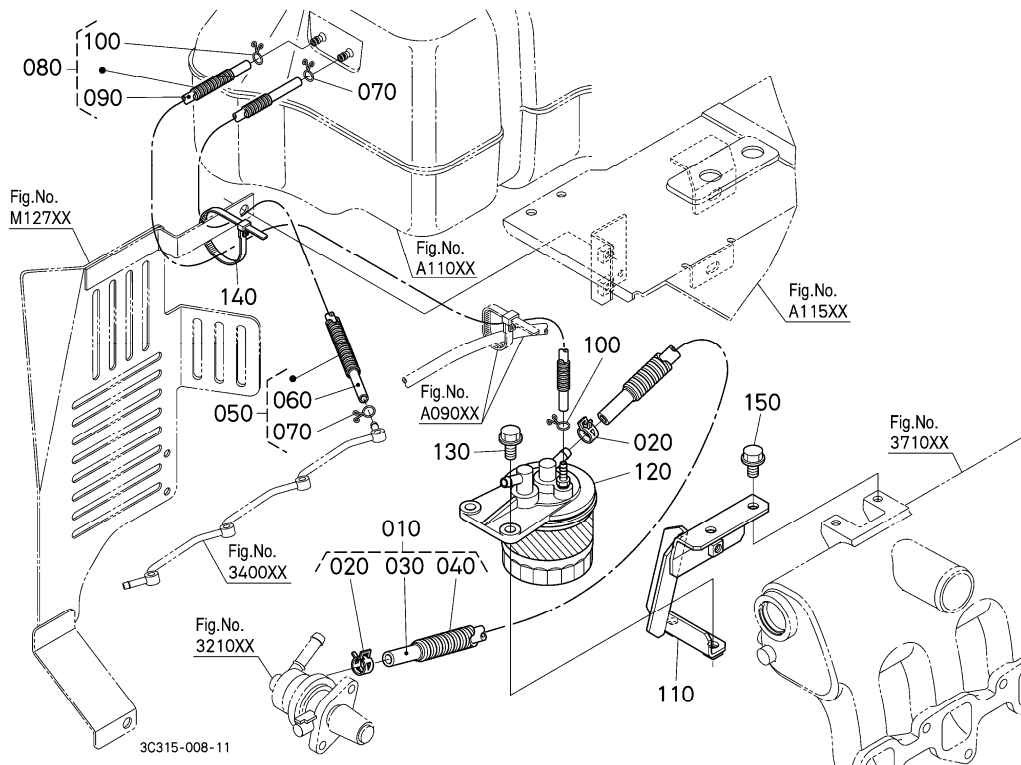
A11500



A:M6040SU

[illegible]

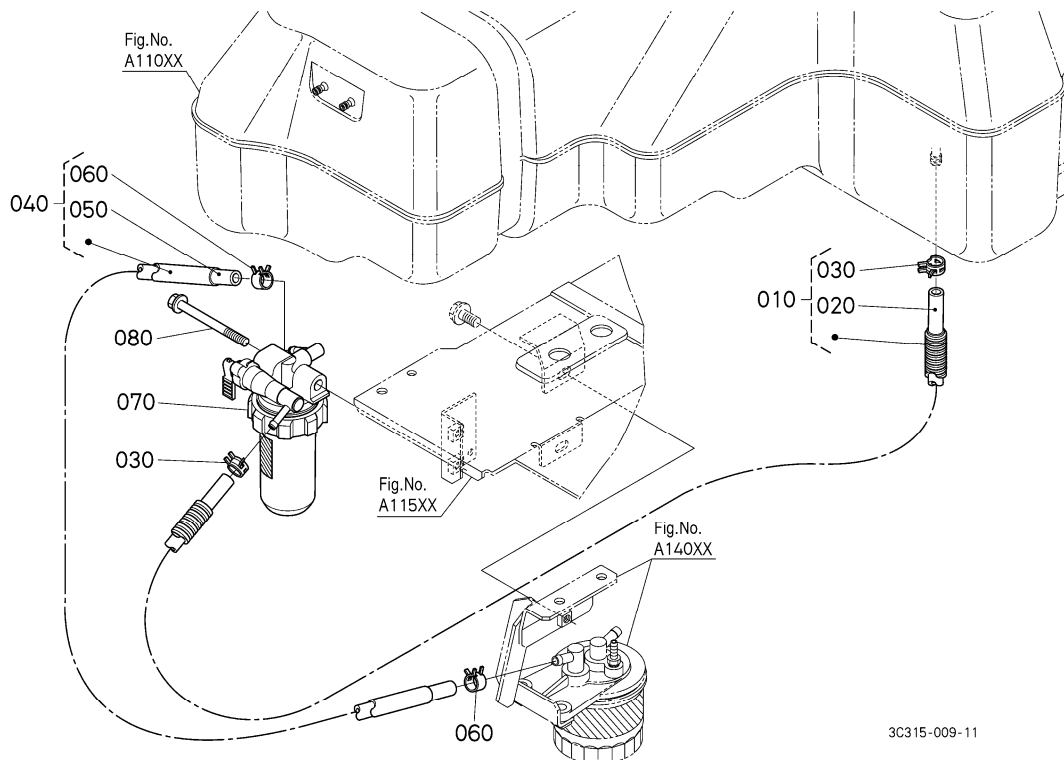
A14000 BỘ LỌC NHIÊN LIỆU FUEL FILTER AND PIPE



A:M6040SU

[illegible]

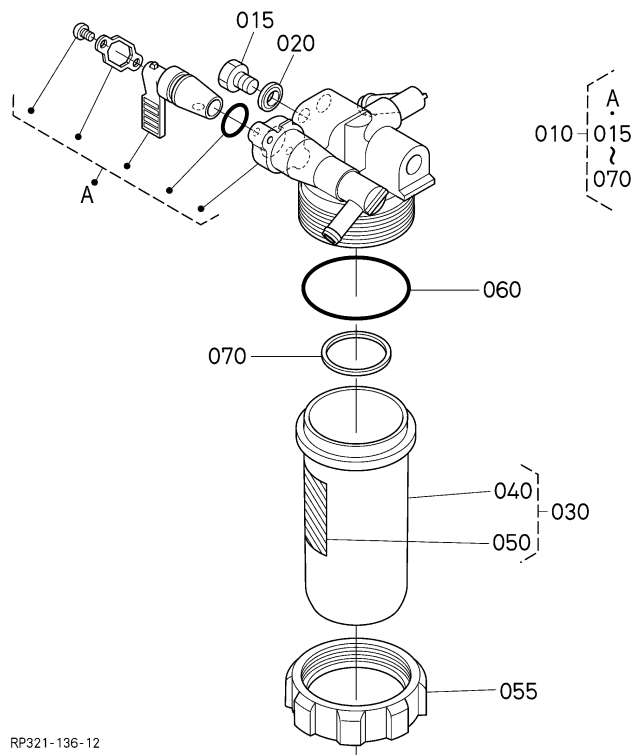
A15100



A:M6040SU

[illegible]

A16100 CỦA BỘ TÁCH [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH] SEPARATOR [COMPONENT PARTS]



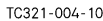
RP321-136-12

A:M6040SU

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

A18000

[illegible]

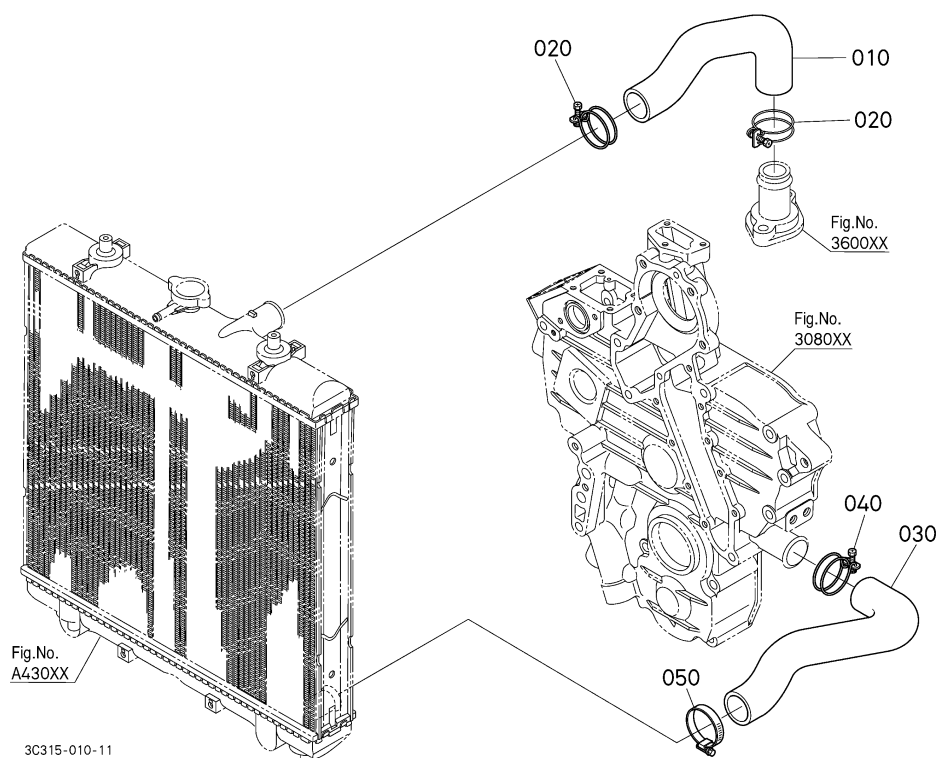
**A41000 QUAT
FAN**



A:M6040SU

[illegible]

A42000 ỐNG NƯỚC WATER PIPE

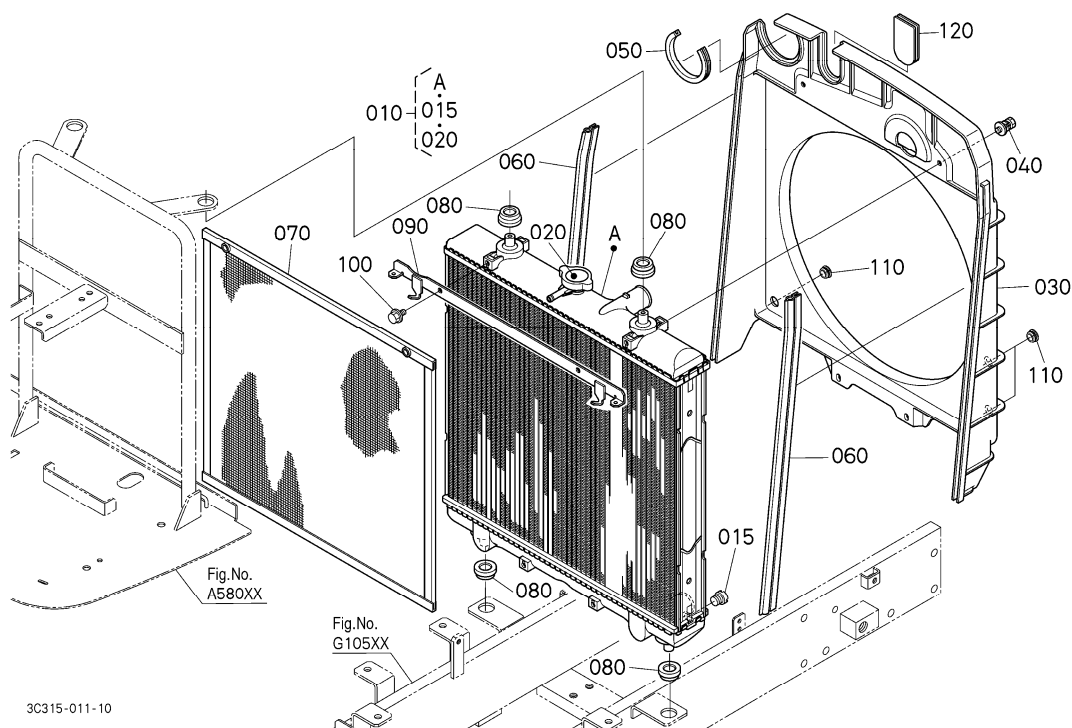


A:M6040SU

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

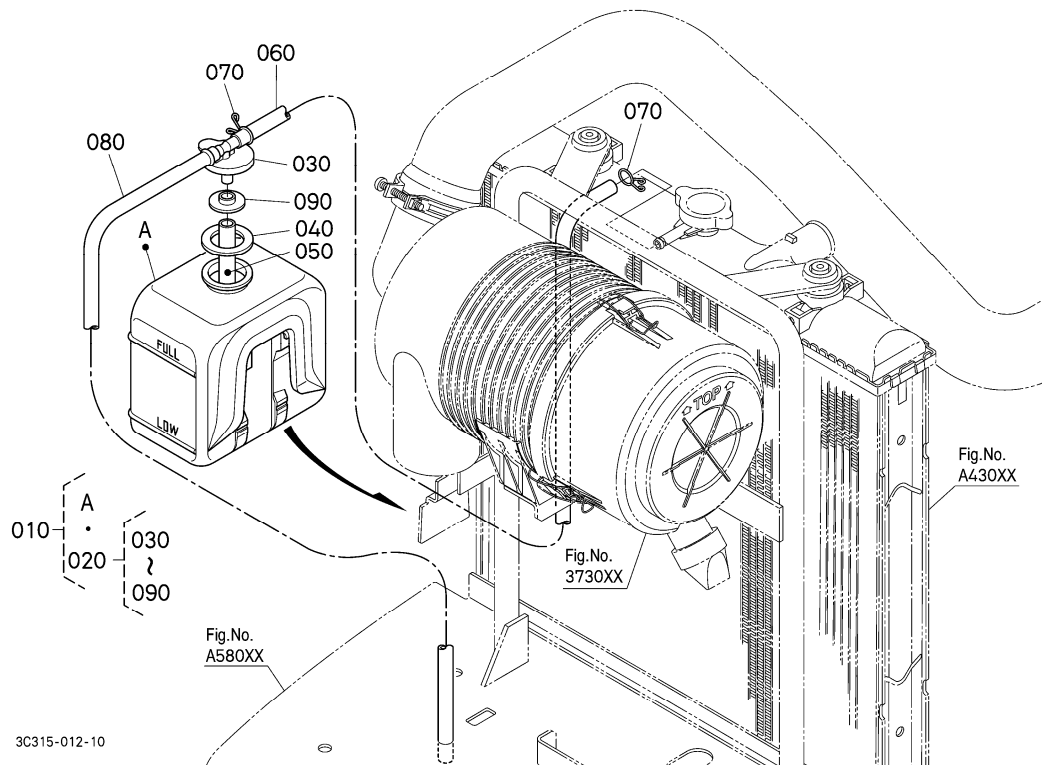
A43000



A:M6040SU

[illegible]

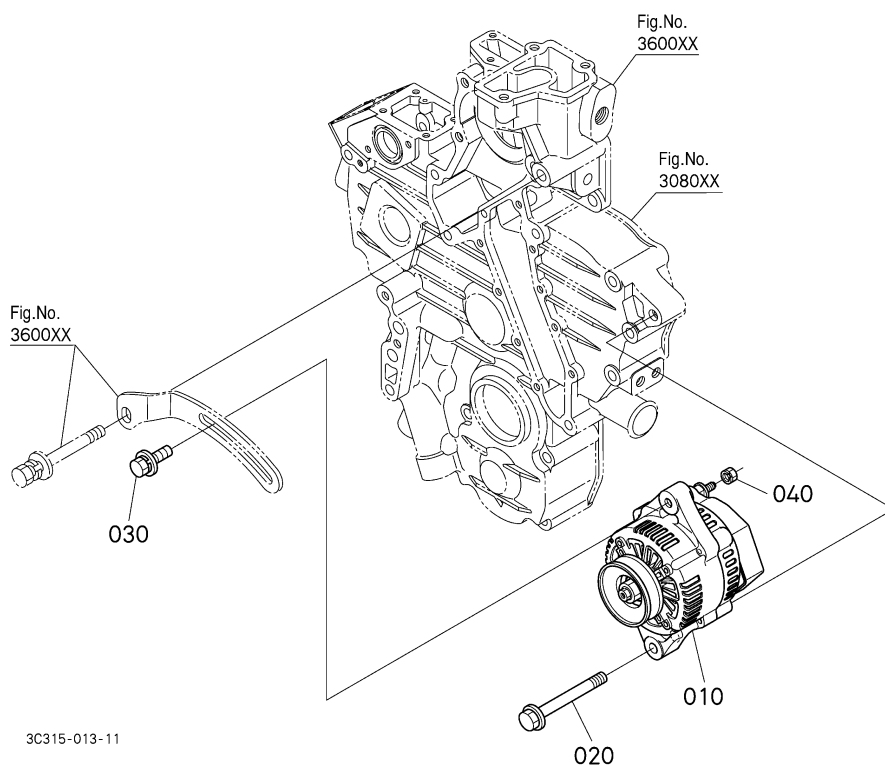
A45000



A:M6040SU

[illegible]

A54000 MÁY GIAO ĐIỆN ALTERNATOR



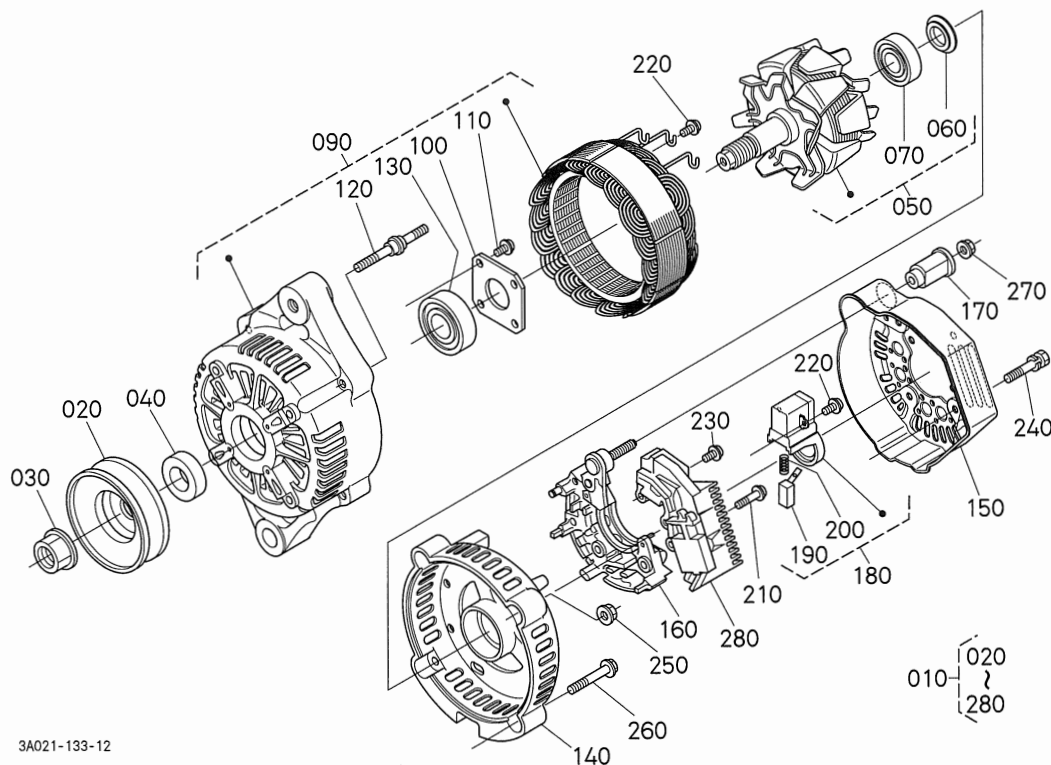
A:M6040SU

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

A55000 CỬA MÁY GIAO ĐIỆN [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH]

ALTERNATOR [COMPONENT PARTS]



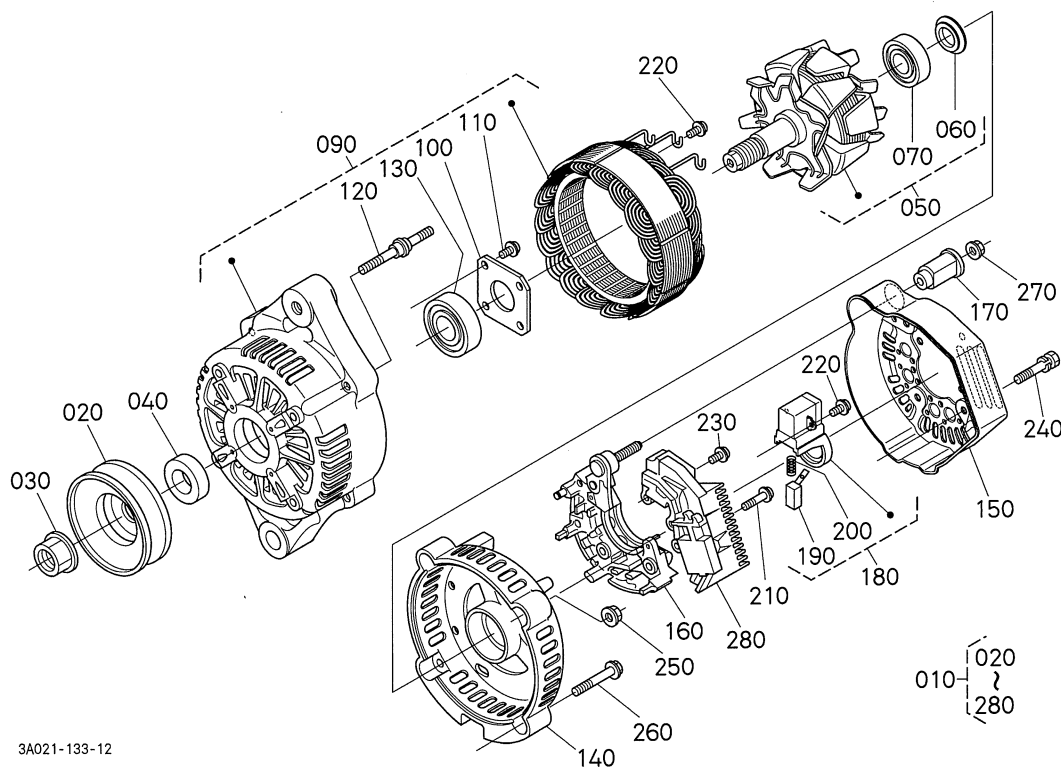
3A021-133-12

A:M6040SU

SỐ TRẠNG REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/Số sê-ri Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	3A011-7401-3	MÁY GIAO ĐIỆN	ALTERNATOR	1	#	
010	3A011-7401-4	MÁY GIAO ĐIỆN	ALTERNATOR	≤58775	←	#
020	16427-6411-0	PULI, MÁY GIAO ĐIỆN	PULLEY, ALTERNATOR	≥58776		
030	15881-9201-0	ĐINH ỐC	NUT	1		
040	15881-6415-0	VÒNG ĐAI	COLLAR	1		
050	66436-6404-0	RÔTÔ	ROTOR	1		
060	15881-6480-0	NẮP, Ổ TRỤC	COVER, BEARING	1		
070	16652-6477-0	Ổ, BÌ	BEARING BALL	1		
080	---	TRỐNG	BLANK	-		
090	66436-6402-0	KHUNG RƠI, ĐẦU DẪN ĐỘNG	FRAME, ASSY (DRIVE END)	1	#	
090	16678-6402-2	KHUNG RƠI, ĐẦU DẪN ĐỘNG	ASSY FRAME, DRIVE END	≤58775	←	#
100	15881-6471-0	ĐĨA, CHẶN	PLATE, RETAINER	≥58776		
110	15881-9301-0	ĐINH VÍT, ĐẦU TRÒN	SCREW, ROUND HEAD	4		
120	15881-6426-0	BULONG, XUYỀN	BOLT, THROUGH	2		
130	16652-6478-0	Ổ, BÌ	BRG, BALL	≤58775	#	
130	16652-6478-2	Ổ, BÌ	BEARING BALL	≥58776	←	#
140	16241-6406-0	KHUNG CUỐI	FRAME, END	1		
150	16231-6423-0	VỎ, CUỐI	COVER, END	1		
160	16241-6485-0	NẮP DÒNG RƠI	ASSY RECTIFIER	1		
170	16241-6490-0	ỐNG LÓT, CÁCH NHIỆT	BUSH INSULATION	1		
180	16652-6431-0	GIÁ ĐỖ, BÀN CHẢI	HOLDER BRUSH	1		
190	15881-6409-0	BÀN CHẢI	BRUSH	2		
200	15881-6433-0	LÒ SO, BÀN CHẢI	SPRING, BRUSH	2		
210	15881-9302-0	ĐINH VÍT, ĐẦU TRÒN	SCREW, ROUND HEAD	2		
220	15881-9303-0	ĐINH VÍT, ĐẦU TRÒN	SCREW, ROUND HEAD	6		
230	15881-9304-0	ĐINH VÍT, ĐẦU TRÒN	SCREW, ROUND HEAD	1		
240	15881-9104-0	BULONG	BOLT	3		
250	15881-9202-0	ĐINH ỐC	NUT	2		
260	15881-9105-0	BULONG	BOLT	2		
270	14182-9203-0	ĐINH ỐC	NUT	1		

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**A55000 CỬA MÁY GIAO ĐIỆN [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH]
ALTERNATOR [COMPONENT PARTS]**



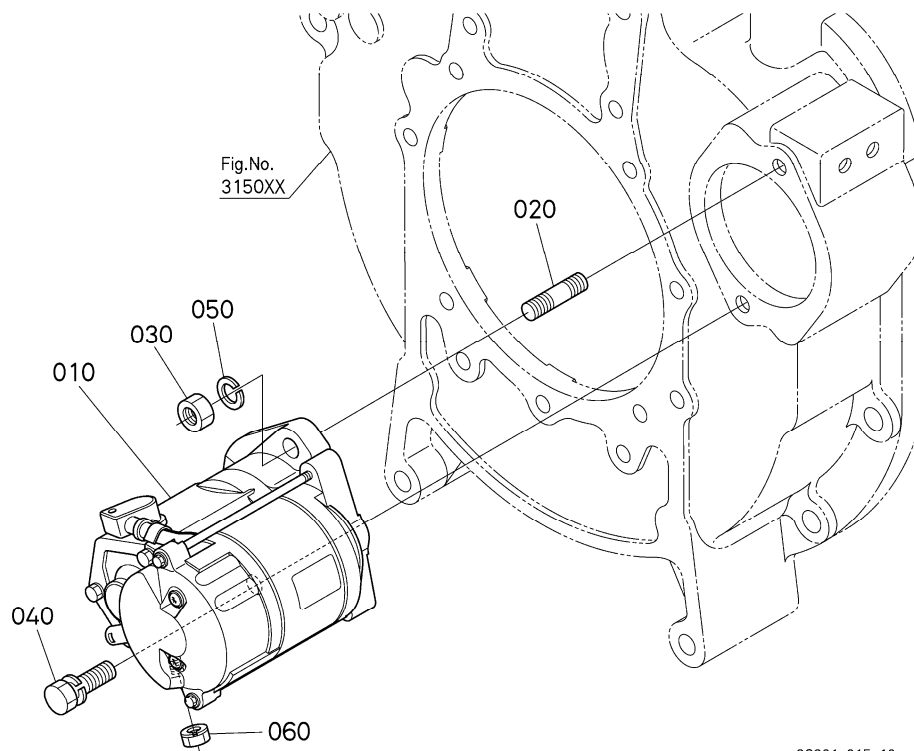
3A021-133-12

A:M6040SU

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

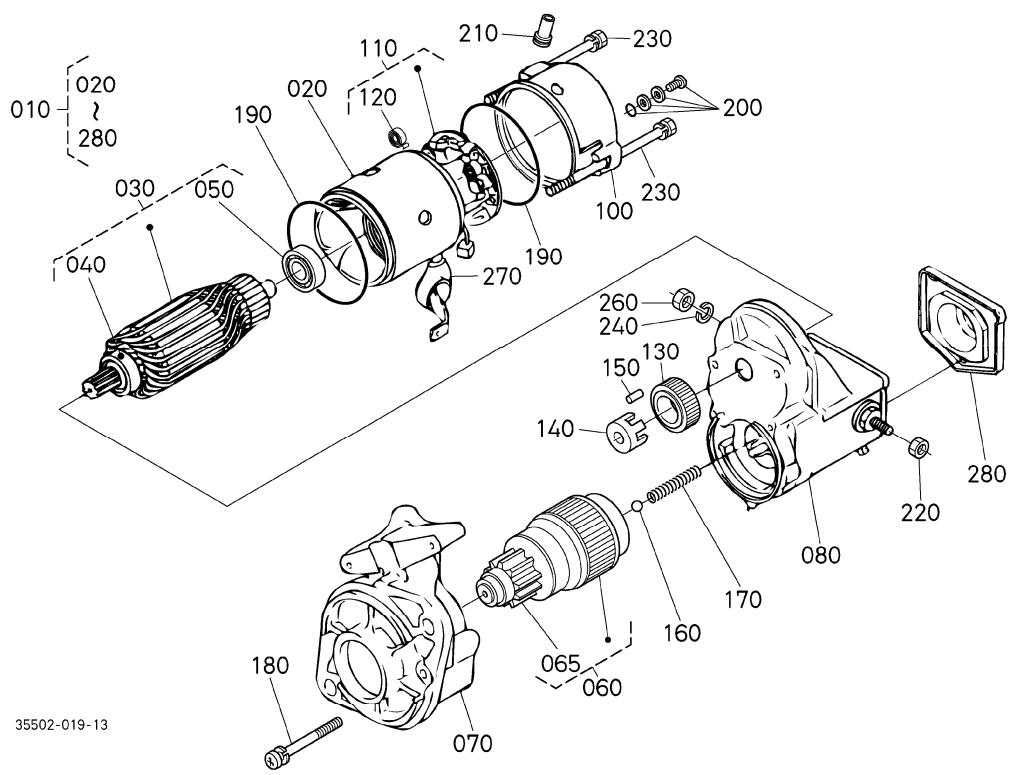
A56000



A:M6040SU

[illegible]

A57000 CỬA BỘ PHẬN KHỞI ĐỘNG [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH]
STARTER [COMPONENT PARTS]



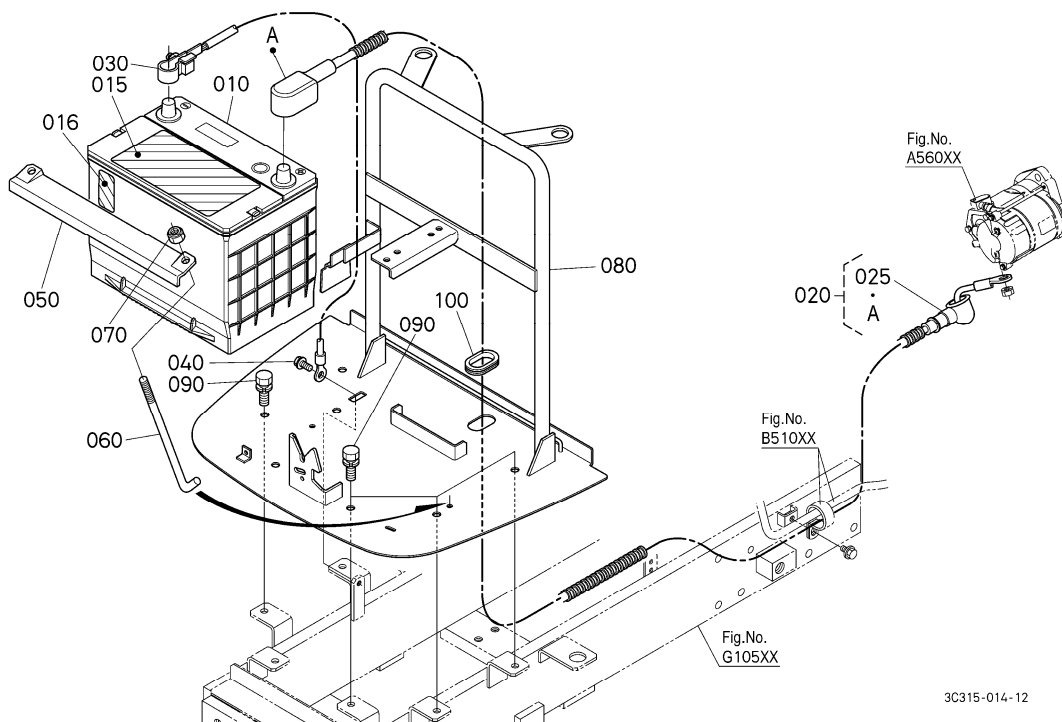
35502-019-13

A:M6040SU

SỐ THẠCH CHẾ REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/Số sê-ri Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	15621-6301-2	KẾT CẤU BỘ PHẬN KHỞI ĐỘNG	ASSY STARTER	1		
020	11197-6308-0	GÔNG	YOKU,ASSY	1		
030	11197-6307-0	PHẦN ỨNG	ARMATURE,ASSY	1		
040	11460-6350-0	Ổ TRỤC	BEARING	1		
050	11460-6353-0	Ổ TRỤC	BEARING	1		
060	15621-6304-0	LI HỢP RỜI	CLUTCH,OVER RUNNING	1		
065	11233-6328-0	BÁNH RĂNG	GEAR,PINION	1		
070	16661-6303-0	KHUNG, ĐẦU DẪN ĐỘNG	FRAME,DRIVE END	1		
080	11173-6302-0	KẾT CẤU CÔNG TÁC, NAM CHÂM	SWITCH,ASSY(MAGNETIC)	1		
090	----	TRỐNG	BLANK	-		
100	17341-6320-0	KHUNG, CUỐI	FRAME,END	1		
110	11197-6338-0	GIÁ ĐỖ RỜI,CHỔI	ASSY HOLDER,BRUSH	1		
120	15401-6339-0	LÒ XO, BÀN CHÁI	SPRING(BRUSH)	4		
130	11460-6327-0	BÁNH RĂNG	GEAR	1		
140	11460-6311-0	CÁI CHẶN	RETAINER	1		
150	19212-6310-0	TRỤC LĂN	ROLLER	5		
160	19212-9713-0	BÌ	BALL	1		
170	11460-6312-0	LÒ XO 1	SPRING	1		
180	11460-9331-0	BÚ LÔNG	BOLT	2		
190	15511-9666-0	VÒNG CHỮ O	O-RING	2		
200	15511-6376-0	BÚ LÔNG RỜI	BOLT,ASSY	2		
210	16285-6357-0	ỐNG, THẢO NƯỚC	PIPE(DRAIN)	1		
220	13963-9201-0	ĐAI ỐC, LỤC GIÁC	NUT(HEXAGON)	1		
230	11197-6332-0	BÚ LÔNG	BOLT	2		
240	04512-60080	VÒNG ĐỆM, LÒ XO	WASHER,SPRING	1		
250	----	TRỐNG	BLANK	-		
260	16285-9201-0	ĐAI ỐC, LỤC GIÁC	NUT(HEXAGON)	1		
270	11173-6313-0	VỎ,ĐIỂM CUỐI	COVER(TERMINAL)	1		
280	16285-9805-0	VỎ RỜI,XI LẠNH	COVER,ASSY	1		

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

A58000 AC QUY BATTERY



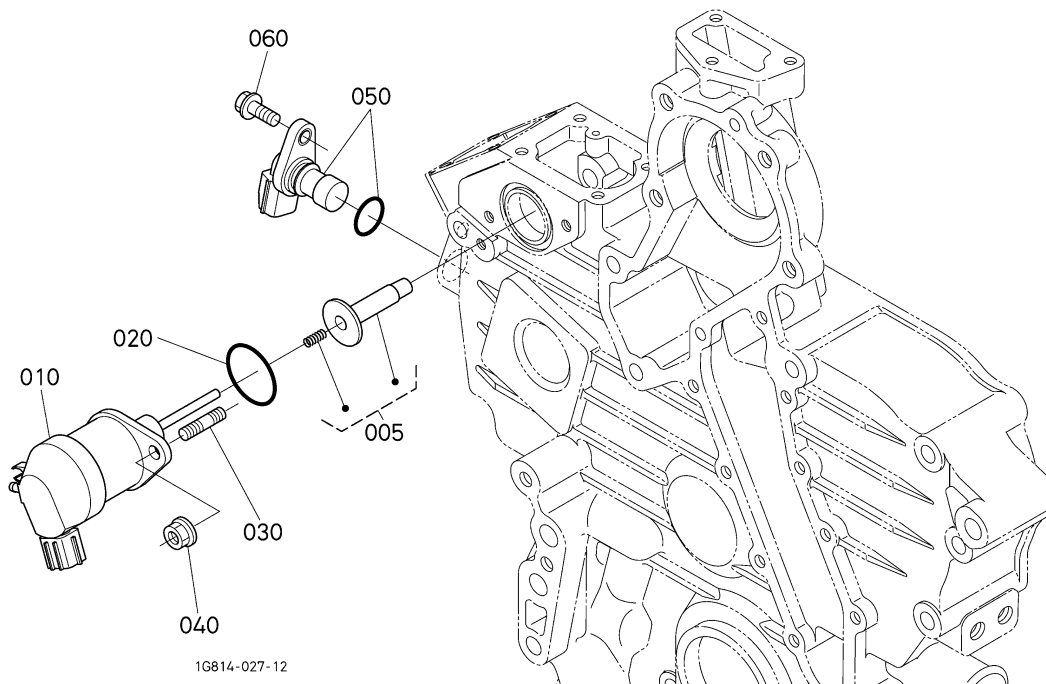
3C315-014-12

A:M6040SU

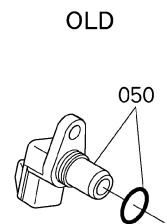
[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

**B01000 CÔNG TẮC/BỘ CẢM ỨNG,
SWITCH/SENSOR(ENGINE)**



1G814-027-12



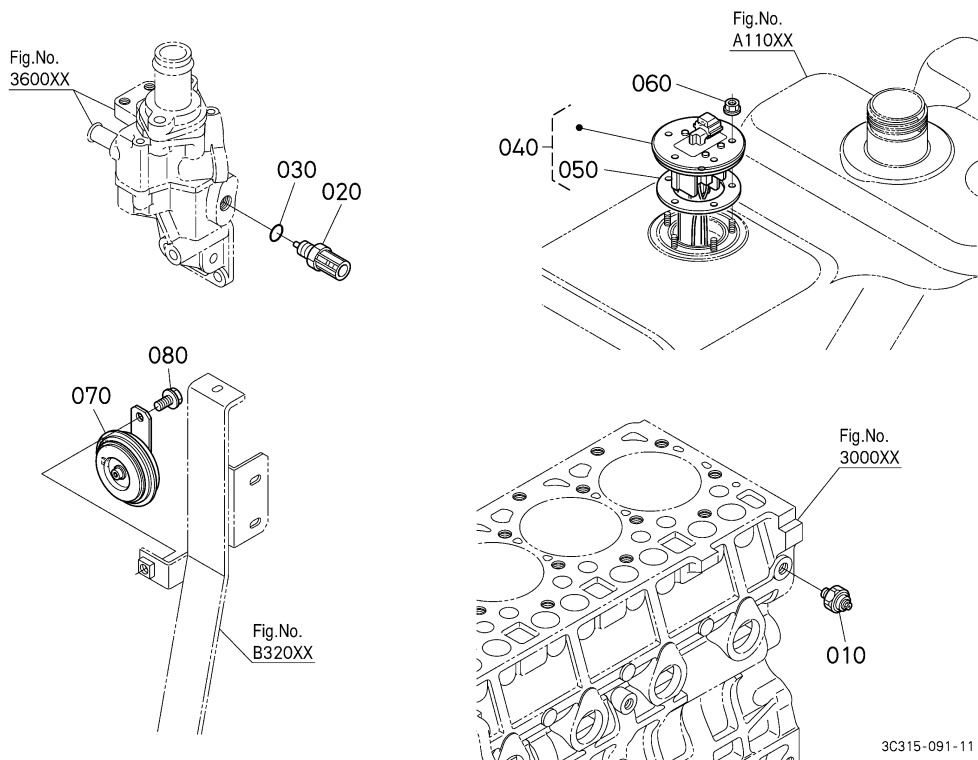
1G814-822-10

A:M6040SU

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**B01100 CÔNG TẮC CẢM BIẾN (TRƯỚC)
SWITCH/SENSOR (FRONT)**



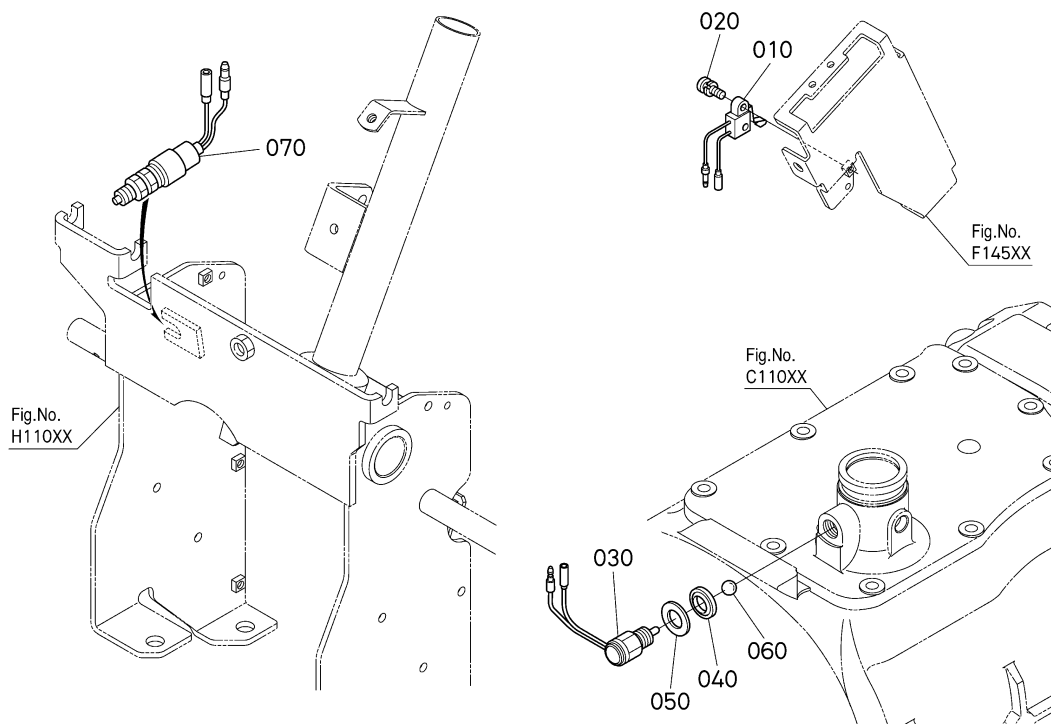
3C315-091-11

A:M6040SU

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**B01500 CÔNG TẮC/ BIẾN,ĐO NHIÊN LIỆU
SWITCH/FUEL UNIT**

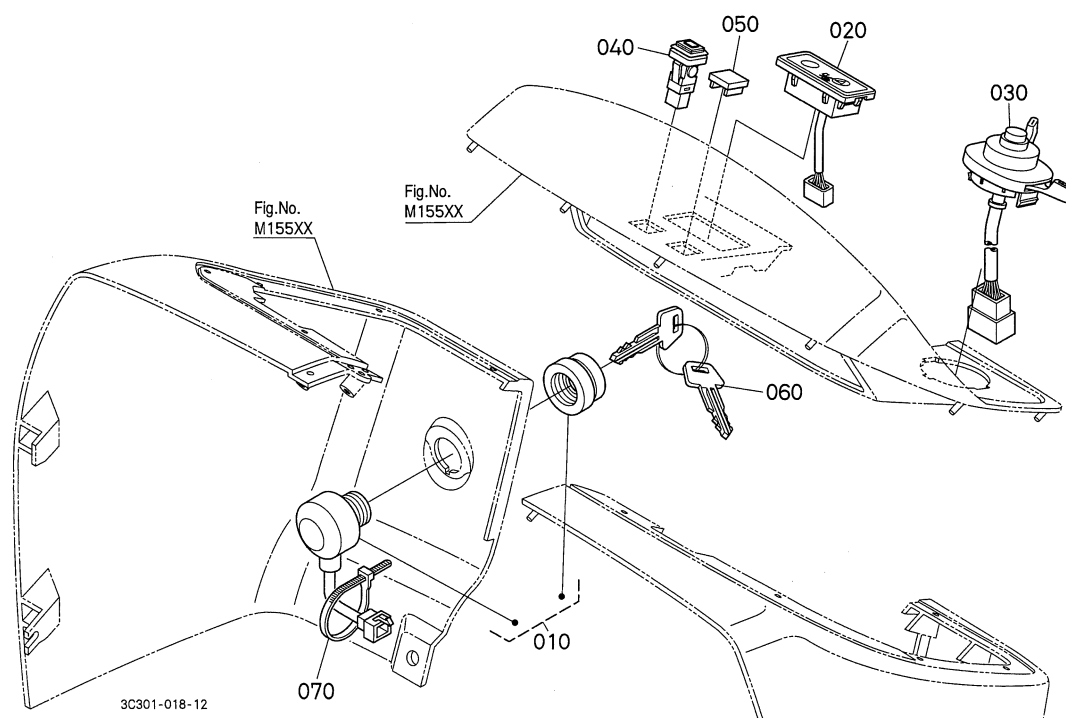


A:M6040SU

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**B10500 CÔNG TẮC
SWITCH (PANEL BOARD)**

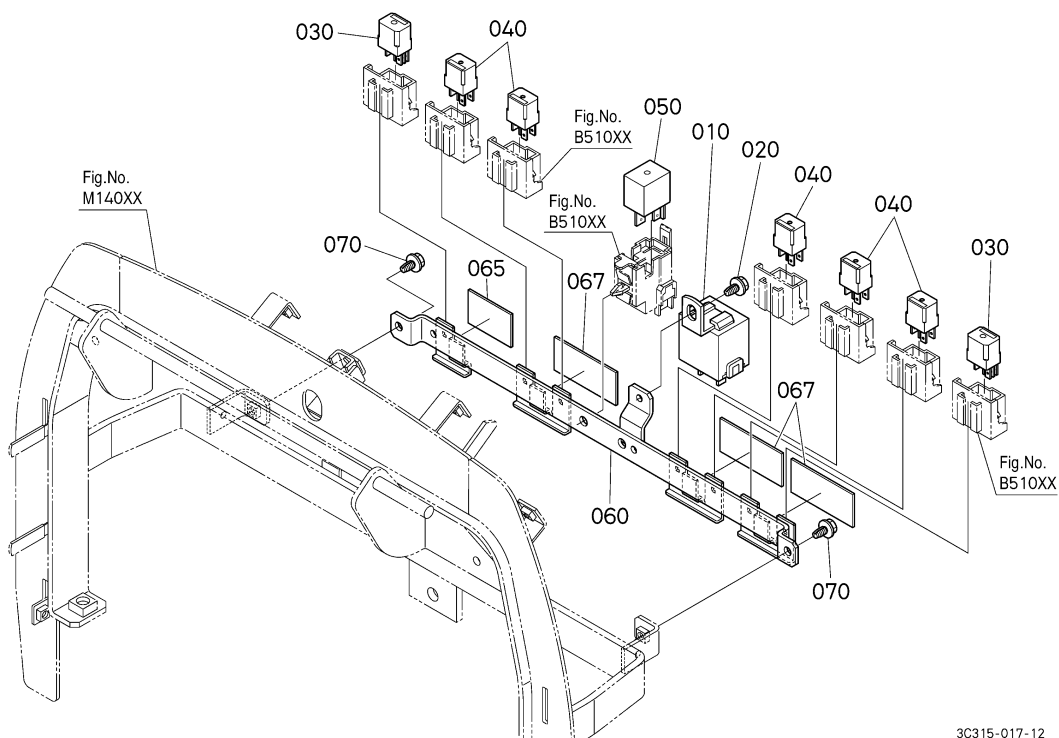


A:M6040SU

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

B13000 RƠ-LE, BỘ KHỞI ĐỘNG RELAY



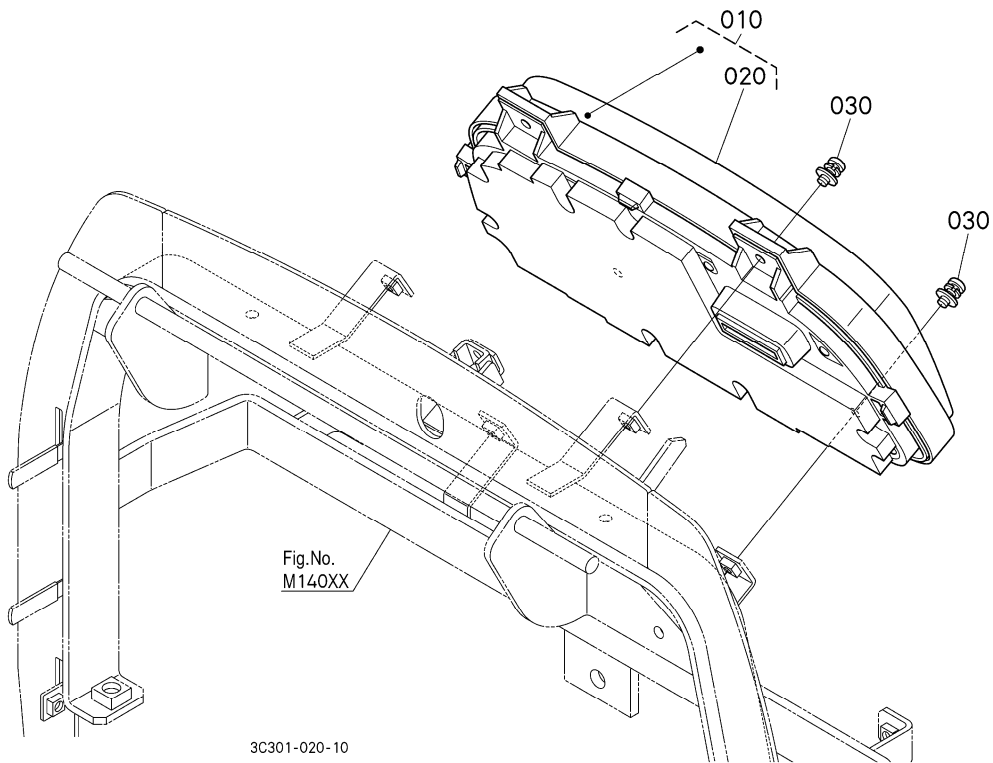
3C315-017-12

A:M6040SU

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

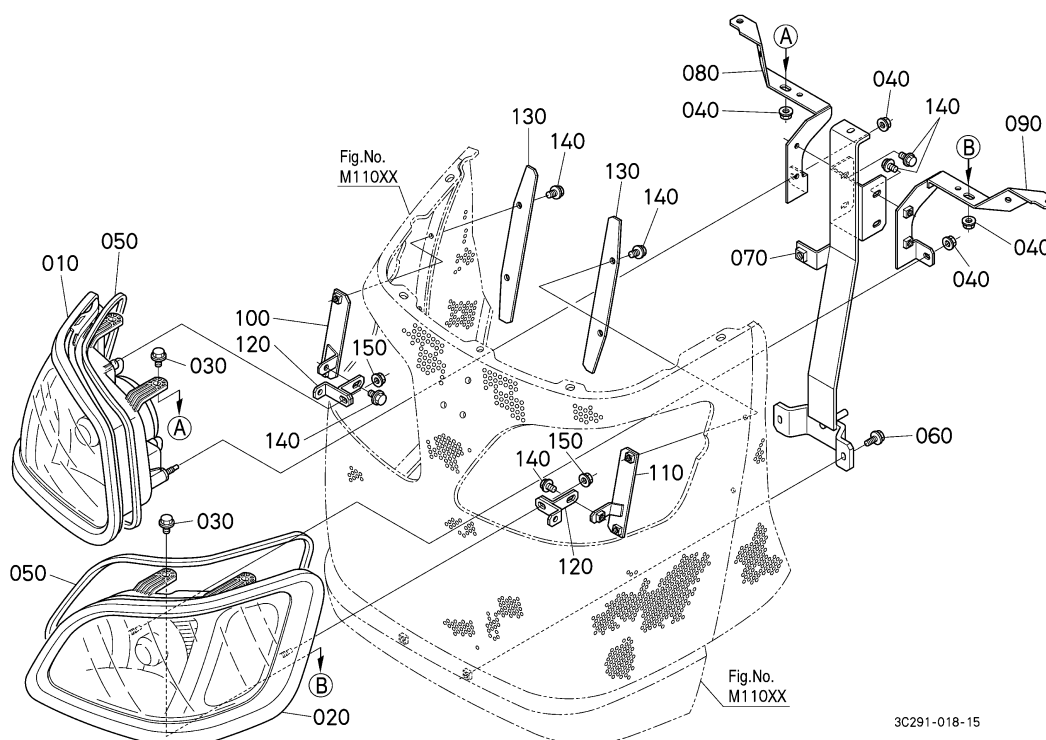
B14000 BẢNG ĐIỆN PANEL BOARD



A:M6040SU

[illegible]

**B32000 ĐÈN TRƯỚC[LINH KIỆN]
HEAD LIGHT**



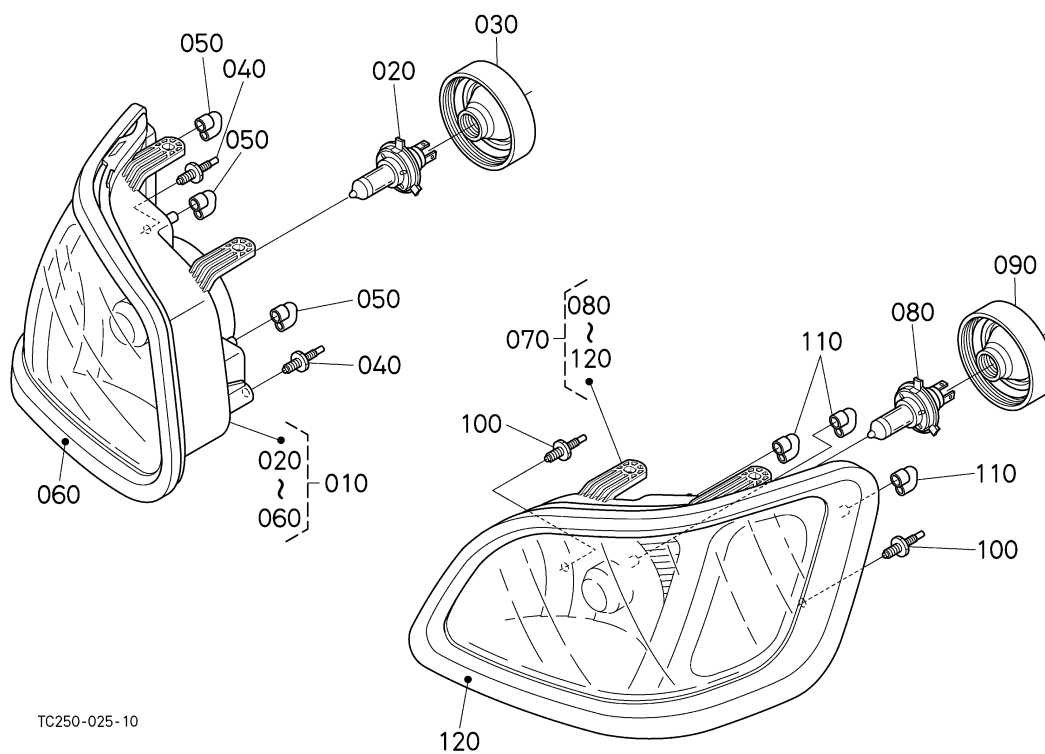
3C291-018-15

A:M6040SU

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

B32100 ĐÈN PHA HEAD LIGHT [COMPONENT PARTS]



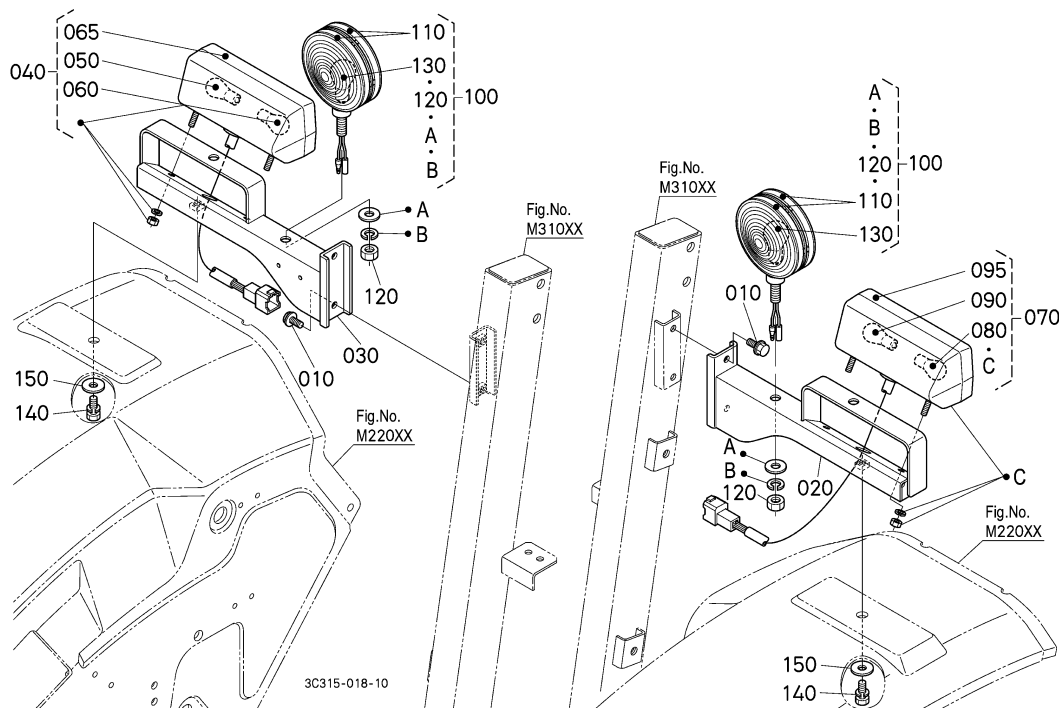
TC250-025-10

A:M6040SU

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

**B33500 RÒI,NGUY HIỂM/BỘ ĐÈN
HAZARD LIGHT/TAIL LIGHT**

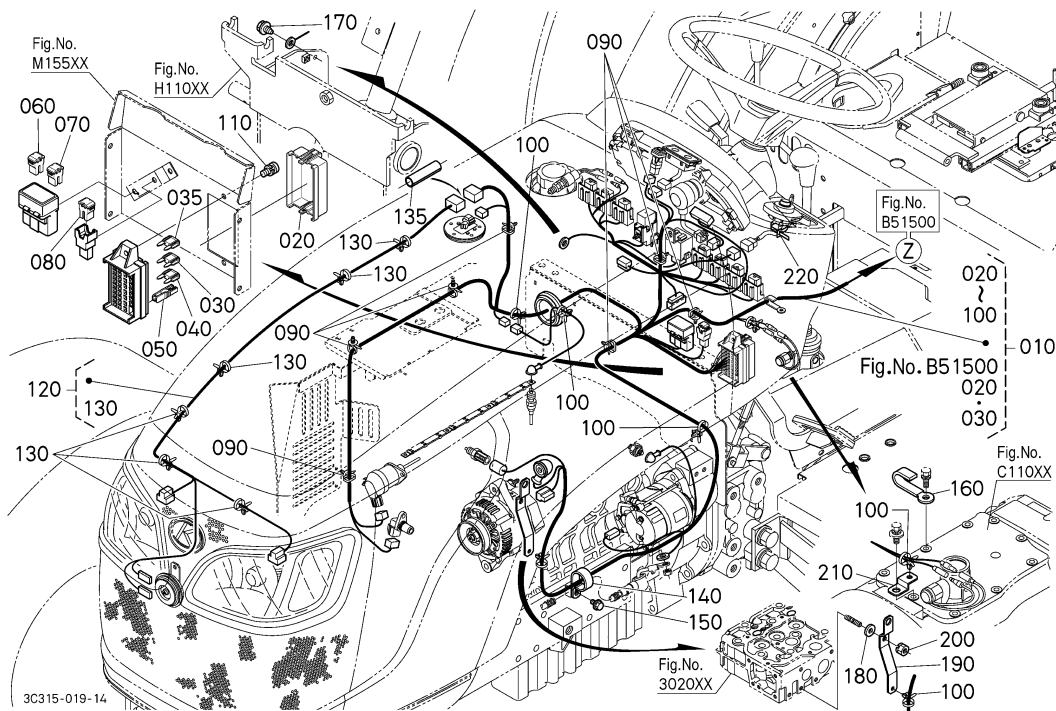


A:M6040SU

[illegible]

↔ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

B51000 ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN (TRƯỚC) ELECTRICAL WIRING (FRONT)

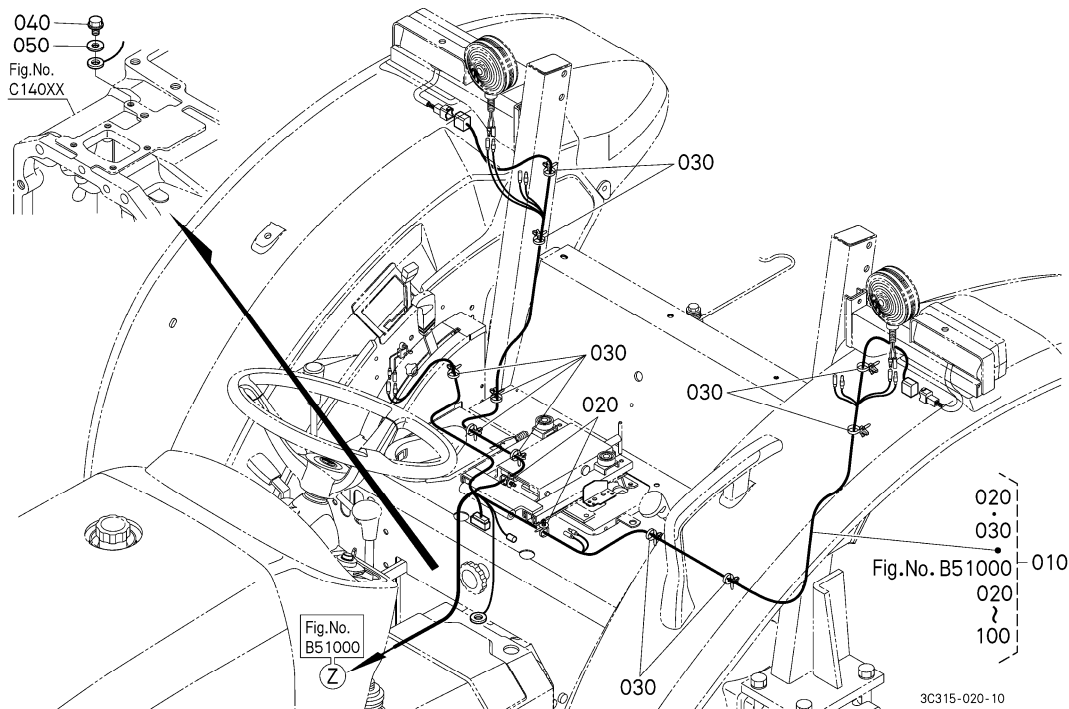


A:M6040SU

SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/SỐ SẴN Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	3C315-7721-5	BỘ DÂY ĐIỆN, CHÍNH	WIRE HARNESS, MAIN	1		
020	3C315-7737-0	VỎ, HỘP CẦU CHỈ	COVER, FUSE CASE	1		
030	T2050-3047-0	CẦU CHỈ	FUSE	5		
035	5H050-4162-0	CẦU CHỈ	FUSE	3		
040	T2050-3049-0	CẦU CHỈ	FUSE	4		
050	5H050-4169-0	CẦU CHỈ	PULLER, FUSE	1		
060	T1060-3051-0	CẦU CHỈ	FUSE	1		
070	T1060-3052-0	CẦU CHỈ	FUSE, SLOW BLOW(40A)	1		
080	T1060-3053-0	CẦU CHỈ	FUSE, SLOW-BLOW(50A)	1		
090	T1065-3054-0	GHIM	CLIP	7		
100	T1065-3064-0	GHIM	CLIP	5		
110	03004-50616	ĐINH VÍT, VỚI VÒNG ĐỆM	SCREW, SEMS(PAN HEAD)	2		
120	3C315-7723-3	BỘ DÂY ĐIỆN	WIRE HARNESS, H/LIGHT	1 <=65175		#
120	3C315-7723-4	DÂY	WIRE HARNESS, H/LIGHT	1 >=65176	←	#
130	T1065-3064-0	GHIM	CLIP	6		
135	3C754-7513-0	ĐỆM	CUSHION	1		
140	36919-5567-0	GÁ KÉP	CLAMP, HARNESS	1		
150	01754-50812	BU LÔNG, MÈP	BOLT, FLANGE	1		
160	13824-6759-0	VÒNG SIẾT, DÂY	CLAMP, CORD (8.5-73)	1		
170	3G710-7114-0	BU LÔNG	BOLT	1		
180	04013-50080	VÒNG ĐỆM BẰNG	WASHER, PLAIN	1		
190	3C315-7408-0	CHỐNG ĐỔ	STAY, HARNESS	1		
200	16429-9201-0	ĐAI ỐC	NUT WITH LOCK WASHER	1		
210	T1853-3069-0	CHỐNG ĐỔ	STAY	1		
220	53581-6415-0	ĐAI TRUYỀN, DÂY	BAND, CORD	1 >=57308		#

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

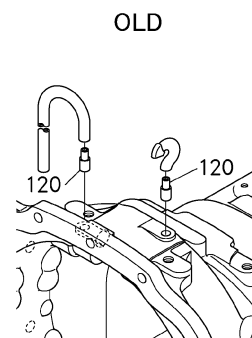
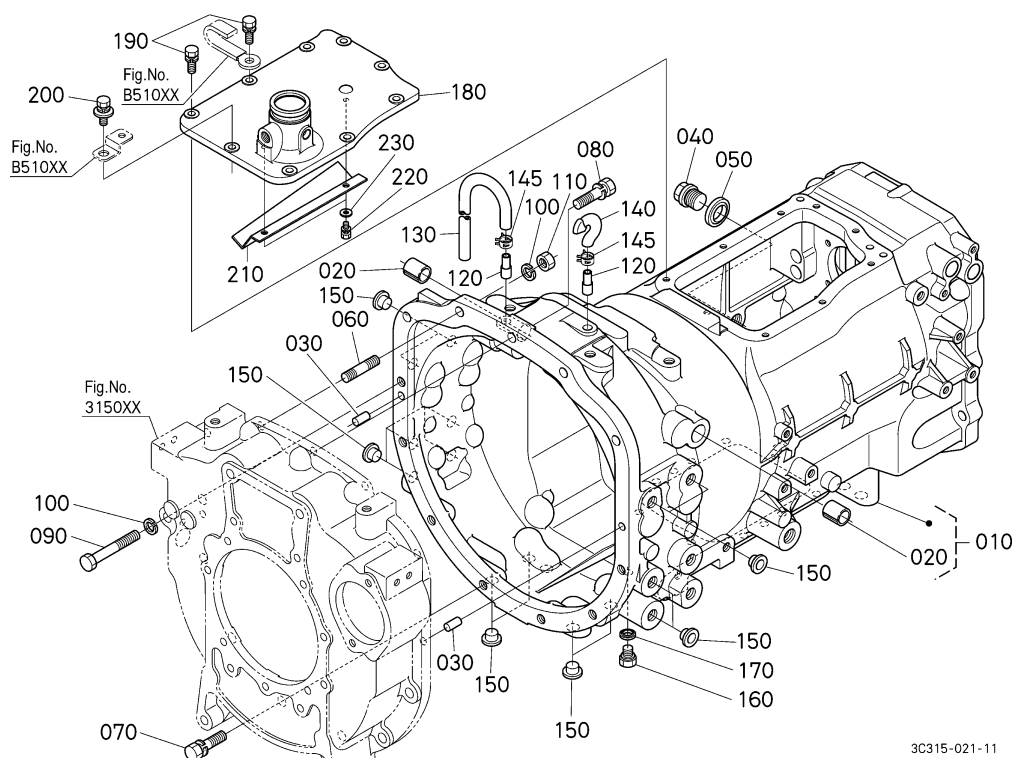
B51500 ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN (SAU) ELECTRICAL WIRING (REAR)



A:M6040SU

[illegible]

C11000 HỘP LI HỢP CLUTCH HOUSING

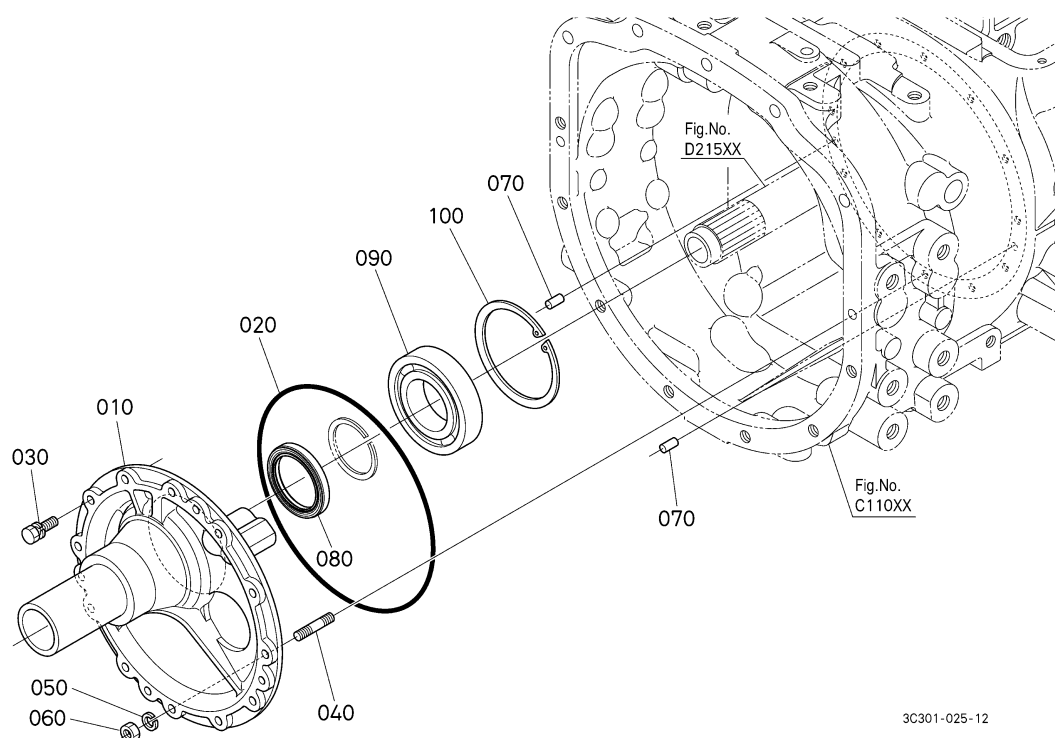


3C315-829-10

A:M6040SU

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

C11500 GIÁ ĐỖ, VÒNG BI BEARING HOLDER

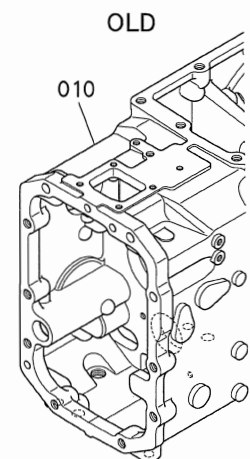
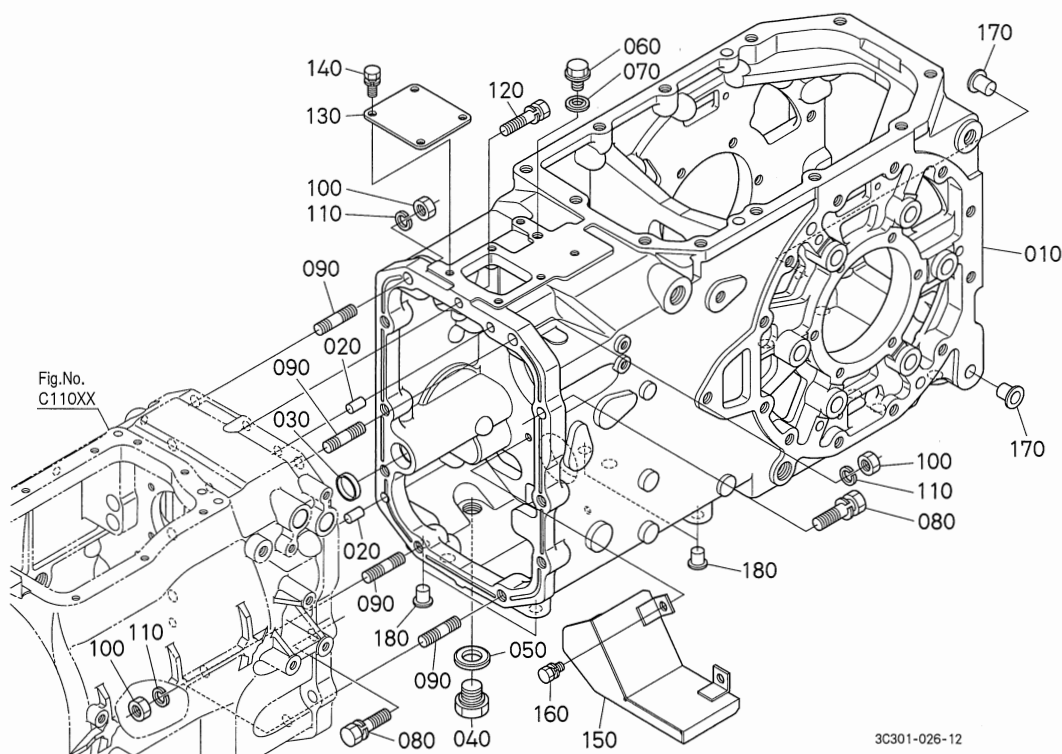


3C301-025-12

A:M6040SU

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

C14000 HỘP TRUYỀN ĐỘNG TRANSMISSION CASE

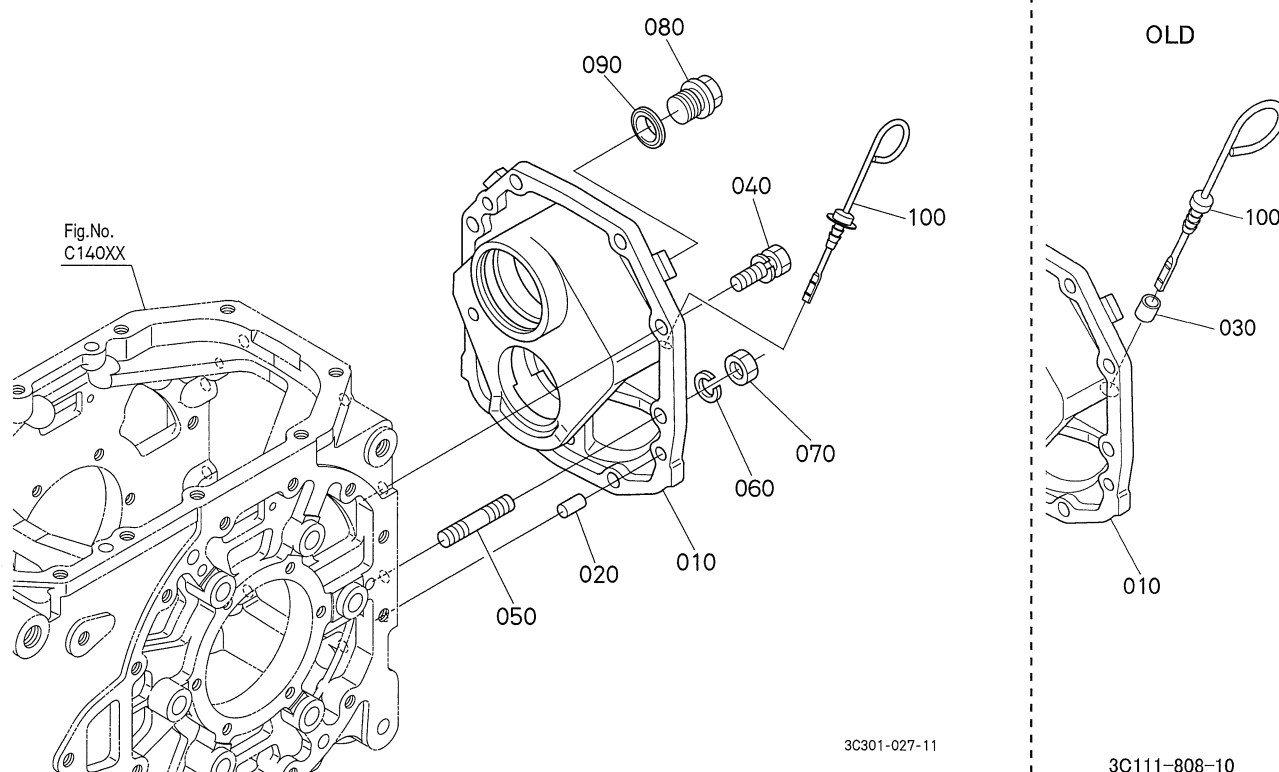


3C301-026-12

3C315-821-10

A:M6040SU

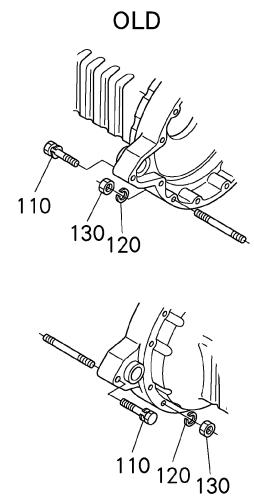
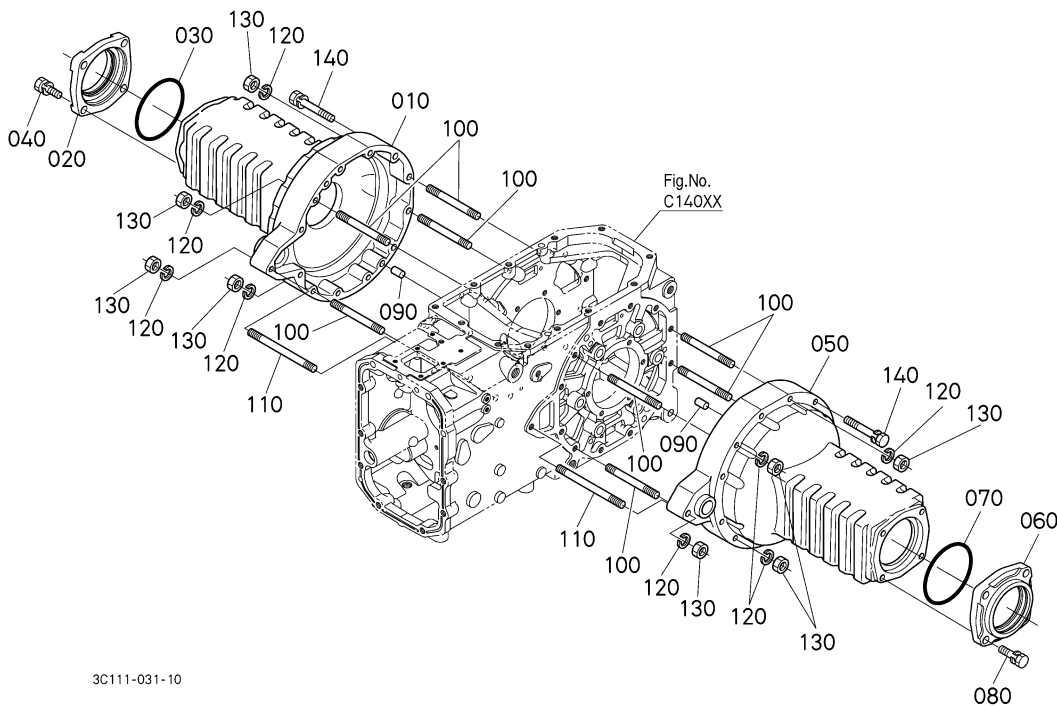
C15000 HỘP TRUYỀN ĐỘNG/NẮP, SAU TRANSMISSION CASE REAR COVER



A:M6040SU

[illegible]

C17000 TRỤC XE REAR AXLE CASE



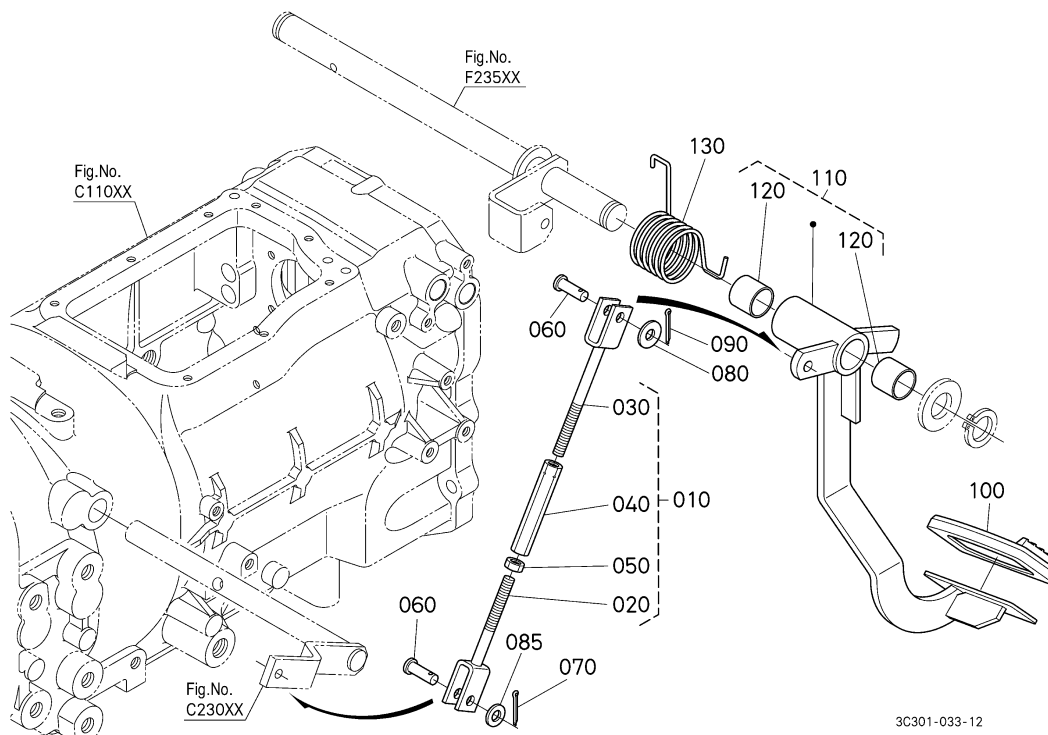
3C111-031-10

3C315-822-10

A:M6040SU

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

**C24000 BÀN ĐẠP LI HỢP (CHÂN CÔN)
CLUTCH PEDAL**



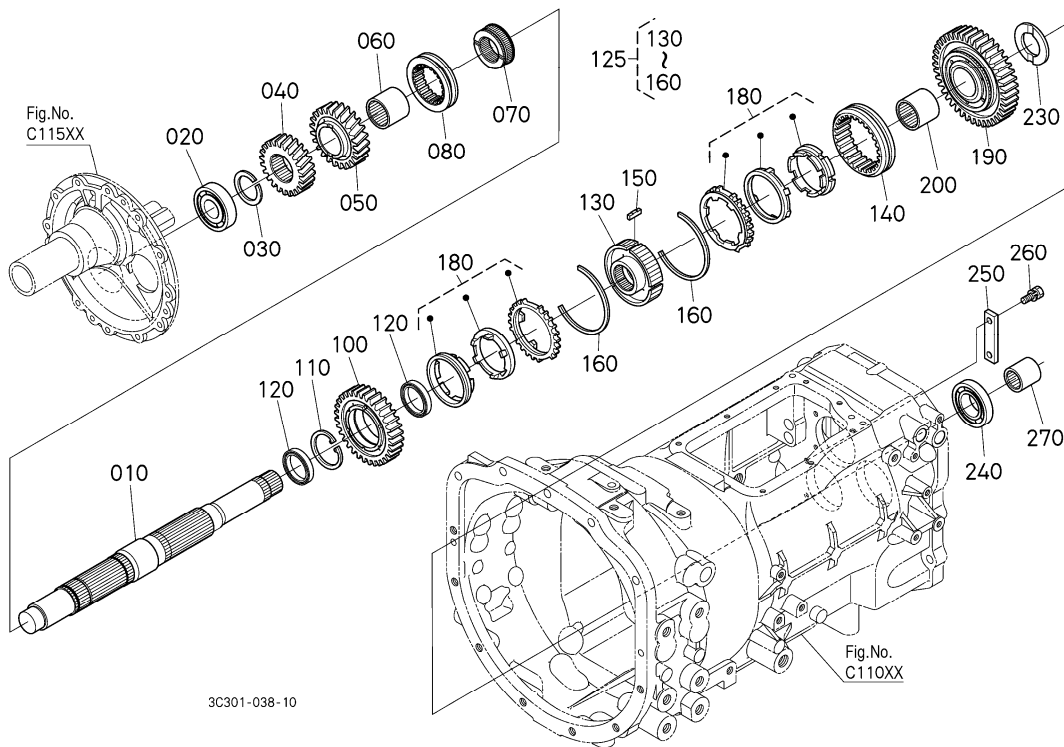
3C301-033-12

A:M6040SU

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

D23500 TRỤC THIRD SHAFT

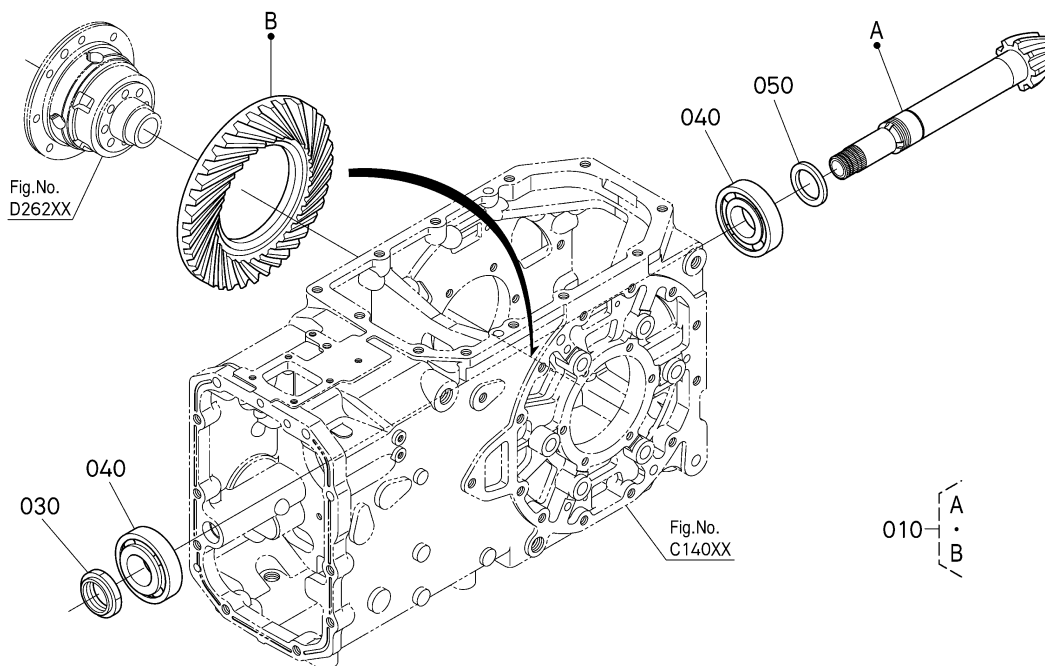


A:M6040SU

SỐ TRẠCH CHẾ REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/Số sê-ri Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	3C301-2816-0	TRỤC	SHAFT	1		
020	36540-4113-0	Ó, BI	BRG, BALL	1		
030	36730-2804-3	KÉP TRÒN, BỘ PHẬN NGOÀI	CIR-CLIP, EXTERNAL	1		
040	3A273-4113-0	BÁNH RĂNG	GEAR, 4WD	1	23T	
050	3C301-2829-0	BÁNH RĂNG	GEAR	1	24T	
060	3A151-2831-0	VÒNG ĐỆM	RACE, INNER	1		
070	3A011-2848-0	GỖ RĂNG THEN	BOSS, SPLINE	1		
080	3A011-2847-0	TAY GẠT SỐ	SHIFTER	1		
090	---	TRỐNG	BLANK	-		
100	3C301-2837-0	BÁNH RĂNG	GEAR	1	32T	
110	04611-00620	KÉP TRÒN, BỘ PHẬN TRONG	CIR-CLIP, INTERNAL	1		
120	08101-06908	Ó, BI	BEARING, BALL	2		
125	3C301-3420-0	ĐỆM LỐT NỐI	ASSY COUPLING	1		
130	3C301-3422-0	ĐỆM LỐT NỐI	COUPLING	1		
140	3A011-3475-0	TAY GẠT SỐ	SHIFTER	1		
150	3A011-3482-0	THEN, BÁN NGUYỆT	KEY, SYNCHRONIZER	3		
160	34550-6235-0	LÒ XO NÉN	SPRING, SYNCHRONIZER	2		
170	---	TRỐNG	BLANK	-		
180	3A011-3486-0	VÒNG	RING, ASSY (SYNCHRONIZER)	2		
190	3C301-3123-0	BÁNH RĂNG	GEAR	1	41T	
200	3A151-2831-0	VÒNG ĐỆM	RACE, INNER	1		
210	---	TRỐNG	BLANK	-		
220	---	TRỐNG	BLANK	-		
230	36280-4115-0	VÒNG	WASHER, THRUST	1	3.0mm	
240	08101-06207	Ó, BI	BEARING, BALL	1		
250	3A011-2869-0	TRỤC BÁNH RĂNG, CHÍNH	RETAINER, BEARING	1		
260	01128-50825	BÚ LÔNG	BOLT, SEMS	2		
270	32530-2069-0	ĐỆM LỐT NỐI	COUPLING	1		

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**D26000 RĂNG NÓN, DÀY
BEVEL GEAR**



3C301-039-12

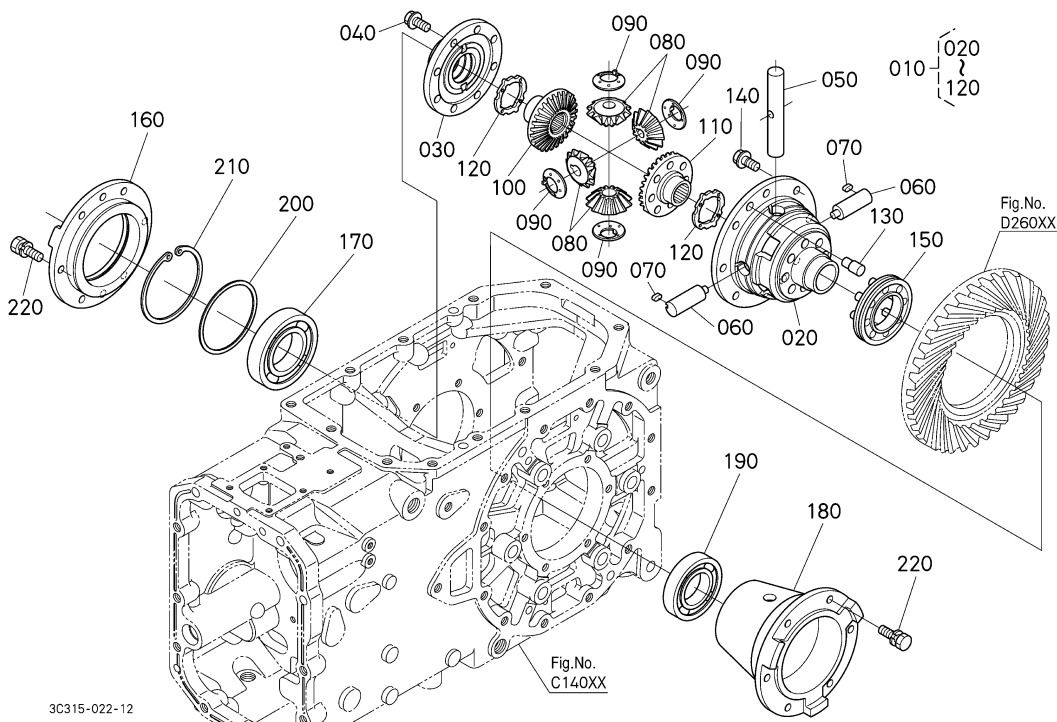
A:M6040SU

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

D26200 BỘ VI SAI SAU

DIFFERENTIAL REAR

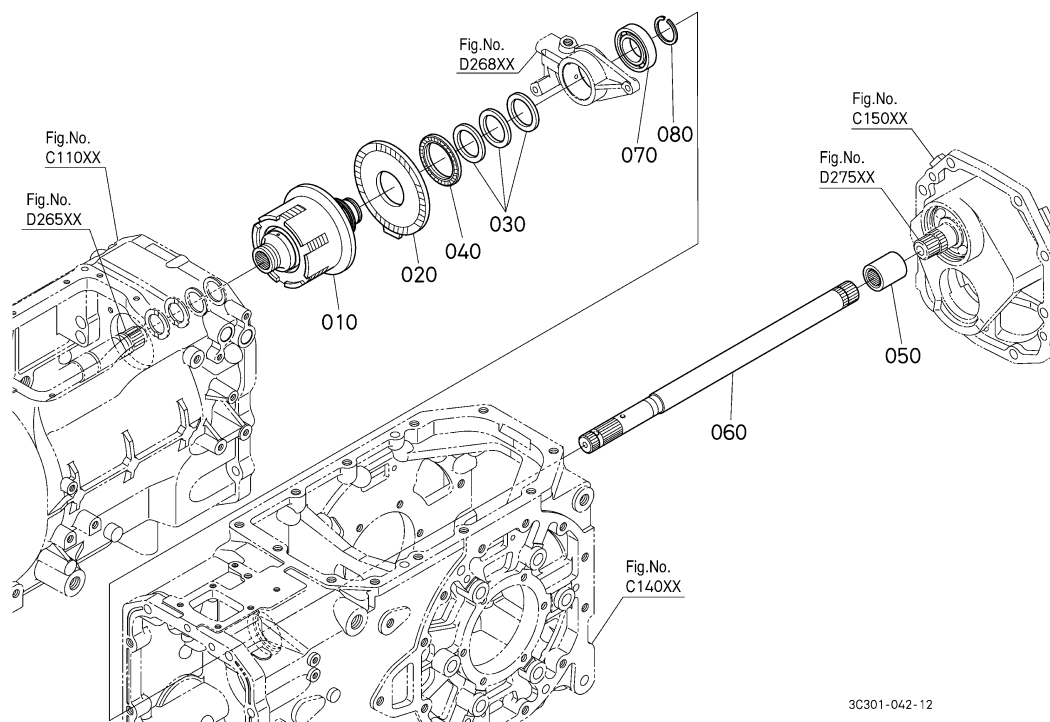


A:M6040SU

SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/SỐ SẼ-NI Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	3C315-3220-0	BỘ VI SAI RỜI	ASSY DIFFERENTIAL	1		
020	3C315-3271-0	HỘP VI SAI	CASE, DIFFERENTIAL	1		
030	3C341-3204-0	VỎ HỘP VI SAI	COVER, DIFF. CASE	1		
040	01774-51020	BU LÔNG, MÈP	BOLT, FLANGE	8		
050	35430-2634-0	TRỤC, BÁNH RĂNG VI SAI	SHAFT, DIFF. PINION	1		
060	35430-2633-0	TRỤC, BÁNH RĂNG VI SAI	SHAFT, DIFF. PINION	2		
070	31220-2628-0	THEN, PULI ĐỘNG CƠ	KEY, FEATHER	2		
080	35430-2635-0	BÁNH RĂNG, VI SAI	PINION, DIFFERENTIAL	4		12T
090	3G700-3281-0	MĂNG-SÔNG, ĐÁY	COLLAR, THRUST	4		
100	37300-2643-0	SỎ, PHẢI VI SAI	GEAR (RH DIFF. SIDE)	1		20T
110	37300-2644-0	SỎ, VI SAI NHÁNH TRÁI	GEAR (LH DIFF. SIDE)	1		20T
120	3G700-3274-2	MĂNG-SÔNG, ĐÁY	COLLAR, THRUST	2		1.5mm
120	3G700-3276-2	MĂNG-SÔNG, ĐÁY	COLLAR, THRUST	2		1.6mm
120	3G700-3278-2	MĂNG-SÔNG, ĐÁY	COLLAR, THRUST	2		1.7mm
120	3G700-3279-2	MĂNG-SÔNG, ĐÁY	COLLAR, THRUST	2		1.8mm
120	3G700-3280-2	MĂNG-SÔNG, ĐÁY	COLLAR, THRUST	2		2.0mm
130	T1270-2817-0	CHÓT, THẲNG	PIN, STRAIGHT	2		
140	37800-4387-0	BU LÔNG	BOLT	8		
150	37300-2661-0	TAY GẠT SỎ	SHIFTER, DIFF. LOCK	1		
160	3C301-3211-0	GIÁ ĐỠ, VI SAI	SUPPORT, DIFF. RH	1		
170	08101-06211	Ổ, BÌ	BEARING, BALL	1		
180	3C301-3212-0	GIÁ ĐỠ, VI SAI	SUPPORT, DIFF. LH	1		
190	08101-06209	Ổ, BÌ	BEARING, BALL	1		
200	35533-4404-0	MIẾNG CHÈN	SHIM	1		0.4mm
200	35533-4405-0	MIẾNG CHÈN	SHIM	1		0.8mm
200	35533-4406-0	MIẾNG CHÈN	SHIM	1		1.0 mm
200	35533-4407-0	MIẾNG CHÈN	SHIM	1		1.2mm
210	04611-01000	KẸP TRÒN, BỘ PHẬN TRONG	CIR-CLIP, INTERNAL	1		
220	01133-51035	BU LÔNG	BOLT, SEMS	12 ≤58775		
220	01138-51035	BU LÔNG	BOLT, SEMS	12 ≥58776	←	

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

D26600 LY HỢP PTO PTO CLUTCH



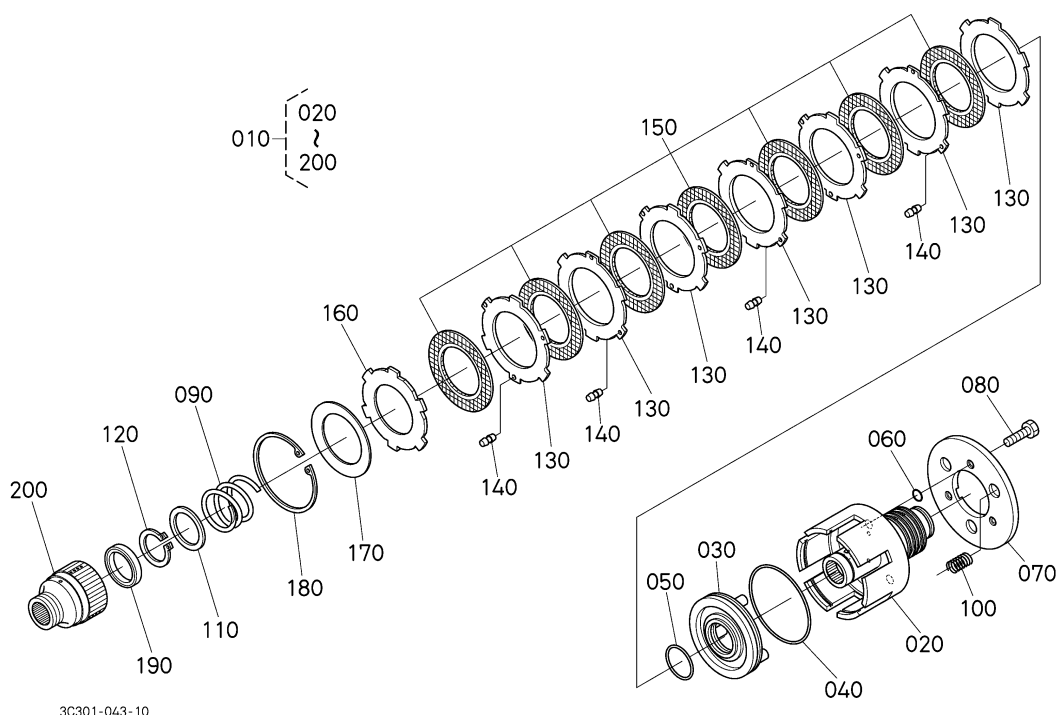
3C301-042-12

A:M6040SU

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

D26700 LY HỢP PTO [LINH KIỆN] PTO CLUTCH [COMPONENT PARTS]



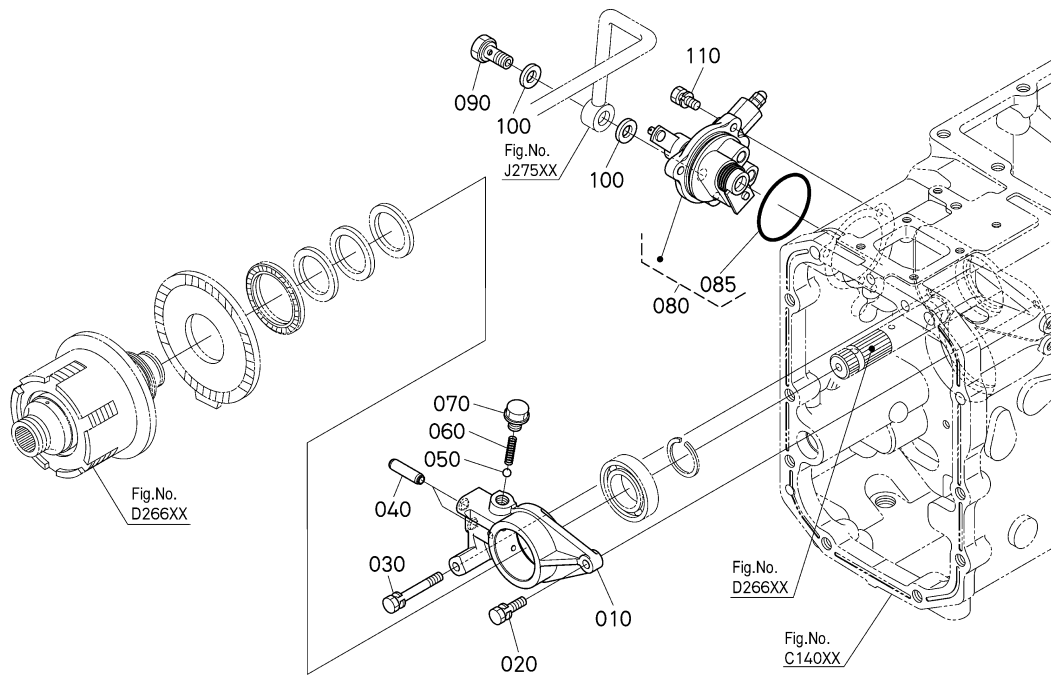
3C301-043-10

A:M6040SU

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

**D26800 LY HỘP PTO VAN
PTO CLUTCH VALVE**



3C301-044-13

A:M6040SU

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

D35500

TRỤC FRONT PROPELLER SHAFT (REAR)



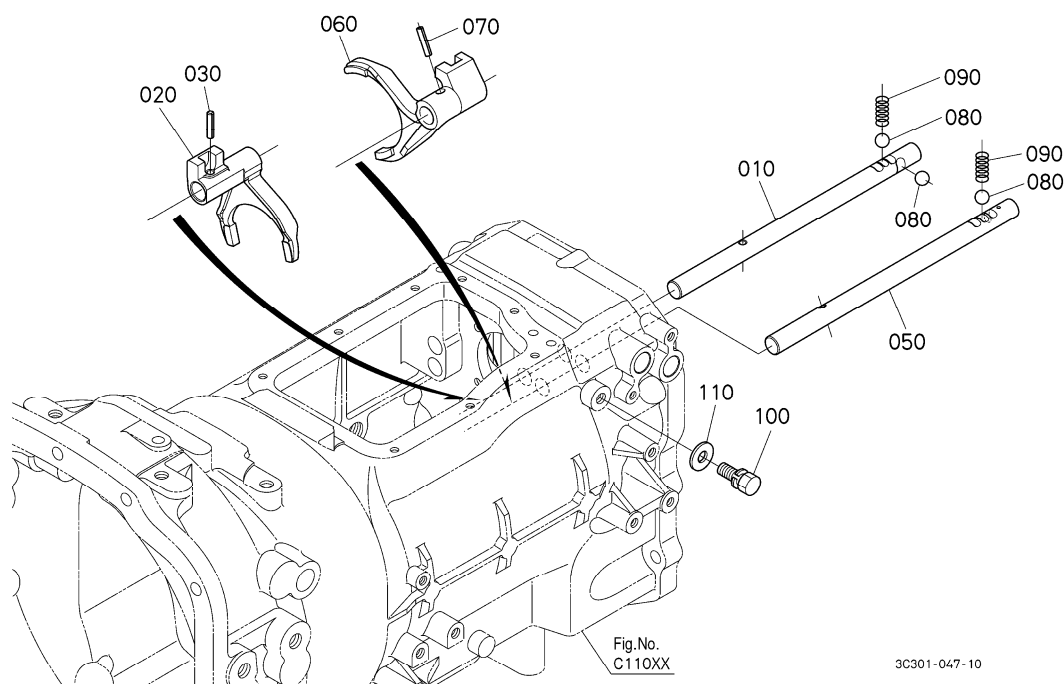
Fig.No.
C180XX

Fig.No.
F153XX

3C301-046-10

[illegible]

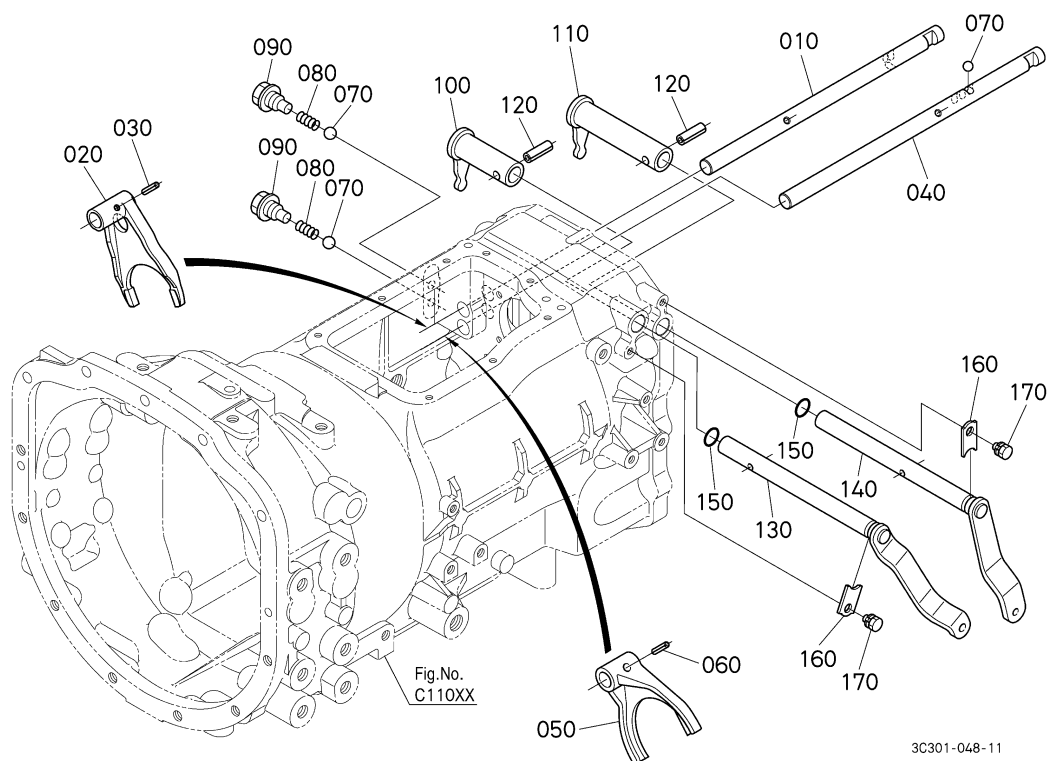
D41000



A:M6040SU

[illegible]

D44500 CẦN SANG SỐ RANGE AND CREEP GEAR SHIFT FORK



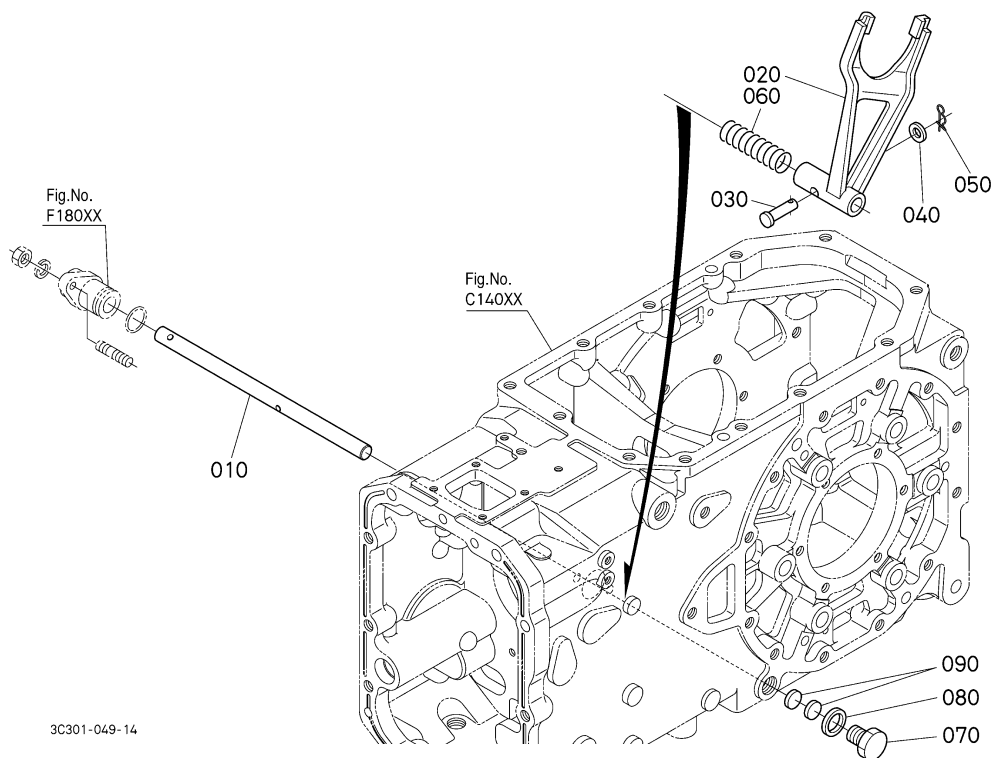
3C301-048-11

A:M6040SU

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

**D47000 CHẠC GẠT KHÓA BỘ VI SAI
REAR DIFFERENTIAL LOCK SHIFT FORK**

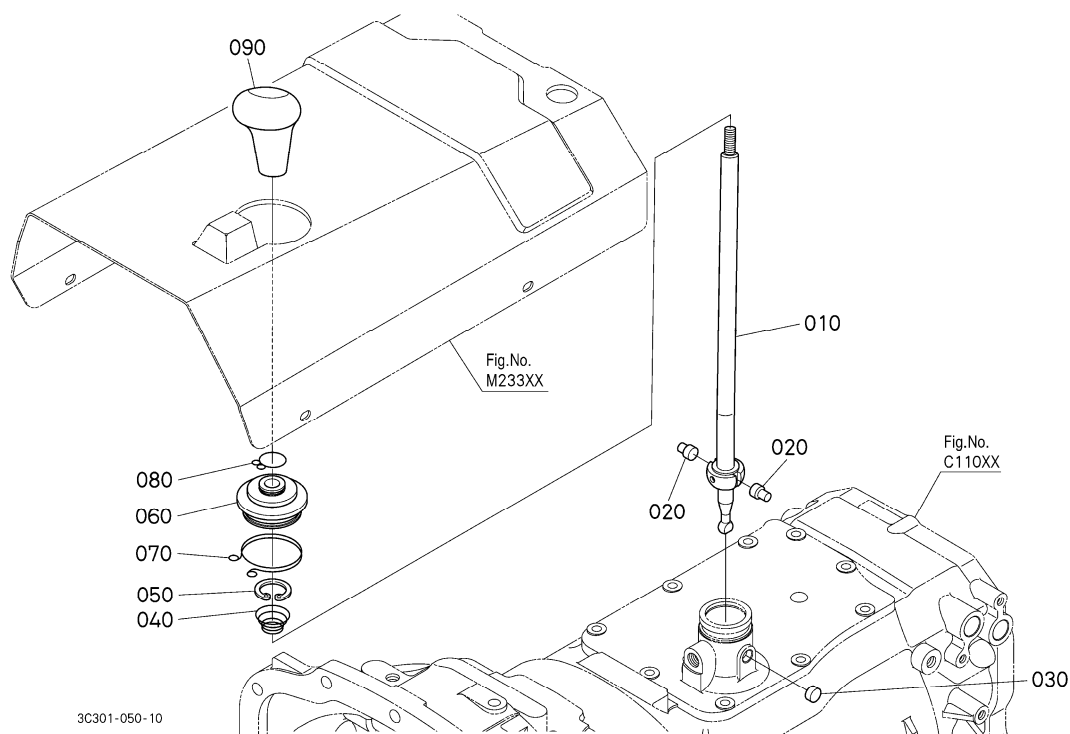


A:M6040SU

[illegible]

↔ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

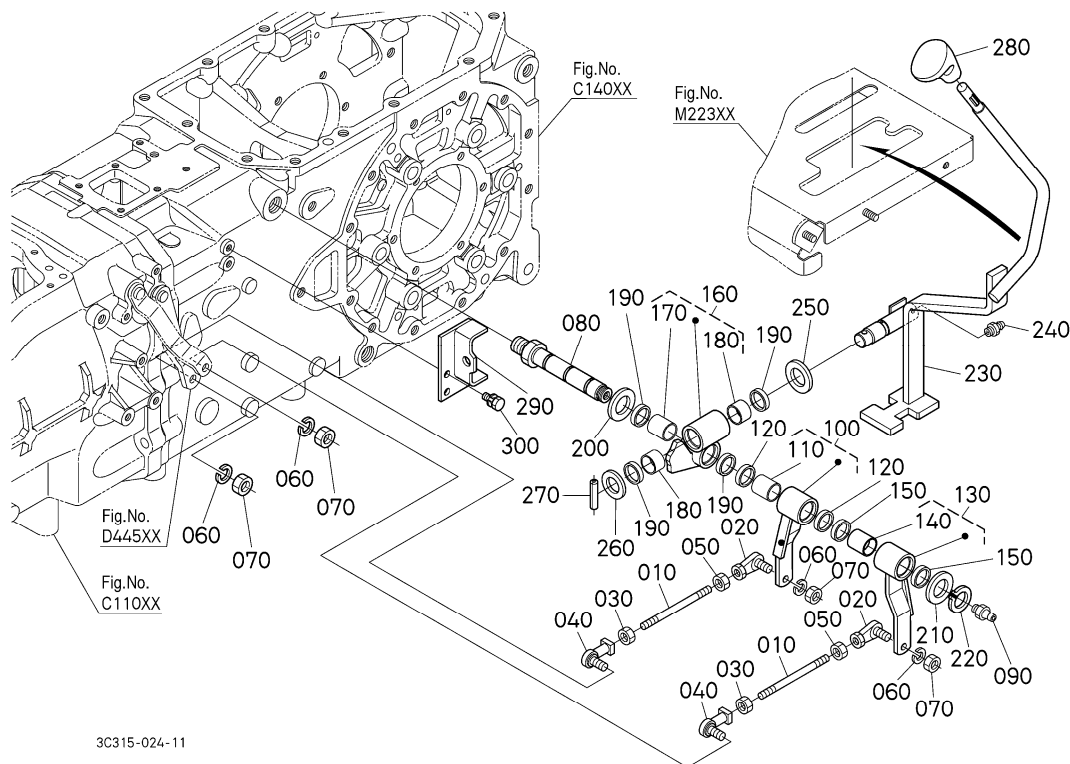
F11000



A:M6040SU

[illegible]

F13600 CẦN GẠT, CẦN GẠT SỐ RANGE AND CREEP GEAR SHIFT LEVER

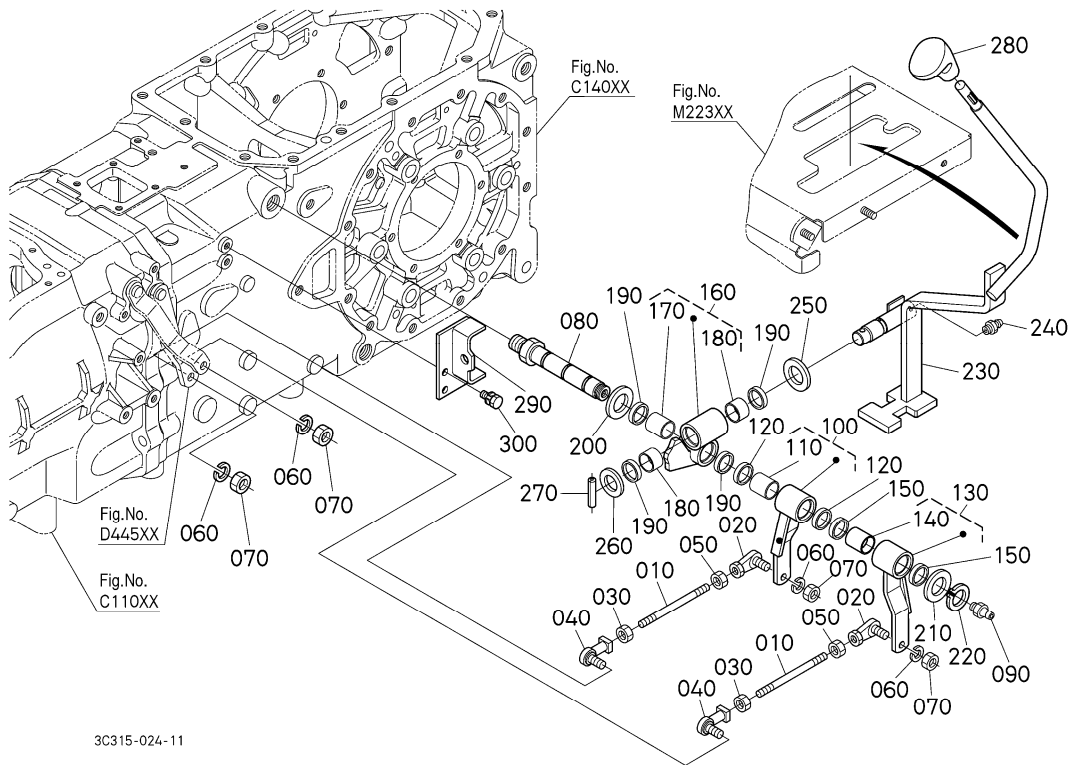


A:M6040SU

SỐ THANH CỎ REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/SỐ SẴN Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	3A011-3145-0	THANH, THAY ĐỔI BIÊN ĐỘ	ROD,RANGE SHIFT	2		
020	54721-3185-0	BÌ, LIÊN KẾT	BALL(LINK)	2		
030	31351-2426-0	ĐINH ỐC	NUT	2		
040	45404-9577-0	ĐIỂM CUỐI, THANH TRUYỀN	END, ROD	2		
050	02112-50080	ĐINH ỐC	HEX.NUT	2		
060	04512-50080	VÒNG ĐỆM, LÒ XO	WASHER,SPRING LOCK	4		
070	02114-50080	ĐINH ỐC	HEX.NUT	4		
080	3A275-2979-0	CHÓT	PIN	1		
090	06616-35010	VỎI, BƠM MỠ	NIPPLE GREASE	1		
100	3A275-2991-0	CẦN GẠT, CẦN GẠT SỐ	LEVER,RANGE SHIFT	1		
110	3M940-4966-0	LÓT	BUSH	1		
120	41274-9567-0	NHÂN, DẦU	SEAL,OIL	2		
130	3A275-2992-0	CẦN GẠT, CẦN GẠT SỐ	LEVER,RANGE SHIFT	1		
140	3M940-4966-0	LÓT	BUSH	1		
150	41274-9567-0	NHÂN, DẦU	SEAL,OIL	2		
160	3A275-2970-2	GIÁ ĐỖ	ASSY SUPPORT, LEVER	1		
170	3M940-4966-0	LÓT	BUSH	1		
180	58511-2812-0	LÓT	BUSHING	2		
190	41274-9567-0	NHÂN, DẦU	SEAL,OIL	4		
200	04011-50200	VÒNG ĐỆM BẰNG	WASHER,PLAIN	1		lựa chọn
200	04013-50200	VÒNG ĐỆM BẰNG	WASHER,PLAIN	1		lựa chọn
210	04013-50180	VÒNG ĐỆM BẰNG	WASHER,PLAIN	1		
220	04612-00180	KẸP TRÒN, BỘ PHẬN NGOÀI	CIR-CLIP, EXTERNAL	1		
230	3C315-2996-0	CẦN GẠT, CẦN GẠT SỐ	LEVER,RANGE SHIFT	1		
240	06617-10675	VỎI, BƠM MỠ	NIPPLE,GREASE	1		
250	04011-50200	VÒNG ĐỆM BẰNG	WASHER,PLAIN	1		
260	04013-50180	VÒNG ĐỆM BẰNG	WASHER,PLAIN	1		
270	05411-00640	ĐINH, LÒ XO	PIN, SPRING	1		
280	PK401-7327-0	DỤNG CỤ KẸP, THAY ĐỔI SANG SỐ CHÍNH	GRIP	1		
290	3A011-7511-4	MỐC Hãm	STOPPER, LEVER	1		

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

F13600

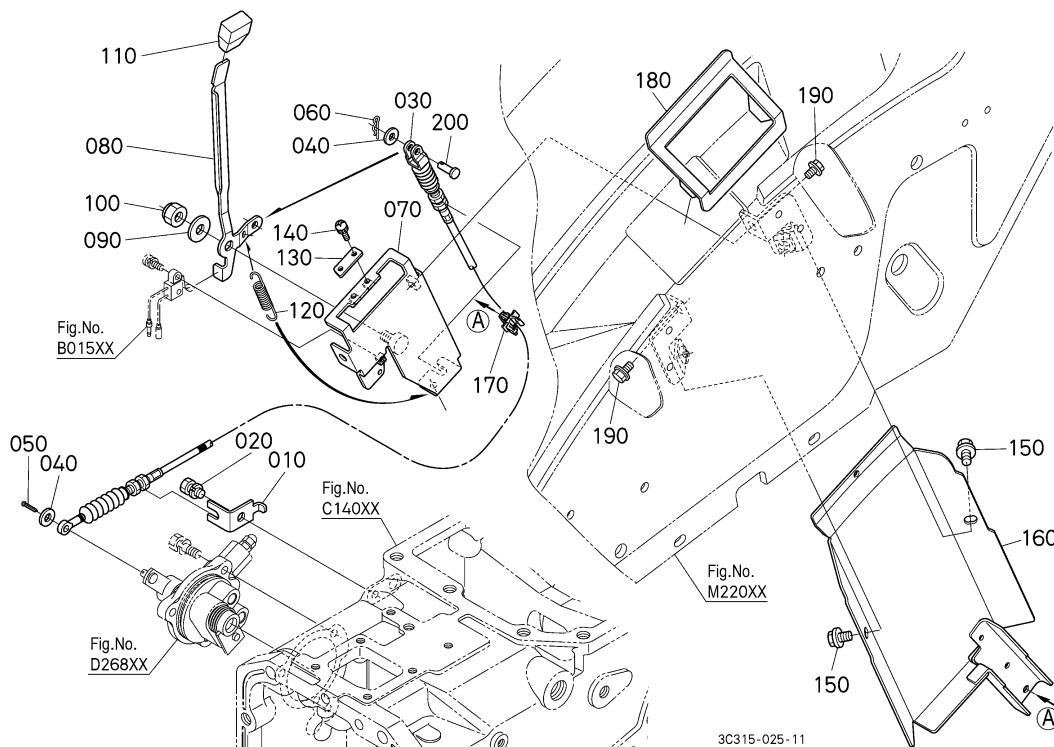


3C315-024-11

A:M6040SU

[illegible]

F14500 CẦN GẠT, TAY GA PTO PTO CLUTCH LEVER

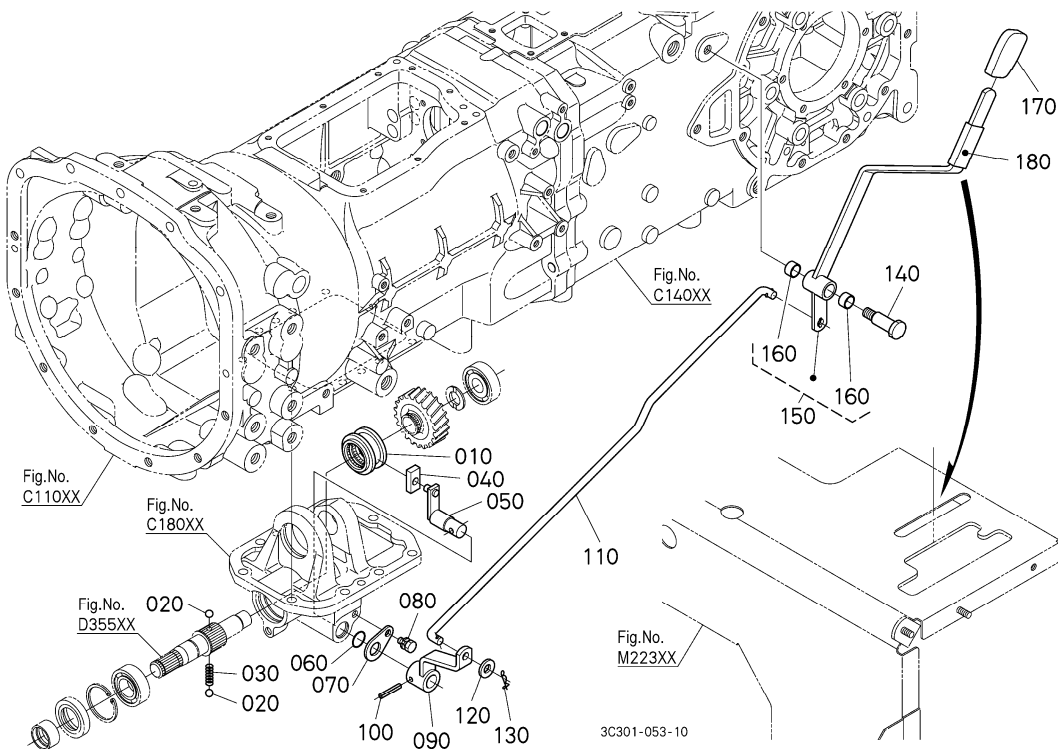


A:M6040SU

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

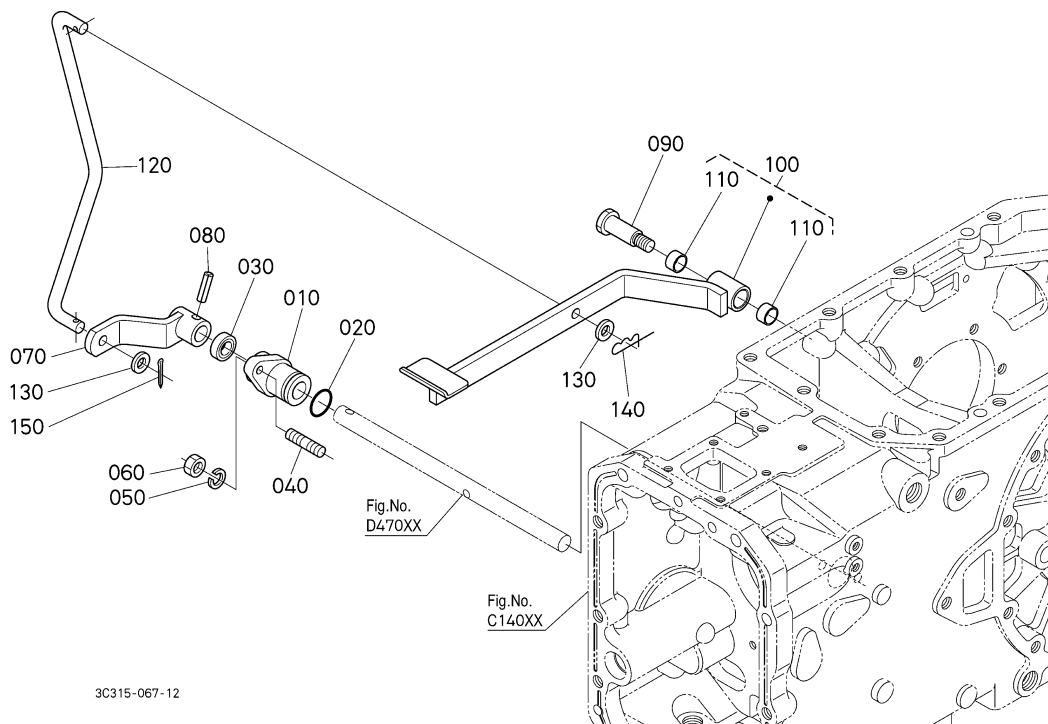
CẦN LÁI BÁNH XE TRƯỚC FRONT WHEEL DRIVE LEVER



A:M6040SU

[illegible]

F18000 ĐẠP KHÓA VI SAI RÉAR DIFFERENTIAL LOCK PEDAL

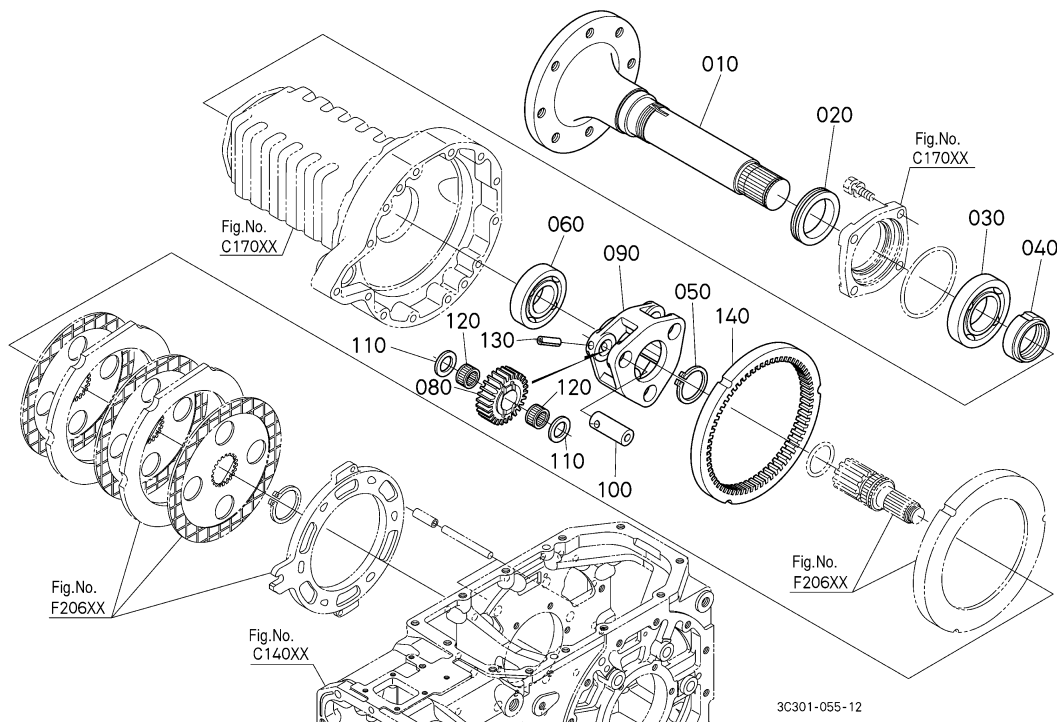


A:M6040SU

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

F20100 TRỤC SAU PHẢI
REAR AXLE RH

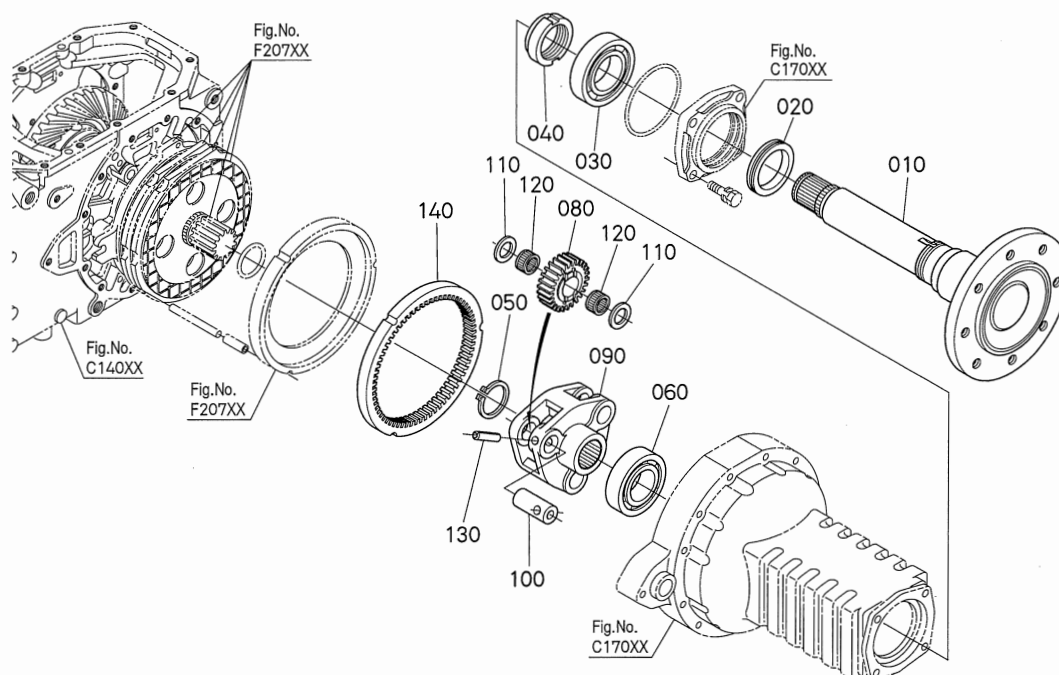


A:M6040SU

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

F20200 TRỤC SAU TRÁI REAR AXLE LH

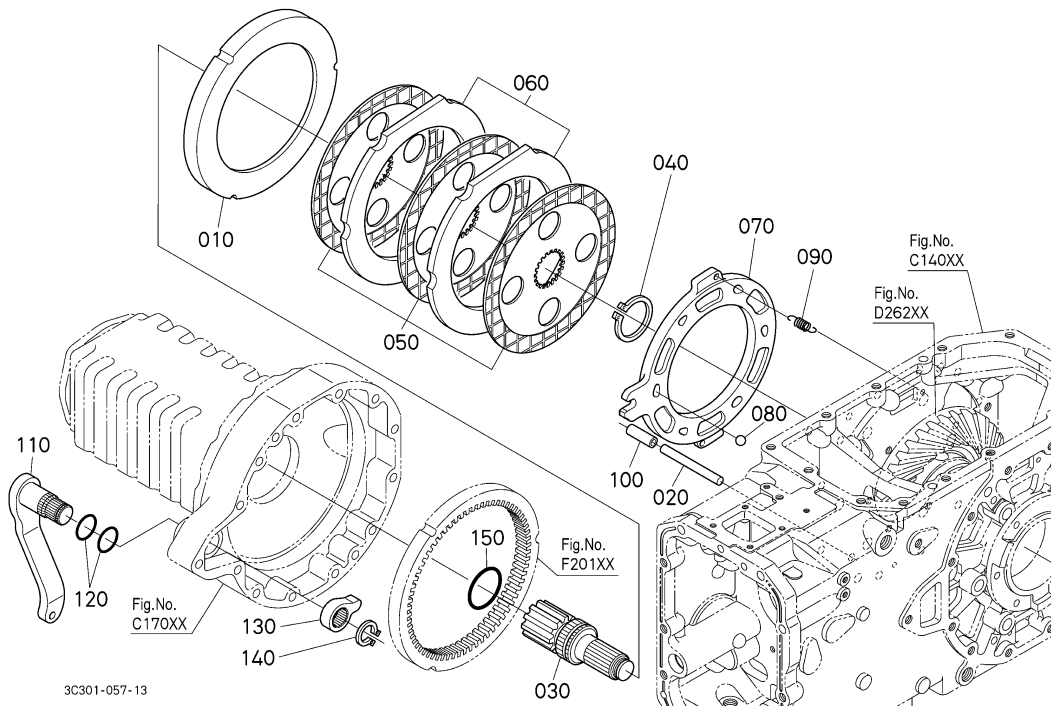


3C301-107-10

A:M6040SU

[illegible]

F20600 PHANH PHẢI
BRAKE RH

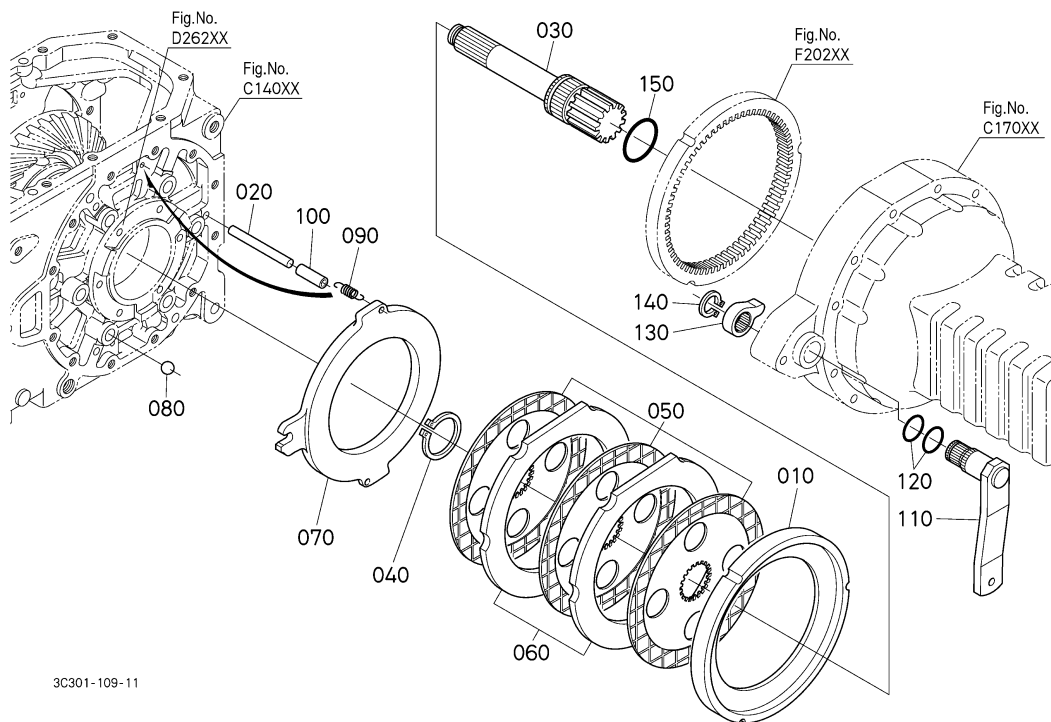


A:M6040SU

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

F20700 PHANH TRÁI
BRAKE LH



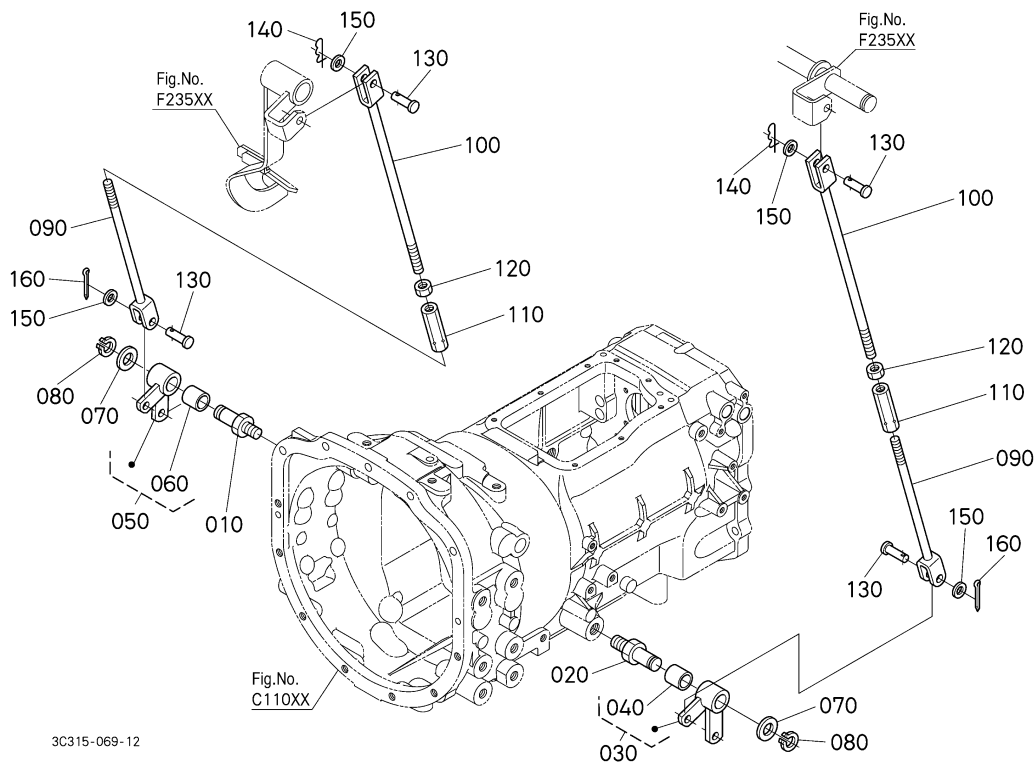
3C301-109-11

A:M6040SU

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

**F21100 PHANH TAY (BÀN ĐẠP PHANH)
BRAKE ROD (BRAKE PEDAL)**

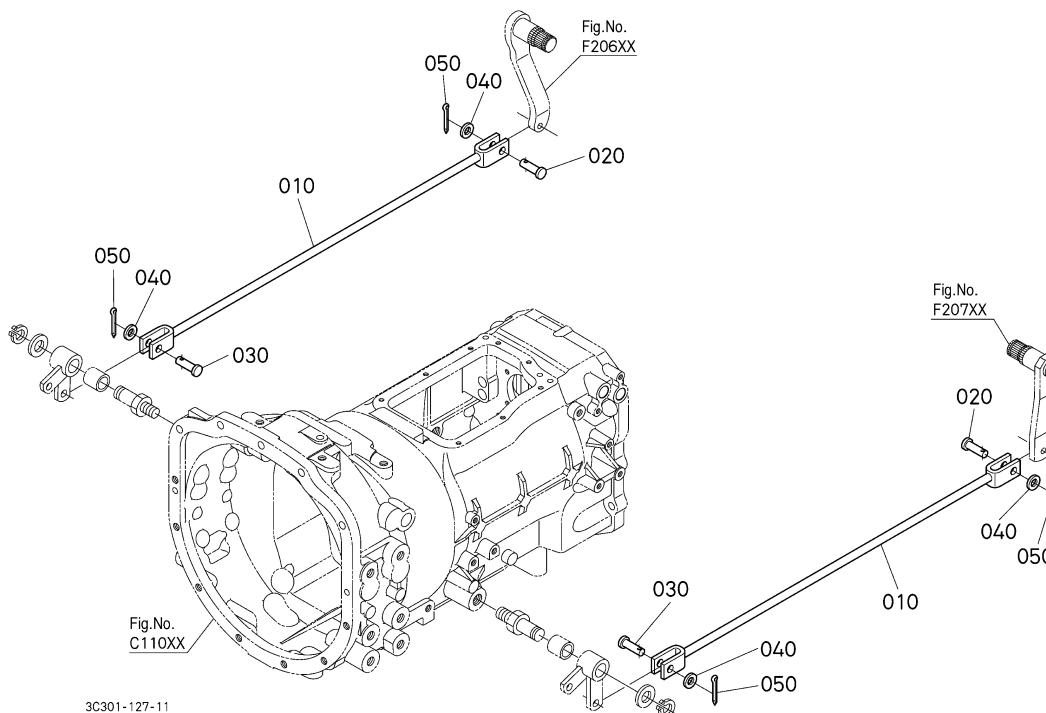


A:M6040SU

[illegible]

↔ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**F21200 PHANH TAY (PHANH CAM)
BRAKE ROD (BRAKE CAM)**

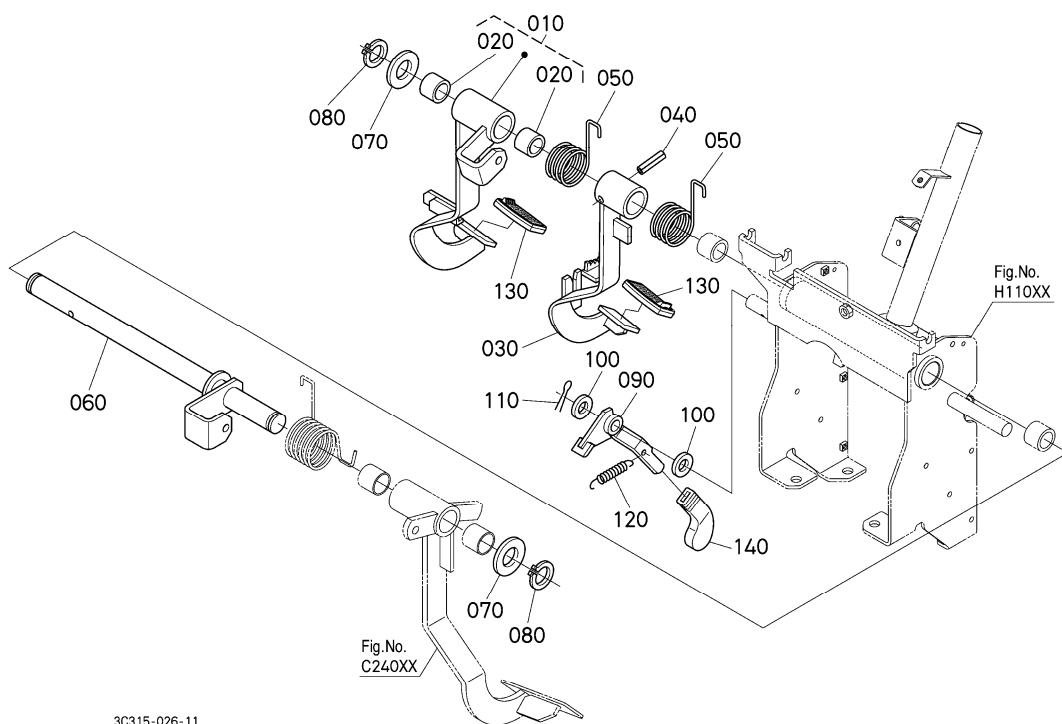


A:M6040SU

[illegible]

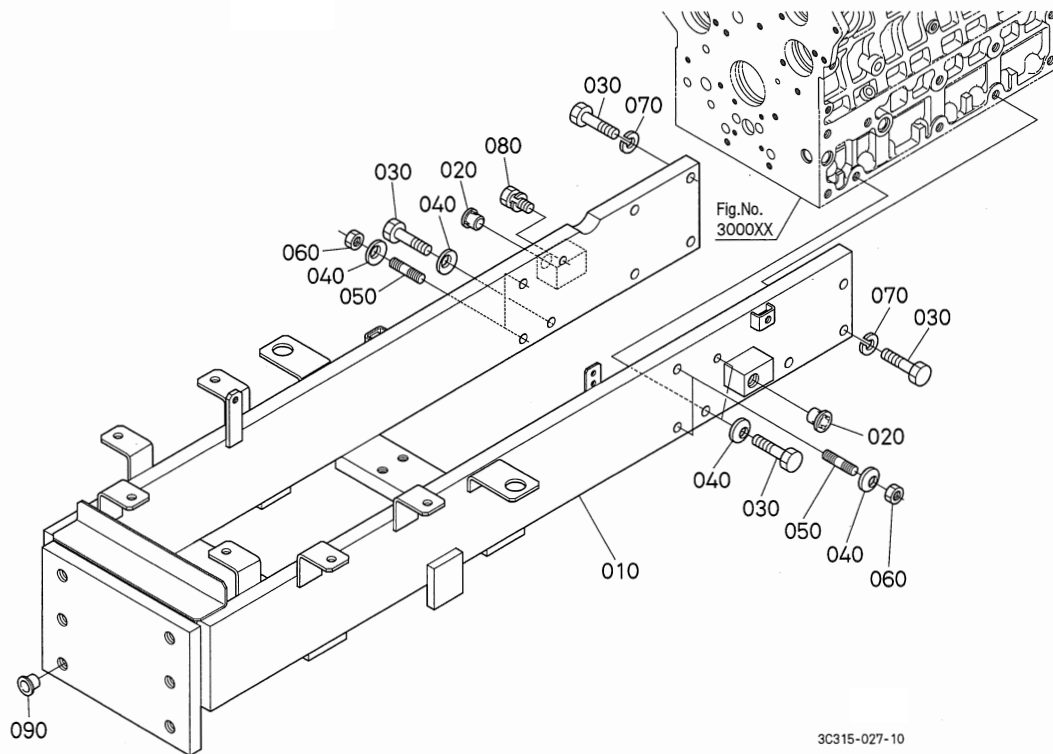
$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

F23500



A:M6040SU

**G10500 KHUNG CẦU TRƯỚC
FRONT AXLE FRAME**



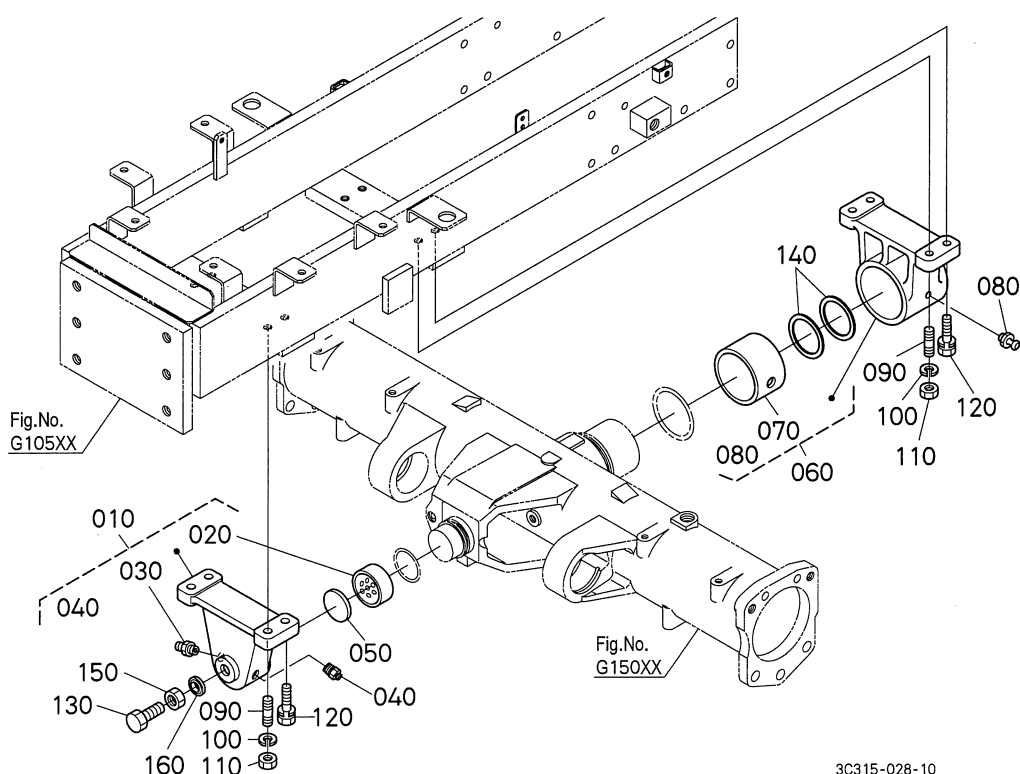
3C315-027-10

A:M6040SU

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

G11000 ĐỖ RÒI, TRƯỚC
FRONT AXLE BRACKET



3C315-028-10

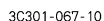
A:M6040SU

G14000

TRỰC TRUYỀN ĐỘNG FRONT PROPELLER SHAFT

[illegible]

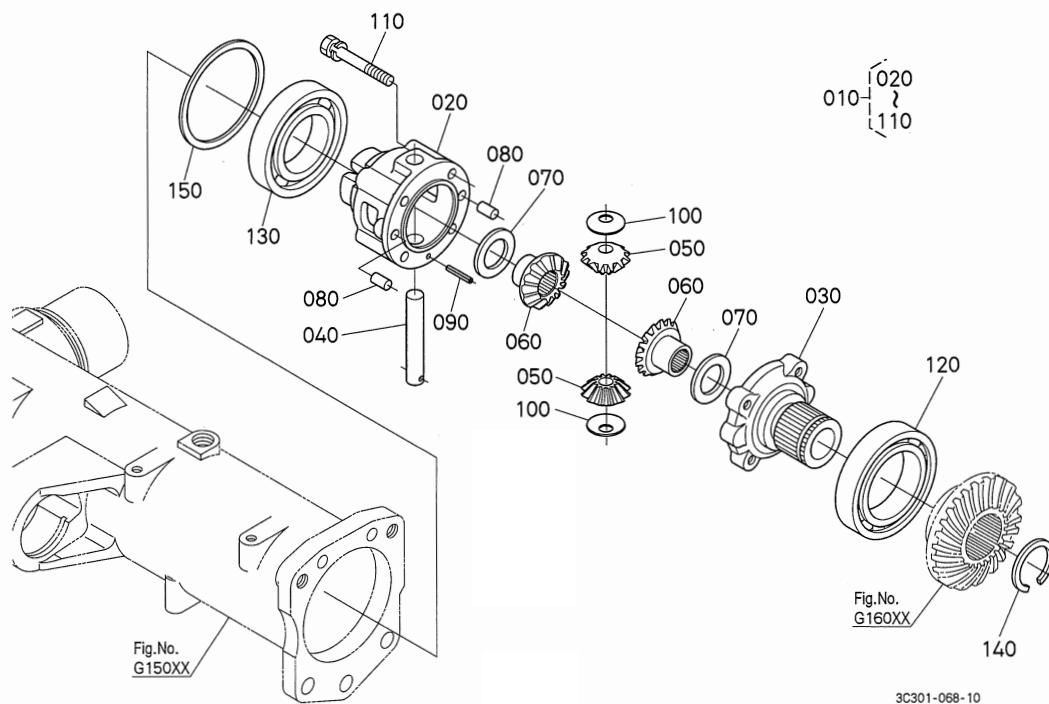
G16000



A:M6040SU

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**G17000 HỘP,VI SAI
DIFFERENTIAL FRONT**

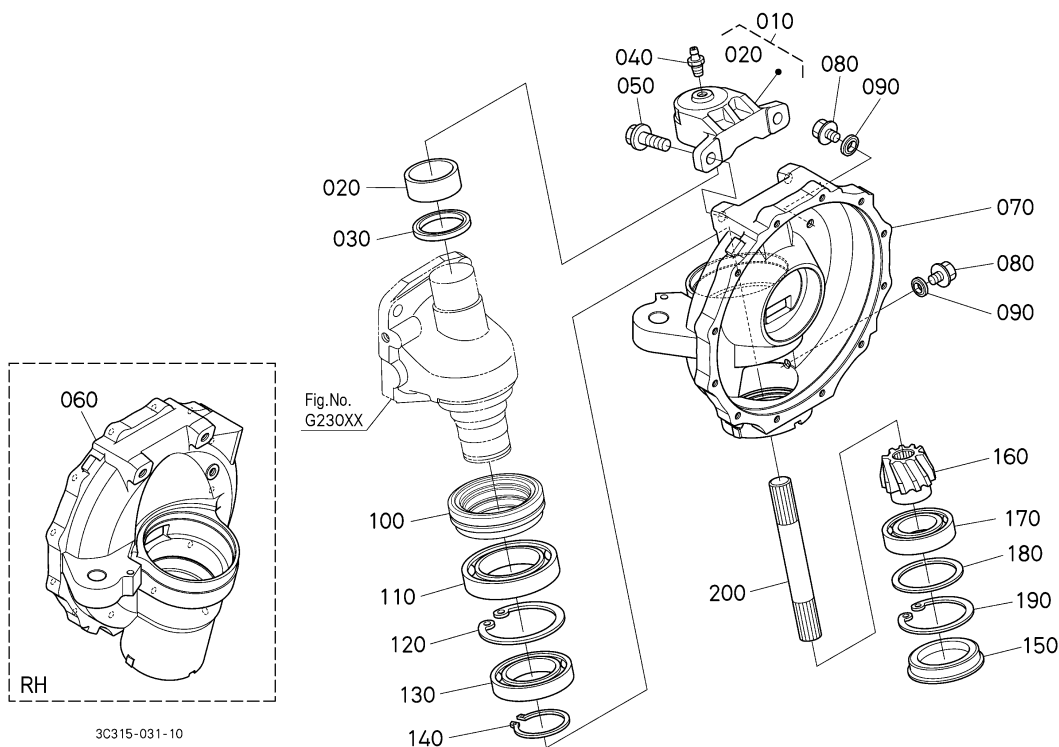


3C301-068-10

A:M6040SU

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

G22500 HỘP BỘ VI SAI TRƯỚC FRONT AXLE CASE



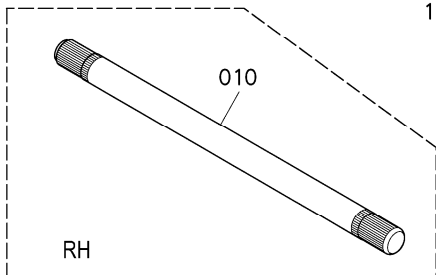
A:M6040SU

SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/Số sê-ri Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	3A275-4330-0	GIÁ ĐỖ RỜI, HỘP	ASSY SUPPORT,CASE	2		
020	3A021-4337-0	ÔNG LÓT	BUSH	2		
030	3A021-4335-0	HÀN KÍN, DẦU	SEAL,OIL	2		
040	06611-15010	VỎI, BƠM MỠ	NIPPLE GREASE	2		
050	32701-5293-0	BU-LÔNG, UBS	BOLT,UBS	4		
060	3C315-4364-0	HỘP,BÁNH RĂNG PHẢI PHÍA TRƯỚC	CASE,FRONT GEAR RH	1		
070	3C315-4363-0	HỘP,BÁNH RĂNG TRÁI PHÍA TRƯỚC	CASE,FRONT GEAR LH	1		
080	06331-45010	CHÓT,TUA VÍT	PLUG	4		
090	04717-01000	VÒNG ĐỆM,BĂNG CAO SU	WASHER,SEAL	4		
100	TC230-1304-0	HÀN KÍN, DẦU	SEAL,OIL	2		
110	08101-06014	Ổ,BI	BEARING,BALL	2		
120	04611-00950	KẸP TRÒN, PHÍA TRONG	CIR-CLIP,INTERNAL	2		
130	08101-06012	Ổ TRỤC	BEARING,BALL	2		
140	04612-00600	KẸP TRÒN,BỘ PHẦN NGOÀI	CIR-CLIP,EXTERNAL	2		
150	34550-1310-0	CHÓT,TUA VÍT	PLUG	2		
160	3G700-4352-0	BÁNH RĂNG, HÌNH CÔN	GEAR,BEVEL	2		9T
170	32580-4355-0	Ổ,BI	BEARING,BALL	2		
180	34070-2827-0	MIẾNG CHÈN	SHIM	2		1.0 mm
180	34070-2829-0	MIẾNG CHÈN	SHIM	2		1.2mm
180	34550-1262-0	MIẾNG CHÈN	SHIM	2		1.6mm
180	34550-1263-0	MIẾNG CHÈN	SHIM	2		1.8mm
180	34550-1264-0	MIẾNG CHÈN	SHIM	2		2.0mm
190	04611-00850	KẸP TRÒN,BỘ PHẦN TRONG	CIR-CLIP,INTERNAL	2		
200	3C315-4341-0	TRỤC(BÁNH RĂNG NÓN)	SHAFT,BEVEL GEAR	2 <=68351		#
200	3C315-4341-2	Trục bánh răng côn	SHAFT,BEVEL GEAR	2 >=68352	←	#
200	3C311-4341-0	TRỤC	SHAFT(BEVEL GEAR)	2 >=68564	≠	#ĐẶT HÀNG LINH KIỆN MỚI BẢNG SỐ THAM KHẢO 200
200	3C315-4341-2	Trục bánh răng côn	SHAFT,BEVEL GEAR	2 >=70627	≠	#

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

G23000

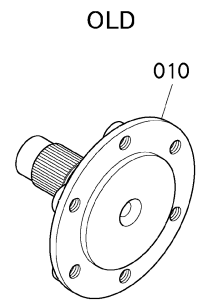
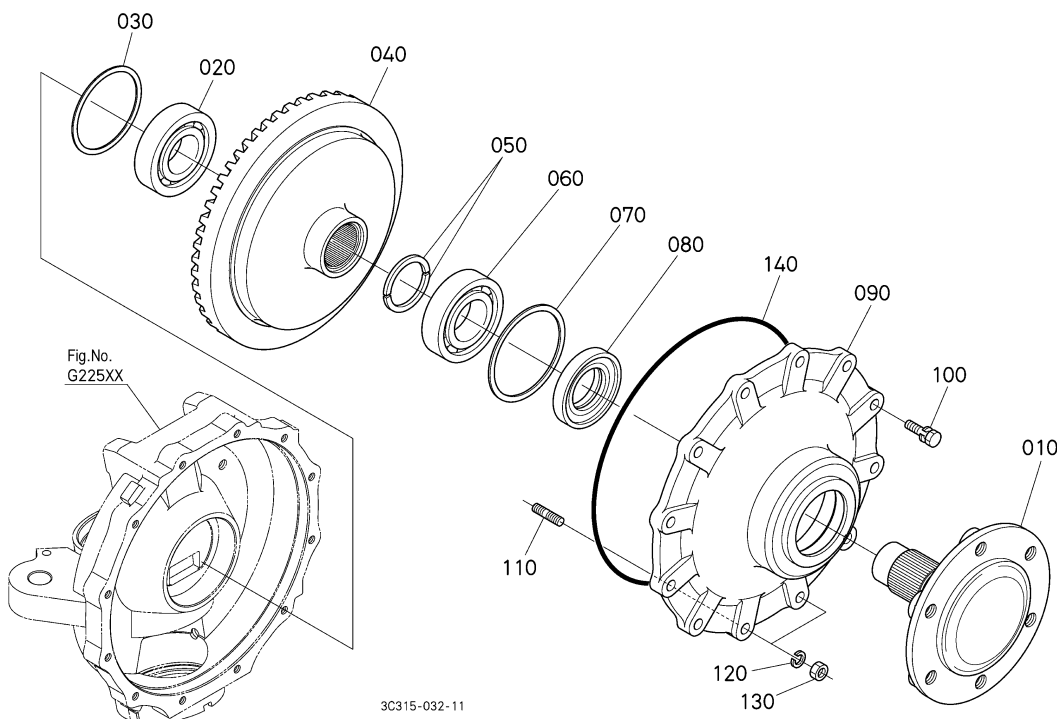
TRỰC BÁNH RĂNG VI SAI DIFFERENTIAL GEAR SHAFT



A:M6040SU

[illegible]

G24000 TRỤC BÁNH XE TRƯỚC
FRONT AXLE

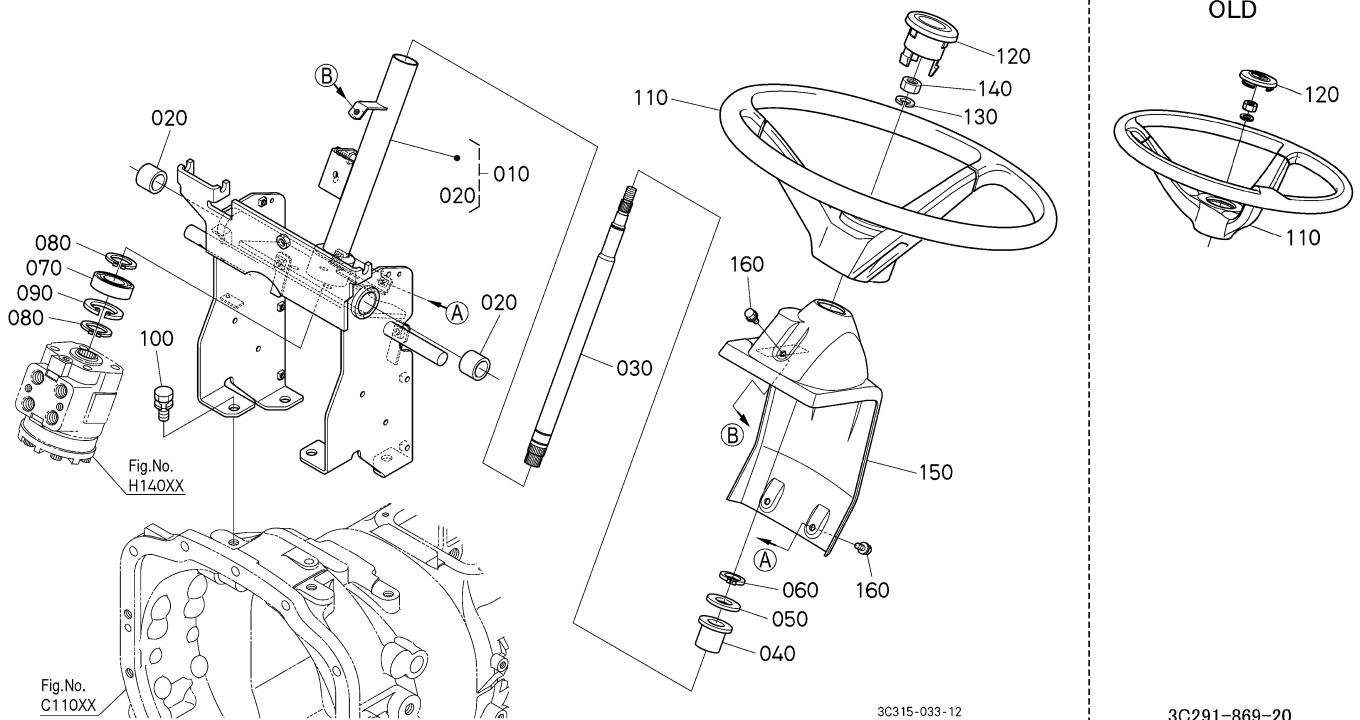


3C315-831-10

A:M6040SU

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

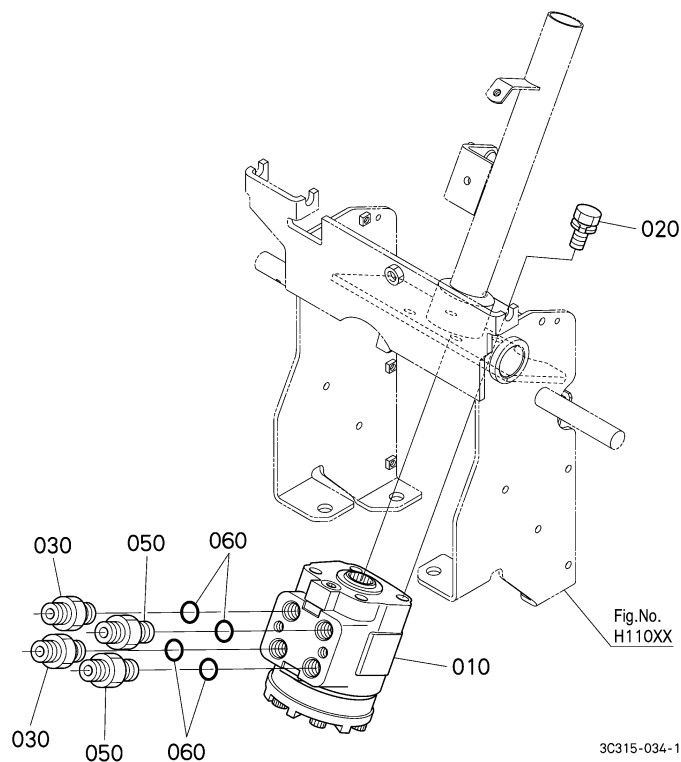
H11000 TAY NẮM HỆ THỐNG LÁI STEERING HANDLE



A:M6040SU

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

H14000 ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG LÁI STEERING CONTROLLER



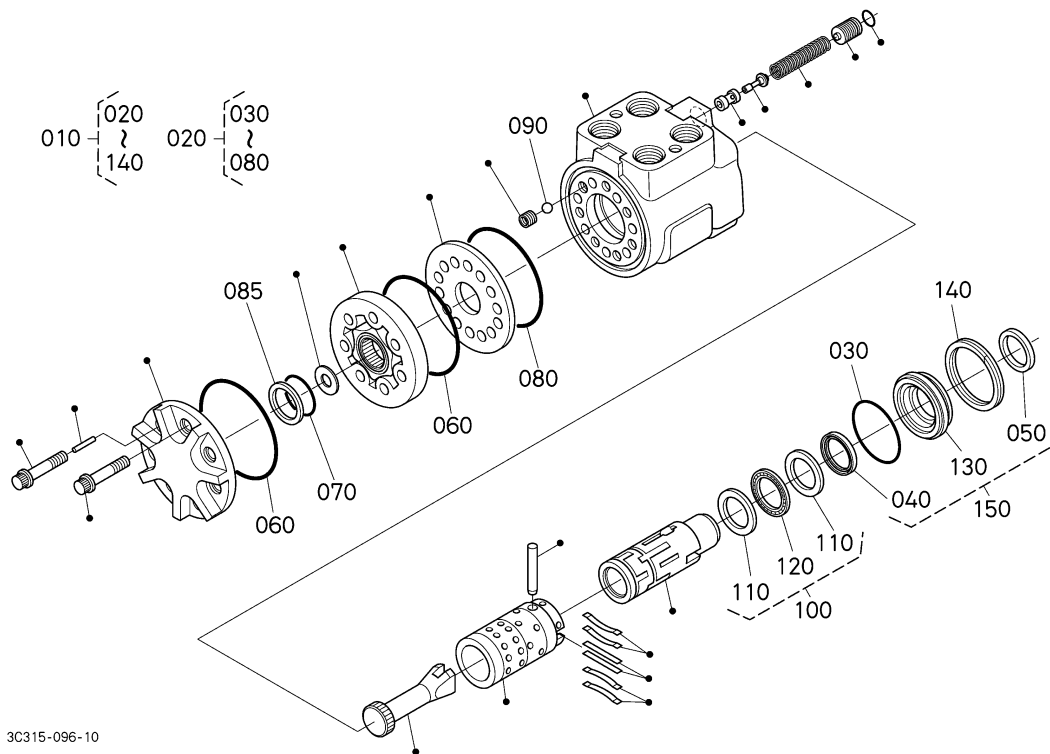
A:M6040SU

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

H15000 ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG LÁI [LINH KIỆN] [CŨ] STEERING CONTROLLER [COMPONENT PARTS] [OLD]

Số sê-ri ;A:<=58503



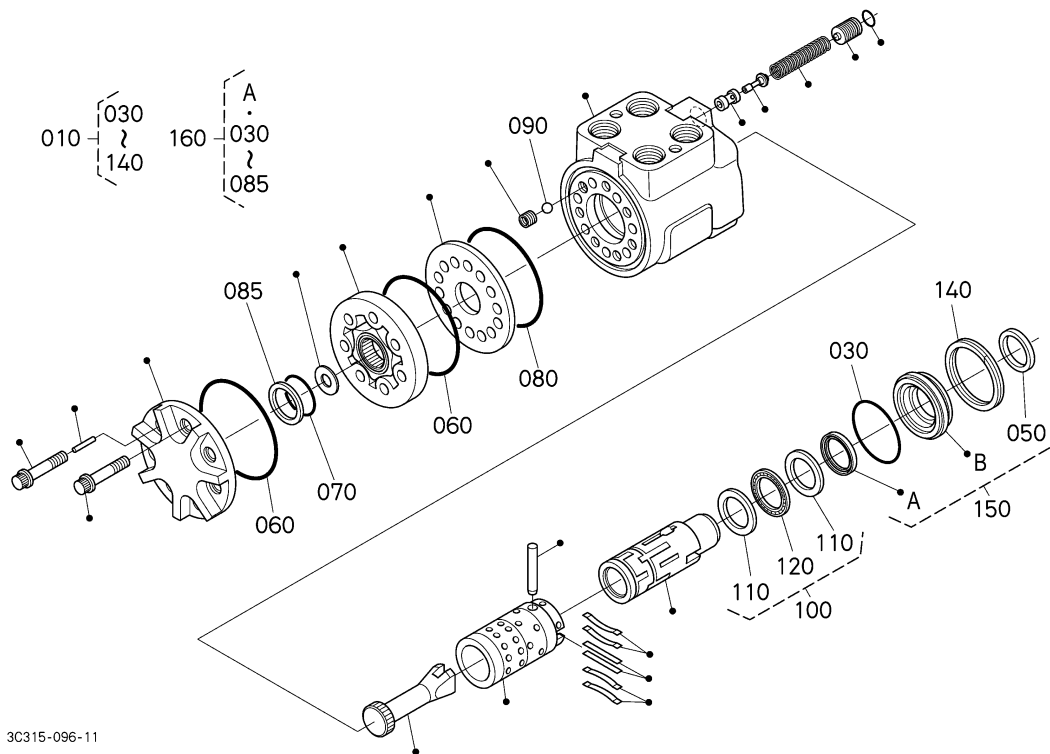
3C315-096-10

A:M6040SU

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

**H15001 ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG LÁI [LINH KIỆN] [CŨ]
STEERING CONTROLLER [COMPONENT PARTS] [OLD]**

Số sê-ri: A:58504 to 71563



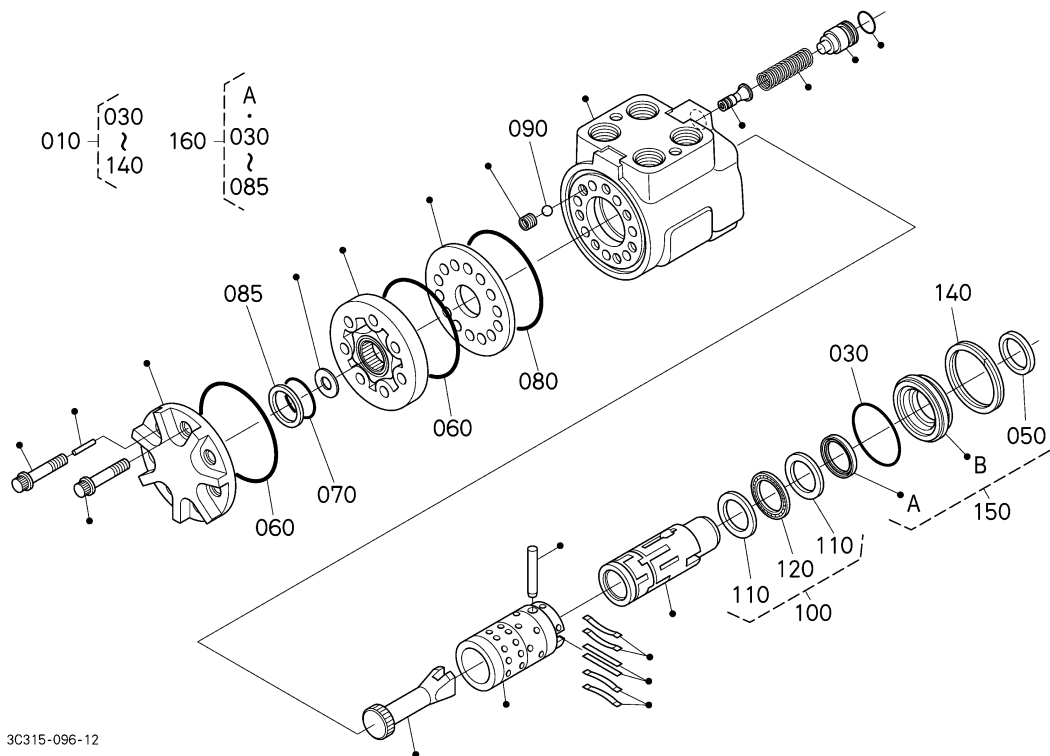
3C315-096-11

A:M6040SU

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**H15002 ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG LÁI [LINH KIỆN] [MỚI]
STEERING CONTROLLER [COMPONENT PARTS] [NEW]**

Số sê-ri ;A: >=71564

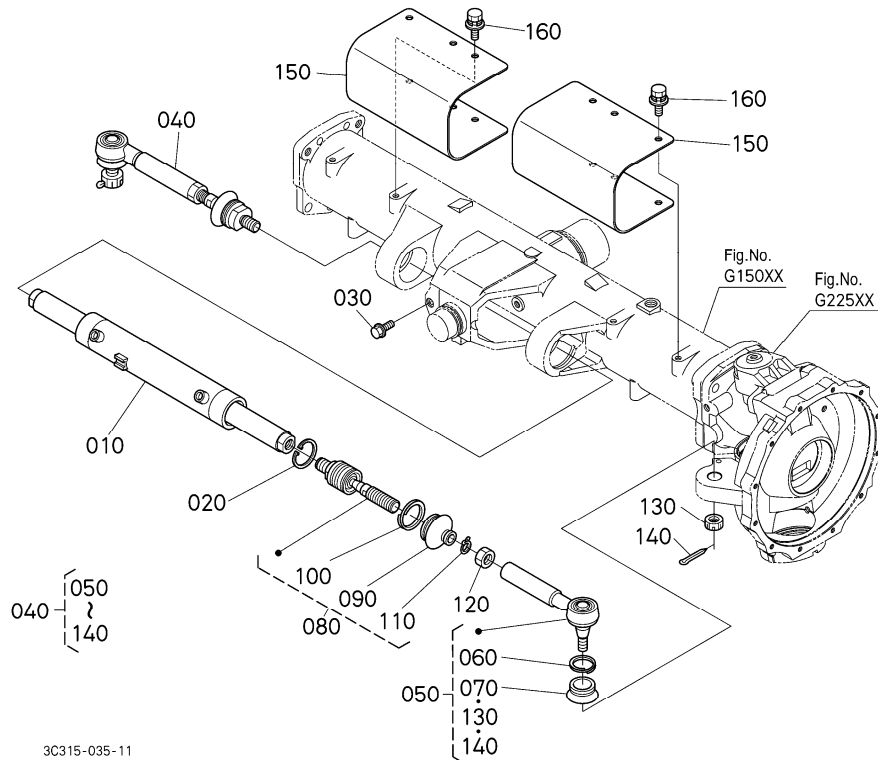


3C315-096-12

A:M6040SU

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

H16000 THANH NỔI/XI LẠNH HỆ THỐNG LÁI TIE ROD/STEERING CYLINDER

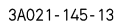


3C315-035-11

A:M6040SU

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

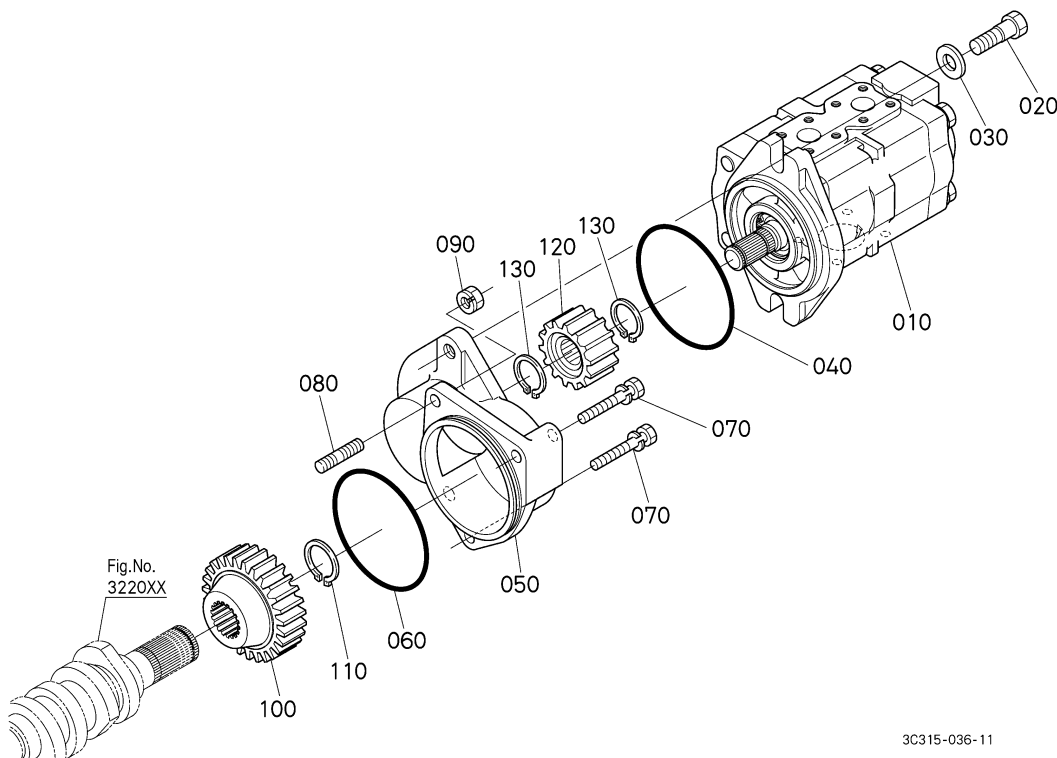
H1 6500



A:M6040SU

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

J13000 BƠM THỦY LỰC HYDRAULIC PUMP



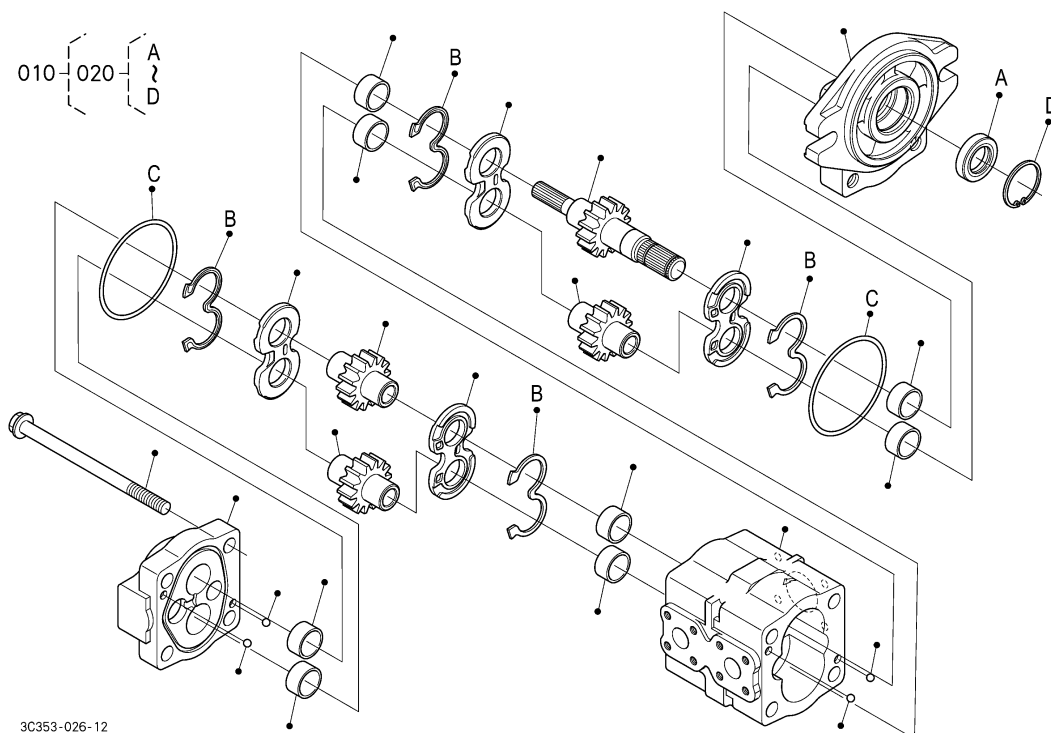
3C315-036-11

A:M6040SU

[illegible]

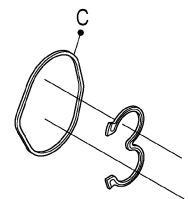
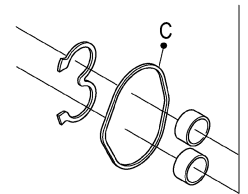
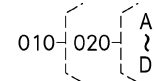
$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

J13500 CỬA BƠM THỦY LỰC [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH] HYDRAULIC PUMP [COMPONENT PARTS]



OLD

S.No ; <=68351

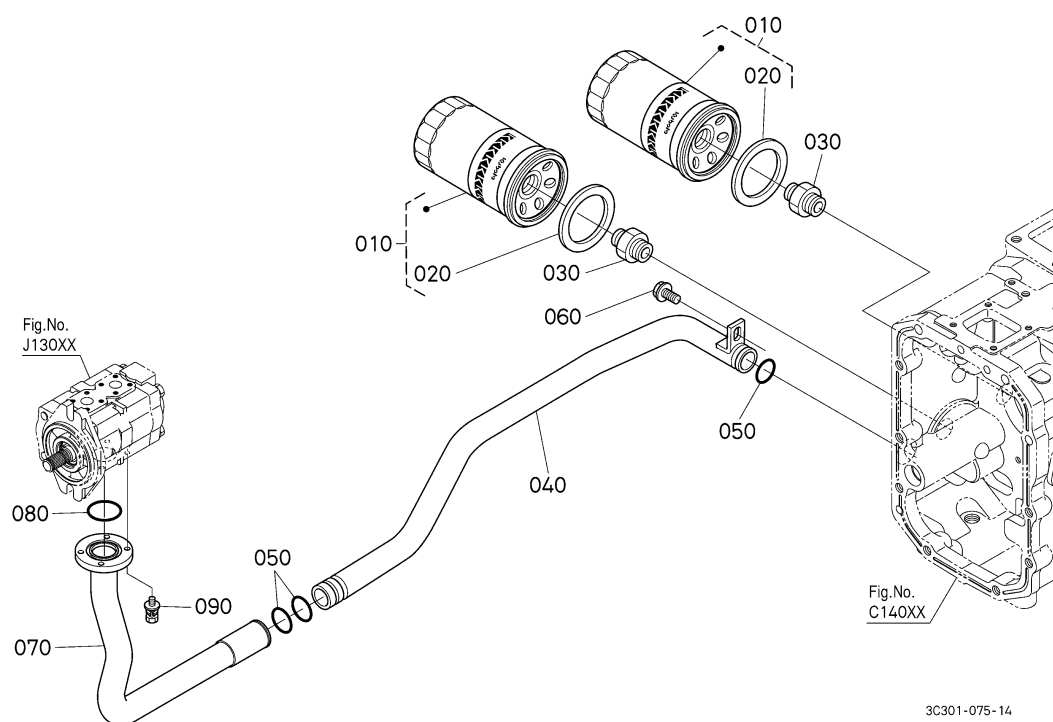


3C315-830-10

A:M6040SU

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

J21000 **ỐNG THỦY LỰC (HÚT)**
HYDRAULIC PIPE (SUCTION)

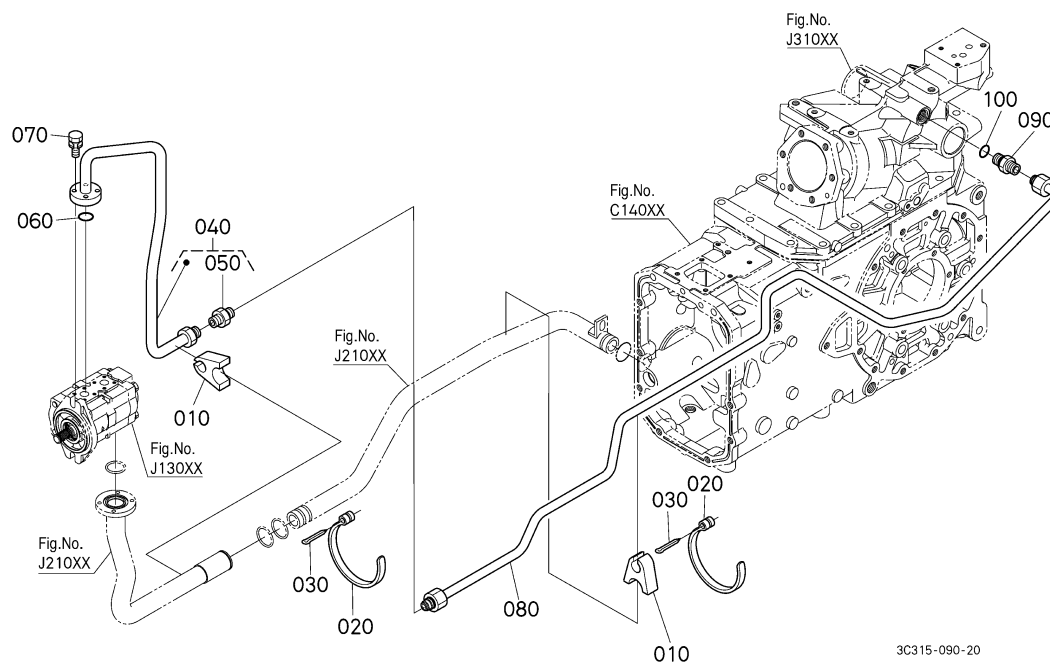


3C301-075-14

A:M6040SU

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

J22000 ỒNG CẤP NƯỚC HYDRAULIC PIPE (DELIVERY)

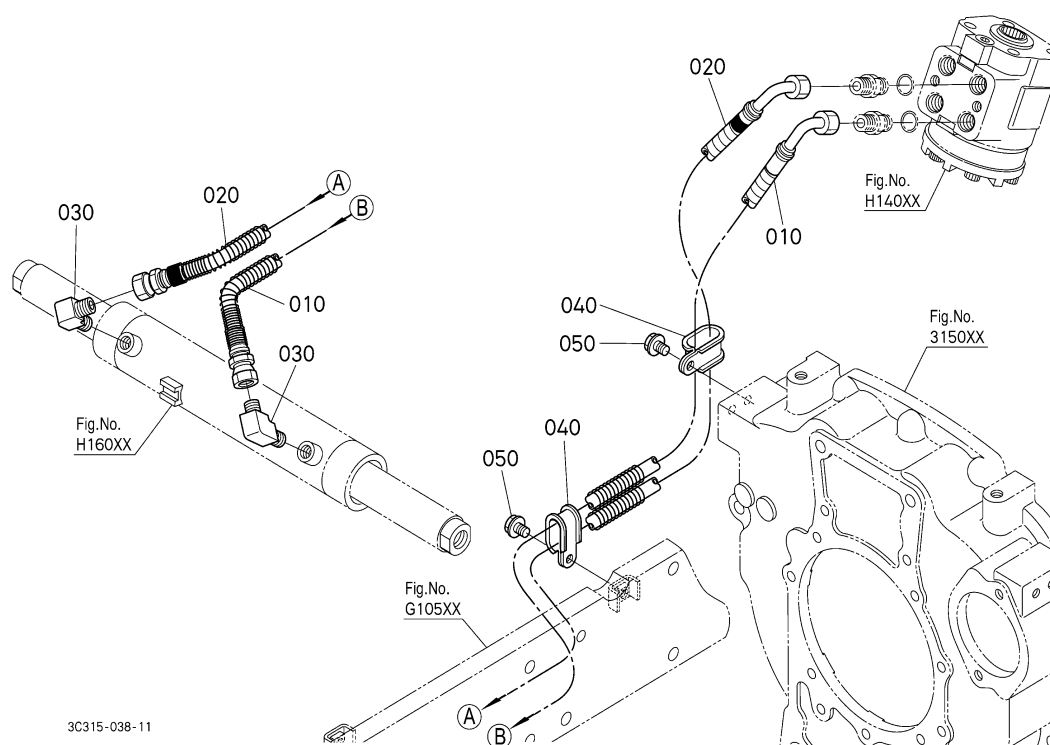


3C315-090-20

A:M6040SU

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**J28000 ỐNG DẪN DẦU
STEERING HOSE (DELIVERY)**



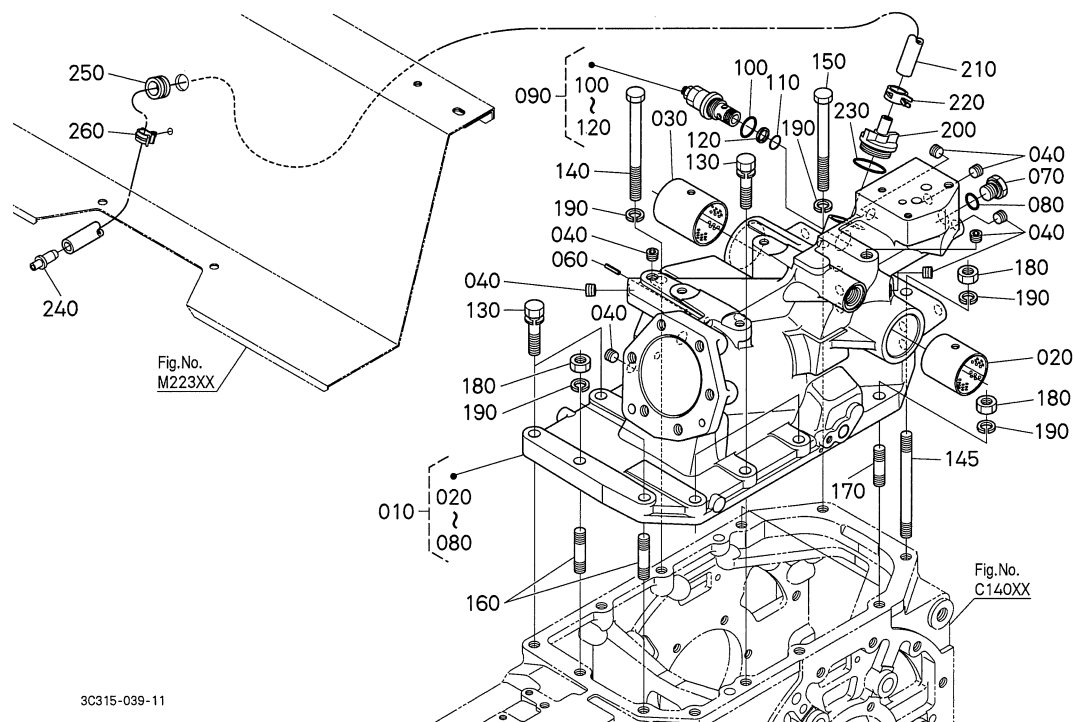
3C315-038-11

A:M6040SU

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

J31000 XI LANH THUỶ LỰC

HYDRAULIC CYLINDER



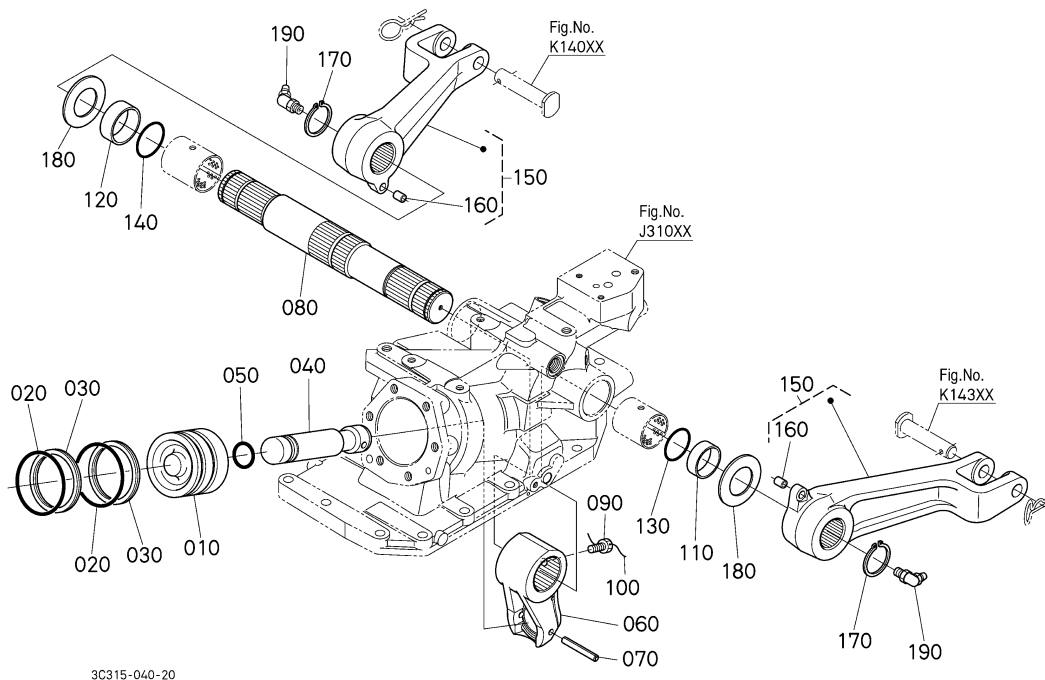
3C315-039-11

A:M6040SU

SỐ TRẠM CHẾ REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/SỐ SẴN Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	3C301-8212-4	HỘP RƠI,XI LANH	ASSY CASE,CYLINDER	1	#	
010	3C301-8212-5	HỘP RƠI,XI LANH	ASSY CASE,CYLINDER	<=57455	←	#
020	3C001-8241-0	ỐNG LỐT	BUSH	1		
030	3G705-8241-0	ỐNG LỐT	BUSHING	1		
040	36741-9402-2	PHÍCH CẨM	PLUG,TAPER	8		
050	----	TRỐNG	BLANK	-	#	
060	05411-00422	ĐINH,LÒ XO	SPRING PIN	1		
070	68841-6258-0	CHÓT,TUA VÍT	PLUG	1		
080	04816-00140	VÒNG CHỮ O	O RING	1		
090	YR577-0010-0	VÁN	VALVE,ASSY(RELIEF)	1		
100	04817-00220	VÒNG CHỮ O	O RING	1		
110	04817-05150	VÒNG CHỮ O	O RING	1		
120	67810-3837-0	VÀNH ĐAI,HỖ TRỢ	RING(BACK UP)	1		
130	01133-51250	BULONG	BOLT,SEMS	5		
140	32530-3718-0	BULONG	BOLT	1		
145	3A651-2133-0	ĐINH ĐẦU TO	STUD	1		
150	36330-8216-0	BULONG	BOLT	1		
160	01574-51245	ĐINH TẮN	BOLT,STUD	2		
170	01574-51240	ĐINH ĐẦU TO	BOLT,STUD	2		
180	02176-50120	ĐINH ỐC	HEX.NUT	5	#	
180	T3680-8095-0	ĐINH ỐC	NUT(M12,CR)	<=58407	←	#
190	04512-50120	VÒNG ĐỆM, LÒ XO	WASHER,SPRING LOCK	5		
200	38180-2141-0	CHÓT,TUA VÍT	PLUG	>=58408		
210	09661-80380	ỐNG, NHIÊN LIỆU	TUBE FUEL 380 MM	1		
220	09318-88130	VÒNG KẸP ỐNG MỀM	CLAMP,HOSE	1		
230	04816-50300	VÒNG CHỮ O	O RING	1		
240	3C081-2163-0	MỎI NỐI	JOINT(BREATHER)	1		
250	32150-2918-0	CHỤP CAO SU	CAP(RUBBER)	1		
260	67148-5118-0	GÁ KẸP	CLAMP	1		

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

J31500 XI LANH THỦY LỰC HYDRAULIC LIFT ARM



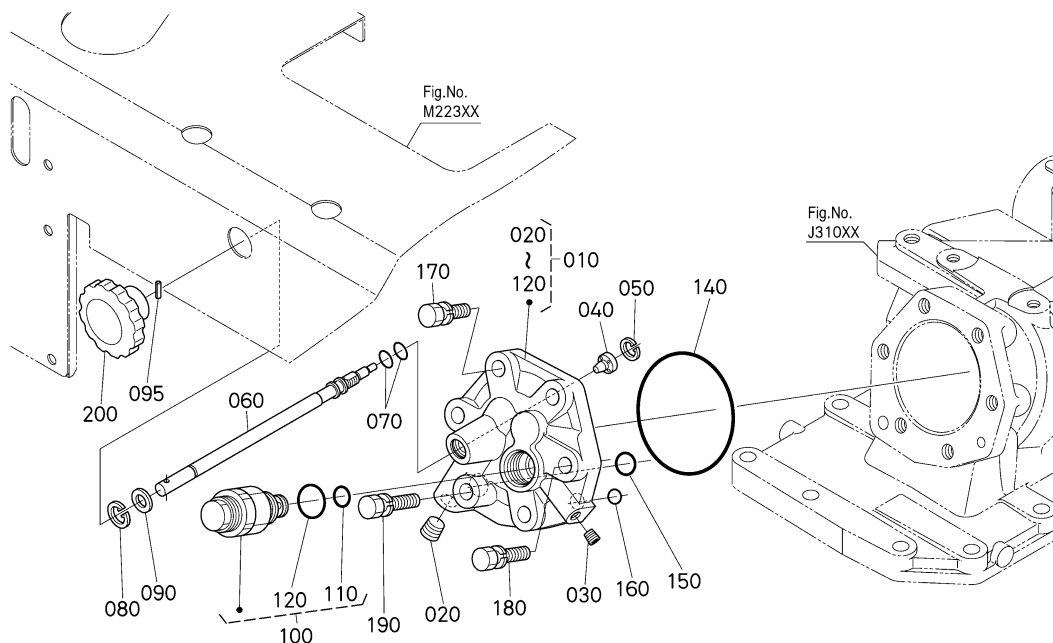
A:M6040SU

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

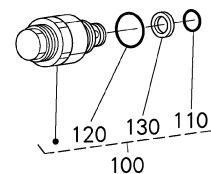
J32000 XI LANH THỦY LỰC

HYDRAULIC CYLINDER COVER



3C301-081-20

OLD



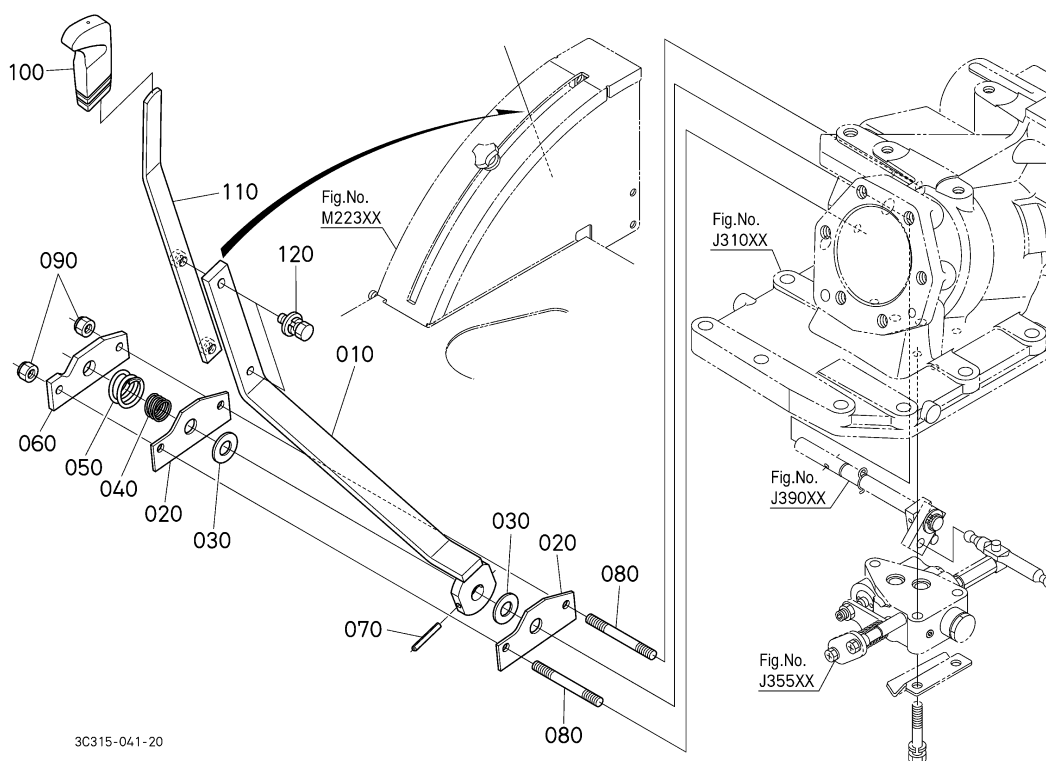
3C301-836-10

A:M6040SU

SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/SỐ SẴN Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	3C301-8250-0	XI LANH THỦY LỰC	ASSY HEAD, HYD. CYL.	1		
020	31351-3715-0	PHÍCH CẮM	PLUG	1		
030	31351-3716-0	PHÍCH CẮM	PLUG	1		
040	38240-3725-0	MĂNG-SÔNG, ĐIỀU CHỈNH	COLLAR, ADJUSTING	1		
050	04611-00160	KẸP TRÒN, BỘ PHẬN TRONG	CIR-CLIP, INTERNAL	1		
060	3C301-8165-0	TRỤC	SHAFT	1		
070	04817-00100	VÒNG CHỮ O	O RING	2		
080	04611-00180	KẸP TRÒN, BỘ PHẬN TRONG	CIR-CLIP, INTERNAL	1		
090	04011-50100	VÒNG ĐỆM BẰNG	WASHER, PLAIN	1		
095	05411-00414	ĐINH, LÒ XO	PIN, SPRING	1		
100	YR827-0010-0	VÁN AN TOÀN	VALVE, ASSY (SAFETY)	1 <=57455		
100	YW649-0010-0	VÁN AN TOÀN	VALVE, ASSY	1 >=57456	←	
110	04817-00160	VÒNG CHỮ O	O RING	1 <=57455		
110	YW125-5517-0	VÒNG CHỮ O	O RING (P16)	1 >=57456	≠	
120	04816-06280	VÒNG CHỮ O	O RING	1		
130	YT133-0016-0	VÀNH ĐAI HỖ TRỢ	RING, BACK UP	1 <=57455		
140	3A111-0984-0	VÒNG CHỮ O	O RING	1		
150	04817-00140	VÒNG CHỮ O	O RING	1		
160	04817-00100	VÒNG CHỮ O	O RING	1		
170	01133-51245	BU LÔNG	BOLT, SEMS	4		
180	01133-51250	BU LÔNG	BOLT, SEMS	1		
190	01133-51260	BU LÔNG	BOLT, SEMS	1		
200	T0070-3456-0	DỤNG CỤ KẸP	GRIP	1		

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**J37800 CẦN ĐIỀU CHỈNH VỊ TRÍ
POSITION CONTROL LEVER**



A:M6040SU

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

Fig.No.
J310XX

020 030 010 080 070 040 050 060

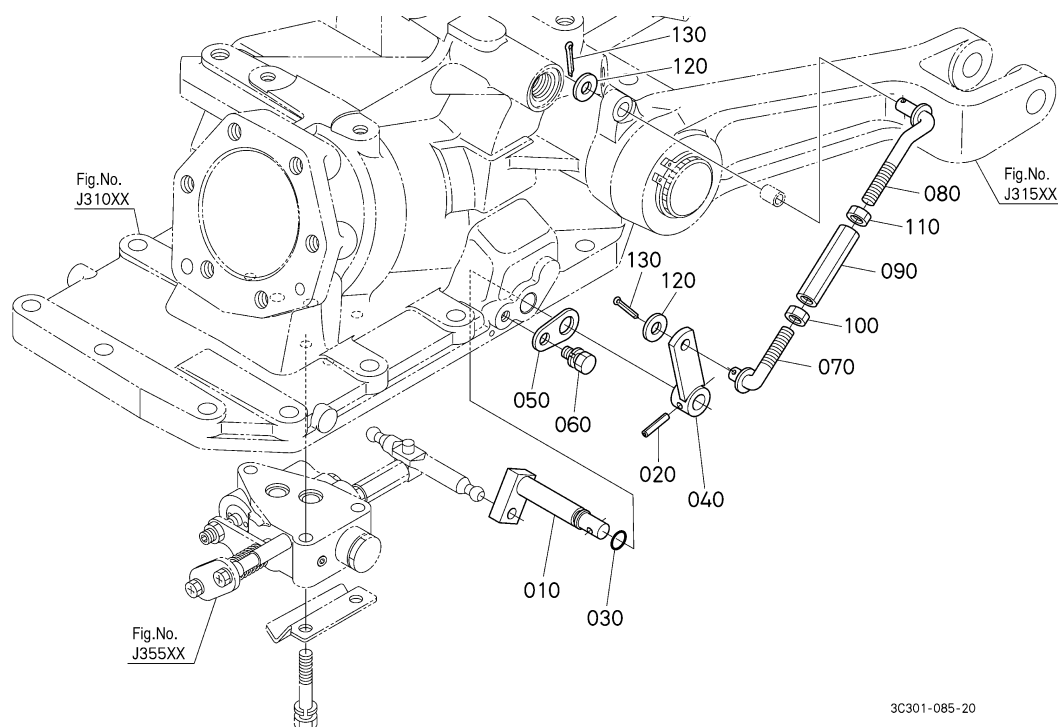
Fig.No.
J355XX

3C301-084-20

3C301-084-20

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

J39200 CẦN LIÊN HỆ NGƯỢC FEED BACK LEVER

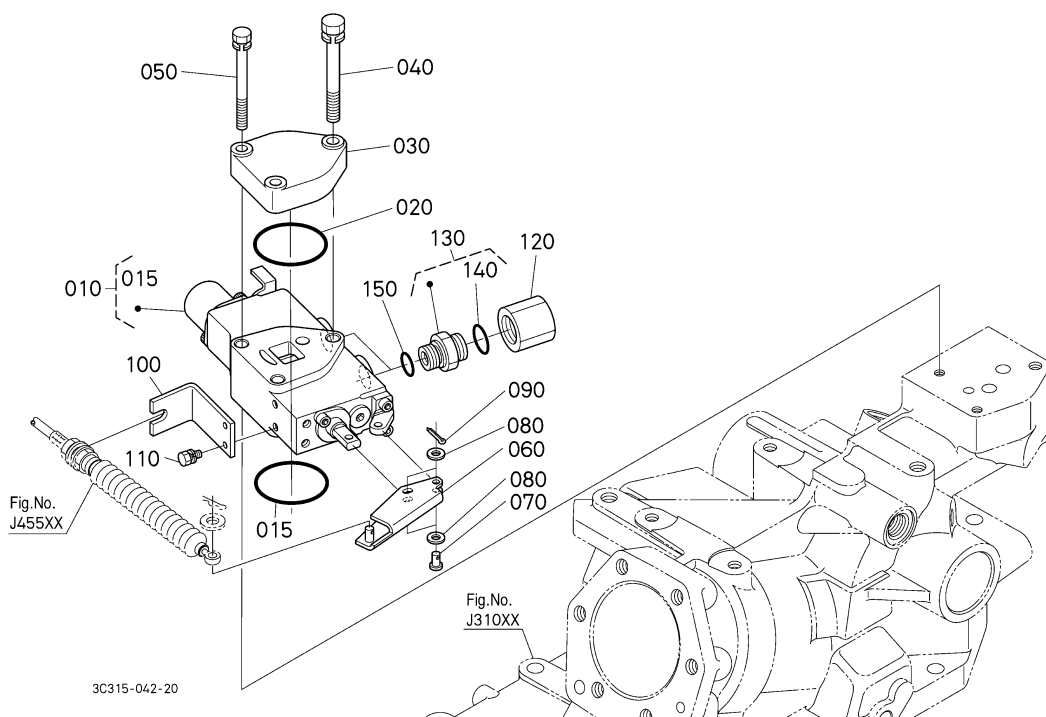


3C301-085-20

A:M6040SU

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

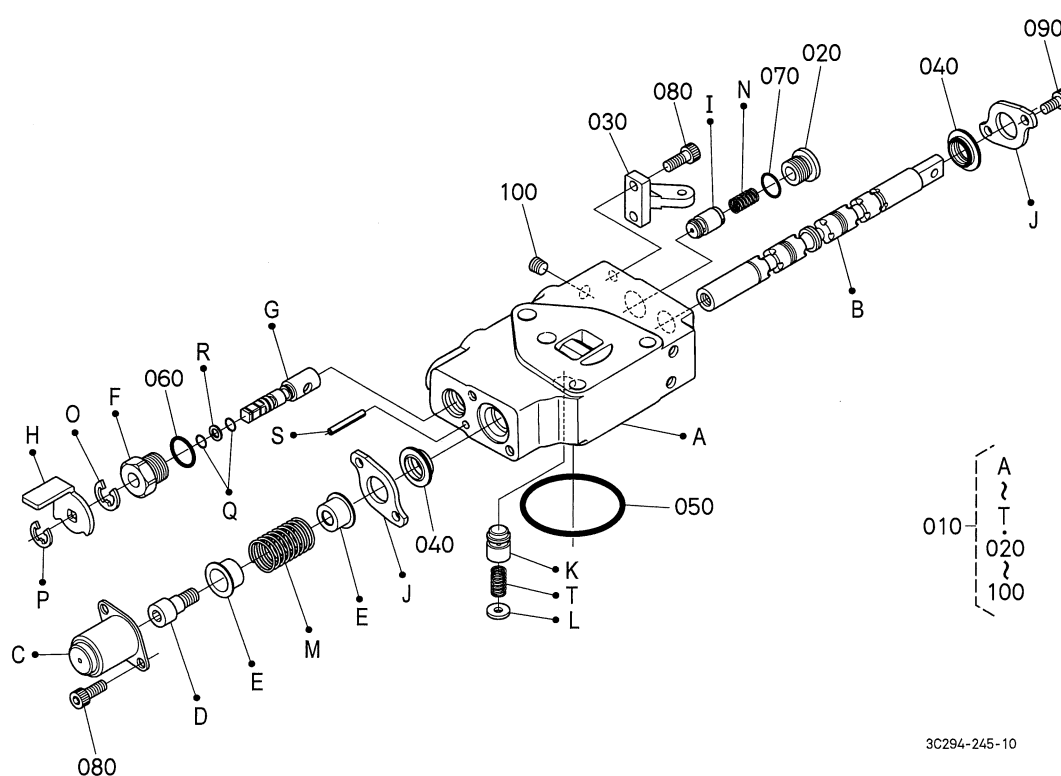
J44500 VAN ĐIỀU KHIỂN AUXILIARY CONTROL VALVE



A:M6040SU

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**J44700 VAN ĐIỀU KHIỂN (S/D) [LINH KIỆN]
AUXILIARY CONTROL VALVE (S/D) [COMPONENT PARTS]**

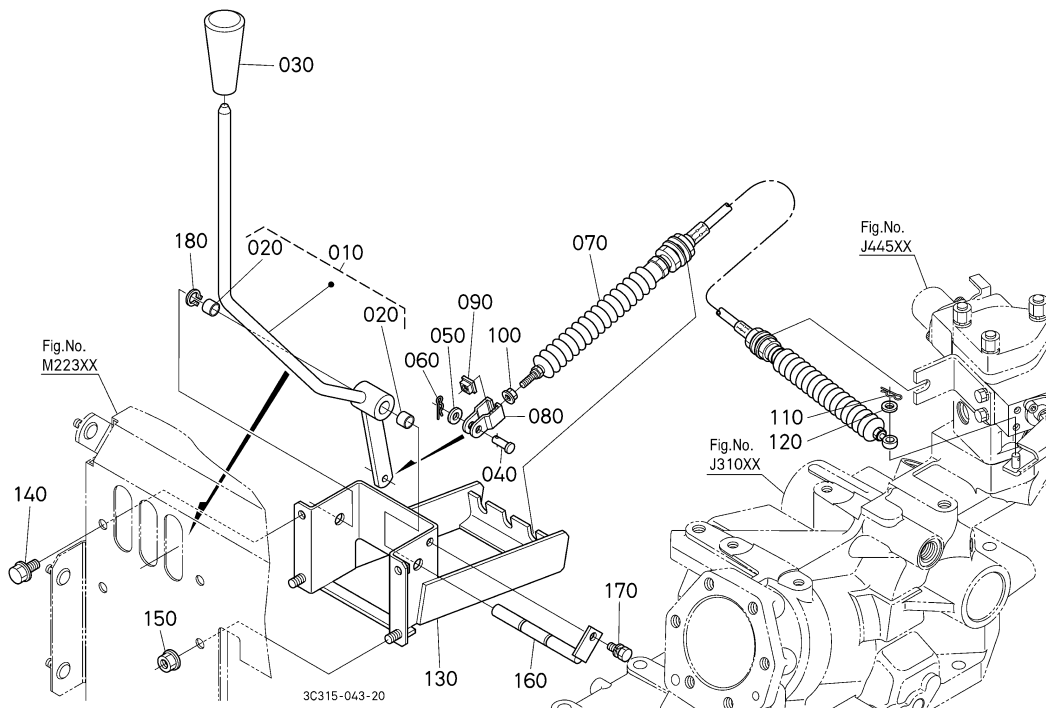


3C294-245-10

A:M6040SU

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

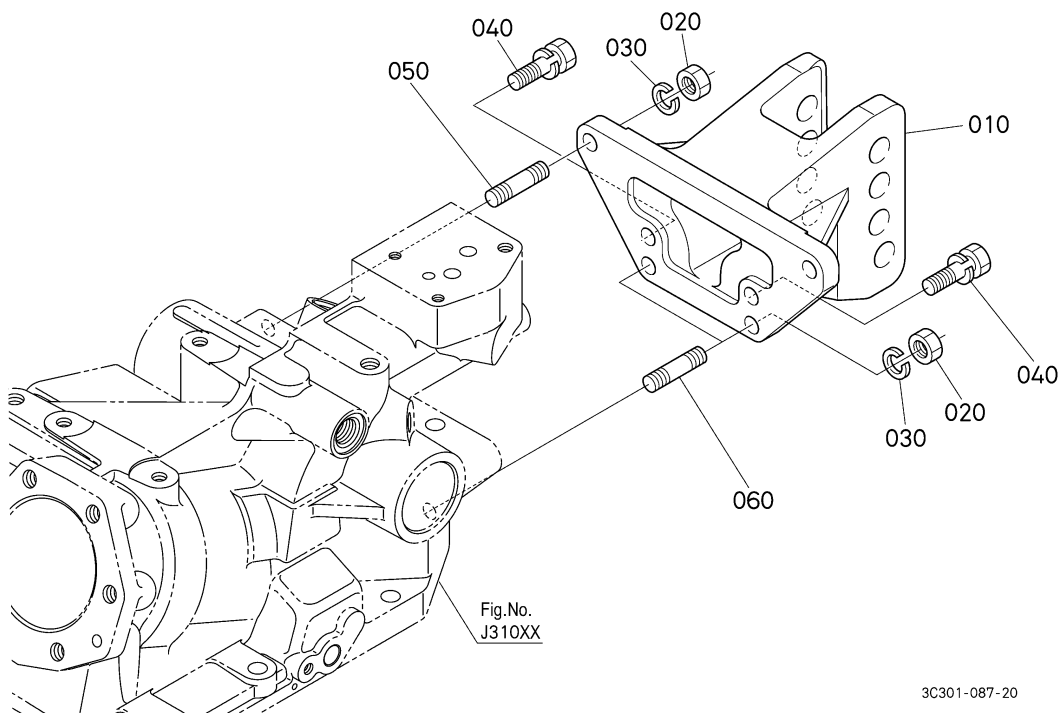
**J45500 CẦN ĐIỀU CHỈNH VỊ TRÍ
AUXILIARY CONTROL VALVE LEVER**



A:M6040SU

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

**K10500 GIÁ ĐỖ LIÊN KẾT ĐỈNH
TOP LINK BRACKET**



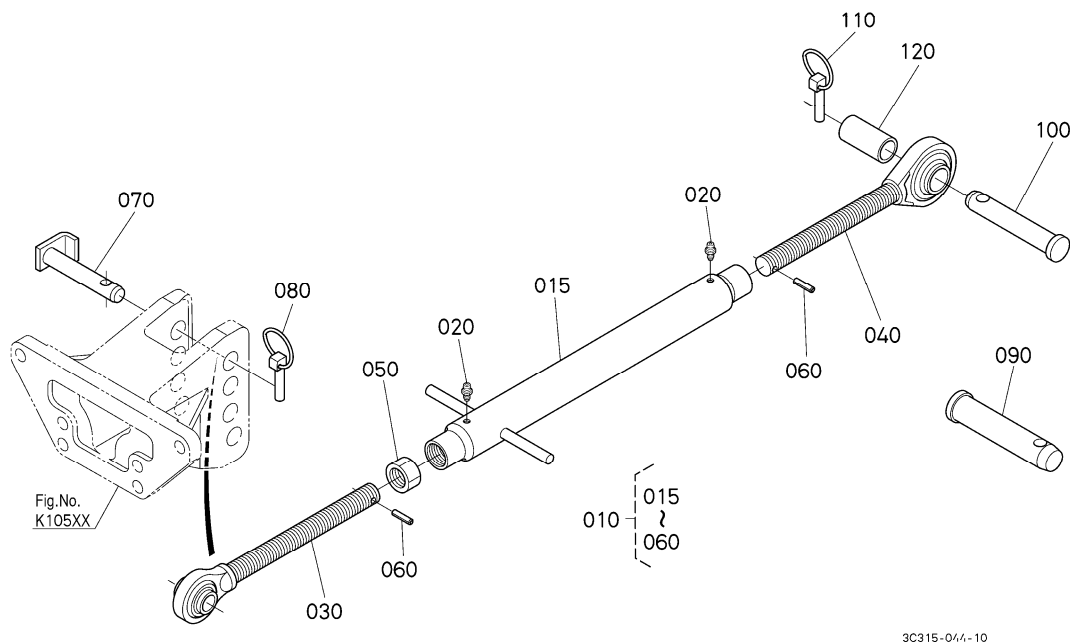
3C301-087-20

A:M6040SU

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

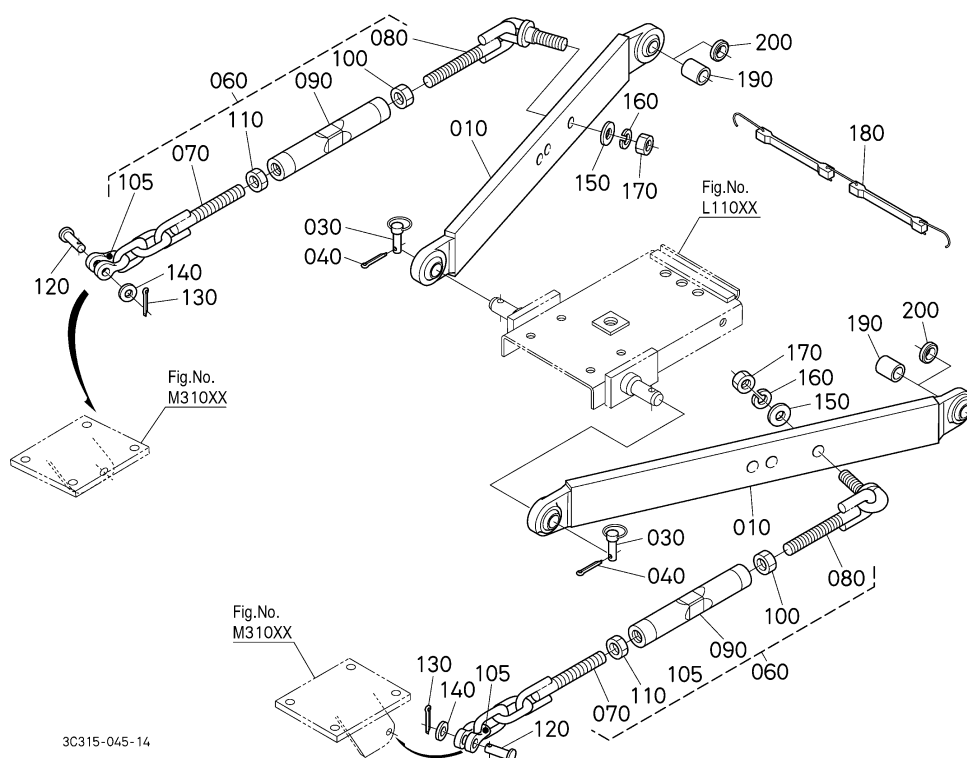
K11000



A:M6040SU

[illegible]

K12500 KẾT NỐI PHÍA DƯỚI LOWER LINK



A:M6040SU

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

K14300

THANH TRUYỀN, NÂNG TRÁI LIFT ROD LH



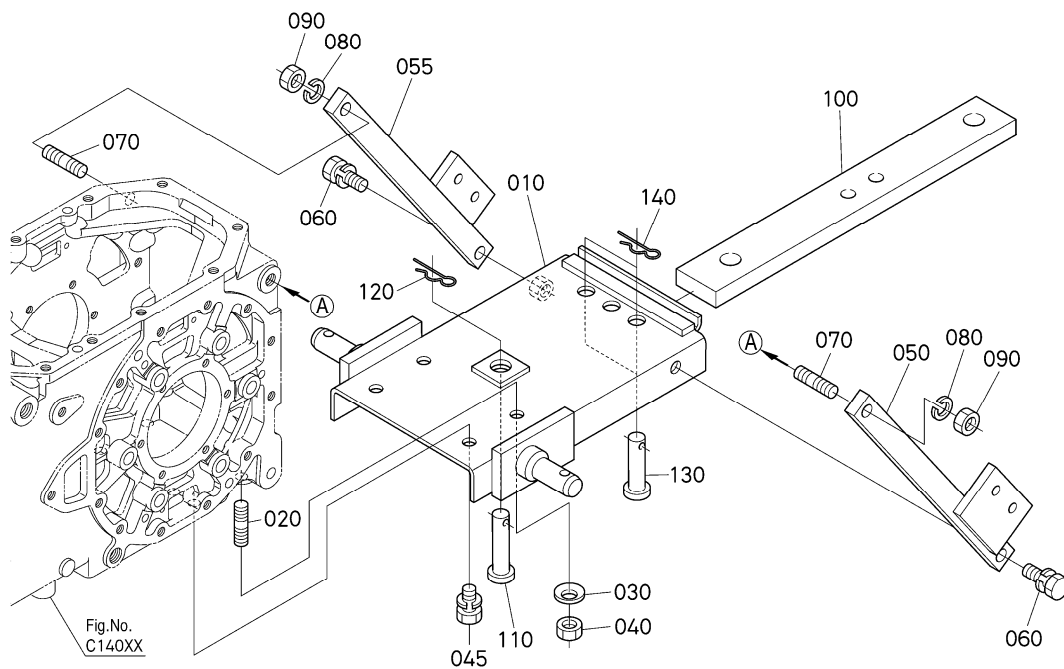
Fig.No.
K125XX

3C315-047-10

A:M6040SU

[illegible]

L11000



3C315-048-12

A:M6040SU

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

**L17000 TẮM BẢO VỆ
PTO SHAFT PROTECTOR**



A:M6040SU

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

3C301-092-11

M12000

**NẮP PHÍA TRÊN
HOOD(BONNET) UPPER**

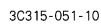


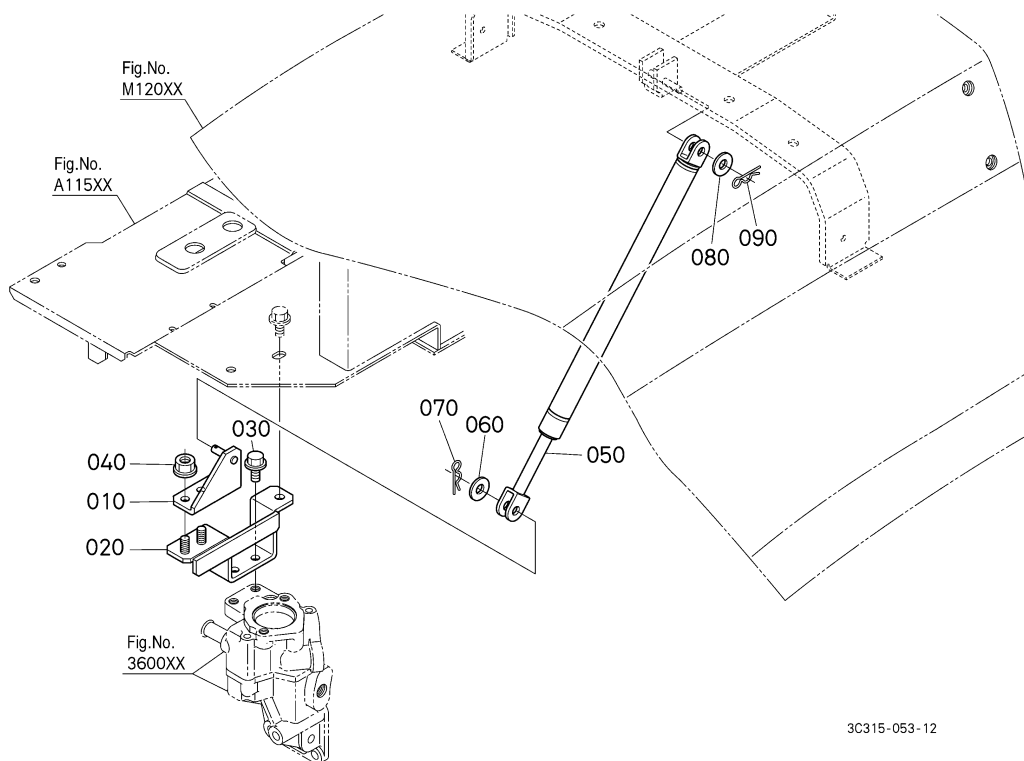
Fig.No.
M140XX

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

M12100



M12300 NẮP PHÍA TRÊN / BỘ GIẢM CHẤN, KHÍ
HOOD(BONNET) DAMPER

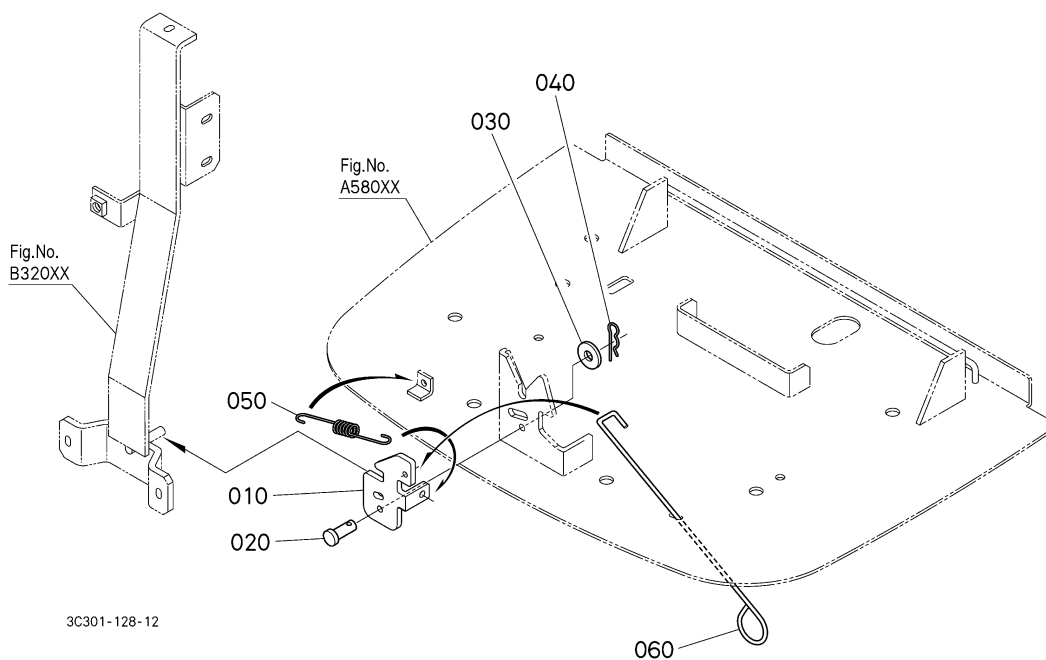


3C315-053-12

A:M6040SU

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

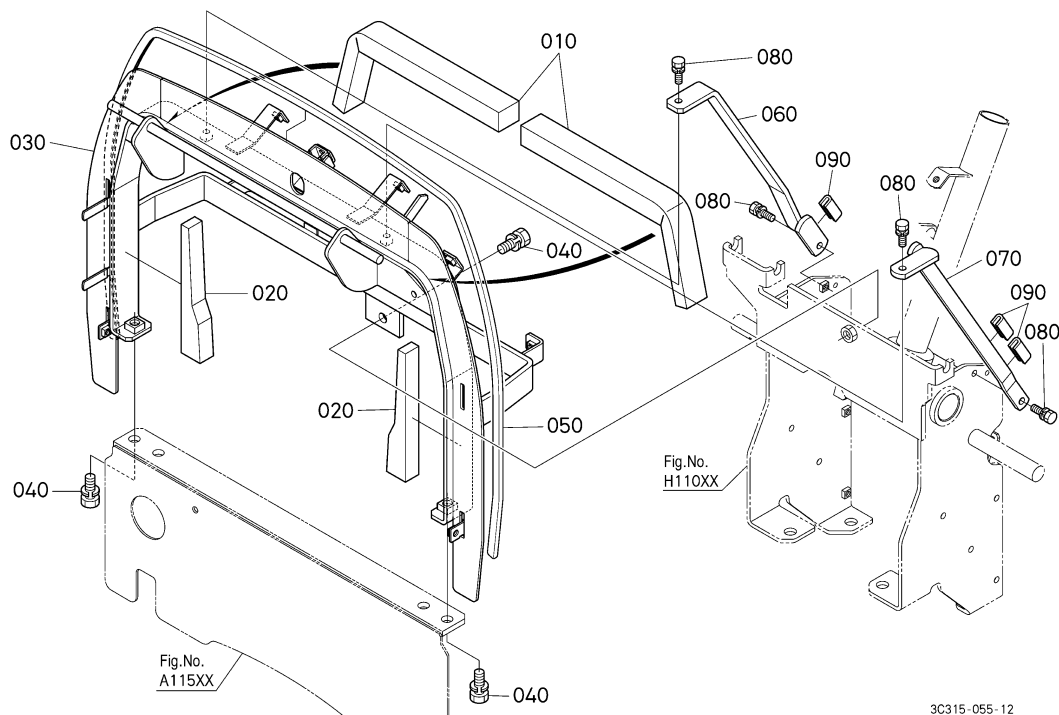
M12400 **GIÁ ĐỒ**
BONNET LOCK



A:M6040SU

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**M14000 GIÁ ĐỖ, NẮP CA-PÔ SAU
BONNET SUPPORT**



3C315-055-12

A:M6040SU

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

M15500



A:M6040SU

3C315-057-12

M22300

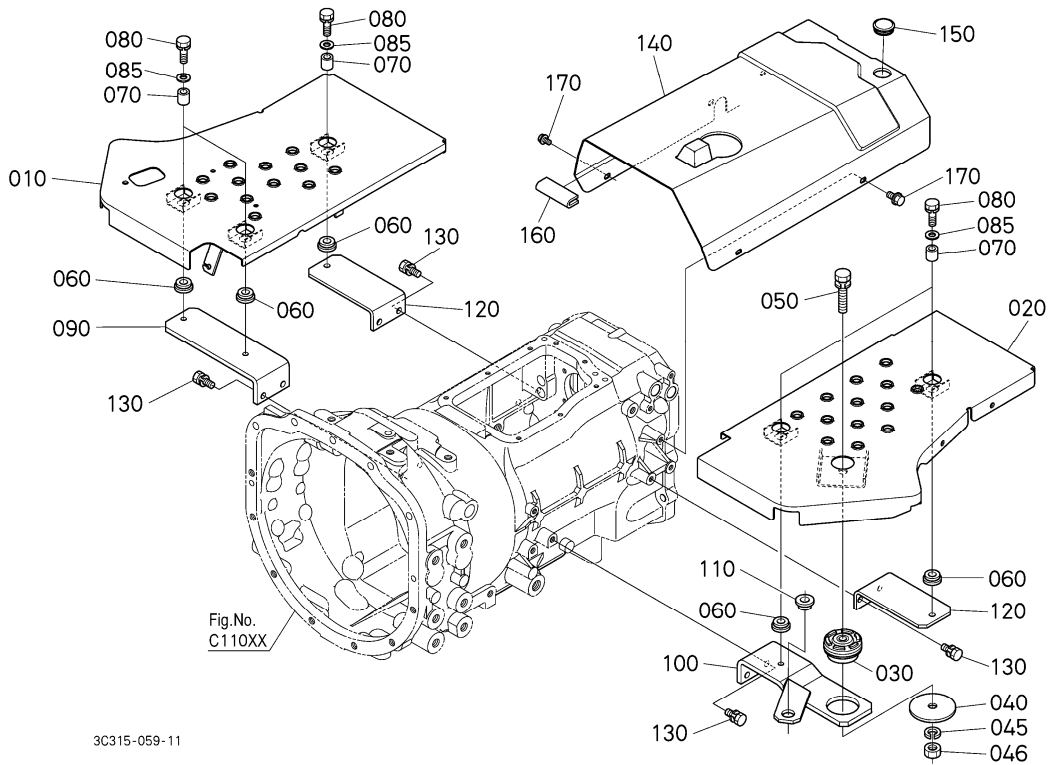
TẤM BỌC SÀN FLOOR SHEET



A:M6040SU

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

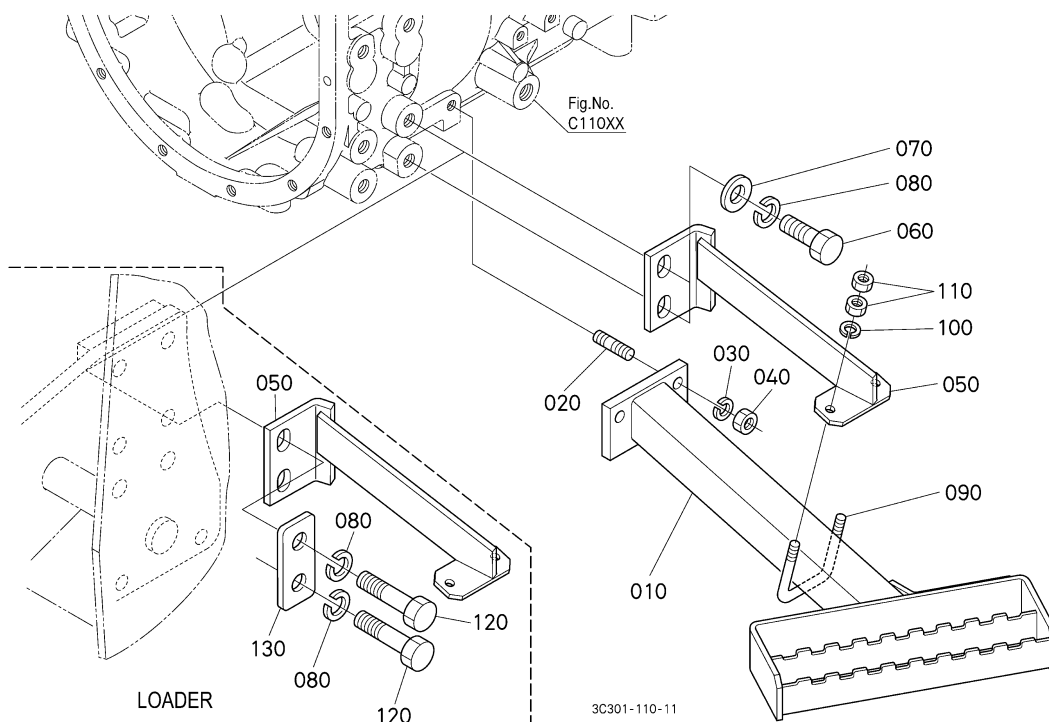
M23300 BƯỚC STEP



3C315-059-11

A:M6040SU

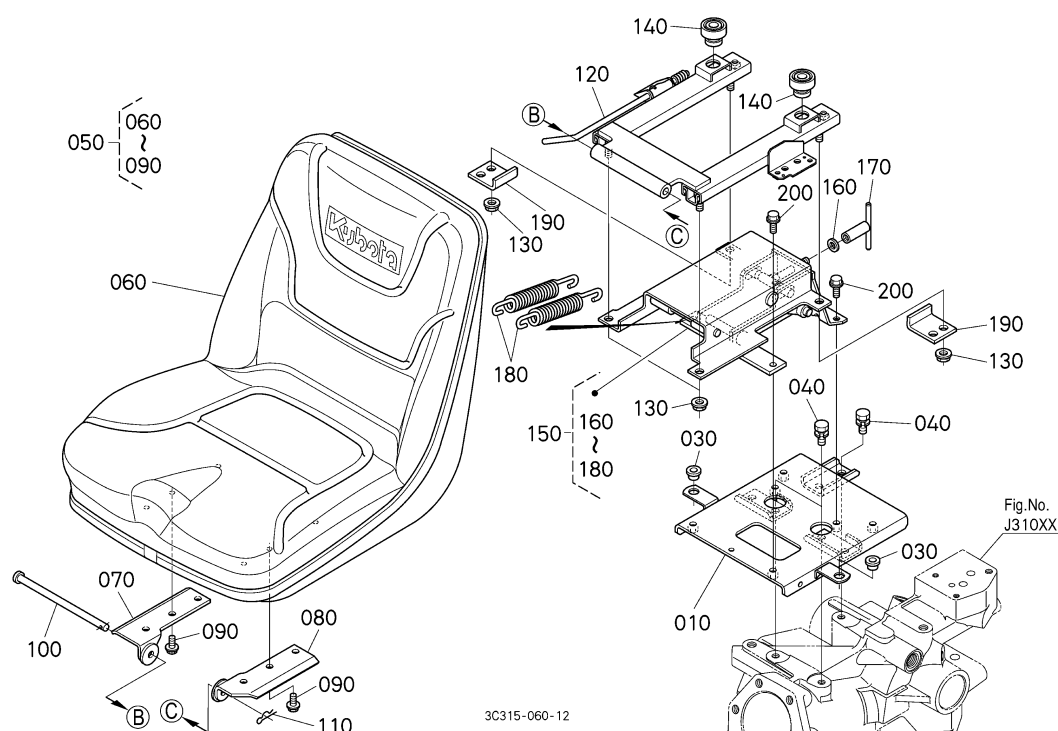
M23400 BƯỚC AUXILIARY STEP



A:M6040SU

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

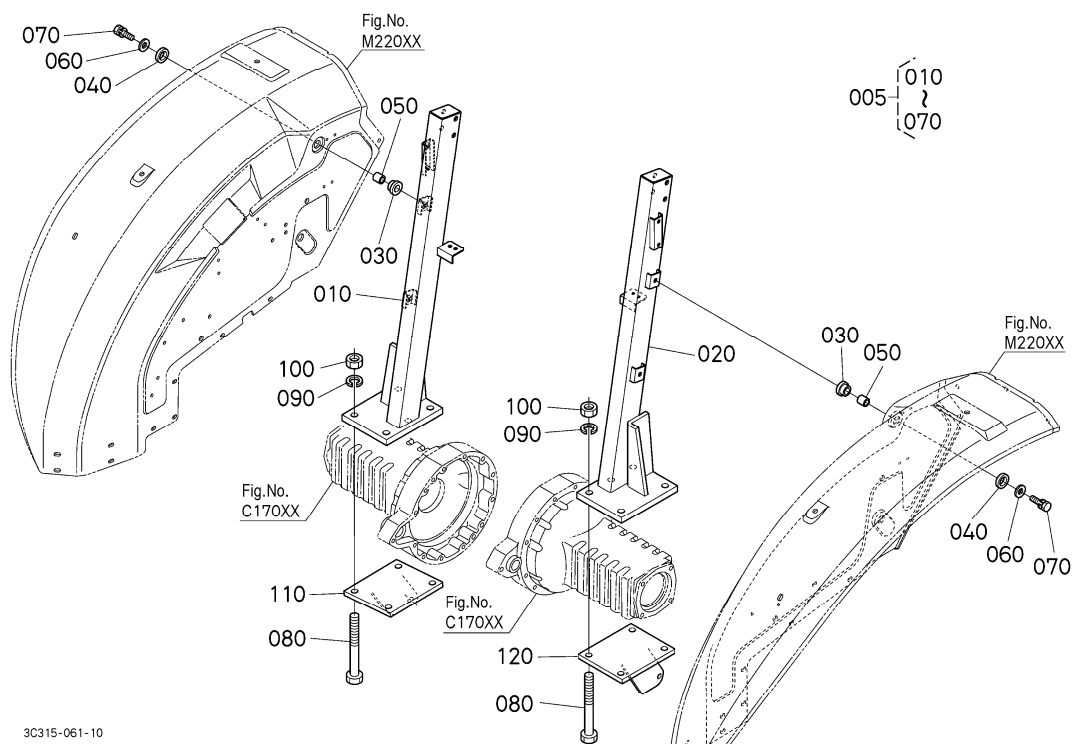
M23500 ĐỂ SEAT



A:M6040SU

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

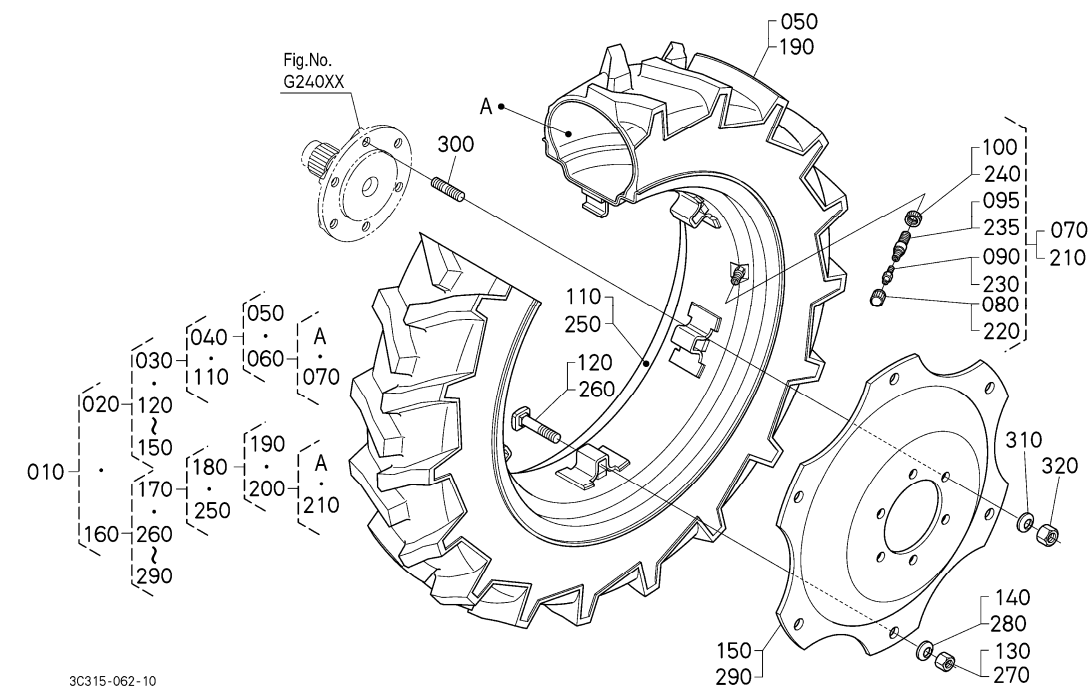
M31000



3C315-061-10

A:M6040SU

R11000 BÁNH XE TRƯỚC(9.5-22)
FRONT WHEEL (9.5-22)

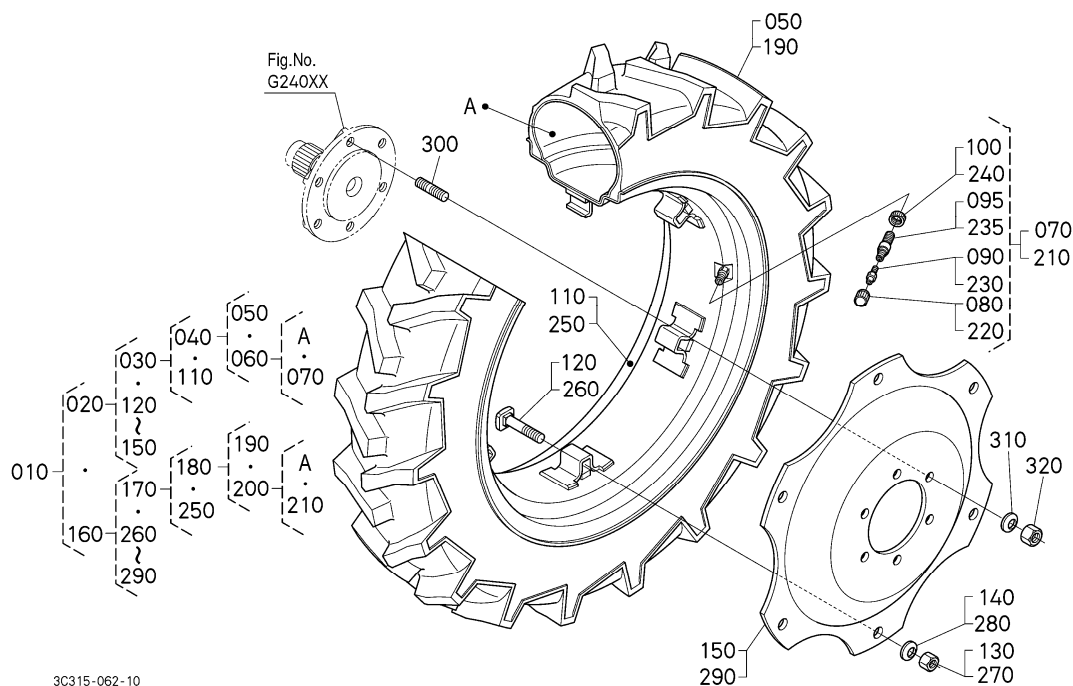


A:M6040SU

SỐ TRẠM CHẾ REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/Số sê-ri Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	3C315-4920-0	BÁNH XE TRƯỚC RỜI	ASSY FRONT WHEEL	1		
020	3C315-4942-0	LÓP RỜI, BÊN PHẢI	ASSY TIRE,RH	1		
030	3C315-1227-0	LÓP RỜI	ASSY TIRE-RIM,RH	1		
040	35535-4924-0	BÁNH XE	ASSY TIRE,F.WHEEL	1		
050	35535-4921-0	LÓP	TIRE	1		
060	36860-4922-0	XĂM	TUBE,TIRE	1		
070	32150-2770-0	VÁN RỜI	VALVE,ASSY	1		
080	38240-1169-0	NẮP,VÁN	CAP(VALVE)	1		
090	32150-2774-0	LỖI,VÁN	CORE,VALVE	1		
095	32270-2773-0	THÙNG MÁY, LỖI VÁN	HOUSING(VALVE CORE)	1		
100	32270-2771-0	ĐAI ỐC, VÀNH ĐĨA	NUT(RIM)	1		
110	3A021-4927-0	VÀNH ĐĨA, BÁNH XE TRƯỚC	RIM,FRONT WHEEL	1		
120	36500-4938-0	BU LÔNG	BOLT	6		
130	36500-4939-0	ĐAI ỐC	NUT	6		
140	RD451-1914-0	LÒ XO, ĐĨA	SPRING,DISC	6		
150	3A021-4926-0	ĐĨA	DISK,FRONT WHEEL	1		
160	3C315-4943-0	LÓP RỜI, BÊN TRÁI	ASSY TIRE,LH	1		
170	3C315-1228-0	LÓP RỜI	ASSY TIRE-RIM LH	1		
180	35535-4924-0	BÁNH XE	ASSY TIRE,F.WHEEL	1		
190	35535-4921-0	LÓP	TIRE	1		
200	36860-4922-0	XĂM	TUBE,TIRE	1		
210	32150-2770-0	VÁN RỜI	VALVE,ASSY	1		
220	38240-1169-0	NẮP,VÁN	CAP(VALVE)	1		
230	32150-2774-0	LỖI,VÁN	CORE,VALVE	1		
235	32270-2773-0	THÙNG MÁY, LỖI VÁN	HOUSING(VALVE CORE)	1		
240	32270-2771-0	ĐAI ỐC, VÀNH ĐĨA	NUT(RIM)	1		
250	3A021-4927-0	VÀNH ĐĨA, BÁNH XE TRƯỚC	RIM,FRONT WHEEL	1		
260	36500-4938-0	BU LÔNG	BOLT	6		
270	36500-4939-0	ĐAI ỐC	NUT	6		
280	RD451-1914-0	LÒ XO, ĐĨA	SPRING,DISC	6		

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

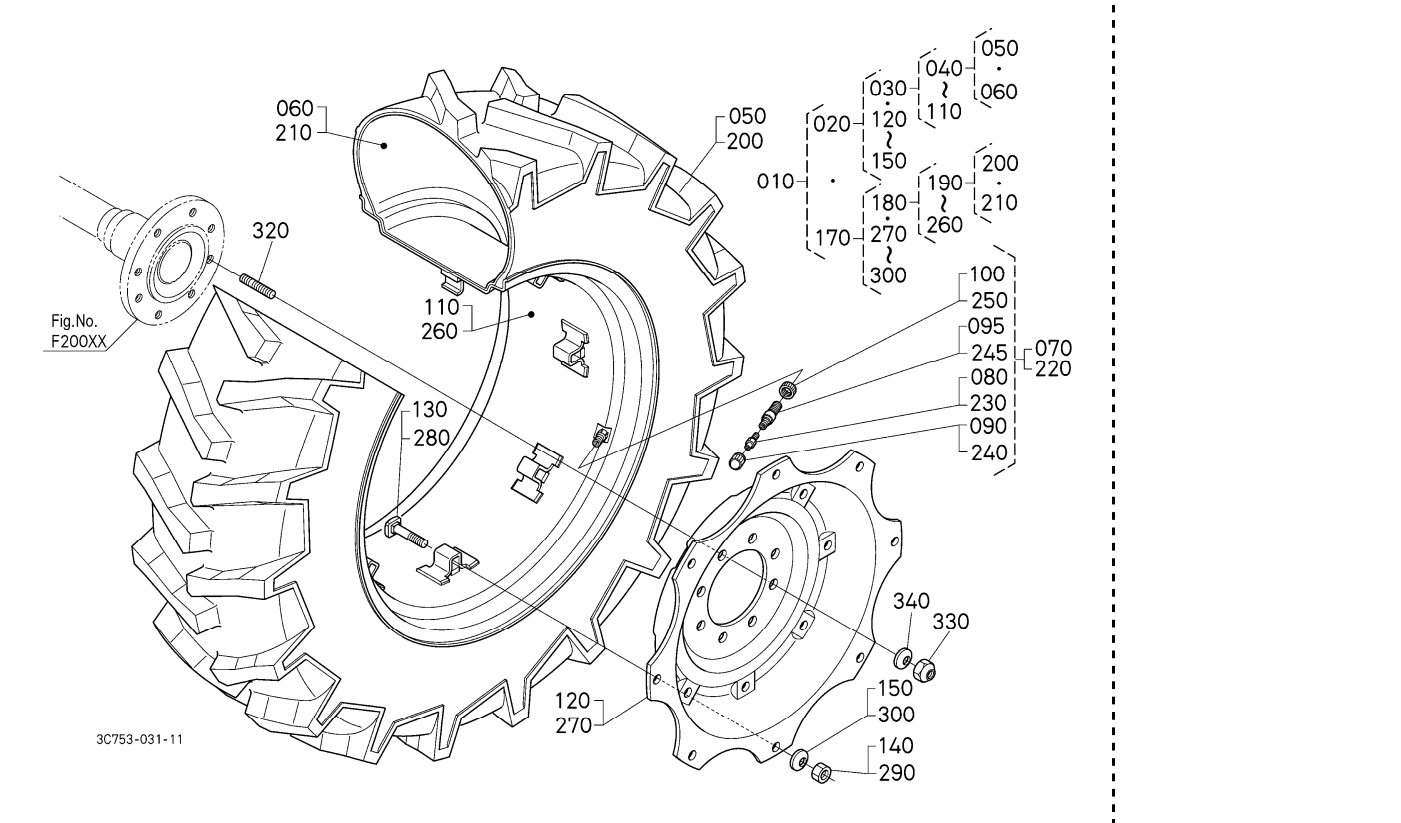
R1 1000



3C315-062-10

A:M6040SU

R12001 BÁNH SAU (16.9-28)
REAR WHEEL (16.9-28)



SỐ TRẠM CHẾ REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/Số sê-ri Q'TY/S.No.	I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	3A011-4940-0	BÁNH XE SAU BÊN RỜI	ASSY REAR WHEEL	1		
020	35999-1161-0	BÁNH XE SAU BÊN PHẢI RỜI	ASSY REAR WHEEL RH	1		
030	35999-1164-0	VÀNH BÁNH XE RỜI, BÊN PHẢI	ASSY TIRE-RIM,RH	1		
040	35999-0686-0	LÓP RỜI, BÁNH XE SAU	ASSY TIRE,REAR WHEEL	1		
050	35999-0685-0	LÓP, BÁNH XE SAU	TIRE,REAR WHEEL	1		
060	35822-4932-0	SĂM, LÓP	TUBE,TIRE	1		
070	32150-2770-0	VÁN RỜI	VALVE,ASSY	1		
080	32150-2774-0	LÕI,VÁN	CORE,VALVE	1		
090	38240-1169-0	NẮP,VÁN	CAP(VALVE)	1		
095	32270-2773-0	THÙNG MÁY, LỖI VÁN	HOUSING(VALVE CORE)	1		
100	32270-2771-0	ĐAI ỐC, VÀNH ĐĨA	NUT(RIM)	1		
110	35999-1163-0	VÀNH ĐĨA, BÁNH XE SAU	RIM,REAR WHEEL	1		
120	35513-4911-0	ĐĨA	DISK	1		
130	36500-4938-0	BÚ LÔNG	BOLT	8		
140	36500-4939-0	ĐAI ỐC	NUT	8		
150	RD451-1914-0	LÒ XO, ĐĨA	SPRING,DISC	8		
160	---	TRỐNG	BLANK	-		
170	35999-1162-0	BÁNH XE SAU BÊN PHẢI TRÁI	ASSY REAR WHEEL LH	1		
180	35999-1165-0	VÀNH BÁNH XE RỜI, BÊN TRÁI	ASSY TIRE-RIM,LH	1		
190	35999-0686-0	LÓP RỜI, BÁNH XE SAU	ASSY TIRE,REAR WHEEL	1		
200	35999-0685-0	LÓP, BÁNH XE SAU	TIRE,REAR WHEEL	1		
210	35822-4932-0	SĂM, LÓP	TUBE,TIRE	1		
220	32150-2770-0	VÁN RỜI	VALVE,ASSY	1		
230	32150-2774-0	LỖI,VÁN	CORE,VALVE	1		
240	38240-1169-0	NẮP,VÁN	CAP(VALVE)	1		
245	32270-2773-0	THÙNG MÁY, LỖI VÁN	HOUSING(VALVE CORE)	1		
250	32270-2771-0	ĐAI ỐC, VÀNH ĐĨA	NUT(RIM)	1		
260	35999-1163-0	VÀNH ĐĨA, BÁNH XE SAU	RIM,REAR WHEEL	1		
270	35513-4911-0	ĐĨA	DISK	1		
280	36500-4938-0	BÚ LÔNG	BOLT	8		

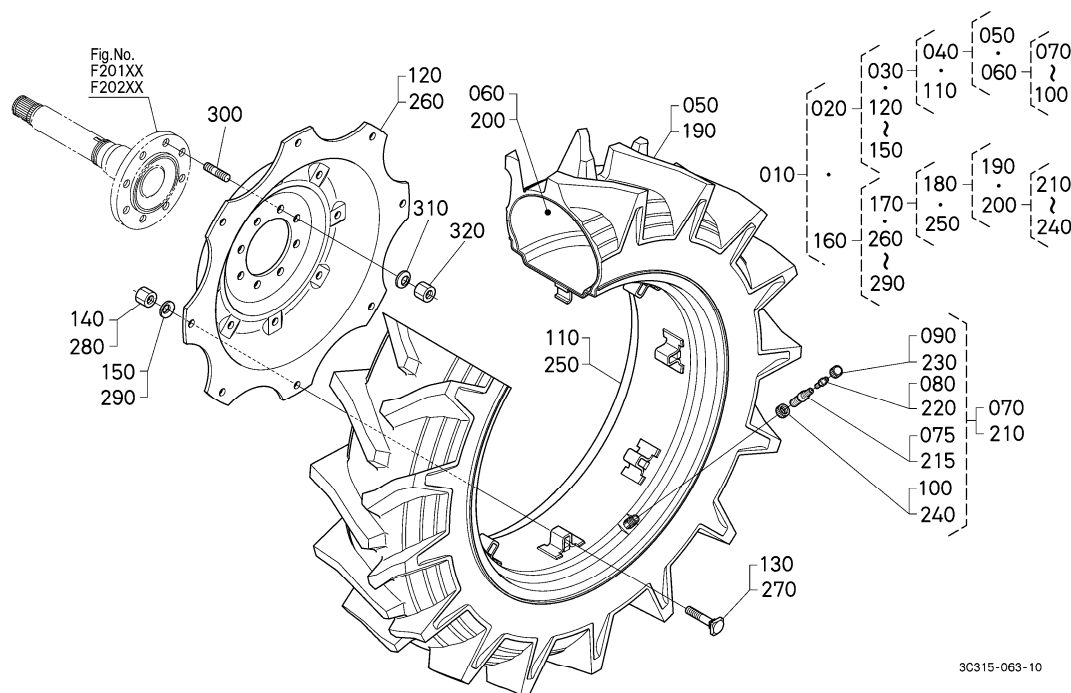
↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

R12001



3C753-031-11

R12002 BÁNH SAU (12.4-32) REAR WHEEL (12.4-32)



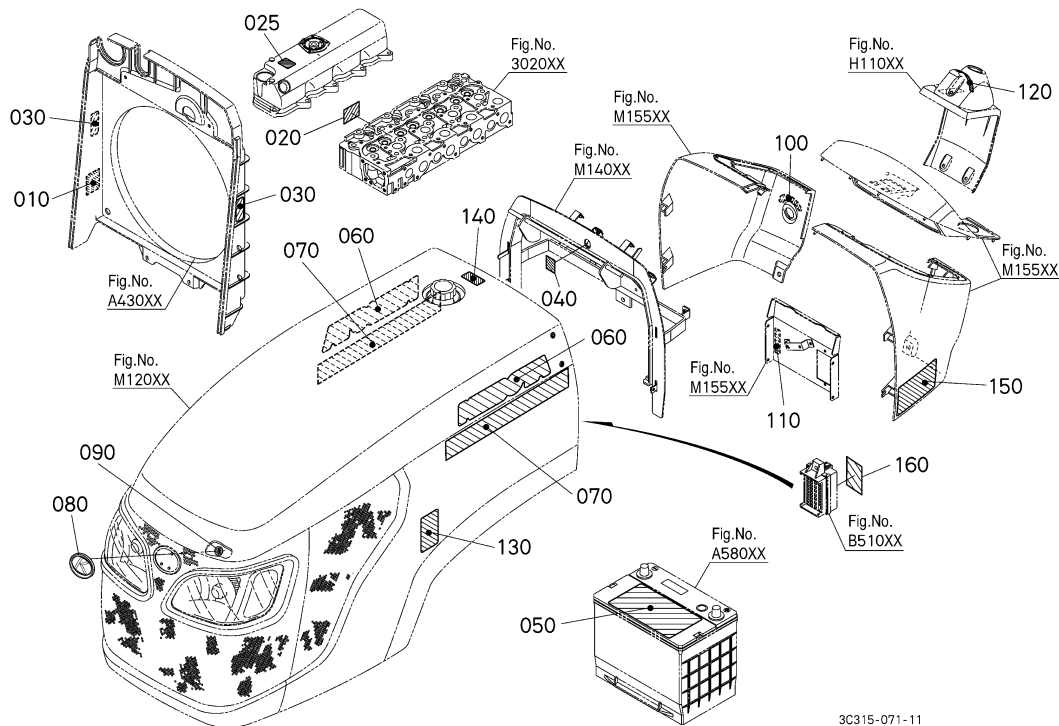
3C315-063-10

A:M6040SU

SỐ TRẠM CHẾ REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/Số sê-ri Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	3A275-4101-0	BÁNH XE SAU BÊN RỜI	ASSY REAR WHEEL	1		
020	3A275-4301-0	BÁNH XE SAU BÊN PHẢI RỜI	ASSY REAR WHEEL RH	1		
030	3A275-5101-0	VÀNH BÁNH XE RỜI, BÊN PHẢI	ASSY TIRE-RIM,RH	1		
040	35525-4930-0	LÓP RỜI, BÁNH XE SAU	ASSY TIRE,REAR WHEEL	1		
050	35999-0601-0	LÓP, BÁNH XE SAU	TIRE(REAR WHEEL)	1		
060	33370-2761-0	SĂM, LÓP	TUBE(TIRE)	1		
070	32150-2770-0	VÁN RỜI	VALVE,ASSY	1		
075	32270-2773-0	THÙNG MÁY, LÔI VÁN	HOUSING(VALVE CORE)	1		
080	32150-2774-0	LÔI,VÁN	CORE,VALVE	1		
090	38240-1169-0	NẮP,VÁN	CAP(VALVE)	1		
100	32270-2771-0	ĐAI ỐC, VÀNH ĐĨA	NUT(RIM)	1		
110	35999-1061-0	VÀNH ĐĨA, BÁNH XE SAU	RIM,REAR WHEEL	1		
120	35523-4911-0	ĐĨA, BÁNH XE SAU	DISK,REAR WHEEL	1		
130	36500-4938-0	BULONG	BOLT	8		
140	36500-4939-0	ĐAI ỐC	NUT	8		
150	RD451-1914-0	LÒ XO, ĐĨA	SPRING,DISC	8		
160	3A275-4401-0	LÓP RỜI, BÊN TRÁI	ASSY TIRE,LH	1		
170	3A275-5201-0	VÀNH BÁNH XE RỜI, BÊN TRÁI	ASSY TIRE-RIM,LH	1		
180	35525-4930-0	LÓP RỜI, BÁNH XE SAU	ASSY TIRE,REAR WHEEL	1		
190	35999-0601-0	LÓP, BÁNH XE SAU	TIRE(REAR WHEEL)	1		
200	33370-2761-0	SĂM, LÓP	TUBE(TIRE)	1		
210	32150-2770-0	VÁN RỜI	VALVE,ASSY	1		
215	32270-2773-0	THÙNG MÁY, LÔI VÁN	HOUSING(VALVE CORE)	1		
220	32150-2774-0	LÔI,VÁN	CORE,VALVE	1		
230	38240-1169-0	NẮP,VÁN	CAP(VALVE)	1		
240	32270-2771-0	ĐAI ỐC, VÀNH ĐĨA	NUT(RIM)	1		
250	35999-1061-0	VÀNH ĐĨA, BÁNH XE SAU	RIM,REAR WHEEL	1		
260	35523-4911-0	ĐĨA, BÁNH XE SAU	DISK,REAR WHEEL	1		
270	36500-4938-0	BULONG	BOLT	8		
280	36500-4939-0	ĐAI ỐC	NUT	8		

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**S12000 NHÃN (TRƯỚC)
LABEL (FRONT)**

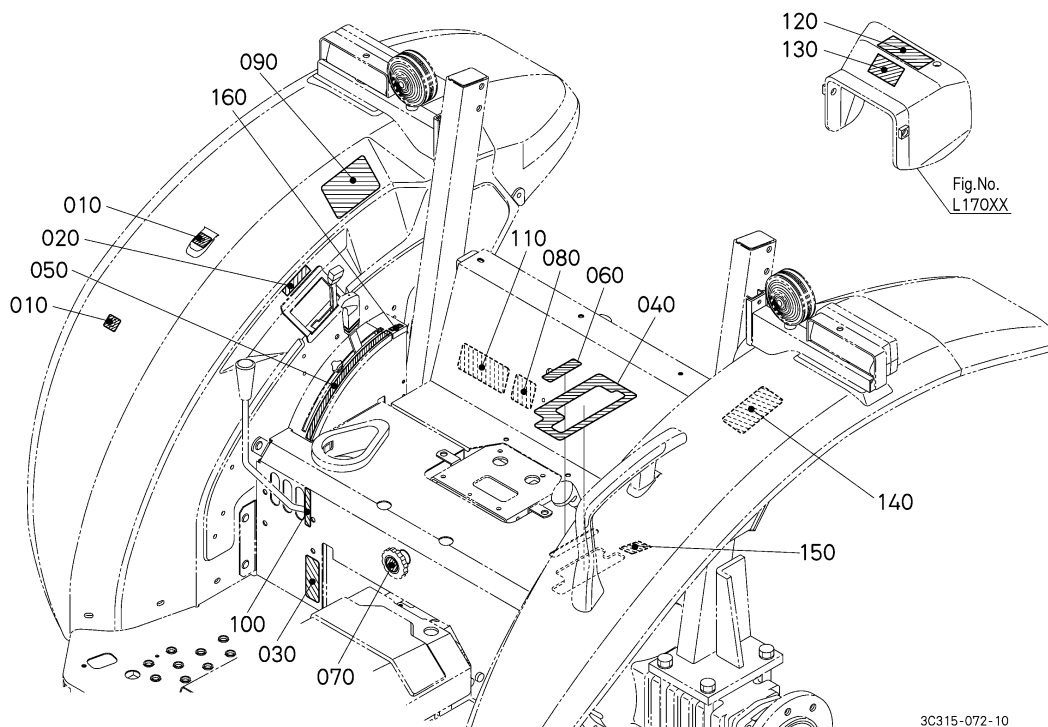


3C315-071-11

A:M6040SU

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

**S13000 NHÃN (SAU)
LABEL (REAR)**



3C315-072-10

A:M6040SU

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

T11000 THIẾT BỊ PHỤ TÙNG ACCESSORIES AND SERVICE PARTS

ACCESSORIES AND SERVICE PARTS
ACCESSORIES ET PIECE DE SERVICE
SONTIGES ZUBEHOER UND SERVICE TEILE
ACCESORIOS Y SERVICIO PIEZAS
ACCESSORI E SERVIZIO PARTI
ACESSORIOS E PEÇAS SERVIÇO
AKCESORIA I CZĘŚCI ZAMIENNE
ACCESSOIRES EN SERVICEONDERDELEN

TITL F-001-13

A:M6040SU

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**SỐ THỨ TỰ DANH MỤC
NUMERICAL INDEX**

MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.
E3131-2355-0...70...020		T1853-3069-0...59...210		TC420-4181-0...138...010		01123-50822 ...23...030	
E9151-9401-0...58...150		T2050-3047-0...59...030		TC422-4301-0...41...050		01123-50825 ...11...060	
HH164-3243-0...7...270		T2050-3049-0...59...040		TD020-3014-0...50...016		61...190	
HHTA0-3771-0...114...010		T2050-4412-0...69...100		TD060-1252-4...105...100		62...030	
K3511-4950-0...154...080		97...130		TD060-3012-3...50...015		01123-50828 ...11...070	
K7561-3312-0...32...290		T2250-2429-0...33...020		154...050		22...080	
PF801-3126-0...78...110		TA020-2375-2...133...020		TD060-3614-0...122...100		01123-50830 ...67...060	
PK401-7327-0...86...280		TA020-2376-2...133...030		TD060-4205-0...37...090		79...020	
R1401-5325-0...53...050		TA040-2374-2...133...010		TD060-4327-0...154...040		01123-50835 ...21...190	
R1401-9462-0...109...090		TA040-2449-0...89...170		TD170-4263-0...38...050		25...090	
R1401-9465-0...109...080		TA040-4390-0...52...040		TD170-4484-0...95...090		01123-50835 ...144...080	
RA111-4369-0...141...110		TA040-4946-0...154...110		TD170-6910-0...78...160		01123-50845 ...112...070	
154...090		TA040-4982-0...85...090		YR577-0010-0...118...090		01123-50850 ...121...090	
RA238-5140-0...39...070		TA040-4984-2...97...140		YR818-0022-0...111...100		01123-50860 ...79...030	
40...010		TA040-6902-3...78...030		YR827-0010-0...120...100		01123-50865 ...25...080	
RC411-4290-0...45...050		TA040-6904-0...78...080		YT133-0016-0...120...130		01123-50885 ...125...050	
RD451-1914-0...132...030		TA040-6905-0...78...090		YW389-0010-2...110...010		01125-50816 ...143...160	
148...140		TA040-6906-0...78...100		111...010		01125-50820 ...29...110	
148...280		TA040-6908-0...78...130		YW389-0011-2...111...020		116...090	
150...150		TA040-6909-0...78...140		YW389-0021-0...111...030		01125-50825 ...122...120	
RD451-1914-0...151...340		TA040-6915-0...77...020		YW389-0041-0...111...050		01125-50830 ...61...200	
152...150		TA040-6916-0...77...040		YW389-0044-0...111...090		01127-50830 ...46...060	
153...290		TA470-4933-0...155...070		YW389-6381-0...111...130		01128-50825 ...29...030	
153...310		TC030-2913-0...29...060		YW389-9751-0...111...120		71...160	
156...070		TC050-1845-0...146...070		01023-50612 ...61...220		72...200	
RD451-5438-0...54...040		TC050-1846-0...146...080		125...110		73...260	
RD819-5371-0...52...100		TC050-7121-0...128...030		01023-50616 ...17...150		01128-50830 ...106...100	
T0070-1642-0...29...020		TC050-7122-0...128...040		51...090		01133-51020 ...50...090	
T0070-3456-0...120...200		TC050-7124-0...128...020		126...170		108...020	
T0070-3772-0...114...020		TC220-4729-2...143...110		01023-50618 ...1...210		146...040	
T0070-4472-0...33...180		TC222-4225-3...35...010		01023-50620 ...7...260		01133-51025 ...144...130	
T0270-5023-0...117...040		TC230-1304-0...104...100		15...160		01133-51030 ...48...040	
T0270-7081-0...141...040		TC232-1673-0...45...030		16...130		66...030	
T0430-4012-0...50...060		TC232-4263-0...39...040		140...080		147...070	
T1060-2945-0...142...070		TC250-3012-0...50...020		01023-50622 ...1...290		01133-51035 ...75...220	
T1060-3051-0...59...060		TC250-4138-0...136...050		01023-50625 ...114...090		01133-51085 ...125...040	
156...090		TC250-4204-2...36...070		115...070		01133-51225 ...37...110	
T1060-3052-0...59...070		TC250-4205-0...37...060		116...030		82...100	
156...100		37...070		01023-50645 ...141...060		133...080	
T1060-3053-0...59...080		TC250-7571-0...56...010		01023-50650 ...1...240		01133-51230 ...107...100	
T1060-3053-0...156...110		TC250-7571-0...57...010		01025-50612 ...29...210		01133-51240 ...61...070	
T1060-3227-0...51...080		TC250-7572-0...56...020		01025-50630 ...19...090		63...080	
T1060-4011-0...50...050		57...070		01027-50616 ...44...040		64...040	
T1060-4260-2...17...160		TC250-8347-0...138...060		01073-51032 ...14...080		65...040	
T1060-4731-0...144...030		TC321-4220-0...38...120		01073-51250 ...14...060		65...080	
T1060-4732-0...144...040		41...010		01123-50814 ...18...140		01133-51245 ...61...080	
T1060-4737-0...142...090		TC321-4320-0...41...020		100...100		120...170	
143...100		TC322-3491-2...155...140		01123-50816 ...58...140		01133-51250 ...118...130	
T1065-3054-0...59...090		TC322-4935-2...155...130		63...160		120...180	
60...020		TC322-4959-0...155...120		87...300		01133-51260 ...120...190	
T1065-3064-0...59...100		TC322-4965-0...154...150		01123-50816 ...88...020		01133-51465 ...144...050	
59...130		TC327-8721-0...154...020		89...080		01133-51640 ...132...060	
60...030		TC350-1185-0...146...100		124...060		01135-51020 ...110...160	
T1170-3013-0...50...030		TC350-1186-0...146...170		01123-50820 ...21...090		01135-51025 ...37...130	
T1170-4811-0...143...010		TC350-1187-0...146...180		26...020		140...040	
T1270-2817-0...75...130		TC402-1032-0...33...050		33...110		01138-51035 ...98...080	
T1270-3370-0...54...010		TC402-1603-0...44...080		63...140		01138-51040 ...63...120	
T1850-2144-0...72...100		TC402-2172-0...138...050		67...040		01138-51075 ...103...110	
T1850-3066-0...140...090		TC402-3614-0...143...070		79...110		01138-51235 ...127...040	
140...100		TC420-3014-0...50...025		100...090		01138-51245 ...99...120	

**SỐ THỨ TỰ DANH MỤC
NUMERICAL INDEX**

MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.
01138-51265	...65...110	01754-50816	...126...140	02552-50080	...36...120	04013-50100	...133...050
01138-51280	...65...140		143...140		88...100	04013-50120	...33...070
01138-51440	...105...050		146...090	02556-50080	...122...090		82...110
01138-51630	...132...045	01754-50820	...17...090	02576-50120	...33...080	04013-50180	...86...210
01153-50812	...5...090		29...100	02751-50060	...15...180		86...260
	14...110		38...130		15...220		107...050
01155-50835	...34...090		137...030		16...150	04013-50200	...86...200
01173-51025	...133...040		146...200		51...040	04014-50060	...138...030
01173-51030	...105...080	01754-50830	...7...100		142...060	04015-50080	...88...090
01173-51280	...61...090		7...160	02751-50080	...17...110		143...030
01173-51645	...145...060	01754-50830	...19...080	02751-50080	...34...100	04015-50080	...144...085
01173-51660	...145...120	01754-50835	...143...020		126...150	04015-60080	...141...050
01175-51645	...99...130	01754-50850	...7...105		137...040	04512-50050	...86...120
01513-50820	...25...030	01754-50855	...5...040		143...150	04512-50060	...19...070
01513-50830	...62...040	01754-50860	...39...080	02756-50080	...29...080		22...130
01513-50860	...122...080	01754-50875	...7...180		29...180		143...085
01517-51030	...48...020	01754-50885	...7...190	02761-50040	...20...210	04512-50080	...5...080
	90...040	01759-50820	...29...135	02761-50050	...52...030		14...120
01517-51635	...132...070	01759-50835	...29...070		126...100		21...130
01518-50822	...22...090	01759-50840	...29...170	02761-50060	...56...040		22...140
01574-51230	...145...020	01774-51010	...63...060	02761-60060	...56...150	04512-50080	...25...050
01574-51235	...64...050	01774-51020	...29...130		134...040		62...050
01574-51240	...99...090		75...040	02771-50100	...142...080		86...060
	118...170	01774-51070	...46...050	02783-50100	...146...130		106...120
01574-51245	...118...160	02054-50050	...34...040	03004-50616	...59...110		145...100
01574-61235	...61...060	02054-50180	...129...100	03024-50416	...52...050	04512-50100	...14...090
01754-50610	...12...120	02056-50060	...16...116		88...140		48...050
	139...040		22...120	03024-50520	...20...180		90...050
01754-50612	...30...080	02076-50160	...147...100	03034-50520	...55...030	04512-50120	...14...070
	34...085	02112-50080	...86...050	03034-50616	...141...070		61...100
01754-50612	...44...100	02112-50080	...121...070	03054-50545	...6...110	04512-50120	...63...110
	141...100		124...100	04011-50100	...69...085		64...060
	142...050	02114-50080	...86...070		120...090		65...120
01754-50616	...22...100		143...050		146...160		98...070
	56...030		145...110	04011-50140	...129...140		99...100
	56...060	02116-50100	...95...120	04011-50160	...145...070		107...130
01754-50618	...19...040		133...070	04011-50180	...97...100		118...190
01754-50625	...42...040	02156-50080	...21...120	04011-50200	...86...200		127...030
01754-50660	...21...060		22...150		86...250		145...030
01754-50665	...21...070		25...040		95...070	04512-50140	...144...045
01754-50812	...2...080	02156-50080	...62...060	04013-50050	...125...080	04512-50160	...132...080
	59...150		106...130	04013-50060	...33...130		145...080
	60...040	02172-50200	...110...120		33...160		147...090
	83...170	02174-50120	...64...070		34...060	04512-50180	...129...160
	88...150	02174-50140	...144...046		61...230	04512-60080	...49...240
	88...190	02174-50160	...132...090		84...040	04611-00160	...120...050
	117...050	02174-50180	...129...170		88...040	04611-00180	...120...080
	139...020	02176-50100	...48...030		126...050	04611-00380	...85...050
	144...170		69...050	04013-50080	...5...070	04611-00450	...107...090
01754-50816	...12...080		90...060		36...130	04611-00520	...81...120
01754-50816	...12...140	02176-50100	...105...090	04013-50080	...59...180	04611-00580	...102...070
	13...100	02176-50120	...61...110		60...050	04611-00620	...73...110
	36...140		65...130		124...120		81...060
	37...140		99...110		126...120	04611-00680	...110...020
	38...150		107...140		137...060	04611-00720	...80...040
	42...030		118...180	04013-50100	...69...080		80...100
	50...040		127...020		89...120	04611-00850	...104...190
	58...010		145...040		90...130	04611-00900	...105...120
	110...030	02176-50160	...99...150		95...150	04611-00920	...78...180
	114...060	02552-50060	...50...070		96...040	04611-00950	...104...120

**SỐ THỨ TỰ DANH MỤC
NUMERICAL INDEX**

MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.
04611-01000	62...100 75...210	04816-00420	...100...080	05411-00628	83...030 83...060	07715-03209	52...090
04612-00120	...126...180	04816-00490	...101...050	05411-00630	...100...050	07715-03211	79...050 82...080
04612-00140	...123...060	04816-06100	...123...020 124...030	05411-00635	89...100		83...070
04612-00170	...112...130	04816-06280	...120...120	05411-00640	86...270	07715-03213	7...230
04612-00180	86...220 107...060	04816-08480	93...150 94...150	05411-00830	91...130 92...130	08101-06007	71...130 77...070
04612-00200	95...080	04816-50300	93...120 94...120	05411-00836	83...120	08101-06012	...104...130
04612-00220	...107...080		118...230	05411-00850	97...040	08101-06014	...104...110
04612-00250	...112...110			05411-00870	...119...070	08101-06207	73...240
04612-00280	93...140 94...140 97...080	04816-50350	...114...080	05511-50215	...124...130	08101-06209	75...190
04612-00350	78...120	04816-50450	...119...130	05511-50320	69...070 69...090	08101-06211	62...090 75...170
04612-00450	...119...170	04816-50500	...119...140		90...150 95...160		91...060 92...060
04612-00550	91...050 92...050 93...040 94...040	04817-00100	51...070 120...070 120...160	05511-50335	...110...140	08101-06213	91...030 92...030
04612-00600	...104...140	04817-00140	...120...150 121...030	05511-50420	...129...040	08101-06306	71...140 80...020 80...070
		04817-00150	7...130 32...050	05511-50425	97...110		
04613-50060	...121...060	04817-00160	2...090 32...170 120...110	05511-51212	...125...090	08101-06308	...105...110 106...020
04714-00200	79...100			05511-51612	33...170 34...070 88...050	08101-06309	...106...060
04717-01000	63...070 104...090	04817-00180	...115...100	05515-50800	...126...110	08101-06807	78...190
04717-01200	61...170	04817-00200	...115...060	05515-51600	...132...140	08101-06908	73...120
04717-01400	52...070	04817-00220	...118...100	05515-50800	...137...070	08181-06212	103...130
04717-01610	99...160	04817-05150	...118...110	05516-50800	88...060	08511-00812	...119...160
04717-02000	63...050 84...080 101...040	04817-50500	...111...080	05525-50600	88...060 126...060 138...040	08511-01210	...126...020
		05012-00408	1...100			08511-01610	89...160 90...110
		05012-00609	1...110				
04717-02150	61...050 64...090	05012-00612	1...120 7...070	05712-00410	1...260 13...030 13...070	08511-02225	61...020
04724-00140	15...060 32...230	05012-00818	62...070	05712-00525	18...040	08511-02520	70...030 72...020
04811-10290	90...020	05012-01018	1...130 14...050 63...020 64...020 66...020 67...030	05712-00720	12...060 46...030	08511-02825	69...120 97...020 107...020
04811-10300	9...150 32...150			05712-00730	9...120	08511-03520	...111...040
04811-10530	...100...020	05012-01020	...61...030	06012-51543	...115...090	08711-30308	74...040
04811-11050	...105...070			06013-51503	...115...050	09318-88125	39...060
04811-50800	...101...060			06311-85028	63...030	09318-88130	...118...220
04811-51200	65...030 65...070	05012-01325	65...090	06331-35012	61...160	09318-88155	28...020
04814-00060	15...050 32...220	05122-50518	...125...070	06331-35020	63...040 84...070 101...030	09318-88180	21...160 43...020
04814-00150	20...080 31...160	05122-50614	33...150 138...020	06331-45010	...104...080	09318-88200	30...110 36...110 43...050
04814-06310	15...200 32...260 51...020	05122-50616	88...200	06611-15010	99...030 99...080 104...040	09500-16287	90...030
04815-06630	79...085	05122-50618	...126...040		104...040	09661-40675	38...090
		05122-52070	...132...130	06613-10675	...130...050	09661-40850	38...060
		05411-00414	15...120 120...095	06616-35010	86...090	09661-41100	35...020
		05411-00420	16...100				
04815-07560	...125...015 125...020	05411-00422	...118...060 124...020	06617-10675	86...240	09661-70220	17...170
04816-00100	78...060	05411-00425	...123...080 128...060	07715-00401	9...100 12...040 13...040	09661-70525	38...030
04816-00140	...118...080 125...150	05411-00528	5...050		13...080 89...020	09661-80220	39...050
04816-00160	83...150	05411-00530	...103...090	07715-00403	18...110	09661-80380	...118...210
04816-00180	...108...060	05411-00536	...122...070	07715-00805	93...080 94...080	09661-80850	39...020
04816-00260	...114...050	05411-00625	90...080			09980-10075	3...020
04816-00320	...119...050	05411-00628	82...030 82...070			11173-6302-0	49...080
04816-00380	...100...030					11173-6313-0	49...270
						11197-6307-0	49...030
						11197-6308-0	49...020

**SỐ THỨ TỰ DANH MỤC
NUMERICAL INDEX**

MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.
11197-6332-0...49...230		15271-4271-0...20...030		16241-1172-0...28...080		19077-5209-2...17...070	
11197-6338-0...49...110		15321-7326-0...21...170		16241-4232-0...35...030		19077-5211-3...17...070	
11233-6328-0...49...065		15321-7334-0...1...150		16241-6406-0...47...140		19077-5212-3...17...070	
11460-6311-0...49...140		15331-5135-0...17...050		16241-6485-0...47...160		19202-2325-0...9...140	
11460-6312-0...49...170		15331-9666-0...17...060		16241-6490-0...47...170		19202-2328-0...9...105	
11460-6327-0...49...130		15401-1172-0...28...060		16241-7336-0...43...030		19202-9683-0...7...140	
11460-6350-0...49...040		15401-2411-0...9...110		43...060		32...080	
11460-6353-0...49...050		15401-3563-0...9...125		16241-9602-0...7...020		19212-6310-0...49...150	
11460-9331-0...49...180		15401-6339-0...49...120		16271-9616-0...1...050		19212-9713-0...49...160	
12264-9202-0...46...070		15411-3211-0...2...070		16285-6357-0...49...210		1A021-1172-0...21...150	
13582-4168-0...36...050		15416-1213-0...29...050		16285-9201-0...49...260		1A021-2131-0...9...030	
13824-6759-0...59...160		29...150		16285-9805-0...49...280		1A021-2319-2...9...106	
13963-9201-0...49...220		15451-9630-0...6...060		16427-3375-0...2...050		1A021-3311-0...1...190	
14182-9203-0...47...270		15471-2331-2...9...130		16427-6411-0...47...020		1A021-3515-0...1...230	
14301-4275-0...17...180		15471-3501-3...1...220		16429-9201-0...3...035		32...190	
14311-6050-4...17...120		15471-9153-0...3...030		24...060		1A021-5166-0...1...200	
14911-4275-0...38...020		15501-7247-0...45...070		33...100		32...180	
39...030		15511-6376-0...49...200		48...060		1A021-5412-0...16...010	
14971-4275-0...38...070		15511-9666-0...49...190		59...200		1A021-5435-0...16...005	
38...100		15512-9601-0...61...040		112...090		1A021-5602-0...16...070	
15021-1424-0...5...120		15512-9601-0...64...080		16433-0446-0...11...080		1A021-5613-3...19...020	
15108-4361-0...41...030		15521-3693-0...7...220		32...130		1A021-5660-2...15...140	
15108-4378-0...41...040		15521-7332-0...7...240		16478-8823-0...154...010		1A021-5721-2...15...150	
15108-7287-0...43...080		15521-9602-0...1...020		16483-1232-0...25...060		16...120	
43...100		15521-9603-0...1...030		16483-1710-0...25...020		32...250	
15109-3363-0...21...020		15531-7243-2...45...040		31...090		1A021-5739-0...16...115	
15109-3366-0...21...030		15601-0456-0...11...150		16483-1711-0...25...070		1A021-5792-0...15...130	
15193-9701-0...42...060		15601-1555-3...12...010		31...100		16...110	
15221-0175-0...3...010		15601-9201-2...16...020		16652-6431-0...47...180		1A021-7292-0...21...080	
15221-0337-0...3...050		15601-9665-0...16...030		16652-6477-0...47...070		31...070	
15221-0338-0...1...060		15601-9665-0...32...280		16652-6478-0...47...130		1A021-7301-2...21...200	
15221-0339-0...1...070		15611-5545-0...18...060		16661-6303-0...49...070		1A021-7333-2...7...250	
15221-0349-0...3...060		15621-1403-0...5...100		16661-7305-0...22...040		32...100	
15221-1315-3...4...060		15621-6301-2...48...010		16661-7355-0...22...020		1A021-7334-0...21...140	
31...050		49...010		16667-9601-0...44...110		1A021-7343-0...22...070	
15221-1333-0...4...040		15621-6304-0...49...060		16691-5798-0...16...090		32...270	
15221-1398-0...4...050		15668-8304-0...51...060		32...240		1A021-7351-0...22...030	
15221-1431-0...5...030		15841-1462-0...16...040		16851-9601-0...101...020		1A021-7352-0...22...050	
15221-1435-3...5...020		15841-5385-0...20...160		17105-3368-0...52...080		1A021-9102-0...21...110	
15221-1443-0...5...060		15841-5386-0...20...170		17111-1361-2...3...110		1A021-9103-0...7...170	
15221-1627-0...12...070		15841-9602-0...3...140		17111-1362-0...3...100		1A021-9104-0...7...200	
15221-2336-0...9...160		15881-6409-0...47...190		17121-5203-0...17...130		1A021-9602-0...7...030	
15221-3365-0...1...140		15881-6415-0...47...040		17182-0555-0...22...060		21...050	
15221-3568-2...1...270		15881-6426-0...47...120		17301-3566-3...1...250		1A024-3323-0...30...090	
15221-4317-0...41...050		15881-6433-0...47...200		17311-2231-2...9...080		1A024-3715-2...43...010	
15221-5547-0...18...070		15881-6471-0...47...100		17311-2297-0...9...080		1A024-3901-0...51...050	
15221-5574-0...18...100		15881-6480-0...47...060		17311-2298-0...9...080		1A033-6442-0...46...010	
15221-6641-0...19...060		15881-9104-0...47...240		17331-3288-0...7...110		1A033-7270-6...21...010	
15221-8821-0...15...170		15881-9105-0...47...260		17331-3290-0...7...125		1A053-5748-2...1...280	
15...210		15881-9201-0...47...030		17331-3291-0...7...120		1A071-0704-4...11...090	
15221-8821-0...16...140		15881-9202-0...47...250		17331-7334-2...6...030		1A071-0705-4...11...110	
22...110		15881-9301-0...47...110		17341-0161-2...2...010		1A071-0706-4...11...130	
51...030		15881-9302-0...47...210		17341-6320-0...49...100		1A084-6001-2...15...190	
15221-9153-0...17...100		15881-9303-0...47...220		17365-7425-2...42...050		51...010	
21...100		15881-9304-0...47...230		17391-9616-0...1...040		1A085-7428-0...46...020	
24...050		16221-7327-0...21...180		17456-3642-0...2...100		1A091-0162-0...2...020	
15241-3695-0...7...210		31...080		18510-6372-0...53...060		32...030	
15241-6758-0...20...220		16231-6423-0...47...150		156...120		1A091-0338-0...1...090	
15261-0337-0...1...080		16241-0567-0...6...100		19013-0345-0...3...120		1A091-0436-2...11...030	
15261-9601-0...3...070		16241-1172-0...28...050		19013-9684-0...112...060		32...110	

**SỐ THỨ TỰ DANH MỤC
NUMERICAL INDEX**

MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.
32530-2182-0...72...140		33740-6445-0...109...070		35430-2635-0...75...080		36330-4827-0...91...040	
32530-2515-0...71...060		33740-7548-0...52...120		35466-7446-0...26...050		92...040	
71...100		33740-9114-0...130...060		35513-4911-0...150...120		36330-6333-0...116...080	
32530-2682-3...91...090		33740-9829-0...155...020		150...270		36330-6513-0...93...060	
92...090		33860-2439-0...77...050		35523-3443-0...105...150		94...060	
32530-2684-0...91...110		33960-2152-0...64...030		35523-4911-0...152...120		36330-8216-0...118...150	
92...110		34070-1220-0...102...020		152...260		36330-8245-0...126...030	
32530-2741-0...132...020		34070-1228-0...103...140		35525-4930-0...152...040		36330-8342-0...97...120	
151...320		34070-1230-0...103...150		152...180		36330-9115-0...129...105	
153...300		34070-1231-0...103...150		35533-4402-0...106...070		36330-9116-0...129...080	
32530-2741-0...156...050		34070-1232-0...103...150		35533-4403-0...106...070		36330-9118-0...129...120	
32530-2866-0...97...070		34070-1233-0...103...150		35533-4404-0...75...200		36330-9122-0...129...150	
32530-3718-0...118...140		34070-1234-0...103...150		106...070		36330-9122-0...128...120	
32530-3749-0...119...120		34070-1516-0...89...030		35533-4405-0...75...200		36330-9172-0...128...100	
32530-3751-0...119...090		34070-1525-0...78...150		35533-4406-0...75...200		36330-9175-2...128...100	
32530-3769-3...130...090		34070-2435-0...89...070		35533-4407-0...75...200		36330-9176-2...128...090	
131...020		34070-2827-0...104...180		35533-6236-0...107...070		36330-9184-0...129...030	
32530-3775-3...124...070		34070-2829-0...104...180		35533-6282-0...110...110		36500-4938-0...148...120	
32530-7176-0...132...110		34070-4163-0...143...040		35533-6285-0...110...090		148...260	
32530-7198-0...147...080		34070-4203-0...36...015		35533-6286-0...110...100		150...130	
						150...280	
32580-4355-0...104...170		34070-4446-0...95...100		35533-8272-0...115...010		36500-4938-0...152...130	
32580-4496-0...149...300		34070-4487-0...95...010		35535-4921-0...148...050		152...270	
156...020		34070-4488-0...95...020		148...190		36500-4939-0...132...040	
32580-4497-0...149...310		34070-4489-0...95...040		35535-4924-0...148...040		148...130	
156...030		95...060		148...180		148...270	
32590-1472-2...68...030		34070-9925-0...20...040		35822-4932-0...150...060		150...140	
32590-2822-0...79...060		34076-6659-0...79...090		150...210		151...290	
32590-3748-0...119...110		34150-2374-0...85...020		35860-6275-0...110...130		151...330	
32590-3833-0...114...030		34150-2435-0...83...160		35860-6285-2...110...070		152...140	
32590-7115-0...129...190		34150-2533-0...80...060		35880-6365-0...116...020		152...280	
32701-5293-0...104...050		34150-2758-0...105...060		35890-4129-0...81...050		36500-4939-0...153...320	
32771-1357-0...99...020		34150-3524-0...36...030		35999-0253-0...129...110		156...060	
32801-1670-0...45...010		34150-3764-0...128...080		35999-0601-0...152...050		36500-4941-0...151...300	
32801-1729-0...45...020		128...110		152...190		36530-2492-0...106...110	
33251-1027-0...33...060		34550-1262-0...104...180		35999-0685-0...150...050		36540-4113-0...73...020	
33251-3245-0...74...050		34550-1263-0...104...180		150...200		80...030	
33251-3246-0...74...050		34550-1264-0...104...180		35999-0686-0...150...040		36710-3141-0...72...070	
33251-3247-0...74...050		34550-1310-0...104...150		150...190		36730-2804-3...72...030	
33251-3248-0...74...050		34550-1315-2...106...140		35999-1061-0...152...110		72...180	
33251-3249-0...74...050		34550-1335-0...106...050		152...250		73...030	
33251-3251-0...74...050		34550-1510-0...71...110		35999-1161-0...150...020		36741-9402-2...118...040	
33251-3252-0...74...050		34550-1537-0...89...040		35999-1162-0...150...170		36830-4825-0...91...020	
33251-3253-0...74...050		34550-1621-0...42...010		35999-1163-0...150...110		92...020	
33251-3254-0...74...050		34550-1622-2...42...020		150...260		36830-9198-0...129...200	
33251-3255-0...74...050		34550-3758-0...111...060		35999-1164-0...150...030		36860-4922-0...148...060	
33251-3256-0...74...050		34550-3759-0...111...070		35999-1165-0...150...180		148...200	
33251-9186-0...130...080		34550-4970-0...155...010		35999-2204-0...109...030		36919-1033-2...34...030	
131...050		34550-6235-0...73...160		35999-2208-0...109...060		36919-2782-0...88...110	
33300-9091-0...61...150		35080-2256-0...91...120		35999-2209-0...109...110		36919-5567-0...59...140	
63...170		92...120		35999-2210-0...109...100		37150-2158-0...81...030	
33300-9091-0...98...090		35230-4350-0...127...050		35999-2211-0...109...050		37150-3642-0...121...050	
33370-2761-0...152...060		127...060		36200-3295-0...84...090		37300-2158-0...76...020	
152...200		35340-1418-2...63...090		36200-8121-0...123...030		37300-2643-0...75...100	
33430-8276-0...115...030		98...050		36280-4115-0...73...230		37300-2644-0...75...110	
33740-2162-2...61...140		35340-2736-0...63...100		36280-6286-0...110...060		37300-2661-0...75...150	
33740-2354-0...70...070		98...060		36330-2120-0...61...130		37300-4133-0...124...110	
33740-2478-0...70...050		35340-2738-0...65...100		36330-2129-3...98...020		37410-4276-0...34...010	
33740-2729-2...77...080		35350-9904-0...98...030		36330-3258-0...74...030		37410-5261-0...143...080	
33740-2957-0...85...070		35430-2633-0...75...060		36330-4812-5...65...020		37410-5434-3...146...030	
33740-2970-2...85...080		35430-2634-0...75...050		65...060		37410-5618-0...99...050	

SỐ THỨ TỰ DANH MỤC NUMERICAL INDEX

MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.
37415-1771-0...81...080		3A011-4940-0...150...010		3A021-4406-0...106...030		3A211-2722-0...78...070	
37800-4387-0...75...140		3A011-6217-0...107...040		3A021-4412-0...102...060		3A211-2881-0...72...170	
38180-2141-0...118...200		3A011-6514-0...93...070		3A021-4452-0...100...040		3A211-2882-0...72...175	
38240-1169-0...148...080		3A011-6515-0...94...070		3A021-4926-0...148...150		3A211-4821-0...91...010	
	148...220	3A011-6525-0...95...050			149...290		92...010
	150...090	3A011-6526-0...95...030		3A021-4927-0...148...110		3A211-8288-0...115...020	
	150...240	3A011-6531-0...93...130			148...250	3A221-4301-0...102...030	
	152...090		94...130	3A021-6512-0...93...010		3A221-4302-0...102...030	
	152...230	3A011-6533-0...93...110			94...010	3A221-4303-0...102...030	
38240-1382-0...141...090		3A011-6534-0...94...110		3A021-6516-0...93...100		3A221-4304-0...102...030	
38240-1382-0...144...160		3A011-6581-0...93...090		3A021-6516-0...94...100		3A221-4305-0...102...030	
38240-2537-0...80...130			94...090	3A022-4215-6...101...010		3A221-4307-0...102...030	
38240-2994-0...147...050		3A011-6710-2...97...010		3A022-6292-0...110...050		3A271-8181-2...127...010	
38240-3633-0...112...080		3A011-6731-0...97...060		3A022-6297-2...110...040		3A272-1843-0...146...120	
38240-3689-0...124...050		3A011-6760-0...97...090		3A031-6331-0...116...060		3A272-2513-0...67...020	
38240-3725-0...120...040		3A011-7401-3...46...040		3A111-0983-0...119...020		3A272-2551-0...67...050	
38360-2178-0...72...110			47...010	3A111-0984-0...120...140		3A272-3240-0...74...010	
38430-1579-0...69...060		3A011-7511-4...86...290		3A111-1026-0...33...030		3A272-8223-0...112...020	
	95...130	3A011-8031-2...80...080		3A111-1038-0...33...040		3A272-8224-2...112...050	
	96...030	3A011-8146-0...122...040		3A111-1733-0...45...080		3A272-8225-0...112...030	
38430-2155-0...76...030		3A011-8269-0...114...040		3A111-1913-0...27...020		3A272-8227-0...112...100	
3A011-0430-2...36...040		3A011-8286-3...119...040		3A111-2138-0...63...150		3A272-8229-0...112...040	
3A011-2134-0...63...130		3A011-8296-0...119...150		3A111-2635-0...68...040		3A272-8270-0...115...040	
3A011-2462-0...62...020		3A011-8729-0...144...110		3A111-2821-0...71...090		3A272-9123-2...130...010	
3A011-2511-0...67...010			147...030	3A111-3143-0...83...130		3A272-9124-0...130...020	
3A011-2615-0...69...130		3A011-8734-0...147...040		3A111-4831-0...91...140		3A272-9126-2...130...030	
3A011-2616-0...97...050		3A011-8912-0...132...100			92...140	3A272-9127-0...130...040	
3A011-2623-0...69...020		3A012-2828-0...72...130		3A111-4832-0...91...080		3A272-9145-2...131...010	
3A011-2624-0...69...030		3A012-2838-0...72...080			92...080	3A273-4113-0...73...040	
3A011-2625-0...69...010		3A012-2839-0...72...090		3A111-6309-0...108...030		3A273-4131-2...81...070	
3A011-2631-0...68...010		3A012-2841-0...72...050		3A111-6312-0...108...050		3A273-4342-0...105...140	
3A011-2845-0...71...070		3A012-2842-0...72...040		3A111-6335-0...117...010		3A275-1848-0...146...190	
3A011-2847-0...71...080		3A012-2855-0...72...060		3A111-6336-0...117...020		3A275-2621-0...68...060	
	73...080	3A012-8228-0...112...120		3A111-6721-0...97...030		3A275-2970-2...86...160	
3A011-2848-0...73...070		3A012-9154-0...130...070		3A111-6741-0...96...010		3A275-2979-0...86...080	
3A011-2869-0...71...150			131...040	3A111-7912-0...77...060		3A275-2991-0...86...100	
	72...190	3A015-9108-0...147...110		3A111-7913-0...80...010		3A275-2992-0...86...130	
	73...250	3A015-9109-0...147...120		3A111-8734-0...145...090		3A275-4101-0...152...010	
3A011-2941-0...83...090		3A021-4126-0...81...130		3A111-8735-0...145...050		3A275-4163-0...99...010	
3A011-2942-0...82...090		3A021-4128-2...81...140		3A111-8736-0...144...060		3A275-4301-0...152...020	
3A011-2969-0...85...060		3A021-4130-0...102...050		3A111-9783-0...145...130		3A275-4330-0...104...010	
3A011-2984-0...83...110		3A021-4142-2...89...050		3A111-9839-2...155...100		3A275-4401-0...152...160	
3A011-2985-0...83...140		3A021-4148-0...89...010		3A111-9857-2...155...080		3A275-5101-0...152...030	
3A011-2987-0...83...050		3A021-4169-0...99...070		3A116-9101-3...129...010		3A275-5201-0...152...170	
3A011-3131-0...83...020		3A021-4241-0...103...030		3A116-9119-0...129...090		3A275-8014-0...80...050	
3A011-3142-0...83...100		3A021-4321-0...105...010		3A121-4122-2...81...040		3A275-8015-0...80...090	
3A011-3145-0...86...010		3A021-4322-0...105...020		3A121-4123-0...81...100		3A275-8257-2...119...010	
3A011-3288-3...84...020		3A021-4333-0...103...120		3A121-4124-0...81...010		3A275-8283-3...119...080	
3A011-3291-0...90...010		3A021-4335-0...104...030		3A121-4125-3...66...010		3A275-8500-4...146...050	
3A011-3293-0...90...070		3A021-4337-0...104...020		3A121-4127-0...81...020		3A275-9110-0...129...060	
3A011-3294-0...84...010		3A021-4361-0...105...030		3A121-4314-0...103...060		3A275-9111-0...129...070	
3A011-3296-0...84...060		3A021-4402-0...105...130		3A121-6298-0...110...080		3A275-9166-0...128...070	
3A011-3306-0...90...120			106...030	3A151-2831-0...73...060		3A276-9832-0...154...025	
3A011-3475-0...73...140		3A021-4403-0...105...130			73...200	3A276-9834-0...155...160	
3A011-3482-0...73...150			106...030	3A151-7510-0...52...060		3A276-9856-0...155...110	
3A011-3486-0...73...180		3A021-4404-0...105...130		3A151-8201-2...125...130		3A294-9823-0...155...050	
3A011-4811-4...65...010			106...030	3A151-8249-0...126...160		3A481-0446-0...39...010	
	65...050	3A021-4405-0...105...130		3A152-2359-0...89...060		3A481-9853-0...154...140	
3A011-4841-0...93...020			106...030	3A211-2141-0...64...010		3A651-2133-0...118...145	
	94...020	3A021-4406-0...105...130		3A211-2151-0...64...100		3A751-2163-2...61...120	

**SỐ THỨ TỰ DANH MỤC
NUMERICAL INDEX**

MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.
3A751-5578-0...144...150		3C081-8356-3...141...020		3C301-2785-0...88...160		3C301-8353-0...140...050	
3C001-0405-0...38...010		3C081-8357-2...141...030		3C301-2806-0...71...010		3C301-8359-4...140...030	
3C001-0407-0...38...040		3C081-8368-3...135...020		3C301-2810-0...72...010		3C301-8372-0...140...060	
3C001-1212-0...29...140		3C081-8369-2...135...030		3C301-2816-0...73...010		3C301-8373-0...140...070	
3C001-1243-4...29...190		3C081-8379-0...136...020		3C301-2820-0...70...010		3C301-8379-0...136...030	
3C001-1710-0...44...010		3C081-8381-0...136...040		3C301-2822-0...71...050		3C301-8388-0...136...060	
3C001-1711-0...44...020		3C081-8451-3...56...100		3C301-2823-0...71...040		3C301-8389-0...136...065	
3C001-1713-0...44...015		3C081-8452-3...56...110		3C301-2826-3...72...160		3C301-8401-3...34...080	
3C001-2635-0...68...020		3C081-8453-3...56...080		3C301-2829-0...73...050		3C301-8501-0...146...060	
3C001-6257-0...107...110		3C081-8454-3...56...090		3C301-2834-0...70...060		3C301-8515-0...146...010	
3C001-6258-2...107...120		3C081-8455-3...56...120		3C301-2835-0...70...065		3C301-8706-2...144...010	
3C001-6307-2...108...010		3C081-8456-0...56...130		3C301-2837-0...73...100		3C301-8707-0...144...020	
	109...010	3C081-8727-3...58...020		3C301-2914-0...82...020		3C301-8716-0...144...140	
3C001-7233-4...44...030		3C081-8746-2...142...030		3C301-2916-0...82...060		3C301-8731-0...145...010	
3C001-7504-0...53...040		3C081-8747-2...142...040		3C301-2921-0...82...010		3C301-8738-0...144...090	
3C001-8241-0...118...020		3C081-9818-0...154...100		3C301-2922-0...82...050		3C301-8739-0...144...100	
3C001-8330-0...134...020		3C081-9832-0...154...120		3C301-2926-0...83...040		3C301-8740-0...144...120	
3C001-8701-5...142...010		3C081-9841-0...155...030		3C301-2936-0...85...010		3C301-8753-3...143...060	
3C045-8230-0...121...020		3C091-4303-0...103...040		3C301-3028-0...71...030		3C301-8757-3...143...130	
3C055-9183-0...129...180		3C091-7568-2...55...020		3C301-3123-0...73...190		3C301-9896-0...155...040	
3C081-1720-0...44...060		3C093-7501-0...53...030		3C301-3132-0...83...010		3C305-1180-0...146...150	
3C081-1729-0...44...050		3C254-8702-2...142...020		3C301-3211-0...75...160		3C311-2110-0...61...010	
3C081-1741-0...44...070		3C254-8728-2...58...030		3C301-3212-0...75...180		3C311-2171-2...98...010	
3C081-2163-0...118...240		3C294-8235-2...125...010		3C301-3299-0...90...100		3C311-4132-0...100...010	
3C081-2736-0...79...040		3C294-8937-0...132...120		3C301-3312-0...89...140		3C311-4134-0...100...060	
3C081-2779-0...88...010		3C301-0411-0...36...010			90...090	3C311-4135-0...100...070	
3C081-2786-2...88...180		3C301-0412-0...36...090		3C301-3420-0...73...125		3C311-4153-0...89...090	
3C081-2941-0...79...070		3C301-0415-2...36...080		3C301-3422-0...73...130		3C311-4155-0...89...150	
3C081-6333-0...50...100		3C301-0422-0...36...100		3C301-3432-0...71...120		3C311-4156-0...89...110	
3C081-6518-0...93...050		3C301-0423-0...37...050		3C301-6215-0...107...030		3C311-4310-0...103...010	
3C081-6518-0...94...050		3C301-0432-0...37...020		3C301-6322-5...141...080		3C311-4312-0...103...020	
3C081-7522-2...54...050		3C301-0433-0...37...030		3C301-6323-2...116...010		3C311-8274-0...115...080	
3C081-7531-0...52...020		3C301-0434-0...37...040		3C301-6339-0...107...150		3C311-9865-0...155...060	
3C081-7575-2...57...060		3C301-0437-0...36...060		3C301-7515-0...53...020		3C315-0448-0...38...080	
3C081-7576-2...57...120		3C301-0452-4...37...100		3C301-7530-0...52...010		3C315-0451-0...37...010	
3C081-7577-0...57...050		3C301-0461-0...140...010		3C301-7560-0...55...010		3C315-0471-2...38...110	
	57...110	3C301-0462-3...140...020		3C301-8111-0...123...010		3C315-1211-0...29...010	
3C081-7578-0...57...040		3C301-1022-0...33...010		3C301-8115-0...124...010		3C315-1213-0...29...040	
	57...100	3C301-1023-2...33...090		3C301-8125-0...123...040		3C315-1219-0...29...090	
3C081-7579-0...57...030		3C301-1075-2...34...020		3C301-8126-0...123...070		3C315-1220-0...29...120	
3C081-7579-0...57...090		3C301-1726-0...44...120		3C301-8129-0...121...040		3C315-1227-0...148...030	
3C081-7581-0...57...020		3C301-1736-0...44...090		3C301-8131-0...124...080		3C315-1228-0...148...170	
	57...080	3C301-1745-0...43...090		3C301-8146-0...122...050		3C315-1245-0...29...200	
3C081-7583-0...56...050		3C301-1746-2...43...070		3C301-8147-2...122...060		3C315-1910-0...26...010	
3C081-7587-0...58...100		3C301-1935-0...26...030		3C301-8148-2...122...020			27...010
3C081-7588-0...58...040		3C301-2125-0...61...180		3C301-8165-0...120...060		3C315-2173-0...50...080	
3C081-7590-0...58...070		3C301-2129-0...61...210		3C301-8169-0...124...040		3C315-2465-0...62...080	
3C081-7591-0...58...060		3C301-2131-5...63...010		3C301-8212-4...118...010		3C315-2780-0...88...070	
	58...090	3C301-2461-0...62...010		3C301-8220-0...112...010		3C315-2783-0...88...130	
3C081-7592-0...58...050		3C301-2561-2...76...010			113...010	3C315-2827-0...72...150	
3C081-7592-0...58...080		3C301-2610-0...69...110		3C301-8233-0...121...010		3C315-2996-0...86...230	
3C081-7593-0...58...065		3C301-2700-0...77...010		3C301-8243-0...126...010		3C315-3220-0...75...010	
	58...095		78...010	3C301-8248-0...126...130		3C315-3271-0...75...020	
3C081-8124-0...121...100		3C301-2711-0...78...020		3C301-8250-0...120...010		3C315-4230-0...102...010	
3C081-8144-2...122...030		3C301-2717-0...78...200		3C301-8271-0...114...070		3C315-4341-0...104...200	
3C081-8294-0...125...030		3C301-2725-0...79...010		3C301-8299-0...121...080		3C315-4362-0...106...090	
3C081-8325-3...134...030		3C301-2734-0...78...170		3C301-8331-0...137...050		3C315-4363-0...104...070	
3C081-8329-2...134...010		3C301-2740-0...79...080		3C301-8332-0...137...010		3C315-4364-0...104...060	
3C081-8346-5...56...070		3C301-2760-0...116...040		3C301-8333-0...137...020		3C315-4371-0...106...010	
3C081-8355-2...141...010		3C301-2774-0...88...030		3C301-8337-5...139...010		3C315-4372-0...106...040	

**SỐ THỨ TỰ DANH MỤC
NUMERICAL INDEX**

MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG SÓ THAM KHẢO PAGE REF.No.
3C315-4846-0...93...030		3G700-4310-0...102...040		67711-1492-0...103...050			
3C315-4847-0...94...030		3G700-4352-0...104...160		67810-3837-0...118...120			
3C315-4920-0...148...010		3G700-4836-0...91...100		67950-5339-0...144...070			
3C315-4942-0...148...020		92...100		68011-6214-0...125...140			
3C315-4943-0...148...160		3G700-8218-0...119...180		68111-4238-0...45...060			
3C315-6320-2...107...010		3G704-1739-0...45...090		68811-1366-0...70...040			
3C315-6401-0...110...150		3G705-8241-0...118...030		68841-6258-0...118...070			
3C315-7408-0...59...190		3G710-7114-0...54...020		69191-6595-0...98...040			
3C315-7651-2...54...060		54...070		6A320-4217-0...119...190			
3C315-7721-5...59...010		59...170		6A320-4275-0...52...080			
3C315-7721-5...60...010		3H770-9919-0...99...040		6A900-3825-0...89...180			
3C315-7723-3...59...120		3M940-4966-0...86...110		6C040-4239-0...146...110			
3C315-7737-0...59...020		86...140		6C090-4958-0...154...030			
3C315-8238-0...125...100		86...170		6C090-5896-0...2...060			
3C315-8284-0...119...060		3N340-9151-0...58...110		32...040			
3C315-8297-0...126...070		3N340-9152-0...58...120		76550-3414-0...71...020			
3C315-8300-2...135...010		3N340-9153-0...58...130		7A245-5963-0...88...170			
3C315-8338-0...139...030		3N600-7523-0...54...030		7J292-5845-2...154...060			
3C315-8932-0...132...010		3P999-0041-0...109...040					
3C315-8933-0...132...050		3P999-0042-0...109...020					
3C315-8934-0...132...055		3P999-0043-0...109...130					
3C315-9112-0...129...050		3R999-0006-0...113...020					
3C315-9162-0...128...015		41274-9567-0...86...120					
3C315-9170-0...128...010		86...150					
3C315-9423-0...122...010		86...190					
3C315-9426-0...122...110		44366-4253-0...123...050					
3C315-9500-2...147...005		45404-9577-0...86...040					
3C315-9820-0...154...070		50080-3411-0...33...140					
3C315-9828-0...154...160		34...050					
3C315-9844-0...155...150		84...050					
3C315-9845-0...155...090		52200-4121-2...53...010					
3C315-9971-0...156...010		52300-3413-0...89...130					
3C315-9978-0...156...130		90...140					
3C341-2781-2...88...080		95...140					
3C341-3204-0...75...030		53581-6415-0...35...040					
3C341-8239-0...125...060		38...140					
3C451-0429-2...36...020		54721-3185-0...86...020					
3C451-1016-5...33...120		56713-2813-0...117...030					
3C501-1717-5...136...010		58056-5117-0...147...060					
3C754-7513-0...59...135		58511-2812-0...86...180					
3F264-8030-0...80...140		59700-2614-0...27...050					
3F740-2525-0...67...070		59800-2611-0...27...030					
3F740-2845-0...72...120		5H050-4162-0...59...035					
3F740-8205-0...125...120		5H050-4169-0...59...050					
3F740-8242-0...126...080		62151-4241-2...133...060					
3F740-8243-0...126...090		62231-1853-0...83...080					
3F750-1116-0...27...040		66436-6402-0...47...090					
3F750-2827-0...99...140		66436-6404-0...47...050					
3F999-0122-2...80...120		66591-1843-0...85...040					
3F999-0262-0...109...120		66591-4241-0...124...090					
3G400-4939-0...149...320		66592-3519-0...130...100					
156...040		131...030					
3G700-2737-2...77...030		66704-5825-0...43...110					
3G700-3274-2...75...120		66706-6538-0...96...020					
3G700-3276-2...75...120		67148-5118-0...118...260					
3G700-3278-2...75...120		67211-1516-0...103...070					
3G700-3279-2...75...120		67211-1517-0...103...070					
3G700-3280-2...75...120		67211-1518-0...103...070					
3G700-3281-0...75...090		67311-1452-0...81...110					
3G700-4164-0...99...060		67311-1498-0...103...100					